



BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH
Địa chỉ: Km6 Quốc lộ 10 Xã Liên Bảo - Huyện Vụ Bản
Tỉnh Nam Định

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NĂM 2021

Nam Định, tháng 08 năm 2021

NỘI DUNG CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

CÁC TỪ VIẾT TẮT	11
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP.....	12
1. Thông tin chung về cơ sở GDNN.....	12
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở GDNN	12
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở GDNN	15
3.1. Cơ cấu tổ chức	15
3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường.....	16
3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên của nhà trường: 160 (Tính đến 01 tháng 7 năm 2021)	18
4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường	18
4.1. Các nghề đào tạo.....	18
4.2. Số lượng học sinh, sinh viên (số liệu 3 năm trước năm kiểm định)	20
5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính.....	21
5.1: Cơ sở vật chất:	21
5.2. Thư viện:	23
5.3. Tài chính:	23
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHỀ	24
1. Đặt vấn đề.....	24
2. Tổng quan chung	25
2.1. Căn cứ tự đánh giá	25
2.2. Mục đích tự đánh giá	25
2.3. Yêu cầu tự đánh giá	26
2.4. Phương pháp tự đánh giá	26
2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá	27
3. Tự đánh giá	27
3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá.....	27
3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn.....	38
3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	38
Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và Sứ mạng của trường cao đẳng được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	40

Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp	42
Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	45
Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.....	47
Tiêu chuẩn 1.5 : Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.....	50
Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả	53
Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	56
Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	57
Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	59
Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường	62
Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	65
Tiêu chuẩn 1.12 : Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được hưởng thụ; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	67
3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo.....	70
Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	74
Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định... ..	75
Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	75
Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.....	77
Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.....	78

Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.....	78
Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	80
Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm	81
Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học	82
Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.....	83
Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.....	84
Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	85
Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.....	86
Tiêu chuẩn 2.14. Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	87
Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	89
Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định	90
Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	92
3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	94
Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	96
Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	98
Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.....	104

Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	106
Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	108
Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	110
Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	112
Tiêu chuẩn 3.8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	113
Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	115
Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	117
Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	118
Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	120
Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	121
Tiêu chuẩn 3.14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	123
Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	124
3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.....	125
Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	129
Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	129
Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của Trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	130

Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	131
Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động	132
Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ GDNN với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	133
Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh đối với chương trình đào tạo đã ban hành	134
Tiêu chuẩn 4.8: Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài	135
Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, Trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học. ...	136
Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo	137
Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	138
Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	139
Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực	140
Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	141
Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định	142
3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.....	143
Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại, thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	146
Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	148
Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: Khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành,	

phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.....	150
Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định	152
Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	154
Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.....	156
Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.....	157
Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	158
Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.....	159
Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	160
Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.....	162
Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng	163
Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.....	165
Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.....	166
Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo	

của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo 167

3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế. 168

Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia NCKH, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo. 169

Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng) 171

Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế. 172

Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn. 174

Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế: các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường. 175

3.2.7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính 176

Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai. 178

Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, tham gia sản xuất kinh doanh dịch vụ đúng theo quy định 182

Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường 184

Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định... 187

Tiêu chuẩn 7.5. Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán, thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định 191

Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường 194

3.2.8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học 196

Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định. 198

Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định 200

Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	201
Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.....	202
Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	204
Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn thực phẩm.	205
Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ TDTT, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường....	206
Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.....	207
Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	210
3.2.9. Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng.....	210
Tiêu chuẩn 9.1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.....	212
Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	213
Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	214
Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và đánh giá chất lượng theo quy định.	215
Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	216
Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỉ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.....	217
PHẦN III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CỦA TRƯỜNG THEO ĐỊNH HƯỚNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CHẤT LƯỢNG CAO	222
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	223
1. Đề xuất.....	223
2. Kiến nghị	224
PHỤ LỤC	225

1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng GDNN trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2021	225
2. Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2021	227
3. Bảng mã minh chứng	232

CÁC TỪ VIẾT TẮT

ANNT:	An ninh trật tự
CĐCNNĐ:	Cao đẳng Công nghiệp Nam Định
CCVC:	Công chức, viên chức
GD&ĐT:	Giáo dục và Đào tạo
GDNN:	Giáo dục nghề nghiệp
GDTX:	Giáo dục thường xuyên
HSSV:	Học sinh, sinh viên
NCKH:	Nghiên cứu khoa học
LĐTĐBXH:	Lao động Thương binh và Xã hội
TĐTT:	Thể dục thể thao
XDCB:	Xây dựng cơ bản
QLKH&ĐBCL:	Quản lý Khoa học & Đảm bảo chất lượng
HTĐT&QHĐN:	Hợp tác đào tạo & Quan hệ doanh nghiệp

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Thông tin chung về cơ sở GDNN

Tên trường: Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định

Tên Tiếng Anh: Nam Dinh Industrial College

Cơ quan chủ quản: Bộ Công thương

Địa chỉ trường: Km6, Quốc lộ 10 xã Liên Bảo huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định

Thông tin liên hệ:

Điện thoại: 0228.3849581; Fax: 0228.3843051

Email: cnd@cnd.edu.vn; Website: www.cnd.edu.vn

Năm thành lập trường:

+ Năm thành lập đầu tiên: 1956

+ Năm nâng cấp thành trường cao đẳng: 2005

Loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Công lập

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở GDNN

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định - Bộ Công Thương tiền thân là trường Trung cấp Kỹ thuật III Nam Định được thành lập từ năm 1956. Từ năm 1956 đến tháng 7/1965 trường có trụ sở tại 353 Trần Hưng Đạo - Thành phố Nam Định. Tháng 7/1965, Trường được Bộ Công nghiệp nhẹ tách thành ba trường trong đó có trường Trung học Kỹ thuật công nghiệp nhẹ, do đế quốc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc Trường sơ tán lên Yên Dũng - Hà Bắc nay là tỉnh Bắc Giang. Tháng 9/1967, Trường đổi tên thành Trường Trung học Cơ khí Vật dụng. Tháng 12/1990, Trường lại chuyển về xã Liên Bảo huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định và mang tên trường Kỹ nghệ Thực hành Công nghiệp nhẹ Nam Định. Tháng 6/1997, Trường đổi tên thành Trường Trung học Công nghiệp II. Tháng 3/2005, Trường được Bộ trưởng Bộ GD&ĐT phê duyệt thành lập Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định.

Trải qua 65 năm xây dựng và trưởng thành cùng tiến trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, theo từng giai đoạn lịch sử của dân tộc. Trường Cao đẳng CNND đã có nhiều thay

đổi và không ngừng phát triển, là một trường có những ngành nghề đáp ứng nhu cầu của xã hội phục vụ cho công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước trong xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu, đặc biệt là đào tạo người lao động có trí tuệ, có đạo đức và có tay nghề cao đáp ứng nguồn nhân lực cho xã hội. Các thế hệ cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên nhà trường đã và đang có nhiều đóng góp cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc cũng như sự phát triển của nền giáo dục nước nhà.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, nhà trường không ngừng đầu tư CSVC, trang thiết bị dạy học hiện đại, đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm phát huy năng lực học tập, nghiên cứu của học sinh sinh viên, nâng cao chất lượng đào tạo. Hiện nay, nhà trường đào tạo 42 ngành nghề trong đó có 05 ngành nghề trọng điểm bậc đào tạo Cao đẳng cấp độ Quốc tế, khu vực và Quốc gia, bậc đào tạo Cao đẳng 29 ngành, nghề, bậc đào tạo trung cấp 21 ngành, nghề và bậc sơ cấp 10 ngành, nghề. Tính đến thời điểm 01 tháng 7 năm 2021, tổng số CB- GV là 160 (Nam 78, Nữ 82), đội ngũ giảng viên nhà trường có 130 người (Nam 67, Nữ 63). Trình độ: Tiến sĩ 6, Thạc sĩ là 81, Đại học là 43. Nhà trường đẩy mạnh hợp tác liên kết đào tạo với nhiều trường Đại học, Cao đẳng trong nước và nước ngoài (Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan...); hợp tác với hàng trăm doanh nghiệp trong nước, tạo môi trường tốt cho HSSV thực tập, tìm kiếm việc làm khi ra trường. Đến nay trường đã đào tạo hơn 80.000 cử nhân Cao đẳng, cán bộ kỹ thuật viên Trung cấp, công nhân kỹ thuật lành nghề, công nhân kỹ thuật bậc cao, ở khắp các doanh nghiệp thuộc Bộ Công thương và các thành phần kinh tế khác trong cả nước.

Từ khi thành lập đến nay, Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định lập được nhiều thành tích khen thưởng và thi đua trong quá trình hoạt động và phát triển; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao và đạt được nhiều kết quả nhất định, dưới đây là những kết quả nổi bật, tiêu biểu nhất của nhà trường:

Về khen thưởng:

Huân chương Lao động hạng Ba (1960)

Huân chương Kháng chiến hạng Nhì (1971)

Huân chương Lao động hạng Ba (1984)

Huân chương Lao động hạng Ba (1990)

Huân chương Lao động hạng Nhì (1993)

Huân chương Lao động hạng Nhất (1996)

Huân chương Độc lập hạng Ba (2001)

Huân chương Độc lập hạng Hai (2006)

Huân chương Độc lập hạng Nhất (2011)

Huân chương Lao động hạng Nhất (2016)

Cờ thi đua Bộ Công Thương (Năm học 2017 - 2018)

Danh hiệu tập thể Lao Động Xuất sắc (Năm học 2017 - 2018)

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2018)

12 cá nhân được Chủ tịch nước phong tặng nhà giáo ưu tú

01 cá nhân được chủ tịch nước phong tặng nhà giáo nhân dân

07 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba

187 đồng chí cán bộ giảng viên được tặng thưởng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp giáo dục"

179 đồng chí được tặng thưởng Huy chương "Vì sự phát triển Việt Nam".

Các thành tích nổi bật

- Hội thi Giáo viên dạy giỏi các cấp:

Năm học 2019-2020 Nhà trường đã cử 02 thầy, cô tham gia hội thi giáo viên GDNN do Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Nam Định tổ chức với kết quả cả hai thầy, cô đạt giải khuyến khích

- Hội thi tay nghề giỏi các cấp:

Hội thi tay nghề giỏi cấp Bộ: Năm học 2018-2019 nhà trường đã lựa chọn và cử 06 học sinh tham gia học sinh giỏi cấp Bộ Công thương tổ chức với kết quả 01 em đạt giải nhì, 01 em đạt giải ba và 03 em đạt giải khuyến khích

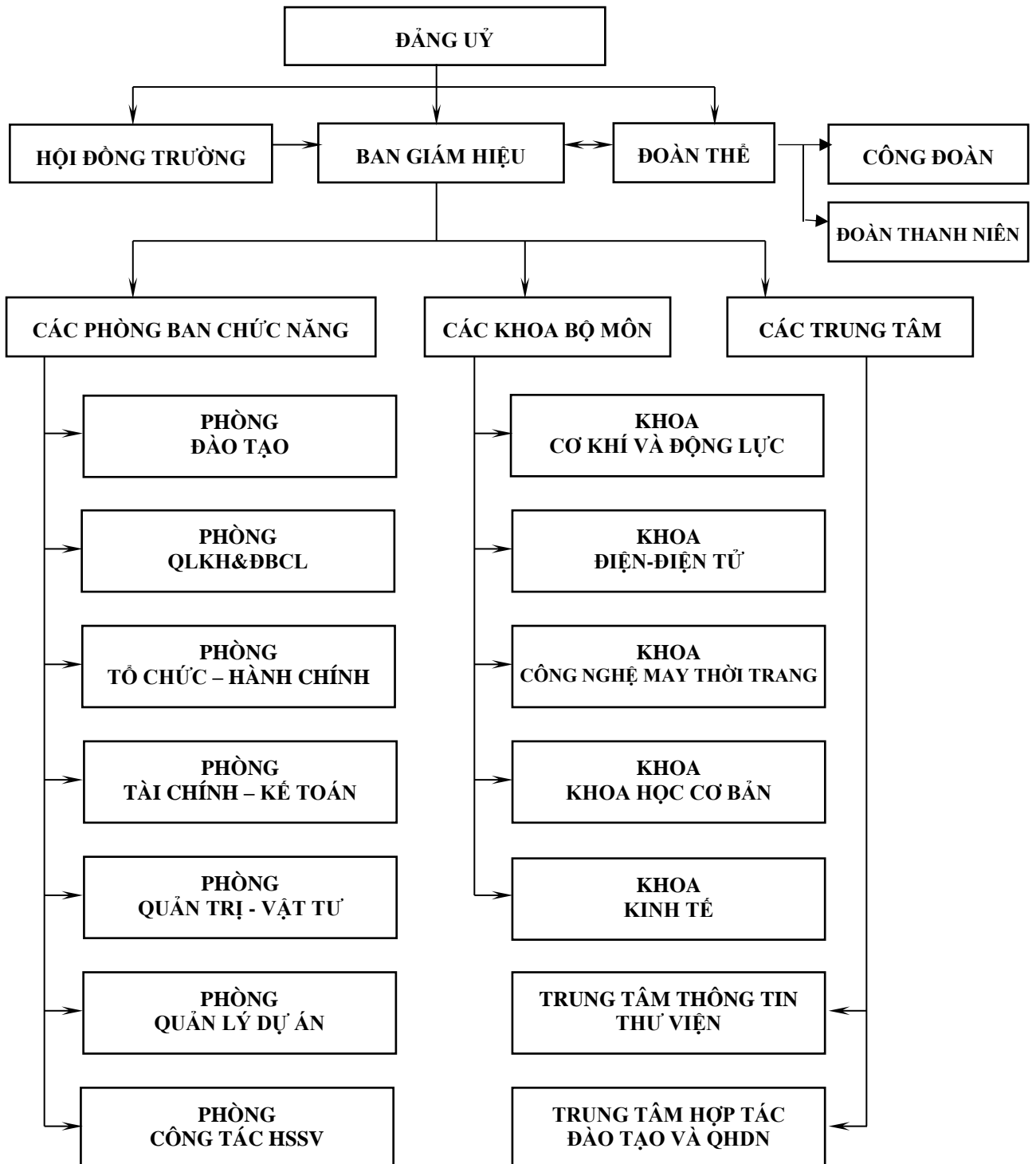
- Hội thi thiết bị đào tạo tự làm các cấp:

Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh năm 2019 do Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Nam Định tổ chức: "Bộ thiết bị đào tạo đo lường và cảm biến ghép nối với máy tính" với kết quả đã được Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Nam Định lựa chọn đi tham gia hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc do Tổng cục GDNN tổ chức cuối năm 2019 và đạt giải khuyến khích

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở GDNN

3.1. Cơ cấu tổ chức

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ TRƯỜNG



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường

TT	Đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chức vụ	Điện thoại Email
1. Hội đồng trường					
		Dương Tử Bình	Tiến sĩ	Chủ tịch	0917761222 binhdtu@cnd.edu.vn
2. Giám hiệu					
		Nguyễn Duy Phấn	Tiến sĩ	Hiệu trưởng	0983703936 ndphan@cnd.edu.vn
		Bùi Tiến Dũng	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng	btdung@cnd.edu.vn
3. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên					
a	Đảng	Dương Tử Bình	Tiến sĩ	Bí thư	0917761222 binhdtu@cnd.edu.vn
b	Công đoàn	Nguyễn Khả Toàn	Thạc sĩ	Chủ tịch	095382772 nktoan@cnd.edu.vn
		Nguyễn Thị Thúy Nga	Cử nhân	Phó Chủ tịch	0947138798 nttnga@cnd.edu.vn
c	Đoàn thanh niên	Nguyễn Thị Hồng Minh	Thạc sĩ	Bí thư	0916101439 nthminh@cnd.edu.vn
3. Các phòng					
a	Phòng đào tạo	Nguyễn Thị Lan	Thạc sĩ	Phó Trưởng phòng	0915606043 ntlan@cnd.edu.vn
b	Phòng Tổ chức hành chính	Doãn Minh Toàn	Thạc sĩ	Trưởng phòng	0912283487 dmtoan@cnd.edu.vn
c	Phòng Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Thúy Nga	Cử nhân	Kế toán trưởng	0947138798 nttnga@cnd.edu.vn
d	Phòng QLKH&ĐBCL	Hoàng Văn Chính	Thạc sĩ	Trưởng phòng	0912842032 hvchinh@cnd.edu.vn
e	Phòng Quản lý dự án	Trần Thị Thắm	Thạc sĩ	Phó Trưởng phòng	0973237349 tttham86@cnd.edu.vn

TT	Đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chức vụ	Điện thoại Email
f	Phòng Công tác HSSV	Nguyễn Thị Hồng Minh	Thạc sĩ	Trưởng phòng	0916101439 nthminh@cnd.edu.vn
g	Phòng Quản trị - Vật tư	Lê Sơn Hải	Thạc sĩ	Trưởng phòng	0915767486 lshai@cnd.edu.vn
4. Các khoa, trung tâm					
a	Khoa Cơ khí Động lực	Bùi Huy Tường	Thạc sĩ	Phó Trưởng khoa	0912836667 bhtuong@cnd.edu.vn
b	Khoa Điện - Điện tử	Phạm Hồng Phong	Thạc sĩ	Trưởng khoa	0914413438 phphong@cnd.edu.vn
		Phạm Tuấn Diệu	Thạc sĩ	Phó Trưởng khoa	0983660207 ptdieu@cnd.edu.vn
c	Khoa Công nghệ may thời trang	Nguyễn Thị Hồng Châm	Thạc sĩ	Trưởng khoa	0977099167 nthcham@cnd.edu.vn
		Trần Thị Thanh Thùy	Thạc sĩ	Phó Trưởng khoa	0912350816 ttthuy@cnd.edu.vn
d	Khoa Công nghệ thông tin	Trần Thị Thúy	Thạc sĩ	Trưởng khoa	0904307780 ttthuy@cnd.edu.vn
e	Khoa Kinh tế	Nguyễn Thị Thu Hiền	Thạc sĩ	Trưởng khoa	0903974368 ntthien@cnd.edu.vn
f	Khoa Khoa học cơ bản	Vũ Cao Hán	Thạc sĩ	Phó Trưởng khoa	0912524228 vchan@cnd.edu.vn
g	Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp	Phạm Khắc Chiến	Thạc sĩ	Phó Giám đốc TT	0983050776 pkchien@cnd.edu.vn
h	Trung tâm Tuyển sinh Thông tin - Thư viện	Vũ Văn Minh	Thạc sĩ	Giám đốc trung tâm	03503502525 vvminh@cnd.edu.vn

3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên của nhà trường: 160 (Tính đến 01 tháng 7 năm 2021)

- Tổng nhân sự của Trường: 160 người (Bao gồm cả cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức)

- Nam: 78

- Nữ: 82

- Tổng số giáo viên: 130 trong đó:

- Nam: 67

- Nữ: 63

- Cơ hữu: 130

- Thỉnh giảng: 0

Trình độ đào tạo	Tổng số
Tiến sĩ	06
Thạc sĩ	81
Đại học	43
Cao đẳng, Trung cấp	0
Trình độ khác	0
Tổng số	130

4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường

4.1. Các nghề đào tạo

Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã được cấp Số 09b/2017/GCNĐKBS-TCĐN, Số 74 và 74b/2020/GCNĐKBS-TCGDNN.

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo/ quy mô tuyển sinh/ năm		
		Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
1	Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy	25	20	
2	Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt	30	90	
3	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	90		
4	Công nghệ KT điều khiển và tự động hóa	30		
5	Công nghệ Ô tô (nghề trọng điểm QG)	90	20	60
6	Công nghệ kỹ thuật môi trường	30		
7	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	30		

8	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử	50	30	
9	Công nghệ Kỹ thuật Cơ Điện tử	30		
10	Điện tử Công nghiệp	25	20	
11	Điện công nghiệp (nghề trọng điểm ASEAN)	50	20	20
12	Nguội sửa chữa máy công cụ	20		
13	Nguội lắp ráp cơ khí	25	20	
14	Cắt gọt kim loại (nghề trọng điểm ASEAN)	25	20	20
15	Hàn	25	20	60
16	Quản trị kinh doanh	20		
17	Tài chính - Ngân hàng	20		
18	Kế toán doanh nghiệp	50	120	20
19	Kế toán	40		
20	KT sửa chữa, lắp ráp máy tính	25	20	
21	Truyền thông và mạng máy tính	30		
22	Công nghệ thông tin	30		
23	Tin học ứng dụng	20		
24	Lập trình máy tính	20		
25	Quản trị cơ sở dữ liệu	20		
26	Quản trị mạng máy tính	20		
27	Công nghệ May	20		
28	May thời trang (nghề trọng điểm QG)	50	180	
29	Thiết kế thời trang (nghề trọng điểm QT)	50		
30	Điện tử Công nghiệp và dân dụng		30	
31	Điện công nghiệp và dân dụng		70	
32	Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ		20	
33	Kinh doanh thương mại và dịch vụ		100	
34	Quản lý bán hàng Siêu thị		30	
35	Kế toán hành chính sự nghiệp		30	
36	Tin học văn phòng		145	
37	Sửa chữa thiết bị may		105	50
38	Công nghệ may và thời trang		165	

39	Thiết kế đồ họa			20
40	May công nghiệp			190
41	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí			60
42	Điện dân dụng			60
Tổng		990	1335	560

4.2. Số lượng học sinh, sinh viên (số liệu 3 năm trước năm kiểm định)

Trình độ đào tạo	2018	2019	2020
1. Cao đẳng	183	151	220
Cắt gọt kim loại	20	10	9
Công nghệ Ô tô	16	27	44
Điện Công nghiệp	25	31	30
Công nghệ kỹ thuật nhiệt	13	0	14
Kế toán	6	6	16
May thời trang	76	31	35
Công nghệ thông tin	0	0	11
Thiết kế thời trang	9	18	9
Liên thông TC-CD. Cắt gọt kim loại	1	0	3
Liên thông TC-CD. Công nghệ Ô tô	0	0	3
Liên thông TC-CD. Điện công nghiệp	0	4	17
Liên thông TC-CD. Công nghệ kỹ thuật nhiệt	0	0	14
Liên thông TC-CD. Kế toán	4	18	4
Liên thông TC-CD. May thời trang	13	6	11
2. Trung cấp	741	595	603
TCCN(9).Cắt gọt kim loại	0	6	8
TCCN(9). Công nghệ Ô tô	0	15	24
TCCN(9).Sửa chữa thiết bị may	116	50	37
TCCN(9).Điện công nghiệp và dân dụng	77	0	44
TCCN(9).Điện công nghiệp	63	100	72
TCCN(9).Công nghệ kỹ thuật nhiệt	102	98	59
TCCN(9).Kế toán doanh nghiệp	21	20	35

TCCN(9).Công nghệ may và thời trang	91	75	42
TCCN(9).May thời trang	198	177	224
TCCN(9).Tin học văn phòng	73	54	58
3. Sơ cấp	15	16	9
Sửa chữa thiết bị may	11	11	3
Cắt gọt kim loại	3	1	1
Điện Ô tô	1	0	0
Điện công nghiệp	0	2	3
Công nghệ may	0	1	0
Hàn	0	1	0
Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	0	0	1
Kế toán doanh nghiệp	0	0	1
Tổng cộng	1021	762	832

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1: Cơ sở vật chất:

- Trụ sở nhà trường tại địa chỉ Km6 Quốc lộ 10 (Cầu Giành) - Xã Liên Bảo, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định.

- *Diện tích đất:* Tổng diện tích đất sử dụng: 183.509 m² (trong đó đất xây dựng công trình là 43.640,09 m², đất dự trữ phát triển là 139.868,1 m²)

- *Diện tích hạng mục và công trình*

TT	Hạng mục	Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng	Tổng diện tích sàn (m ²)
I	Tổng diện tích mặt bằng trường	183.519		183.519
II	Tổng diện tích công trình xây dựng	43.640,09		59.070,01
1	Nhà Hiệu bộ	920,83	6	5.525,00
2	Nhà A học lý thuyết	1.470,00	5	7.350,00
3	Nhà B Thư viện	451,00	2	902,00
4	Nhà tin học - phòng truyền thống	142,25	2	284,50
5	Nhà lớp học 3 tầng (Nhà C)	386,33	3	1.159,00

6	Nhà học thực hành (Nhà D)	300,67	3	902,00
7	Nhà câu lạc bộ	80,00	1	80,00
8	Nhà E học thực hành	203,00	1	203,00
9	Nhà làm việc các ngành	166,50	1	166,50
10	Nhà Giáo dục thể chất (Nhà F)	1.200,00	1	1.200,00
11	Nhà xưởng Diezel	490,00	1	490,00
12	Nhà xưởng Cơ khí (Nhà xưởng X1)	589,70	1	589,70
13	Nhà xưởng Cơ khí (Nhà xưởng X2)	567,10	1	567,10
14	Nhà xưởng TH Điện- Điện tử (Nhà xưởng X3)	886,30	1	886,30
15	Nhà Xưởng thực hành Cơ khí	700,00	2	1.400,00
16	Nhà Xưởng thực hành May và Thiết kế thời trang	700,00	2	1.400,00
17	Trạm Biến áp 250KVA	20,00	1	20,00
18	Trạm Biến áp 400KVA	20,00	1	20,00
19	Trạm bơm nước sạch	15,00	1	15,00
20	Nhà vận hành trạm bơm nước sạch + Bể chứa	15,00	1	15,00
21	Nhà thường trực bảo vệ 1	20,20	1	20,20
22	Nhà thường trực bảo vệ 2	66,00	1	66,00
23	Nhà Ký túc xá A1	610,50	2	1.221,00
24	Nhà Ký túc xá A2	517,50	2	1.035,00
25	Nhà ăn tập thể	297,00	2	594,00
26	Nhà Khách	153,50	2	307,00
III	Tổng diện tích sân thể thao			
1	Sân bóng chuyên, bóng rổ, cầu lông	3.222,00	1	3.222,00
2	Sân bóng đá	4.500,00	1	4.500,00
IV	Vườn cảnh			-
1	Vườn 1 hai bên nhà hiệu bộ	1.000,00	1	1.000,00
2	Vườn 2 trước nhà A	3.500,00	1	3.500,00
3	Vườn 3 trước nhà D	140,00	1	140,00

5	Khuôn viên KTX	748,00	1	748,00
V	Công trình phụ trợ khác			-
1	Bể nước ngầm - PCCC nhà hiệu bộ	79,21	1	79,21
2	Bể nước ngầm - PCCC nhà A	36,00	1	36,00
3	Bể nước - PCCC xưởng cơ khí + xưởng may	20,50	1	20,50
4	Trạm xử lý nước thải + bể khu Giảng đường hành chính	120,00	1	120,00
5	Trạm xử lý nước thải + bể khu Ký túc xá sinh viên	120,00	1	120,00
6	Bể cảnh + khuôn viên trước nhà D	140,00	1	140,00
7	Đường giao thông	19.026,00	1	19.026,00

5.2. Thư viện:

Thư viện Trường được bố trí thành 03 phòng (01 kho sách, 01 phòng đọc và mượn sách, 01 phòng xử lý tài liệu nhập kho). Thư viện có các quy định về thời gian sử dụng và mở cửa phục vụ, chế độ mượn, trả sách đối với HSSV và cán bộ, giảng viên, quy định làm thẻ thư viện riêng và dùng thẻ thư viện để mượn sách, trả sách.

Thư viện trường với diện tích 902,00 m² các phòng đọc thoáng mát tổng số 1.301 đầu sách số lượng 18.598 cuốn, 26 đầu báo và tạp chí tạo điều kiện thuận lợi cho CCVC và sinh viên, học sinh khai thác phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH.

Trong những năm qua, nguồn tài liệu của thư viện chủ yếu là do nhà trường cấp kinh phí ngoài ra có một số cuốn do HSSV biếu tặng và giảng viên được cử đi học, nghiên cứu sau đó mang tài liệu về trường đã góp phần tăng cường nguồn giáo trình, tài liệu cho thư viện.

Hằng năm nhà trường dành một lượng kinh phí nhất định đầu tư mua sách, tài liệu bổ sung cho thư viện.

5.3. Tài chính:

- Năm 2018: 35.939.526.000 đồng
- Năm 2019: 27.119.642.000 đồng
- Năm 2020: 32.135.880.000 đồng

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Đặt vấn đề

Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (GDNN) là một trong những hoạt động đảm bảo chất lượng bên ngoài cơ sở đào tạo. Quá trình kiểm định chất lượng giáo dục nhằm mục tiêu đưa ra các quyết định công nhận về mức độ tiến bộ và đảm bảo chất lượng giáo dục tại các trường cao đẳng, đại học

Kiểm định chất lượng GDNN góp phần giúp cho mỗi đơn vị trong trường không ngừng hoàn thiện về mặt chất lượng. Kiểm định chất lượng GDNN đã làm thay đổi cách nhìn nhận về trách nhiệm, chuyển từ quan điểm chỉ nhận trách nhiệm công việc trước cấp trên sang nhận trách nhiệm đảm bảo chất lượng trước một số các đối tượng rộng hơn gồm sinh viên, nhà tuyển dụng, nhà đầu tư giáo dục và nhà nước. Giá trị vật chất được tạo ra cho các đơn vị từ công tác kiểm định là một cơ sở dữ liệu tổng hợp hoàn thiện trong toàn trường, các quy trình mới được tạo lập để nâng cao hiệu quả công việc hiện tại. Các ý nghĩa khác bao gồm ý thức luôn cải thiện, khả năng tự chịu trách nhiệm và luôn nhìn nhận thực tại dưới trạng thái cập nhật.

Trong Giáo dục nghề nghiệp “Chất lượng” là vấn đề quan trọng bậc nhất quyết định đến sự tồn tại và phát triển của nhà trường. Các cơ sở đào tạo muốn khẳng định vị thế của mình trong hệ thống GDNN thì Kiểm định chất lượng là thước đo tốt nhất trong giai đoạn hiện nay để trường đánh giá khách quan toàn bộ hoạt động của nhà trường từ đó xây dựng chiến lược phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo. Vì vậy việc kiểm định và tự đánh giá chất lượng là một yêu cầu cần thiết, là một nhiệm vụ bắt buộc đòi hỏi các cơ sở GDNN phải thực hiện.

Đối với trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định, KĐCL có vai trò như là một động lực bên trong với sự hỗ trợ, khuyến khích từ bên ngoài giúp nhà trường có điều kiện đánh giá lại mình một cách toàn diện, đầy đủ thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá, nâng cao năng lực hoạt động của mình để tiến tới xây dựng nhà trường có chất lượng cao. Hay nói cách khác thông qua kiểm định chất lượng, thương hiệu, uy tín của nhà trường sẽ được xã hội biết đến và thừa nhận.

Để đáp ứng được các yêu cầu trên, trường CĐCNNĐ đã xây dựng kế hoạch rà soát, chỉnh sửa, bổ sung báo cáo tự đánh giá và kiểm định chất lượng năm 2020 nhà

trường đã xây dựng gồm 09 tiêu chí, 100 tiêu chuẩn, theo thông tư ban hành và công văn hướng dẫn. Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong tổng thể các hoạt động kiểm định chất lượng các trường cao đẳng. Trong quá trình này, Trường CĐCNĐ căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN theo hướng dẫn của Bộ LĐTBXH để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng, hiệu quả các hoạt động đào tạo, NCKH, chỉ ra những mặt mạnh và mặt yếu cần khắc phục, cải tiến, từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh các nguồn lực và thực hiện các quá trình nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra. Tự đánh giá không chỉ tạo cơ sở cho công tác đánh giá bên ngoài mà còn thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, NCKH và dịch vụ xã hội theo chức năng nhiệm vụ được giao và phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của nhà trường.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

- Về tiêu chí, tiêu chuẩn áp dụng khi triển khai tự kiểm định: thực hiện theo thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN.

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Công văn 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019 Tổng Cục trưởng Tổng cục GDNN về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với trường trung cấp, cao đẳng năm 2019.

2.2. Mục đích tự đánh giá

Nhận thấy tầm quan trọng của công tác Kiểm định chất lượng GDNN mà Bộ LĐTBXH yêu cầu, Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định đã nghiêm túc triển khai thực hiện. Đây là dịp Nhà trường tự đánh giá một cách toàn diện các hoạt động theo một bộ tiêu chí, chuẩn thống nhất. Từ kết quả tự đánh giá, toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên Nhà trường sẽ nhận thức đầy đủ hơn và khách quan hơn về mức độ chất lượng các hoạt động đạt được, cũng như phát hiện những điểm mạnh, những điểm cần cải thiện trong thời gian tới, qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường trở thành cơ sở GDNN chất lượng cao,

khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường.

Kết quả tự đánh giá lần này là cơ sở để Trường xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động nhằm mục đích cải thiện chất lượng đào tạo, chuẩn hóa và từng bước đưa chương trình đào tạo nghề của trường tiến tới gần trình độ các nước trong khu vực Asean và quốc tế.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

Thực hiện đúng các quy định của tổng cục GDNN và Bộ LĐTBXH đã ban hành.

Đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn theo số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN .

Nội dung nhất quán giữa các phần của báo cáo. Các thông tin, phân tích đánh giá cần rõ ràng, cụ thể, bám sát chức năng nhiệm vụ của đơn vị. Các nội dung đánh giá có dẫn minh chứng phù hợp để chứng minh.

Thực hiện một cách công khai, dân chủ, thu thập minh chứng từ nhiều nguồn, bằng nhiều phương pháp, đảm bảo tính trung thực, đảm bảo thời gian, kế hoạch đề ra.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng áp dụng đối với trường Trung cấp, Cao đẳng theo Thông tư 15 do Bộ trưởng Bộ LĐTBXH ban hành, và các tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo.

Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019 của Tổng Cục trưởng Tổng cục GDNN về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với trường trung cấp, cao đẳng năm 2019.

Thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, rà soát các hoạt động của trường và chọn lọc những minh chứng để chứng minh.

Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến với các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học và người sử dụng lao động.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Sử dụng bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường Cao đẳng theo Thông tư 15/2017/TT-BLĐTĐBXH để thu thập minh chứng.

Phân tích kết quả từ các minh chứng: Thư ký và các nhóm chuyên trách tổng hợp kết quả từ các minh chứng, phân loại các minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn, đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí theo quy định, lập báo cáo cho các tiêu chí.

Thư ký hội đồng tổng hợp kết quả từ các báo cáo phân tích tiêu chí, tiêu chuẩn do các đơn vị và nhóm chuyên trách cung cấp để lập dự thảo báo cáo tự đánh giá. Ban thư ký họp thông qua dự thảo báo cáo. Báo cáo sau khi được chỉnh sửa và bổ sung thông tin cần thiết, trình hội đồng tự đánh giá xem xét.

Lấy ý kiến phản biện và ý kiến bổ sung: Hội đồng tự đánh giá trình Hiệu trưởng báo cáo và gửi các đơn vị, tổ chức trong toàn trường lấy ý kiến phản biện. Ban thư ký thu thập ý kiến của các phản biện và ý kiến của Hiệu trưởng để hoàn chỉnh báo cáo tự đánh giá.

Thư ký hội đồng hoàn thành Báo cáo Tự đánh giá trình Hiệu trưởng ký và báo cáo về TCGDNN.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		
	Tổng điểm	100	96
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	12
	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào	1	Đạt

	tạo phù hợp		
	Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định	1	Đạt
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	17	16
	Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận	1	Đạt

	đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết		
	Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học	0	Không đạt
	Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu cần	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết	1	Đạt

	Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả	1	Đạt
3	Tiêu chí 3 : Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	15
	Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau	0	Không đạt

	đại học theo quy định		
	Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ	1	Đạt
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	15	15
	Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo	1	Đạt

	Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.8: Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun,	1	Đạt

	môn học trong chương trình đào tạo		
	Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định	1	Đạt
5	Tiêu chí 5 : Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	14
	Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định	1	Đạt

	Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó	0	Không đạt
	Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng	1	Đạt

	Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1	Đạt
6	Tiêu chí 6 - Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5	5
	Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng)	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường	1	Đạt
7	Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính	6	6
	Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai	1	Đạt

	Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường	1	Đạt
8	Tiêu chí 8 - Dịch vụ người học	9	8
	Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu	0	Không đạt

	câu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm		
	Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng	1	Đạt
9	Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng	6	6
	Tiêu chuẩn 9.1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp	1	Đạt

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định là cơ sở GDNN công lập trực thuộc Bộ Công thương và chịu sự quản lý nhà nước về Giáo dục là Tổng cục GDNN - Bộ Lao động Thương binh - Xã hội. Trong những năm qua, mục tiêu và sứ mạng, tầm nhìn và nhiệm vụ của trường luôn được xác định một cách rõ ràng, cụ thể được Bộ Công thương phê duyệt, công bố công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng như website, các đài phát thanh truyền hình, các ngành nghề đào tạo được xác định phù hợp với định hướng phát triển của địa phương, khu vực và nhu cầu của thị trường lao động; Hướng tới trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp hàng đầu Việt Nam, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vươn tới trình độ khu vực châu Á và Quốc tế.

*** Những điểm mạnh:**

Hệ thống văn bản quản lý được ban hành đầy đủ, thường xuyên được rà soát, điều chỉnh, cập nhật phù hợp với quy định của cấp trên và tình hình của Trường, theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị trực thuộc.

Hệ thống bảo đảm chất lượng được xây dựng, vận hành và duy trì, phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Cơ cấu tổ chức bộ máy trường tinh gọn phù hợp với nhiệm vụ chức năng, được phân công, phân cấp quản lý rõ ràng, đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, tinh thần trách nhiệm, đảm bảo hoàn thành sứ mạng mục tiêu của Trường hiện tại và tương lai, Hệ thống quản lý phân cấp, phân quyền rõ ràng.

Hệ thống văn bản làm công cụ quản lý đầy đủ, cập nhật, tạo môi trường, hành lang pháp lý cho toàn bộ hoạt động giáo dục, đào tạo trong Trường.

Đội ngũ cán bộ viên chức giàu kinh nghiệm, nhiệt tình, sáng tạo, đoàn kết, luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá được thực hiện thường xuyên, nên có tác động tốt đến toàn bộ hoạt động của Trường.

*** Những tồn tại:**

Tiếp tục rà soát bổ sung và cập nhật văn bản và quy định, quy chế phương thức hoạt động đáp ứng yêu cầu thực tế của từng đơn vị và của Nhà trường.

Tiếp tục xây dựng và phát huy hệ thống đảm bảo chất lượng.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Trong thời gian tới nhà trường sẽ tiếp tục tổ chức điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ và thực hiện thành công kế hoạch Chiến lược phát triển trường theo từng giai đoạn, dựa trên năng lực thực tế của trường và bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, đường lối phát triển kinh tế - xã hội của đất nước...

Định kỳ hàng năm, tổ chức kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chung và mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của từng giai đoạn để có biện pháp điều chỉnh kế hoạch, theo đó khái quát có hệ thống, lý luận chặt chẽ bảo đảm mọi thành viên trong trường đều hiểu để nhận thức và hành động đúng.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	12
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1

Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và Sứ mạng của trường cao đẳng được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường CĐCNĐ là một cơ sở đào tạo và NCKH thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trường được nâng cấp trên cơ sở Trường Trung học Công nghiệp II theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ký ngày 30 tháng 3 năm 2005 (*1.1.01-Quyết định của Bộ trưởng, Bộ GD & ĐT về việc thành lập Trường CĐCNĐ trên cơ sở Trường Trung học Công nghiệp II; Số 1339/QĐ-BGD&ĐT-TCCB, ngày 30/3/2005*).

Mục tiêu của Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định đã được xác định: "Xây dựng thành trường đào tạo trình độ cao, đa ngành, đa lĩnh vực; một trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Nam đồng bằng sông Hồng, với một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến trong khu vực; một địa chỉ tin cậy, hấp dẫn đối với người học, các nhà đầu tư, giới doanh nghiệp trong và ngoài nước và đủ điều kiện trở thành một trường chất lượng cao".

Sứ mạng: Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định là đơn vị sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật đa ngành, đa nghề, đa cấp trình độ, cung ứng dịch vụ sản xuất gắn với đào tạo trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, quản lý kinh tế. Là một trong những trung tâm ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Nam Định và khu vực đồng bằng Nam Sông Hồng; phục vụ cho công cuộc Công nghiệp hóa và Hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu. Mục tiêu và sứ mạng của trường được thể hiện trong: "Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2025" (*1.1.02- Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định giai đoạn 2016 – 2020 và tầm nhìn 2025*).

Mục tiêu và sứ mạng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bộ Công thương giao đó là: "Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng kỹ thuật, kinh tế gồm các chuyên ngành chủ yếu: Kỹ thuật cơ khí, kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử – viễn thông, kỹ thuật nhiệt – lạnh, kỹ thuật ô tô, công nghệ thông tin, công nghệ môi trường, kinh tế và các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật; là cơ sở nghiên cứu, triển khai khoa học – công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất – kinh doanh của ngành Công Thương

và yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội” *(1.1.03-Quyết định số 9712/QĐ-BCT ngày 19/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CĐCNĐ tạm thời số 1042a/QĐ-CĐCNĐ, ngày 17/11/2017; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CĐCNĐ số 761a/QĐ-CĐCNĐ, ngày 27/09/2019).*

Mục tiêu và sứ mạng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bộ LĐTBXH giao đó là phấn đấu trở thành trường chất lượng cao vào 2025. Cụ thể trong giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025 trường được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt 5 ngành, nghề trọng điểm gồm:

+ Nghề Cắt gọt kim loại; Thiết kế thời trang, Điện công nghiệp: Cấp độ Quốc tế

+ Nghề Công nghệ ô tô; May thời trang: Cấp độ Quốc gia

(1.1.04-Quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt ngành, nghề trọng điểm).

Mục tiêu và sứ mạng của Trường phù hợp với quyết định của Thủ tướng và nghị quyết Đảng Bộ tỉnh Nam Định. Trong Quyết định số 2341/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã chỉ rõ phương hướng phát triển ngành giáo dục - đào tạo. Cụ thể là "Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học; nâng cao trình độ giáo viên theo chuẩn quốc gia, đa dạng hóa các hình thức đào tạo để đảm bảo quyền và nghĩa vụ học tập của mọi người dân, thực hiện công bằng trong giáo dục - đào tạo, ưu tiên đào tạo một số ngành nghề đặc trưng cho phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bằng sông Hồng; nghiên cứu đầu tư khu đào tạo nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động; tiếp tục nâng cao chất lượng trung tâm giáo dục". Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nam Định nhiệm kỳ 2015-2020 cũng đã xác định nhiệm vụ chủ yếu, trong đó: "Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để phát triển nguồn nhân lực, phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề".

Những học sinh, sinh viên tốt nghiệp của Trường đã đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định và các tỉnh, thành trên cả nước, được nhiều cơ quan doanh nghiệp tuyển dụng *(1.1.05-Báo cáo Tổng hợp thông tin nhu cầu*

tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn tỉnh Nam Định các năm 2018, 2019, 2020; Báo cáo Số 125/BC-TTĐVVL - Sở LĐTB&XH, Tổng hợp thông tin nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp, tổ chức Quý I năm 2021; 1.1.06- Thông báo tuyển dụng của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020).

Nhà trường trong giai đoạn 2016-2020 đã đào tạo và cung cấp cho địa phương, ngành Công thương đội ngũ người lao động với các ngành, nghề với số lượng cụ thể như sau:

Kết quả đào tạo				
Năm	Tổng số	Cao đẳng	Trung cấp	SC và dưới 3 tháng
Năm 2016	1423	191	1232	14 SC
Năm 2017	1132	126	1006	125 DNNT
Năm 2018	1006	183	823	15 SC
Năm 2019	746	151	595	16 SC + 315 DNNT
Năm 2020	823	220	603	9 SC+ 400 DNNT

Ghi chú: SC - Sơ cấp; DNNT - Dạy nghề nông thôn.

Nhà trường đã thực hiện điều tra, khảo sát số lượng học sinh sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp với chuyên ngành, nghề đào tạo đạt tới trên 80% *(1.1.07–Báo cáo kết quả điều tra việc làm của học sinh viên sau khi tốt nghiệp; Danh sách HSSV tốt nghiệp 2018, 2019, 2020).*

Tóm lại, mục tiêu và sứ mạng của Trường phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành, được công bố công khai trên website của nhà trường *(1.1.08-Địa chỉ trang web của nhà trường: www.cnd.edu.vn).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao ngay trong Quyết định thành lập Trường và nhu

cầu lao động kỹ thuật của Vùng. Trường đã đăng ký hoạt động đào tạo với 3 cấp trình độ: Trong đó có 29 ngành, nghề thuộc hệ cao đẳng và 24 ngành, nghề thuộc hệ trung cấp. Các ngành, nghề đã được tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ LĐTBXH phê duyệt *(1.2.01–Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN)*.

Căn cứ vào nhu cầu nhân lực của địa phương và của ngành, Nhà trường đã xác định các ngành nghề đào tạo và đã được Bộ Công Thương phê duyệt. Các ngành nghề gồm có: Kỹ thuật cơ khí, kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử – viễn thông, kỹ thuật nhiệt – lạnh, kỹ thuật ô tô, công nghệ thông tin, công nghệ môi trường, kinh tế, và các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật *(1.1.03–Quyết định số 9712/QĐ-BCT ngày 19/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CDCNNĐ tạm thời số 1042a/QĐ-CDCNNĐ, ngày 17/11/2017; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CDCNNĐ số 761a/QĐ-CDCNNĐ, ngày 27/09/2019)*.

Hằng năm nhà trường tổ chức họp đánh giá công tác tuyển sinh năm qua và xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho năm học tiếp theo *(1.2.02–Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020)*.

Lãnh đạo trường và các phòng chức năng đã nghiên cứu và thực hiện quyết định của Thủ tướng và nghị quyết Tỉnh Đảng Bộ, của ngành Công thương như: Quyết định số 7040/QĐ-BCT ngày 30/12/2011 của Bộ Công Thương Phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Công Thương giai đoạn 2011 – 2020, mục tiêu cụ thể là”Tăng nhanh tỷ lệ nhân lực qua đào tạo các cấp trình độ trong lĩnh vực công nghiệp từ 78,0% năm 2010 lên mức 82% năm 2015 và đạt 92,0% vào năm 2020; lĩnh vực thương mại tăng từ 67,0% vào năm 2015 lên 80,0% năm 2015 và đạt 88,0% vào năm 2020”;”Phát triển đội ngũ nhân lực với chất lượng ngày càng cao ở mọi lĩnh vực, tập trung ưu tiên lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp cơ khí, công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng, công nghiệp khai khoáng, luyện kim, hóa chất, công nghiệp hỗ trợ, dịch vụ thương mại”. Năm 2020, số nhân lực trong lĩnh vực công nghiệp: trình độ sơ cấp nghề khoảng 5,7 triệu người, tỷ lệ 51,8% so với tổng số nhân lực qua đào tạo; bậc trung cấp khoảng 4,0 triệu người, tỷ lệ 36,4%; bậc cao đẳng khoảng 500 nghìn người, tỷ lệ 4,54%; bậc đại học và trên đại học khoảng 800 nghìn người, tỷ lệ 7,26%. Số nhân lực trong lĩnh vực thương mại được đào tạo trình độ sơ cấp nghề khoảng 2,6 triệu người,

chiếm 37,1% so với tổng số nhân lực qua đào tạo; bậc trung cấp khoảng 1,6 triệu người, tỷ lệ 22,8%; bậc cao đẳng khoảng 840 nghìn người, tỷ lệ 12,0%; bậc đại học và trên đại học khoảng 1,96 triệu người, tỷ lệ 28,0%.

Để nắm bắt được nhu cầu của thị trường lao động, việc làm cụ thể trong từng giai đoạn nhà trường đã tiến hành phân tích dựa trên thông tin nhu cầu tuyển dụng tại các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, sàn giao dịch việc làm của Tỉnh để triển khai các công tác tuyển sinh, định hướng đào tạo... Quy mô tuyển sinh của Trường 900 - 1500 HSSV; quy mô đào tạo 2000-3000, (hiện tại 1503 HSSV). Với số lượng Giáo viên 130GV/160 viên chức. Như vậy quy mô tuyển sinh, quy mô đào tạo phù hợp với nguồn lực của Trường, phù hợp với nhu cầu xã hội.

Trên cơ sở dự báo, phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của Tỉnh, ngành, quốc gia cho thấy: Sự tăng trưởng nhanh về kinh tế - xã hội đã hình thành cơ cấu lao động kỹ thuật dịch vụ đa ngành, đa lĩnh vực ngày càng được chuyên môn hóa và nhu cầu lao động qua đào tạo của đất nước, ngành, địa phương ngày càng cao, số lượng yêu cầu ngày càng lớn. Lãnh đạo Trường căn cứ vào các văn bản nhà nước, Bộ, Tỉnh về lĩnh vực đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và năng lực đào tạo của trường, để xây dựng định hướng chiến lược, mục tiêu ngắn hạn và dài hạn. Nhà trường đã triển khai nghiên cứu thị trường lao động, phân tích đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, và họp bàn về công tác tuyển sinh để xác định ngành, nghề và chỉ tiêu tuyển sinh (*1.1.05-Báo cáo Tổng hợp thông tin nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn tỉnh Nam Định các năm 2018, 2019, 2020; Báo cáo Số 125/BC-TTĐVVL - Sở LĐTĐ&XH, Tổng hợp thông tin nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp, tổ chức Quý I năm 2021*).

Kết quả tổng hợp tuyển sinh đối với từng nghề so với nhu cầu người học trong 3 năm như sau (*1.2.03-Bảng tổng hợp tuyển sinh đối với từng ngành nghề so với nhu cầu thị trường lao động*):

Năm 2018: Tổng số chỉ tiêu theo kế hoạch: 2645 hssv, tổng số tuyển sinh được 1021 HSSV. Nhu cầu lao động: 20190 lao động. Năm 2018 đạt 39% chỉ tiêu theo kế hoạch chỉ tiêu.

Năm 2019: Tổng số chỉ tiêu theo kế hoạch: 2645 hssv, tổng số tuyển sinh được 1076 HSSV. Nhu cầu lao động: 21395 lao động. Năm 2019 đạt 41% chỉ tiêu theo kế hoạch chỉ tiêu.

Năm 2020: Tổng số chỉ tiêu theo kế hoạch: 2885 hssv, tổng số tuyển sinh được 1232 HSSV. Nhu cầu lao động: 19850 lao động. Năm 2020 đạt 43% chỉ tiêu theo kế hoạch chỉ tiêu.

Từ các số liệu trên ta có kết quả tổng hợp đăng kí tuyển sinh, số HSSV thực tuyển đối với từng nghề so với nhu cầu tuyển dụng trong 3 năm, so với năng lực đào tạo trong giấy phép ĐKGDNN nhỏ hơn nhu cầu xã hội (*1.1.06-Thông báo tuyển dụng của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020; 1.2.04-Bảng tổng hợp chỉ tiêu tuyển sinh và số HS-SV thực tuyển*).

Ngoài ra, nhà trường luôn có kế hoạch kịp thời để nắm bắt nhu cầu thị trường, nhu cầu lao động để làm hồ sơ xin mở mã ngành mới, đáp ứng nhu cầu xã hội (*1.2.05-Công văn đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 1.2.06-Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, số 74a/2020/GCNDKBS-TCGDNN ngày 29/06/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục dạy nghề*).

Hiện tại, Trường có công tác tuyên truyền, nâng cao chất lượng và thay đổi nội dung đào tạo phù hợp để thu hút người học, đồng thời đề xuất với Tỉnh, Bộ có cơ chế mạnh hơn... Đồng thời Trường nghiên cứu đóng các nghề nhiều năm nay không có HSSV học chuyển sang nhóm nghề phù hợp (mặc dù nghề đó có nhu cầu thực tế nhưng không cao, để tập trung vào nghề trọng điểm, nghề truyền thống, nghề có đông HSSV theo học). Với lịch sử phát triển ngành nghề của Bộ, của Trường, của Tỉnh,...

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường CĐCNĐ là một cơ sở đào tạo và NCKH thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trường được nâng cấp trên cơ sở Trường Trung học Công nghiệp II theo Quyết định

của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ký ngày 30 tháng 3 năm 2005 (*1.1.01-Quyết định của Bộ trưởng, Bộ GD & ĐT về việc thành lập Trường CĐCNND trên cơ sở Trường Trung học Công nghiệp II; Số 1339/QĐ-BGD&ĐT-TCCB, ngày 30/3/2005*). Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐT BXH ngày 28/12/2016 quy định Điều lệ trường Cao đẳng; Căn cứ Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Trường CĐCNND đã ban hành các văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong điều kiện thực tế. Trong Quy chế tổ chức và hoạt động, có chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường (*1.1.03-Quyết định số 9712/QĐ-BCT ngày 19/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CĐCNND tạm thời số 1042a/QĐ-CĐCNND, ngày 17/11/2017; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CĐCNND số 761a/QĐ-CĐCNND, ngày 27/09/2019*). Cụ thể các văn bản nhà trường xây dựng mới và điều chỉnh từ sau khi luật GDNN 2015 có hiệu lực như sau: (trước năm 2017, trường chịu sự điều chỉnh theo hệ thống các văn bản của Bộ Giáo dục đào tạo)

Nhà trường ban hành "Quy chế chi tiêu nội bộ" dựa trên căn cứ các Nghị định, Thông tư của Chính phủ, của các Bộ và căn cứ Nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức của trường hằng nhằm đạt được các mục đích: Tạo quyền chủ động trong công tác quản lý, thu và chi tài chính của đơn vị; Tạo quyền chủ động cho cán bộ, giáo viên, viên chức trong Trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; là căn cứ để quản lý, thanh toán các khoản thu, chi trong Trường, thực hiện kiểm soát của các cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo quy định; Sử dụng tài sản công đúng mục đích, có hiệu quả; Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu; khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, khuyến khích người có năng lực trong toàn trường (*1.3.01-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018, 2019, 2020*).

Quy chế dân chủ trong hoạt động của trường (*1.3.02-Quyết định số 716/QĐ-CĐCNND ngày 11/09/2018, ban hành chức năng, nhiệm vụ phòng Quản trị Vật tư; - Quyết định số 808/QĐ-CĐCNND ngày 30/9/2020 quy định chức năng, nhiệm vụ phòng Quản lý dự án; -Quyết định số 238/QĐ-CĐCNND ngày 01/06/2020 ban hành quy định*

chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Tuyển sinh- Truyền thông - Thư viện ; - Quyết định số 464/QĐ-CĐCNNĐ ngày 26/6/2020 về việc thành lập Tổ thực nghiệm sản xuất).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã ban hành đầy đủ các văn bản theo quy định của pháp luật, hằng năm các văn bản quy định về tổ chức và quản lý được rà soát, điều chỉnh phù hợp với các quy định của pháp luật, của ngành và tình hình thực tế của Trường. Đó là: Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định về phân công nhiệm vụ Ban giám hiệu, Quy định về chức năng, nhiệm vụ của một số đơn vị trực thuộc, Quy định về cấp phát văn bằng tốt nghiệp...

* Năm 2018: Trường đã thực hiện việc rà soát, điều chỉnh và bổ sung một số văn bản về chức năng, nhiệm vụ của một số đơn vị thuộc trường và phân công nhiệm vụ Ban giám hiệu.

Trước yêu cầu về tăng cường vai trò, trách nhiệm của trường đơn vị đối với nhiệm vụ được giao. Qua kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác của phòng Quản trị Vật tư, Hiệu trưởng nhà trường đã quyết định thực hiện việc rà soát, điều chỉnh nội dung chức năng, nhiệm vụ của đơn vị này; mục đích hướng đến là tăng cường vai trò trách nhiệm của trường đơn vị, giao thêm nhiệm vụ cho phòng để đảm bảo tính hiệu quả trong triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao (***1.4.01-Quyết định số 716/QĐ-CĐCNNĐ ngày 11/09/2018, ban hành chức năng, nhiệm vụ phòng Quản trị Vật tư***). Nội dung được điều chỉnh trong văn bản này là: Bổ sung nội dung phần 2.1.1- "Công tác mua sắm và quản lý vật tư"; tăng cường thêm nhiệm vụ cho đơn vị được thực hiện trong phần 2.3- "Công tác quản lý ký túc xá".

Năm 2018, trường có 02 (hai) đồng chí Phó Hiệu trưởng nghỉ chế độ hưu trí. Nhà trường đề nghị Bộ Công Thương bổ nhiệm thêm 01 (một) Phó Hiệu trưởng. Trước yêu cầu nhiệm vụ chính trị, Ban giám hiệu đã thống nhất rà soát văn bản phân công nhiệm vụ trong Ban Giám hiệu. Nội dung văn bản được điều chỉnh, bổ sung là phân công nhiệm vụ cho Thầy Nguyễn Duy Phần- Phó Hiệu trưởng mới được bổ nhiệm (***1.4.02-Quyết***

định số 719/QĐ-CĐCNNĐ ngày 12/09/2018, ban hành phân công nhiệm vụ Ban Giám hiệu; Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Nguyễn Duy Phấn).

* Năm 2019: Trường đã thực hiện việc rà soát, điều chỉnh và bổ sung văn bản "Quy chế quy định sử dụng phôi bằng tốt nghiệp, in, quản lý, cấp phát phôi bằng Trung cấp và Cao đẳng".

Trước yêu cầu về thực hiện nhiệm vụ đào tạo tuân theo Luật Giáo dục nghề nghiệp. Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ lao động Thương binh và Xã hội, năm 2019 phòng Đào tạo trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định đề xuất Kế hoạch việc rà soát văn bản liên quan đến việc quản lý và cấp phát văn bằng tốt nghiệp cho Học sinh, sinh viên. Nhà trường đã rà soát văn bản số 349/QĐ-CĐCNNĐ ngày 31/05/2018 về ban hành "Quy chế quy định về sử dụng phôi bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng của Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định". Nội dung được điều chỉnh, bổ sung là "Phụ lục 1; phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định 349/QĐ-CĐCNNĐ"; văn bản mới sau điều chỉnh, bổ sung là: Quyết định số 368a/QĐ-CĐCNNĐ ngày 07/06/2019 *(1.4.03-Quyết định số 349/QĐ-CĐCNNĐ ngày 31/05/2018 về việc ban hành Quy chế quy định về sử dụng phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định; 1.4.04-Quyết định số 368a/QĐ-CĐCNNĐ ngày 07/06/2019 về việc sửa đổi bổ sung Quy chế quy định về sử dụng phôi bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng Tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2019).*

* Năm 2020: Trường đã thực hiện việc rà soát, điều chỉnh và bổ sung văn bản chức năng, nhiệm vụ của một số đơn vị trực thuộc và điều chỉnh mức hỗ trợ kinh phí cho đối tượng giảng viên tham gia giảng dạy các cơ sở liên kết đào tạo được thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ:

Trước yêu cầu nhiệm vụ công tác, tại Hội nghị giao ban tháng 9 năm 2020, phòng Tổ chức Hành chính đề nghị lãnh đạo trường và đội ngũ cán bộ chủ chốt xem xét việc thành lập phòng Quản lý Dự án trên cơ sở phòng Xây dựng Cơ bản. Hội nghị đã thống nhất 100% ý kiến đồng ý *(1.4.05-Biên bản Hội nghị giao ban tháng 9/2020)*. Theo đó văn bản: chức năng, nhiệm vụ phòng Xây dựng Cơ bản được rà soát, bổ sung và hoàn

thiện thành văn bản: chức năng, nhiệm vụ phòng Quản lý dự án. Nội dung được điều chỉnh là: Nhiệm vụ quản lý đất đai, nhà cửa, công trình kiến trúc trong giai đoạn đầu tư xây dựng- khi công trình hoàn thiện thì chỉ quản lý đất đai; nội dung được bổ sung là: Điều chuyển việc mua sắm thiết bị đầu tư phục vụ công trình từ phòng Quản trị vật tư sang phòng Quản lý dự án (*1.4.06-Quy định chức năng, nhiệm vụ phòng Xây dựng cơ bản; 1.4.07-Quyết định số 808/QĐ-CĐCNNĐ ngày 30/9/2020 quy định chức năng, nhiệm vụ phòng Quản lý dự án*).

Năm 2020, trước yêu cầu đáp ứng lợi ích và nguyện vọng của đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy tại các cơ sở liên kết đào tạo. Phòng Đào tạo đã đề nghị Hiệu trưởng xem xét, cho rà soát văn bản số 65/QĐ-CĐCNNĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 về ban hành "Quy định hỗ trợ kinh phí đối với giảng viên giảng dạy tại các cơ sở đào tạo liên kết ngoài trường". Nội dung được điều chỉnh là nội dung phần a, khoản 1, Điều 4- quy định số 65; cơ sở để điều chỉnh nội dung này là Thông báo số 879a ngày 30 tháng 10 năm 2020 của phòng Đào tạo, nội dung này cũng đã được bổ sung trong Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 (*1.4.08-Quyết định số 65/QĐ-CĐCNNĐ ngày 26/01/2020 Quy định hỗ trợ kinh phí đối với giảng viên giảng dạy tại các cơ sở liên kết ngoài trường; 1.4.09-Thông báo số 879a ngày 30/10/2020 quy đổi giờ giảng dạy tại các cơ sở đào tạo liên kết ngoài trường; 1.3.01-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, trang 41, 42*).

Trước yêu cầu nhiệm vụ công tác, năm 2020 Hiệu trưởng nhà trường quyết định thành lập Trung tâm Tuyển sinh- Truyền thông- Thư viện trên cơ sở Trung tâm Thông tin Thư viện. Theo đó chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cũ được tiến hành rà soát, điều chỉnh và bổ sung (*1.4.10-Quyết định số 238/QĐ-CĐCNNĐ ngày 01/06/2020 ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Tuyển sinh- Truyền thông - Thư viện; Quyết định số 1060/QĐ-CĐCNNĐ ngày 18/09/2016 ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Thông tin - Thư viện*) với nội dung được bổ sung là: Phần 2.1- thực hiện các công việc liên quan đến tuyển sinh các bậc đào tạo trong trường.

Từ kết quả thực hiện và phỏng vấn cán bộ giáo viên ngày 3- 4/03/2021, trên 90% cán bộ, viên chức hài lòng về các văn bản đã ban hành. Các văn bản được rà soát, điều chỉnh và bổ sung trong 3 năm 2018-2020 đều đảm bảo tính thực tiễn, yêu cầu về thời gian ban hành và nội dung cần được hiệu chỉnh.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 1: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 1.5 : Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường CĐ Công nghiệp Nam Định được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp với tổng số các ngành/ngành bao gồm 29 ngành, nghề bậc Cao đẳng và 21 ngành, nghề Bậc trung cấp (***1.2.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN; 1.2.06-Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, số 74a/2020/GCNDKBS-TCGDNN ngày 29/06/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục dạy nghề***).

Trong quá trình xây dựng và phát triển, cơ cấu tổ chức của trường đã được điều chỉnh phù hợp với chức năng và nhiệm vụ đào tạo. Cơ cấu tổ chức của trường đã được cụ thể hoá trong Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường. Trong đó, việc phân cấp quản lý, trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ người đứng đầu, giảng viên, viên chức các đơn vị trong trường đã được quy định cụ thể (***1.4.01-Quyết định số 716/QĐ-CĐCNND ngày 11/09/2018, ban hành chức năng, nhiệm vụ phòng Quản trị Vật tư; -Quyết định số 808/QĐ-CĐCNND ngày 30/9/2020 quy định chức năng, nhiệm vụ phòng Quản lý dự án; -Quyết định số 238/QĐ-CĐCNND ngày 01/06/2020 ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Tuyển sinh- Truyền thông - Thư viện; - QĐ số 464/QĐ-CĐCNND ngày 26/06/2020 về việc thành lập Tổ thực nghiệm sản xuất***).

Hiện nay Nhà trường có 07 phòng chức năng, 06 Khoa, và 02 Trung tâm. Theo quyết định ban hành Quy chế làm việc của Trường Cao đẳng CN Nam Định Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng/khoa/TT cụ thể:

Các phòng chức năng

Các phòng chức năng có nhiệm vụ tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công việc chủ yếu của trường gồm các phòng: Đào tạo, Tổ chức- hành chính, Quản trị vật tư, Quản lý khoa học và Đảm bảo Chất lượng, Quản lý học sinh, sinh viên, Tài chính kế toán, Quản lý dự án, theo chức năng, nhiệm vụ được Hiệu trưởng giao.

Phòng Tổ chức- hành chính : Giúp Hiệu trưởng quản lý các mặt công tác về hành chính, tổng hợp thi đua trong cán bộ công nhân viên, tổ chức cán bộ, bảo vệ an ninh trật tự của Nhà trường.

Phòng đào tạo: Giúp Hiệu trưởng nghiên cứu xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chiến lược, nội dung đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ Cao đẳng Kỹ thuật - Kinh tế công nghiệp và các trình độ thấp hơn thuộc các ngành nghề của Trường đào tạo, đáp ứng với yêu cầu sản xuất của ngành và xã hội. Tổ chức tốt công tác giảng dạy, học tập trong Nhà trường.

Phòng Tài chính – Kế toán: Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng quản lý toàn bộ công tác tài chính và kế toán của trường. Quản lý vốn ngân sách, vốn ngoài ngân sách, vốn tự có, quản lý giá trị các loại tài sản của trường, thực hiện theo đúng pháp luật của Nhà nước.

Phòng Công tác HSSV: Đề xuất và giúp Hiệu trưởng quản lý về mọi mặt công tác giáo dục và quản lý học sinh sinh viên.

Phòng Quản trị vật tư: Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng quản lý các mặt công tác về quản trị, vật tư, quản lý bán điện sinh hoạt, quản lý cung cấp nguồn nước sạch, quản lý mạng điện thoại, hệ thống tăng âm loa đài, quản lý nhà ăn tập thể, y tế và các hoạt động dịch vụ sản xuất trong trường.

Phòng QLKH & ĐBCL: Giúp Hiệu trưởng triển khai thực hiện nhiệm vụ về nghiên cứu khoa học, Đảm bảo chất lượng Đào tạo và các lĩnh vực Hợp tác quốc tế.

Phòng Quản lý dự án: Xây dựng kế hoạch thực hiện dự án cải tạo và nâng cấp công trình xây dựng cơ bản của Nhà trường. Quản lý các dự án, đầu tư xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn các công trình kiến trúc của Nhà Trường. Quản lý công tác qui hoạch tổng thể cơ sở đào tạo của Trường. Lập dự án, thiết kế dự toán, tổ chức đấu thầu, lập hồ sơ và các văn bản cần thiết trình cấp trên phê duyệt.

Các khoa chuyên môn

Khoa là đơn vị quản lý chuyên môn trực thuộc Trường, có các nhiệm vụ: Quản lý giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học thuộc khoa theo phân công của Hiệu trưởng; Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động

ngoại khóa khác theo chương trình, kế hoạch giảng dạy hằng năm của trường theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường có 6 khoa chuyên môn gồm:

Khoa Khoa học Cơ Bản: - Tổ chức thực hiện quá trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của nhà trường.

Khoa Điện – Điện tử: Quản lý và tổ chức đào tạo chuyên ngành Điện, Điện tử công nghiệp, Điện tử viễn thông, Điện tự động hoá cho các hệ Cao đẳng, Cao đẳng liên thông, Trung cấp, trong Trường và các hệ liên kết ngoài Trường.

Khoa Cơ khí và động lực có chức năng: Quản lý tổ chức đào tạo chuyên ngành cơ khí, cơ khí chế tạo, cơ khí sửa chữa, cơ khí động lực, công nghệ đóng tàu cho hệ Cao đẳng, hệ Trung cấp.

Khoa Công nghệ may thời trang có chức năng: Tổ chức thực hiện quá trình đào tạo chuyên ngành công nghệ may cho các hệ Cao đẳng, Cao đẳng liên thông, Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề và các hệ liên kết ngoài Trường.

Khoa Công nghệ thông tin có chức năng: Quản lý tổ chức đào tạo chuyên ngành tin học cho các hệ Cao đẳng, Cao đẳng liên thông, Trung cấp, Cao đẳng nghề, trung cấp nghề trong trường và các hệ liên kết ngoài trường.

Khoa Kinh tế có chức năng: Quản lý và tổ chức giảng dạy chuyên ngành kế toán, Quản trị kinh doanh cho hệ Cao đẳng, Cao đẳng liên thông, Trung cấp, Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề trong trường và các hệ liên kết ngoài trường.

Các khoa chuyên môn tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động đào tạo các nghề khoa được giao quản lý phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

Các Trung tâm

Trung tâm Hợp tác đào tạo & Quan hệ doanh nghiệp là đơn vị thực hiện công tác giới thiệu việc làm cho HSSV nhà trường nói riêng và người lao động nói chung, liên kết các hoạt động đào tạo thành một thể thống nhất, đồng bộ trong việc thực hiện các nhiệm vụ trong nhà trường. Liên hệ và triển khai các dịch vụ đào tạo gắn với sản xuất của nhà trường gắn đào tạo với sản xuất và các nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động;

Trung tâm Thông tin – Thư viện: giúp Hiệu trưởng quản lý hoạt động thư viện của nhà trường, quản lý điều hành, bảo trì và duy trì hoạt động toàn bộ hệ thống mạng công nghệ thông tin và truyền thông, Website của nhà trường phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý điều hành của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định.

Các phòng, khoa, trung tâm, tổ bộ môn được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề của nhà trường chi tiết tới từng nhiệm vụ. các khoa được giao nhiệm vụ đào tạo các nghề với số lượng HSSV cụ thể (*1.1.03- Quyết định số 9712/QĐ-BCT ngày 19/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CĐCNĐ tạm thời số 1042a/QĐ-CĐCNĐ, ngày 17/11/2017; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CĐCNĐ số 761a/QĐ-CĐCNĐ, ngày 27/09/2019; 1.5.01-QĐ thành lập các lớp đào tạo theo năm học. 1.5.02–Bảng tổng hợp phụ trách các ngành nghề, chức năng nhiệm vụ, quy mô đào tạo của các khoa; 1.5.03- Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Các nhiệm vụ và phân công nhiệm vụ lãnh đạo phòng/khoa/trung tâm được thể hiện cụ thể trong quy chế làm việc Trường; Trong từng đơn vị có phân công nhiệm vụ theo vị trí việc làm cho từng người, mỗi người, mỗi đơn vị chịu trách nhiệm trong lĩnh vực được phân công (*1.5.04-Đề án vị trí việc làm được Bộ Công thương duyệt năm 2017*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp và Điều lệ trường Cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh & Xã hội, tháng 3/2019, Hội đồng trường trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định đã được Bộ Công Thương quyết định thành lập (*1.6.01–Hồ sơ thành lập Hội đồng trường*).

Hội đồng trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định gồm 11 thành viên, trong đó: 01 Chủ tịch, 01 Thư ký và các ủy viên Hội đồng. Cơ cấu thành viên Hội đồng trường gồm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên, đại diện cán bộ, giảng viên của một số Phòng, Khoa, Trung tâm và đại diện Bộ Công Thương. Hội đồng trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định tổ chức và hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ đã được ban hành *(1.6.02-Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường)*. Từ khi được thành lập đến nay, Hội đồng trường đã quyết nghị những nhiệm vụ lớn của nhà trường, về cơ cấu tổ chức: đổi tên một số đơn vị cho phù hợp với tình hình thực tế như đổi tên phòng Xây dựng cơ bản, Trung tâm Thông tin thư viện, giảm đầu mối tổ môn tại các Khoa: Điện, Điện tử, Công nghệ May & Thời trang, Khoa học cơ bản. Về công tác tổ chức cán bộ: đề nghị Bộ Công Thương cho phép làm quy trình bổ nhiệm Hiệu trưởng, đề xuất làm quy trình bổ nhiệm Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm, Phó trưởng phòng phụ trách phòng Quản lý Dự án, Trưởng phòng Công tác Học sinh, sinh viên; bố trí sắp xếp lại lao động tại các Khoa có khối lượng giảng dạy ít.; giới thiệu nhân sự bổ sung vào Hội đồng trường. Về công tác xây dựng cơ sở vật chất: hoàn thành nhà Hiệu bộ mới để đưa vào sử dụng, lập dự án xây dựng nhà xưởng thực hành....Về công tác đào tạo: đẩy mạnh hoạt động tuyển sinh, đa dạng các hình thức tuyển sinh, nâng cao chất lượng đào tạo, tăng cường kiểm tra giám sát công tác giảng dạy, chất lượng giảng dạy,...*(1.6.03-Quyết nghị của Hội đồng trường hàng năm)*.

Để giúp việc cho Hiệu trưởng, nhà trường thành lập đầy đủ các Hội đồng tư vấn như: Hội đồng khoa học, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng thi tốt nghiệp, Hội đồng xét tốt nghiệp, Hội đồng xét nâng lương, Hội đồng xét tinh giản biên chế, Hội đồng tự đánh giá chất lượng nghề nghiệp,... *(1.6.04-Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn)*. Các hội đồng này đã thực hiện tốt chức năng tư vấn giúp nhà trường hoàn thành nhiệm vụ được giao*(1.6.05-Biên bản họp của các Hội đồng tư vấn hàng năm)*. Trong 3 năm từ 2018-2020, Hội đồng khoa học đã nghiệm thu 06 đề tài khoa học, Hội đồng lương tư vấn cho lãnh đạo xét nâng lương trước thời hạn cho 14 cán bộ, viên chức. Hội đồng thi đua khen thưởng đã bình chọn được 09 cá nhân xuất sắc đề nghị Bộ Công Thương tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, 14 cá nhân xuất sắc đề nghị được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương. Hội đồng thi tốt nghiệp đã tổ

chức tốt công tác thi cho học sinh, sinh viên tại trường và học sinh tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, Giáo dục thường xuyên mà trường liên kết đào tạo.

Hiện nay, trường có 07 phòng, 06 khoa chuyên môn và 02 trung tâm. Các phòng chức năng, các khoa, trung tâm được tổ chức và thành lập theo đúng Điều lệ trường Cao đẳng. Cơ cấu và nhiệm vụ của các đơn vị được quy định rõ ràng trong "Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của trường CĐCNND" *(1.1.03-Quyết định số 9712/QĐ-BCT ngày 19/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CĐCNND tạm thời số 1042a/QĐ-CĐCNND, ngày 17/11/2017; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CĐCNND số 761a/QĐ-CĐCNND, ngày 27/09/2019)*. Các kế hoạch hoạt động chung của Nhà trường luôn luôn có sự phối hợp giữa các đơn vị có liên quan, đều được thông qua các cuộc họp hoặc có văn bản chỉ đạo để trực tiếp triển khai đến các đơn vị theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, làm cơ sở cho các đơn vị tổ chức tốt các hoạt động trong việc giải quyết và điều hành công việc được giao *(1.6.06-Kế hoạch tổ chức các hoạt động trong nhà trường)*.

Việc phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong trường đã có tác dụng hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý, điều hành của lãnh đạo, góp phần vào việc hoàn thành nhiệm vụ năm học chung của nhà trường.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định đã từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức của các phòng chức năng, các khoa, trung tâm phù hợp theo yêu cầu của trường và theo các quy định hiện hành. Một số đơn vị sáp nhập hay đổi tên đều phù hợp thực tế của nhà trường trong từng giai đoạn và đều hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình *(1.6.07-Quyết định sáp nhập, thành lập khoa, trung tâm, phòng)*. Trong ba năm qua, các phòng trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình đã tham mưu cho lãnh đạo trên các lĩnh vực hoạt động của nhà trường: tổ chức tốt công tác tuyển sinh, tổ chức hoạt động đào tạo theo quy định, tham mưu có hiệu quả công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, thực hiện chế độ tài chính theo đúng quy định. Trường có 6 khoa chuyên môn trong 3 năm qua đã thực hiện tốt quá trình giảng dạy học sinh, sinh viên với số học sinh, sinh viên ra trường là 3.096 em. Nhiều giảng viên được cử đi hội giảng, tham gia cuộc thi tự làm thiết bị dạy nghề và đạt được nhiều thành tích. Hiệu quả hoạt động của các phòng, khoa, trung tâm được đánh giá qua công tác thi đua khen

thường hàng năm, với những thành tích: 100% các đơn vị được công nhận là Tập thể lao động tiên tiến, nhiều tập thể và cá nhân được nhận phần thưởng cao quý (*1.6.08- Quyết định và danh sách khen thưởng của tập thể và cá nhân năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 1.6.09-Kết quả xếp loại các đơn vị năm 2018, 2019, 2020; 1.6.10-Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020*).

Tập thể nhà trường được công nhận là “Tập thể lao động tiên tiến, xuất sắc” và tặng Bằng khen năm ..., Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công Thương, năm,... (*1.6.08- Quyết định và danh sách khen thưởng của tập thể và cá nhân năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định bắt đầu chuyển đổi sang đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp từ năm 2017 đến nay. Để đảm bảo chất lượng đào tạo trong trường, Nhà trường đã xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo đúng tinh thần thông tư 15 và 28/2017/TT-BLĐTBXH quy định hệ thống đảm bảo chất lượng cơ sở GDNN của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH.

Năm 2017, Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định đã ban hành quyết định số 1270/QĐ-CĐCNĐ ngày 29/12/2017 áp dụng hệ thống Đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 (*1.7.01-Quyết định ban hành, áp dụng hệ thống tài liệu ISO 9001:2015 và Quyết định về việc sử dụng hệ thống các quy trình xây dựng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của nhà trường năm 2018*).

Thực hiện theo quy định trong thông tư 28/2017/TT-LĐTBXH ngày 15/12/2017 về việc xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở GDNN, nhà trường tiếp tục xây dựng các kế hoạch triển khai, rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng từ tiêu chuẩn ISO 9001-2015 sang hệ thống đảm bảo chất lượng theo thông tư 28 giai đoạn 2018-2022 bao gồm:

- Chính sách chất lượng

- Mục tiêu chất lượng
- Sổ tay bảo đảm chất lượng
- Hệ thống 30 quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng: xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo; tuyển sinh; kiểm tra, thi, xét, công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học; tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý; quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; quản lý xưởng; khảo sát học sinh sau tốt nghiệp; khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động;...

(1.7.02-Kế hoạch xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng giai đoạn 2018-2020; 1.7.03-Quyết định ban hành hệ thống Đảm bảo chất lượng trường; 1.7.04-Bộ 30 quy trình vận hành theo hệ thống ĐBCL cơ sở GDNN).

Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống bảo đảm chất lượng trường qua hình thức phát phiếu khảo sát trực tiếp. Việc khảo sát được phòng QLKH&ĐBCL thực hiện thường niên, kết quả khảo sát được tổng hợp, báo cáo lãnh đạo trường *(1.7.05-Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020; 1.7.06-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020).*

Từ năm 2018 đến nay, nhà trường thực hiện xử lý văn bản, giấy tờ và thực hiện các nhiệm vụ theo đúng mẫu trong các quy trình bảo đảm chất lượng đã xây dựng. Các quy trình đều được đánh mã số, các bộ phận chức năng thực hiện công việc theo đúng các mẫu bộ phận trong hệ thống bảo đảm chất lượng theo quy định. Năm 2021, nhà trường sẽ tiếp tục xây dựng bổ sung thêm 8 quy trình, công cụ và chỉnh sửa một số quy trình không còn phù hợp khác *(1.7.07-Biểu mẫu các quy trình đang vận hành và văn bản lưu khi thực hiện các nhiệm vụ đã xây dựng quy trình).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường ĐCNCNĐ đã thành lập phòng Quản lý khoa học và Đảm bảo chất lượng

từ năm 2007. Phòng có những chức năng chính bao gồm triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học các cấp; phụ trách công tác đảm bảo chất lượng; chịu trách nhiệm tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun, thi tốt nghiệp và thanh kiểm tra thường xuyên quá trình giảng dạy của giảng viên, HSSV trong trường (*1.8.01–Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ Phòng QLKH&ĐBCL*).

Năm 2018, phòng có 5 đồng chí đến năm 2019, phòng có 6 đồng chí và năm 2020, phòng có 5 đồng chí. Trong đó, một đồng chí trưởng phòng, không có phó trưởng phòng (*1.8.02–Danh sách các đồng chí thuộc phòng QLKH&ĐBCL qua các năm 2018, 2019, 2020*).

Trong 3 năm từ 2018 đến 2020, trên cơ sở chức năng, đơn vị đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Cụ thể như sau:

Năm 2018, Phòng hoàn thành các báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, báo cáo tự đánh giá chất lượng trường và báo cáo về hệ thống bảo đảm chất lượng trường; tổ chức thi kết thúc cuối kỳ các môn học, modun; thi tốt nghiệp các khoá đào tạo trong và ngoài trường; Xây dựng kế hoạch dự giờ báo trước và không báo trước nhằm đánh giá hoạt động chuyên môn của giảng viên; kiểm tra sổ sách, giáo án, bài giảng; lấy ý kiến HSSV về hoạt động giảng dạy của giảng viên,... Nghiệm thu 2 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở.

Năm 2019, Phòng tổ chức nghiệm thu 2 đề tài NCKH cấp cơ sở; Hoàn thành các báo cáo tự kiểm định chất lượng, lập kế hoạch xây dựng bổ sung, đưa vào vận hành thêm 20 quy trình trong hệ thống đảm bảo chất lượng trường và thực hiện tốt công tác khảo thí khác trong nhà trường.

Năm 2020, tổ chức nghiệm thu 2 đề tài khoa học cấp cơ sở; Xây dựng, chỉnh sửa bổ sung thêm 8 quy trình trong hệ thống đảm bảo chất lượng trường đưa vào vận hành và thực hiện tốt các công tác thường xuyên như tổ chức thi cuối kỳ, thi tốt nghiệp, thanh kiểm tra hoạt động học, hoạt động giảng dạy trong nhà trường (*1.8.03–Phân công nhiệm vụ các thành viên trong phòng QLKH&ĐBCL các năm 2018, 2019, 2020; 1.8.04–Báo cáo kết quả công việc hàng tháng các thành viên trong phòng QLKH&ĐBCL; 1.8.05–Lịch thi kết thúc học kỳ I, II năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.8.06–Kế hoạch thi tốt nghiệp các lớp các năm 2018, 2019, 2020; 1.8.07–Thông báo dự giờ giảng viên qua các năm 2018, 2019, 2020; 1.8.08–Thống kê kết quả nghiên cứu đề tài khoa*

học các cấp 3 năm 2018, 2019, 2020; 1.8.09 Kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN và 05 ngành nghề trọng điểm năm 2018, 2019, 2020).

Trên cơ sở đó, kết quả đạt được của đơn vị trong 3 năm qua được hội đồng thi đua khen thưởng nhà trường họp, bình xét như sau: năm học 2017-2018 đơn vị được là tập thể lao động xuất sắc, năm học 2018-2019 đơn vị tập thể lao động tiên tiến và năm học 2019 - 2020 đơn vị tập thể lao động tiên tiến (*1.8.09–Báo cáo hoạt động của phòng các năm 2018, 2019,2020; 1.8.10–Danh hiệu đạt được qua các năm 2017, 2018, 2019 của phòng QLKH&ĐBCL và các thành viên trong phòng QLKH&ĐBCL các năm 2017, 2018, 2019; 1.7.05–Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020; 1.7.06–Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đảng bộ trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định được thành lập vào tháng 03 năm 2005 theo Quyết định của Ban Thường vụ Đảng ủy khối Dân chính Đảng. Trong giai đoạn 2018-2020, Đảng bộ Trường có 12 chi bộ trực thuộc. Số lượng đảng viên qua các năm là 99, 100, 101. Hiện nay, Đảng bộ có 12 chi bộ trực thuộc và 100 đảng viên. Đảng bộ được tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và theo quy chế tổ chức, hoạt động của Đảng ủy Nhà trường (*1.9.01-Quy chế tổ chức hoạt động của Đảng ủy nhiệm kỳ 2015-2020, 2020-2025; Quyết định về việc chuẩn y Ban chấp hành Đảng bộ trường CĐCNĐ; Quyết định về việc chuẩn y chức danh cấp uỷ các Chi bộ*). Đảng ủy nhà Trường nhiệm kỳ 2020-2025 gồm 09 đồng chí; Đồng chí Dương Tử Bình-Chủ tịch Hội đồng trường được bầu làm Bí thư Đảng ủy; Đảng bộ Trường thực hiện tốt vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng cụ thể:

+ Lãnh đạo công tác cán bộ, công tác tổ chức bộ máy.

+ Chỉ đạo bằng Nghị quyết trên các lĩnh vực hoạt động chính quyền, đoàn thể...

+ Thực hiện công tác giám sát, kiểm tra đảng viên của mình quản lý trong việc thực hiện Nghị quyết. Năm học 2019- 2020 mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về công tác tuyển sinh, về tài chính, phải thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 nhưng Ban Thường vụ Đảng ủy đã chủ động, sáng tạo tranh thủ sự tạo điều kiện, giúp đỡ của lãnh đạo Đảng ủy khối, của Bộ Công Thương và Tổng cục GDNN, phát huy tinh thần đoàn kết, dân chủ lãnh đạo các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị nhà trường từng bước tháo gỡ khó khăn, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chống quan liêu, tham nhũng, do vậy các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đảng bộ nhà trường đề ra đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, đặc biệt là công tác tuyển sinh năm học 2020-2021 đạt được 823 HS-SV.

Thực hiện vai trò lãnh đạo toàn diện đối với các hoạt động của Trường, Đảng ủy đã ban hành Nghị quyết toàn khóa, Nghị quyết hàng năm và các Nghị quyết chuyên đề và triển khai đến các chi bộ, chỉ đạo Ban giám hiệu, các đơn vị trực thuộc, các tổ chức đoàn thể thực hiện *(1.9.02-Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2015-2020; 1.9.03-Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025; 1.9.04-Các Nghị quyết chuyên đề của Đảng ủy)*. Trên cơ sở Nghị quyết đã ban hành và tình hình thực hiện, Đảng bộ tổ chức tổng kết, đánh giá công tác xây dựng Đảng hàng năm, qua đó đánh giá những kết quả đã làm được, những lĩnh vực còn tồn tại và đề ra các giải pháp khắc phục *(1.9.05- Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng các năm từ 2018 đến 2020)*. Các chi bộ trực thuộc Đảng bộ hàng năm đều hoàn thành nhiệm vụ được giao. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường lần thứ XVIII, trong 5 năm qua dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban cán sự Đảng Bộ Công Thương và trực tiếp của Đảng ủy khối Các cơ quan tỉnh, BCH Đảng bộ trường phát huy tốt vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng Điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo CBCNV toàn trường nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, chủ động, sáng tạo, phát huy dân chủ, thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt kết quả toàn diện trên các mặt công tác. Xuất phát từ tình hình thực tế, Đảng bộ trường đã kiện toàn cơ cấu tổ chức các chi bộ trực thuộc... Đảng bộ Nhà trường hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, giữ vai trò lãnh đạo bằng các Nghị quyết, chỉ đạo toàn trường hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị, thực hiện tốt các khâu trong công tác cán bộ như: đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ đảm bảo theo tiêu chuẩn, đúng quy hoạch, quy trình, công khai, dân chủ và khách quan... chỉ đạo thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát hàng năm.

Kết quả lãnh đạo của Đảng bộ thể hiện qua sự ghi nhận của Đảng và chính quyền cấp trên trong những năm qua:

Kết quả đánh giá, phân loại đảng viên từ năm 2018 đến 2020:

TT	Xếp loại	2018	2019	2020
1	Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	18	16	18
2	Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ	78	80	72
3	Đảng viên hoàn thành nhiệm vụ	7	4	8
4	Không hoàn thành nhiệm vụ/đảng viên vi phạm tư cách	0	0	0
5	Không xếp loại			1
Tổng số		103	100	99

Ghi chú: Không xếp loại: 01(năm 2020)- Mới kết nạp chưa đủ thời gian 6 tháng.

Kết quả đánh giá, phân loại Chi bộ từ năm 2018 đến 2020:

Xếp loại	2018	2019	2020
Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	3	4	2
Hoàn thành tốt nhiệm vụ	10	8	8
Hoàn thành nhiệm vụ	0	0	2
Không hoàn thành nhiệm vụ/Yếu kém	0	0	0
Không xếp loại	0	0	0
Tổng số	13	12	12

Đảng bộ Trường trong 3 năm luôn được Đảng ủy khối Các cơ quan tỉnh Nam Định đánh giá và công nhận là Đảng bộ hoàn tốt nhiệm vụ (*1.9.06-Kết quả đánh giá, xếp loại Chi bộ, đảng viên các năm 2018-2020; 1.9.07-Kết quả đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở Đảng các năm 2018-2020 của Đảng bộ cấp trên*). BCH Đảng ủy đã chỉ đạo các Chi bộ đổi mới nội dung sinh hoạt, thực hiện sinh hoạt theo chuyên đề, ra Nghị quyết về lãnh đạo công tác chuyên môn. Kết quả cho thấy: trên 95% đảng viên của Trường được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trong đó có 15%- 20% đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được thể hiện qua báo cáo tổng kết hàng năm. Trường liên tục được công nhận là tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là hai tổ chức chính trị-xã hội được tổ chức hoạt động đặt dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Đảng ủy nhà trường. Tháng 3 năm 2005 sau khi nâng cấp thành trường Cao đẳng, các đoàn thể tổ chức xã hội cũng được đổi tên từ đó. Ban chấp hành Công đoàn nhiệm kỳ 2017- 2022 có 100% viên chức là đoàn viên Công đoàn, hiện nay có 160 đồng chí, Đại hội đã bầu 11 đồng chí vào Ban chấp hành, trong đó 03 đồng chí trong Ban Thường vụ, đều là những đồng chí có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực và uy tín trong tập thể quần chúng, đồng chí Nguyễn Khả Toàn được bầu giữ chức Chủ tịch Công đoàn ***(1.10.01-Quyết định chuẩn y Ban chấp hành Công đoàn trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định nhiệm kỳ 2017-2022).***

Dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Đảng ủy và Công đoàn cấp trên, Công đoàn Nhà trường đã đi vào hoạt động theo Điều lệ, có Quy chế hoạt động riêng, có phân công nhiệm vụ Ban chấp hành. Quá trình hoạt động đều có kế hoạch, tổng kết báo cáo đúng quy định, thực hiện tốt vai trò, chức năng của tổ chức Công đoàn trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho viên chức, người lao động; tham gia quản lý cùng chính quyền trong triển khai thực hiện nhiệm vụ đào tạo và thực hiện tốt công tác tuyên truyền về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của Nhà trường đến với người lao động ***(1.10.02-Quy chế hoạt động và phân công Ban chấp hành Công đoàn nhiệm kỳ 2017-2022).***

Hằng năm Ban chấp hành Công đoàn tổ chức các hoạt động nhân đạo trước hết là quan tâm tới người lao động trong đơn vị: Mỗi năm tặng từ 1-3 suất quà, mỗi suất từ 200.000-350.000 đồng cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình có con tật nguyền, người thân bị tai nạn lao động; năm 2020 Công đoàn nhà trường hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, chung tay ủng hộ đồng bào lũ lụt Miền Trung: Đã vận động được 25 triệu đồng tiền mặt và 03 tấn hàng hóa ủng hộ các đơn vị thuộc tỉnh Quảng Trị và gửi tới Liên đoàn Lao động tỉnh Nam Định, Hội chữ thập đỏ huyện Vụ Bản ***(1.10.03-Biên nhận của các đơn vị được nhận quà từ thiện của***

Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định). Bên cạnh đó Công đoàn luôn quan tâm ủng hộ các quỹ: Quỹ bảo trợ trẻ em huyện Vụ Bản, số tiền 1.000.000 đồng/năm; quỹ chất độc màu da cam: 3.000.000 đồng/năm; quỹ Trường Sa: 12.000.000 đồng/năm.

Tổ chức Đêm hội trăng rằm và phát quà cho các cháu; tổ chức vui liên hoan cho các cháu nhân dịp ngày Quốc tế thiếu nhi 01/06 hằng năm, số tiền cho hai hoạt động này được trích từ quỹ Công đoàn nhà trường từ 15-20.000 triệu đồng/năm.

Thực hiện tốt các phong trào thi đua: Phong trào "*Giỏi việc nước, đảm việc nhà*", năm 2020 Ban chấp hành Công đoàn trường đã công nhận 15 đồng chí đạt danh hiệu giỏi việc nước, đảm việc nhà, đề nghị Công đoàn Cấp trên công nhận 05 đồng chí đạt danh hiệu cấp Công đoàn Viên chức tỉnh Nam Định.

Công đoàn thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, nói chuyện chuyên đề, thu hút đông đảo đoàn viên Công đoàn tham gia, trong đó nữ đoàn viên Công đoàn chiếm tỷ lệ ưu thế. Buổi tọa đàm "*Phụ nữ Việt Nam với cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0*"; buổi nói chuyện chuyên đề "*An toàn thực phẩm: Thực trạng, thách thức và giải pháp*"; "*Tư vấn một số bệnh thường gặp ở phụ nữ*". Qua những hoạt động này đã góp phần quan trọng vào việc giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng thiện, giáo dục nghề nghiệp, góp phần quan trọng vào nâng cao chất lượng đào tạo và vị thế nhà trường trong xu thế hội nhập và phát triển (*1.10.04-Một số Kế hoạch hoạt động của Công đoàn trường trong các năm 2018-2020; 1.10.05-Báo cáo tổng kết công tác Công đoàn các năm 2018-2020*).

Hằng năm Ban chấp hành Công đoàn căn cứ Hướng dẫn tổng kết, đánh giá, xếp loại đoàn viên công đoàn của Công đoàn cấp trên để triển khai các nội dung, tiêu chuẩn phù hợp với điều kiện thực tiễn nhà trường để tổng kết, xếp loại chất lượng đoàn viên Công đoàn và đề nghị Công đoàn cấp trên công nhận và khen thưởng (*1.10.06-Xếp loại, đánh giá đoàn viên công đoàn năm 2018-2020*).

Bằng những nỗ lực phấn đấu hoạt động tích cực, Công đoàn Nhà trường trong 03 năm từ 2018 đến 2020 đều được Công đoàn cấp trên công nhận Công đoàn cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Công đoàn nhà trường được tặng Cờ Thi đua xuất sắc của Liên đoàn Lao động tỉnh Nam Định, 03 đồng chí trong Ban Thường vụ được tặng Bằng khen của Ban chấp hành Liên đoàn Lao động tỉnh; nhiều chị em được tặng danh hiệu

"Giỏi việc nước, đảm việc nhà"...(1.10.07-Xếp loại Công đoàn cơ sở trong 3 năm 2018-2020 của Công đoàn cấp trên; Các Quyết định khen thưởng của tập thể, cá nhân các năm 2018-2020).

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định trực thuộc Tỉnh Đoàn Nam Định. Đoàn thanh niên Nhà trường luôn thu hút được sự quan tâm chú ý của học sinh sinh viên và cán bộ, giảng viên trẻ, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị của Trường. Tổ chức Đoàn thanh niên Nhà trường hàng năm được kiện toàn theo năm học gồm: 03 Liên chi đoàn và các chi đoàn Học sinh sinh viên *(1.10.08-Danh sách đoàn viên năm 2018, 2019, 2020; 1.10.09-Các quyết định về việc chuẩn y kết quả đại hội Chi đoàn; 1.10.10-Hướng dẫn thực hiện điều lệ Đoàn; 1.10.11-Quy chế cán bộ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; 1.10.12-Chức năng, nhiệm vụ của Đoàn TNCSHCM trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định).*

Nhằm hướng tới mục tiêu giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức cho đoàn viên thanh niên của mình, động viên học sinh sinh viên thi đua học tập, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục của Trường, Đoàn thanh niên, hàng năm xây dựng kế hoạch hoạt động với các nội dung nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tích cực tham gia vào các hoạt động thi đua trong phong trào dạy tốt - học tốt, nghiên cứu khoa học, phong trào văn thể mỹ và các hoạt động xã hội khác trong CB, GV, NV, HSSV như: tổ chức hoạt động văn hóa thể thao chào mừng ngày thành lập Đoàn TNCSHCM 26/3, kỷ niệm ngày sinh nhật Bác 19/05, chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ...; tham gia các hoạt động “Ngày môi trường Thế giới, Ngày hội hiến máu tình nguyện”; phối hợp với Công đoàn tổ chức đợt ủng hộ, thăm hỏi nhân dân các tỉnh miền Trung ngập lụt *(1.10.13-Kế hoạch hoạt động năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh nhà trường; 1.10.14-Các thông báo, kế hoạch Đoàn TNCS Hồ Chí Minh nhà trường trong các năm 2018, 2019, 2020; 1.10.15-Những hình ảnh của Đoàn thanh niên nhà trường).*

Năm 2018, 2019, 2020 Đoàn TNCS Hồ Chí Minh nhà Trường được nhận Bằng khen, giấy khen, kỷ niệm chương vì thế hệ trẻ cho các cá nhân có những đóng góp với công tác Đoàn và phong trào thanh niên của trường do Tỉnh Đoàn, Trung ương Đoàn trao tặng *(1.10.16-Các Quyết định khen thưởng của TNCS Hồ Chí Minh trường hàng năm).*

Hàng năm Trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, học sinh, sinh viên về hoạt động của tổ chức đoàn thể trong nhà trường: Kết quả đánh giá hiệu quả của đoàn thể đều được trên 95% đánh giá chất lượng hoạt động khá và tốt, các hoạt động có nội dung phù hợp và rất phù hợp.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 1: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hàng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của nhà trường thì công tác kiểm tra, giám sát là một trong những mục tiêu quan trọng được lãnh đạo nhà trường quan tâm và chỉ đạo rất cụ thể. Trường đã có các quy định về giám sát, thanh tra, xây dựng kế hoạch thanh tra nhằm khắc phục các tồn tại, những sơ hở trong cơ chế quản lý, ngăn ngừa những sai phạm nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo để giữ vững và nâng cao uy tín của trường. Ban thanh tra nhân dân được bầu ra ở Đại hội công nhân viên chức nhà trường, định kỳ hai năm một lần. Ban thanh tra nhân dân được phép tham gia kiểm tra vào tất cả các hoạt động của nhà trường, giải quyết nếu có các đơn thư khiếu nại ***(1.11.01-Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân năm 2018,2019, 2020)***. Tuy nhiên trong từng lĩnh vực trường đều có các quy định kiểm tra, giám sát cụ thể như sau:

a. Theo đầu mỗi phân công để thực hiện nghiêm túc kế hoạch phân công giảng dạy của phòng đào tạo và các khoa chuyên môn công tác kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo được nhà trường giao cho Phòng Quản lý khoa học đảm bảo chất lượng & phòng Đào tạo bao gồm các mặt hoạt động của nhà trường như công tác tuyển sinh, giảng dạy, học tập, công tác thu giữ, quản lý hồ sơ HSSV. Hàng năm đầu học kỳ phòng Quản lý KH&ĐBCL lập kế hoạch thanh, kiểm tra trình lãnh đạo trường phê duyệt sau đó gửi tới ban giám hiệu và các đơn vị có liên quan ***(1.11.02-Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra học kỳ I; II năm học 2018- 2019; 2019- 2020; 2020- 2021)***; Các công việc trong kế hoạch thanh, kiểm tra được thực hiện trong suốt học kỳ ***(1.11.03-Báo cáo kết quả công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ hàng tháng năm 2018, 2019, 2020; 1.11.04-Biên bản kiểm***

tra thi kết thúc môn học, mô đun; 1.11.05-Báo cáo kết quả tổ chức thi kết thúc học kỳ I, II năm học 2018- 2019; 2019- 2020; 2020-2021). Nhà trường đều tổ chức giám sát trong và sau các kỳ thi tốt nghiệp đảm bảo đúng quy trình theo thông tư 09 về kiểm tra giám sát đào tạo (*1.11.06-Biên bản thanh tra tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019- 2020, 2020- 2021).*

Ngoài ra các cán bộ quản lý khoa thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở kiểm tra công tác giảng dạy, thực hiện chuyên môn nghiệp vụ của các giảng viên. Hàng năm trong từng học kỳ phòng QLKH&ĐBCL gửi thông báo của Hiệu trưởng tới các khoa về việc củng cố và tăng cường công tác đào tạo tại trường theo các năm học trong đó có việc dự giờ đột xuất hoặc dự giờ có báo trước giờ giảng của giảng viên (*1.11.07-Thông báo của Hiệu trưởng về việc củng cố và tăng cường công tác đào tạo tại trường năm học 2018-2019, 2019- 2020, 2020- 2021; 1.11.08-Thông báo về việc thanh tra thực hiện các quy định trong giảng dạy; 1.11.09-Phiếu đánh giá giờ dạy của giảng viên; 1.11.10-Biên bản làm việc).*

Để công tác tuyển sinh của nhà trường đạt hiệu quả, minh bạch trong công tác tuyển sinh, ban phúc tra tuyển sinh có tham gia giám sát tuyển sinh nhằm đúng theo thông tư 05- BLĐT BXH. Hàng năm sau mỗi mùa tuyển sinh ban phúc tra tuyển sinh lập kế hoạch kiểm tra hồ sơ tuyển sinh đã trúng tuyển vào trường (*1.11.11-Báo cáo về việc kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển hệ Cao đẳng, trung cấp trong & ngoài trường năm 2018,2019,2020*); Việc cấp phát văn bằng chứng chỉ đảm bảo minh bạch, khách quan hàng năm nhà trường sẽ thực hiện việc kiểm tra các quy định về quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ (*1.11.12-Thông báo về việc thực hiện các quy định về quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ đào tạo; 1.11.13-Biên bản làm việc về việc kiểm tra thực hiện các quy định về quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ).*

b. Nhà trường có các quy định về kiểm tra tài sản cụ thể như sau: phòng Quản trị vật tư được giao quản lý tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị. Định kỳ hàng năm nhà trường ra quyết định kiểm kê tài sản, đánh giá tài sản, máy móc thiết bị nhằm phát hiện thừa, thiếu, mất, hỏng và tình hình quản lý vật tư, tài sản, tiền vốn để kịp thời chấn chỉnh, xử lý. Tổ kiểm kê có các thành viên của phòng, khoa, trung tâm tham gia vào công tác kiểm kê, kiểm tra tài sản của nhà trường (*1.11.14-Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo kiểm kê năm 2018, 2019, 2020; 1.11.15-Quyết định về việc thành lập tổ kiểm kê năm 2018, 2019, 2020; 1.11.16-Kế hoạch kiểm kê năm 2018, 2019, 2020; 1.11.17-Báo*

cáo kết quả kiểm kê tài sản năm 2018, 2019, 2020; 1.11.18-Biên bản giao ban các năm 2018, 2019, 2020). Ngoài các quy định về kiểm tra giám sát, trường kiểm tra các quy định về hệ thống đảm bảo chất lượng của nhà trường nhằm đảm bảo đúng theo thông tư 28 về kiểm tra chất lượng- kiểm soát chất lượng.

c. Công tác tài chính của nhà trường đã có quy định riêng đã được trình bày ở tiêu chuẩn 7.5 và hàng năm qua các kỳ Đại hội công nhân viên chức vào dịp cuối năm tài chính của trường được báo cáo đầy đủ, công khai, minh bạch (*1.11.19-Báo cáo hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của trường năm 2018; 2019; 2020*).

Nhà trường luôn chú trọng rà soát, cải tiến phương pháp kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao tính hiệu quả đó là năm 2021 và năm 2022 nhà trường cải tiến công cụ kiểm tra, giám sát bằng dự án lắp Camera (*1.11.20-Dự án Camera giám sát an ninh và quá trình hoạt động dạy và học của trường Cao đẳng công nghiệp Nam Định*). Hàng năm, Trường đã tổ chức đánh giá nội bộ theo yêu cầu của hệ thống bảo đảm chất lượng nhằm kiểm tra đánh giá, chỉ ra những điểm còn tồn tại trong hoạt động của các đơn vị, xác định nguyên nhân gốc rễ để kịp thời điều chỉnh và khắc phục (*1.11.19-Báo cáo hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của trường năm 2018; 2019; 2020*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.12 : Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được hưởng thụ; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Công Thương vì vậy các chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được hưởng thụ; thực hiện chính sách bình đẳng giới luôn luôn được thực hiện theo đúng quy định và chủ trương của Đảng, Nhà nước. Trường đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm (*1.3.01-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018, 2019, 2020*), trong đó quy định rõ các chế độ chính sách ưu đãi, chính sách bình đẳng giới cho học sinh, sinh viên và cán bộ, giáo viên nhà trường.

Đối với đối tượng là học sinh, sinh viên: chế độ chính sách ưu đãi được thực hiện theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP về chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; Nghị định 57/2017/NĐ-CP về chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học bổng hỗ trợ học tập hàng năm, Thông tư 36/2017/TT-BLĐTĐBXH về ban hành danh mục ngành, nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Nhà trường đã cụ thể hóa những quy định này thông qua các thông báo thực hiện chế độ miễn giảm học phí (**1.12.01-Thông báo về việc thực hiện miễn giảm học phí cho học sinh, sinh viên năm 2018, 2019, 2020**) và phổ biến công khai đến toàn thể HSSV vào đầu năm học trong các buổi học tập chính trị đầu khóa (**1.12.02-Kế hoạch học tập đầu khóa của tân học sinh, sinh viên năm 2018, 2019, 2020**).

Đối với học sinh - sinh viên có kết quả học tập khá, giỏi nhà trường luôn có quyết định khen thưởng động viên kịp thời (**1.12.03-Quyết định công nhận sinh viên được hưởng học bổng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 1.3.01-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018, 2019, 2020**). Năm học 2017-2018, số tiền học bổng cho học sinh sinh viên là 203.805.750 đồng, năm học 2018-2019: số tiền học bổng cho học sinh, sinh viên là 163.264.000 đồng, năm học 2019-2020, số tiền học bổng cho học sinh sinh viên là 129.117.000 đồng (**1.12.04-Biên bản họp xét của Hội đồng xét học bổng; 1.12.05-Sổ quỹ tiền mặt chi tiền học bổng năm 2018, 2019, 2020 & Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2018, 2019**).

Trong tất cả các văn bản của trường có liên quan đến người học như thông báo tuyển sinh, quy định về chính sách ưu tiên, khen thưởng,... không có các nội dung phân biệt về giới tính, luôn thể hiện sự nhất quán trong chính sách của nhà trường là nam nữ bình quyền.

Định kì hàng năm, nhà trường đều có lập dự toán các khoản chi cho các đối tượng thụ hưởng chính sách ưu đãi và đều có báo cáo, lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định (**1.12.06-Quyết định miễn giảm học phí cho học sinh, sinh viên; 1.12.07-Quyết định thực hiện chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên**). Chế độ chính sách cho học sinh, sinh viên theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP năm 2018: 12.591.000.000 đồng, năm 2019: 7.100.000.000 đồng, năm 2020: 11.077.000.000 đồng (**1.12.08-Quyết định thành lập Hội đồng và biên bản xét của Hội đồng xét miễn giảm học phí năm 2018, 2019, 2020; 1.12.05-Sổ quỹ tiền mặt chi tiền học bổng năm 2018, 2019, 2020 & Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2018, 2019**).

Đối với đối tượng là cán bộ, giảng viên, công nhân viên các chế độ chính sách được thực hiện theo quy định của nhà nước và quy định rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ (**1.3.01-Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm**), quy chế nâng bậc lương trước thời hạn (**1.12.09-Quy chế nâng bậc lương nâng bậc lương trước thời hạn**), thể hiện qua các báo cáo tài chính, danh sách nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn (**1.12.10-Danh sách nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, danh sách nhà giáo hưởng phụ cấp ưu đãi nghề năm 2018, 2019, 2020**), bảng lương hàng tháng đối với các đối tượng được hưởng các chế độ phụ cấp theo quy định của nhà nước, chế độ hỗ trợ kinh phí đối với giảng viên giảng dạy tại các cơ sở đào tạo liên kết bên ngoài (**1.4.08- Quyết định số 65/QĐ-CĐCNNĐ ngày 26/01/2020 Quy định hỗ trợ kinh phí đối với giảng viên giảng dạy tại các cơ sở liên kết ngoài trường**). Nhà trường có văn bản quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên như giảm định mức giờ cho giảng viên nữ nghỉ thai sản, nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi (**1.12.11-Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên tại Quyết định số 695/QĐ-CĐCNNĐ ngày 25/7/2017**).

Để không ngừng nâng cao chất lượng, nhà trường có chế độ khuyến khích cán bộ, giảng viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, hỗ trợ kinh phí thi cho cán bộ giảng viên tham gia thi kỹ năng nghề quốc gia từ bậc 3 trở lên. Đối với cán bộ giảng viên được cử đi học trong nước, tiến sĩ khối ngành xã hội và kinh tế, mức hỗ trợ 50 triệu đồng/1 văn bằng, tiến sĩ khối ngành khoa học kỹ thuật, mức hỗ trợ 80 triệu đồng/1 văn bằng (**1.3.01-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018, 2019, 2020**). Tính từ năm 2018 đến năm 2020 nhà trường đã cử tổng số 151 giảng viên đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị và kỹ năng nghề với tổng số kinh phí được hỗ trợ là: Năm 2018: 157.212.500 đồng, năm 2019: 45.900.000 đồng, năm 2020: 60.600.000 đồng (**1.12.05-Sổ quỹ tiền mặt chi tiền học bổng năm 2018, 2019, 2020 & Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2018, 2019, 1.12.12-Quyết định hỗ trợ kinh phí cho một số đối tượng**).

Về việc thực hiện chính sách bình đẳng giới, trường đặc biệt quan tâm tới đội ngũ cán bộ, viên chức là nữ giới. Nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện cho nữ cán bộ, giáo viên trong việc thực hiện nhiệm vụ cũng như trong bổ nhiệm vị trí công tác. Cụ thể, trong số 22 cán bộ chủ chốt của nhà trường thì có 09 lãnh đạo là nữ (chiếm 40.9%) (**1.12.13-Danh sách cán bộ nữ lãnh đạo năm 2018, 2019, 2020**). Số lượng cán bộ nữ tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ đạt 33,3% (**1.12.14-Quyết định 379-QĐ/ĐUK chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ**

trường nhiệm kỳ 2015-2020). Số lượng cán bộ nữ tham gia Ban Chấp hành Công đoàn chiếm 54.5% (*1.10.01-Quyết định chuẩn y Ban chấp hành Công đoàn trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định nhiệm kỳ 2017-2022*). Năm 2018 trường có 07 đồng chí đi học lớp lý luận chính trị trong đó 03 đồng chí là nữ chiếm 42.85%.

Công tác tuyên truyền về bình đẳng giới được lồng ghép thông qua nhiều hoạt động trong những ngày lễ, kỷ niệm dưới nhiều hình thức phong phú như hội nghị, hội thảo, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề. Công đoàn và Đoàn thanh niên đã tổ chức buổi tọa đàm về vai trò của người phụ nữ trong gia đình, sức khỏe sinh sản và tư vấn về sức khỏe định kỳ cho đối tượng là nữ viên chức, người lao động và nữ sinh của trường trong quý 4 năm 2018 và quý 4 năm 2020 (*1.12.15-Kế hoạch giáo dục sức khỏe giới tính nữ học sinh, sinh viên; Kế hoạch tổ chức buổi nói chuyện chuyên đề*).

Việc thực hiện chính sách bình đẳng giới ở trường còn được thể hiện qua các báo cáo về việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới gửi lên cấp trên và qua việc cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn về công tác cán bộ nữ (*1.12.16-Báo cáo về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình; 1.12.17-Quyết định tham dự lớp tập huấn công tác cán bộ nữ*).

Trong việc thực hiện chế độ chính sách, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ...trường đều thực hiện đúng quy định của pháp luật về bình đẳng giới.

Qua kết quả khảo sát, đa số đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên hài lòng và rất hài lòng với việc thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước và chính sách bình đẳng giới của Trường (*1.7.06 –Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020; 1.7.05–Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 1: 1 điểm

3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định với bề dày 65 năm, hoạt động đào tạo của Trường luôn là mục tiêu chính và là một trong những tiêu chí phấn đấu trở thành trường chất lượng cao với nhiều ngành/nghề trọng điểm cấp độ Quốc tế, ASEAN và Quốc gia. Trong hoạt động đào tạo Trường đã chấp hành đầy đủ, nghiêm túc các thông tư, quy chế,

quy định của Bộ LĐTBXH, Bộ Công thương về công tác tuyển sinh, tổ chức các hoạt động đào tạo; kịp thời tiếp thu kinh nghiệm, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ 4.0, các xu hướng tích cực, tiên bộ của thế giới và trong nước về công tác đào tạo, gắn hoạt động đào tạo với nhu cầu phát triển xã hội, nhu cầu nhân lực địa phương; từng bước nâng cao vị thế, vai trò của trường với xã hội, đáp ứng nhu cầu của các Doanh nghiệp trong và ngoài nước.

*** Những điểm mạnh:**

Công tác tuyển sinh của trường được thực hiện theo đúng Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 07/2019/TT-BLĐTBXH và Quy chế tuyển sinh của Trường; hình thức tuyển sinh, chỉ tiêu, đối tượng, kết quả tuyển sinh các năm đều được trường thông báo công khai. Đặc biệt từ năm 2017 Trường đã được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp phép bổ sung hoạt động GDNN với chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho các hệ đào tạo Cao đẳng, Trung cấp và sơ cấp.

Công tác xây dựng chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo được thực hiện theo đúng quy định của Bộ LĐTBXH. Kết quả xây dựng các năm đều được trường thông báo công khai.

Trường đã thực hiện tổ chức đào tạo theo mục tiêu và nội dung chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp; xây dựng, chỉnh lý và phát triển chương trình đào tạo theo hướng GDNN; xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến độ giảng dạy kịp thời và phù hợp.

Hầu hết giảng viên nhà trường đã thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

Trường có các trang thiết bị hiện đại, tiên tiến đáp ứng cho công tác tổ chức đào tạo theo hướng GDNN. Đặc biệt trong năm 2019 Trường được tổng cục GDNN, Bộ LĐTBXH giao cho đào tạo thí điểm nghề Thiết kế thời trang hệ cao đẳng theo tiêu chuẩn của cộng hòa liên bang Đức.

Hiện tại trường đã có 05 ngành/ngành trọng điểm cấp độ Quốc tế và Quốc gia

Việc lưu trữ kết quả học tập của người học được trường thực hiện nghiêm túc, chính xác. Kết quả học tập của người học được quản lý, lưu trữ an toàn và đầy đủ.

Công tác tổ chức thi, kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học được nhà trường thực hiện theo đúng kế hoạch, khách quan, chính xác và đảm bảo đúng quy chế; việc đổi

mới phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được trường coi trọng và triển khai thực hiện theo đúng quy chế

Việc lấy ý kiến của người học, nhà giáo, Doanh nghiệp được nhà trường thực hiện thường xuyên, khách quan.

Công tác cấp phát, in ấn và quản lý văn bằng, chứng chỉ được Nhà trường thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế.

*** Những tồn tại:**

Trong những năm gần đây công tác tuyển sinh của Trường gặp nhiều khó khăn do nhiều nguyên nhân (chủ yếu là nguyên nhân khách quan). Do đó công tác tuyển sinh hàng năm chưa tuyển đủ hết các ngành/ngành mà trường được cấp phép đào tạo.

Một số ngành/ngành đào tạo khó tuyển sinh do người học đăng ký không nhiều, không thành lập được lớp.

Công tác quản lý hoạt động học tập của học sinh đã được tăng cường thường xuyên nhưng vẫn còn hiện tượng học sinh đi học muộn.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Trong công tác tuyển sinh, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng Trường sẽ luôn phấn đấu đạt chỉ tiêu được giao trong năm 2021 và những năm tiếp theo.

Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng về phương pháp dạy học mới, phương pháp dạy học hiện đại, cử các giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghề. Phát huy và nhân rộng những giờ dạy theo hướng tiếp cận kỹ năng nghề và phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu cũng như tinh thần hợp tác của người học.

Trường tiếp tục cập nhật các quy chế đào tạo mới của Bộ, đồng thời khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực của các doanh nghiệp, tuyển sinh những ngành nghề đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động, cán bộ kỹ thuật của các doanh nghiệp

Trường tiếp tục phối hợp chặt chẽ hơn với các Trung tâm GDNN-GDTX, phòng chức năng phối hợp cùng các khoa chuyên môn trong Trường để xây dựng kế hoạch, tiến độ và thời khóa biểu phù hợp, không bị chồng chéo lịch giảng dạy, đồng thời thực hiện tổ chức theo đúng tiến độ đã được phê duyệt.

Trường tiếp tục khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực của các doanh nghiệp, phát triển, xây dựng và chỉnh lý chương trình đào tạo theo hướng GDNN, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động, cán bộ kỹ thuật của các doanh nghiệp.

Đầu tư kinh phí, nâng cấp trang thiết bị hệ thống lưu trữ chuyên dụng để đảm bảo an toàn,

chính xác kết quả người học. Đẩy mạnh hình thức tổ chức quản lý theo hướng ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động dạy của giảng viên đồng thời đẩy mạnh hình thức thi trắc nghiệm khách quan. Tiếp tục hoàn thiện ngân hàng đề thi.

Triển khai lấy ý kiến của HSSV và các nhà sử dụng lao động về chất lượng đào tạo của trường để có kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

Khảo sát điều tra định kì về tình hình HSSV sau khi tốt nghiệp để nắm được năng lực chuyên môn của người học và thu nhập của họ sau khi ra trường.

Thành lập hội cựu sinh viên, xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát nắm bắt tình hình HSSV của trường sau khi đã tốt nghiệp ra trường.

Đặc biệt từ năm học 2021 – 2022 Trường sẽ chú trọng đầu tư nhiều hơn nữa về trang thiết bị, cơ sở vật chất, phấn đấu trở thành trường chất lượng cao với nhiều ngành/ngành trọng điểm cấp độ Quốc tế, ASEAN và Quốc gia.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	16
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	0
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1
Tiêu chuẩn 16	1
Tiêu chuẩn 17	1

Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện hướng dẫn của Tổng cục GDNN, Trường đã hoàn thiện các thủ tục chuyển đổi đào tạo theo hướng GDNN. Năm 2017 Trường đã được tổng cục cấp giấy chứng nhận hoạt động GDNN với tổng số 42 ngành/ nghề đào tạo. Hằng năm Trường luôn thực hiện các thủ tục đăng ký cấp phép bổ sung hoạt động GDNN. Năm 2020 trường đã được Tổng cục GDNN- Bộ lao động Thương binh & Xã hội cấp phép bổ sung hoạt động GDNN tại Trường và tại các đơn vị liên kết. Các ngành nghề đào tạo hằng năm của Trường luôn thực hiện theo đúng chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN (*1.2.06-Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN*).

Hàng năm Trường luôn thực hiện các thủ tục để ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo, đồng thời công bố công khai trên website của Trường (*2.1.01-Kế hoạch xây dựng và công bố chuẩn đầu ra năm 2018, 2019, 2020; 2.1.02-Hội đồng thẩm định chương trình chuẩn đầu ra năm 2018, 2019, 2020; 2.1.03-Biên bản thẩm định chương trình chuẩn đầu ra năm 2018, 2019, 2020; 2.1.04-Quyết định ban hành chương trình đào tạo chuẩn đầu ra năm 2018, 2019, 2020; 1.1.08-Địa chỉ trang web của nhà trường: www.cnd.edu.vn*).

Công tác xây dựng chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo được thực hiện theo đúng quy định của Bộ LĐTĐBXH. Kết quả xây dựng các năm đều được trường thông báo công khai (*2.1.05-Địa chỉ trang web chuẩn đầu ra chương trình đào tạo*).

Hàng năm trường luôn thực hiện công tác thu thập ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý để có cái nhìn tổng quát và đổi mới trong công tác xây dựng, chỉnh lý, phát triển chương trình đào (*2.1.06-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020; 1.07.05-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến nhà giáo năm 2018, 2019, 2020; 1.7.06-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm căn cứ quy chế tuyển sinh do Bộ ban hành, Trường xây dựng Quy chế tuyển sinh của Trường, trong đó thể hiện rõ các ngành/nghề tuyển sinh theo đúng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN của Bộ, đối tượng tuyển sinh, hình thức tuyển sinh, phương án xét tuyển đối với các bậc đào tạo theo đúng quy định (*1.2.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN; 2.2.01-Quy chế tuyển sinh Trường CĐCNĐ năm 2018, 2019, 2020, 2021*).

Các quy định về tuyển sinh, thông tin tuyển sinh và phương án xét tuyển được trường thông báo công khai tại trường, báo cáo các cơ quan quản lý trường như Bộ Công Thương, Bộ LĐTBXH, Sở LĐTBXH, Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định và đăng công khai trên website của Trường [website: www.cnd.edu.vn]. Áp dụng nhiều hình thức tuyển sinh mới như đăng ký trực tuyến, mạng xã hội Facebook, Zalo....

Trường thường xuyên cập nhật những ứng dụng công nghệ thông tin mới trong công tác xây dựng phương án xét tuyển cũng như quảng bá thông tin tuyển sinh và giới thiệu về Trường theo đúng quy định.

Website về tuyển sinh của Trường đã có nhiều đổi mới để thu hút người học, do đó trong những năm gần đây công tác tuyển sinh trực tuyến cũng có hiệu quả, tuy chưa nhiều nhưng số lượng người học check in đã tăng lên đáng kể.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác tuyển sinh của trường hàng năm được đảm bảo thực hiện nghiêm túc, khách quan theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ LĐTBXH. Hàng năm, Hội đồng tuyển sinh nhà trường đã họp tổng kết công tác tuyển sinh năm trước và xác định chỉ tiêu tuyển sinh của năm tiếp theo (*2.3.01-Biên bản họp hội đồng tổng kết tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020, 2021; 1.2.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN*); ban hành quy chế tuyển sinh của trường, xây dựng kế hoạch tuyển sinh, thông báo tuyển

sinh, thành lập Hội đồng tuyển sinh và các tiểu ban để triển khai công tác tuyển sinh đúng quy trình và quy định (*2.3.02-Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020, 2021; 2.3.03-Quyết định thành lập các tiểu ban tuyển sinh (Ban thư ký, Ban cơ sở vật chất, ban phúc tra) năm 2018, 2019, 2020, 2021; 2.2.01-Quy chế tuyển sinh của Trường CĐCNĐ năm 2018, 2019, 2020, 2021; 2.3.04-Thông báo tuyển sinh của trường năm 2018, 2019, 2020, 2021; 2.3.05-Kế hoạch tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020, 2021*).

Công tác tuyển sinh của trường được đảm bảo thực hiện công bằng, khách quan, theo đúng quy định của Bộ LĐTĐ và theo đúng thông tư 05. Trong những năm qua, trường không để xảy ra hiện tượng sai phạm nào trong công tác tuyển sinh. Kết quả xét tuyển, phương án xét tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển được trường thông báo công khai tại trường, báo cáo các cơ quan quản lý cấp trên như Bộ Công Thương, Bộ LĐTĐ, sở LĐTĐ, sở GD&ĐT tỉnh Nam Định. Hội đồng tuyển sinh họp xét trúng tuyển theo đúng quy định, đồng thời xác định các ngành/nghề trường sẽ tiếp tục tuyển sinh trong các năm tiếp theo theo đúng giấy phép đã được Bộ cấp đối với các hệ Cao đẳng, Trung cấp (*2.3.06-Hồ sơ đăng ký học nghề năm 2018, 2019, 2020; 2.3.07-Biên bản họp hội đồng tuyển sinh xét trúng tuyển năm 2018, 2019, 2020 (Biên bản có kết luận những ngành/nghề Trường tiếp tục tuyển sinh năm tiếp theo); 2.3.08-Quyết định trúng tuyển năm 2018, 2019, 2020; 2.3.09-Quyết định thành lập lớp năm 2018, 2019, 2020; 2.3.10-Biên bản thanh kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020*).

Kết thúc năm tuyển sinh, chuẩn bị bước vào năm tuyển sinh tiếp theo Hội đồng tuyển sinh nhà trường họp tổng kết công tác tuyển sinh và đưa ra phương hướng nhiệm vụ tuyển sinh trong năm tới (*1.2.02-Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020*).

Trường thực hiện nghiêm túc công tác thu thập ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về công tác tuyển sinh, từ đó có những định hướng và phương án tuyển sinh phù hợp với từng đối tượng, ngành/nghề đào tạo của Nhà trường (*2.1.06- Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020; 1.7.05-Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020; 1.7.06- Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học

Mô tả, phân tích, nhận định:

Những năm gần đây ngoài việc tổ chức đào tạo tại trường, tại các doanh nghiệp, nhà trường còn liên kết đào tạo tại các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên cho đối tượng các em học sinh vừa học văn hóa Trung học phổ thông và vừa học nghề tại các địa bàn các huyện của các tỉnh: Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa,...

Thực hiện đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo theo niên chế và theo tín chỉ (**2.4.01-Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng theo tín chỉ; 2.4.02-Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế**); đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu đã được Đảng ủy, ban Giám hiệu quán triệt, chỉ đạo cán bộ, giảng viên và học sinh-sinh viên hưởng ứng và thực hiện nghiêm túc.

Hàng năm căn cứ vào kết quả tuyển sinh, Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, thực hiện phân công giảng viên thực hiện đúng quy định đảm bảo về chất lượng đào tạo (**2.4.03-Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.3.08-Quyết định trúng tuyển các năm 2018, 2019, 2020; 2.3.09-Quyết định thành lập lớp năm 2018, 2019, 2020; 1.5.03-Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**), thực hiện hội giảng, hội học tìm ra các phương pháp dạy học tích cực từ cấp khoa, cấp trường. Trường cũng đã cử các giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng tập huấn để nâng cao kỹ năng nghề, tiếp cận phương pháp dạy học mới trong dạy học phục vụ nhiệm vụ đào tạo. Trường cũng đã xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá giờ dạy của giảng viên, thu thập ý kiến của sinh viên, giáo viên, cán bộ quản lý về chất lượng giảng dạy của giảng viên (**2.1.06- Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020; 1.7.05-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến nhà giáo năm 2018, 2019, 2020 ; 1.7.06- Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020**).

Công tác đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo, đổi mới phương pháp dạy và học được trường hết sức quan tâm, tổ chức bồi dưỡng về phương pháp và có sự đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại. Tuy nhiên trong 3 năm gần đây Nhà trường có thực hiện đào tạo song song 2 phương thức đào tạo nhưng chưa đảm bảo được ít nhất

30% số ngành nghề thực hiện ít nhất 2/3 phương thức.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn không đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 0 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, đầu năm học căn cứ chương trình đào tạo và quyết định mở lớp các ngành/ngành đào tạo đã tuyển sinh được trong năm, Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa và tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành/ngành đào tạo theo từng năm học, trình Hiệu trưởng phê duyệt để chuẩn bị cho công tác tổ chức đào tạo theo quy định (*2.5.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018,2019,2020; 2.3.09-Quyết định thành lập lớp năm 2018, 2019, 2020; 2.5.02-Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm 2018, 2019, 2020; 2.4.03-Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Để triển khai thực hiện tốt việc đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, hằng năm trường đều tiến hành xây dựng Kế hoạch đào tạo chi tiết (Kế hoạch phân công giảng viên theo học kỳ), trong đó thể hiện chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy theo quy chế đào tạo (*1.5.03-Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã tổ chức các quy trình đào tạo, thực hiện nhiệm vụ năm học, thực hiện giảng dạy theo đúng kế hoạch đào tạo, tiến độ giảng dạy (*2.5.02-Kế hoạch đào tạo toàn*

khóa năm 2018, 2019, 2020; 2.4.03-Tiến độ đào tạo năm 2018, 2019, 2020; 1.5.03-Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Hàng năm căn cứ và tiến độ giảng dạy, kế hoạch giảng dạy trường tiến hành xây dựng thời khóa biểu từng tuần học và nhiệm vụ năm học, khóa học *(2.6.01-Thời khoá biểu các học kỳ các năm 2018, 2019, 2020).*

Trường đã thực hiện tổ chức đào tạo theo mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo. Các giảng viên, giáo viên được phân công giảng dạy đảm bảo đủ tiêu chuẩn về nhà giáo. Đội ngũ nhà giáo đã thực hiện đầy đủ về nghiệp vụ giảng viên, luôn đổi mới trong công tác giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực của HSSV theo hướng phát triển kỹ năng nghề, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp *(2.6.02-Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy của giáo viên, Sổ tay giáo viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.6.03-Hồ sơ nhà giáo).*

Trong công tác đảm bảo chất lượng đào tạo, Trường đã thực hiện nghiêm túc việc thanh tra, kiểm tra, củng cố tăng cường công tác tổ chức đào tạo theo đúng kế hoạch đã được Hiệu trưởng phê duyệt *(1.11.07-Thông báo về việc củng cố và tăng cường công tác tổ chức đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.11.02-Kế hoạch thanh tra, kiểm tra học kỳ I, II năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.11.03-Báo cáo kết quả công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ hàng tháng năm 2018, 2019, 2020).* Đặc biệt trong năm 2020 do dịch bệnh (covid-19) làm kế hoạch học tập của HSSV có sự biến động, nhà trường đã có thông báo cụ thể về việc thay đổi lịch học, triển khai kế hoạch dạy online *(2.6.04-Thông báo thay đổi lịch học do dịch bệnh covid; 2.6.05-TKB dạy online).*

Kết thúc năm học Trường thực hiện đầy đủ công tác Báo cáo hoạt động đào tạo của Trường với cơ quan quản lý cấp trên theo quy định *(1.6.10-Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã tổ chức các hoạt động đào tạo theo đúng mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo của từng ngành, nghề cụ thể đã được phê duyệt *(2.5.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018, 2019, 2020)*. Để triển khai thực hiện tốt việc đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, hằng năm trường đều tiến hành xây dựng tiến độ giảng dạy, kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu và nhiệm vụ năm học, khóa học *(2.4.03-Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.5.03-Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.6.01-Thời khóa biểu các học kỳ các năm 2018, 2019, 2020)*. Việc tổ chức đào tạo theo đúng mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo còn được các giảng viên trong Nhà trường thực hiện rất tốt nghiệp vụ giảng viên, thể hiện trong giáo án, bài giảng, giáo trình, sổ tay giáo viên, phương tiện, mô hình dạy học,... *(2.6.02-Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy của giáo viên, Sổ tay giáo viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.7.01-Bản in các giáo trình đào tạo; 2.7.02-Phương tiện/mô hình dạy học)*.

Nội dung chương trình đào tạo của Trường luôn đáp ứng được nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, được các doanh nghiệp đánh giá cao. Hàng năm căn cứ vào tiến độ đào tạo (trong đó thể hiện rõ thời gian, kế hoạch thực tập), Trường phối hợp với các Doanh nghiệp đưa học sinh – sinh viên của Trường đến các Doanh nghiệp thực hành, thực tập, đồng thời phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho HSSV trong suốt quá trình thực tập, thực hiện mọi nội quy quy định theo từng ngành, nghề đặc thù cụ thể *(2.4.03-Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.7.03-Thỏa thuận/Hợp đồng thực tập, thực hành với các đơn vị sử dụng lao động năm 2018, 2019, 2020; 2.7.04-Bảng thống kê danh mục các thỏa thuận/hợp đồng thực tập của tất cả các nghề đã bố trí cho HSSV đi thực tập các năm 2018, 2019, 2020; 2.7.05-Quyết định cử HSSV đi thực tập tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020; 2.7.06-Quyết định cử giáo viên hướng dẫn thực tập năm 2018, 2019, 2020)*. Kết thúc quá trình thực hành, thực tập đều có sự đánh giá của Doanh nghiệp theo đúng quy

định *(2.7.07-Báo cáo thực tập của HSSV có nhận xét của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020; 2.7.08-Báo cáo kết quả thực tập của giáo viên giảng dạy năm 2018, 2019, 2020 (bảng điểm KQ thực tập); 2.7.09-Danh sách HSSV hoàn thành khóa thực tập năm 2018, 2019, 2020)*).

Trường tiếp tục khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực của các doanh nghiệp, điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng GDNN, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn thực hiện tổ chức đào tạo, đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn đã được Đảng ủy, ban Giám hiệu quán triệt, chỉ đạo cán bộ, giảng viên, học sinh-sinh viên hưởng ứng và thực hiện nghiêm túc trong suốt quá trình dạy và học. Thực hiện nghiêm túc nghiệp vụ giảng viên và tăng cường rèn luyện kỹ năng thực hành cho HSSV *(2.5.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018, 2019, 2020; 2.6.02-Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy của giáo viên, Sổ tay giáo viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.7.02-Phương tiện/mô hình dạy học)*.

Hằng năm Lãnh đạo Nhà trường chỉ đạo hội giảng, hội học tìm ra các phương pháp dạy học tích cực từ cấp khoa, cấp trường nhằm phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức hoạt động dạy/học và làm việc theo nhóm, sinh hoạt chuyên môn với mục tiêu nhằm đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp sau khi HSSV tốt nghiệp ra trường *(2.8.01-Kết quả bài tập nhóm; 2.8.02-Hệ thống các bài tập nhóm của giảng viên; 2.8.03-Biên bản sinh hoạt chuyên môn các đơn vị năm 2018, 2019, 2020)*.

Trường cũng đã xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá giờ dạy của giảng viên, tiến hành dự giờ, thanh kiểm tra hoạt động giảng dạy *(2.8.04-Biên bản làm việc (về việc kiểm*

tra, dự giờ) năm 2018, 2019, 2020; 2.8.05-Phiếu đánh giá giờ dạy của giảng viên năm 2018, 2019, 2020), đồng thời tiến hành thu thập ý kiến của người học, nhà giáo để đánh giá chất lượng giảng dạy (2.1.06- Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020; 1.7.05-Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường luôn đẩy mạnh công tác thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học. Thực hiện bài giảng điện tử, sử dụng có hiệu quả các phần mềm mô phỏng trong dạy học tích cực. Hệ thống quản lý việc dạy và học, quản lý điểm, khung chương trình đào tạo, lịch giảng dạy của giảng viên cũng được quản lý trên phần mềm “Quản lý đào tạo” và lưu trữ trên máy tính (2.9.01-Bài giảng điện tử của giáo viên năm 2018, 2019, 2020; 2.9.02-Danh mục các phần mềm mô phỏng năm 2018, 2019, 2020; 2.9.03-Danh mục thiết bị, phương tiện dạy và học tại các phòng học chuyên môn năm 2018, 2019, 2020; 2.9.04-Phần mềm quản lý đào tạo; 2.9.05-Bảng thống kê các ngành/nghề, các mô đun môn học có sử dụng phần mềm).

Đặc biệt trường đã triển khai hệ thống thông tin quản lý tới toàn thể giáo viên, mỗi cán bộ giảng viên đều có hòm thư riêng của Trường để nhà trường thông báo và triển khai các nội dung trong công tác quản lý đào tạo (2.9.06-Danh sách hòm thư địa tử của cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Nhà trường).

Bên cạnh đó, Trường đã triển khai hệ thống quản lý hành chính điện tử; hệ thống các thông tin về các hoạt động đào tạo của nhà trường (lịch học tập của sinh viên, văn bằng chứng chỉ, công khai điều kiện dạy học, ...) được thể hiện trên trang thông tin điện tử của nhà trường và thể hiện đầy đủ trên Website của nhà trường (1.1.08-Địa chỉ trang web của nhà trường: www.cnd.edu.vn).

Trong quá trình tổ chức đào tạo, Trường tiến hành thu thập ý kiến của người học, nhà giáo để đánh giá chất lượng dạy và học của giảng viên và học sinh – sinh viên

(2.1.06–Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020; 1.7.05-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến nhà giáo năm 2018, 2019, 2020).

Hiện nay trường vẫn đang tiếp tục đẩy mạnh hình thức tổ chức quản lý theo hướng ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học phù hợp với thời đại công nghệ thông tin – công nghệ 4.0.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.10: Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường luôn thực hiện đúng quy chế đào tạo của Tổng cục GDNN Bộ LĐTB &XH về công tác thanh kiểm tra hoạt động dạy và học nhà trường. Đầu học kỳ Phòng QLKH&ĐBCL lập kế hoạch thanh kiểm tra trình lãnh đạo trường phê duyệt *(1.11.02-Kế hoạch thanh tra, kiểm tra học kỳ I, II năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).*

Hàng tháng, phòng QLKH&ĐBCL căn cứ vào kế hoạch thanh, kiểm tra của học kỳ đã lập theo tháng để kiểm tra, giám sát. Căn cứ vào tiến độ đào tạo, phòng đào tạo lập thời theo tuần. Hàng ngày, hàng tuần bộ phận thanh, kiểm tra thuộc phòng QLKH&ĐBCL kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giảng dạy, công tác chuẩn bị và thực hiện giờ giảng của giảng viên, tổ chức học tập cho học sinh, sinh viên trên lớp lý thuyết và phòng học thực hành *(2.10.01-Nhật ký thanh tra)*.

Theo thời khóa biểu của phòng đào tạo, khi bố trí giáo viên giảng dạy hết mô đun thì sẽ tổ chức thi kết thúc. Việc tổ chức thi được giao cho khoa chuyên môn chủ động bố trí giáo viên coi thi và tổ chức thi, phòng QLKH&ĐBCL sẽ kiểm tra công tác tổ chức thi và coi thi kết thúc mô đun hệ CĐ, TC *(1.11.04-Biên bản kiểm tra thi kết thúc môn học, mô đun)*. Ngoài ra, hàng tháng phòng QLKH & ĐBCL định kỳ kiểm tra hồ sơ giảng dạy của các giảng viên tại các khoa như: Dạy bao nhiêu mô đun, môn học, có đủ bao nhiêu giáo án, chương trình môn học, sổ tay ghi chép, sổ lên lớp hàng ngày *(1.11.08-Thông báo về việc thanh tra thực hiện các quy định trong giảng dạy; 1.11.10- Biên bản làm việc)*.

Ngoài ra, hàng tháng phòng QLKH&ĐBCL kết hợp với các phòng khoa chức năng như phòng đào tạo, phòng TCHC dự giờ có báo trước hoặc đột xuất giảng viên của các khoa

(1.11.08 Thông báo về việc thanh tra thực hiện các quy định trong giảng dạy 1.11.10- Biên bản làm việc) .

Cuối học kỳ phòng đào tạo thực hiện thông báo thu hồ sơ giảng dạy gồm có: số lượng giáo án, sổ tay giáo viên tương ứng với số mô đun, môn học mà giáo viên được phân công giảng dạy trong học kỳ đó *(2.10.02-Thông báo thực hiện nghiệp vụ giảng dạy của phòng đào tạo; 2.10.03-Báo cáo kết quả thực hiện nghiệp vụ giảng dạy).*

Công tác tổ chức kiểm tra giám sát hoạt động dạy và học được nhà trường thực hiện đúng theo kế hoạch, khách quan, chính xác, đảm bảo đúng quy định cụ thể là hàng tháng phòng QLKH&ĐBCL báo cáo bằng văn bản gửi lãnh đạo nhà trường, đề xuất kiến nghị và xin ý kiến chỉ đạo *(1.11.03-Báo cáo kết quả công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ hàng tháng năm 2018, 2019, 2020).* Việc kiểm tra, giám sát được phòng QLKH&ĐBCL triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch đã được lãnh đạo trường phê duyệt *(2.10.04-Báo cáo thi đua của đơn vị phòng Đào tạo năm 2018; 2019; 2020).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.11: Hàng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường cao đẳng Công nghiệp Nam định hàng năm đều có các báo cáo kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học. Trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học. Cụ thể theo từng học kỳ phòng QLKH&ĐBCL lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra sau đó báo cáo công tác kiểm tra theo từng tháng cho ban lãnh đạo trường *(1.11.02-Kế hoạch thanh tra, kiểm tra học kỳ I, II năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.11.03-Báo cáo kết quả công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ hàng tháng năm 2018, 2019, 2020).* Trong học kỳ để củng cố và tăng cường công tác đào tạo, phòng QLKH&ĐBCL lập thông báo trình Hiệu trưởng phê duyệt về việc thực hiện các quy định trong giảng dạy: về việc dự giờ có báo trước, không báo trước, kiểm tra hồ sơ giảng dạy *(1.11.07-Thông báo của Hiệu trưởng về việc củng cố và tăng cường công tác đào tạo tại trường năm học 2018-2019, 2019- 2020, 2020- 2021; 1.11.08-Thông báo về việc thanh tra thực hiện các quy định trong giảng dạy; 1.11.09-Phiếu đánh giá giờ dạy của giảng viên;*

1.11.10-Biên bản làm việc 1.11.03-Báo cáo kết quả công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ hàng tháng năm 2018, 2019, 2020).

Căn cứ kết quả công tác thanh, kiểm tra trên các mặt hoạt động dạy và học của nhà trường, hàng tháng trong các cuộc họp giao ban, Ban giám hiệu nhà trường đã có những đánh giá và chấn chỉnh những mặt còn tồn tại, yếu kém trong hoạt động dạy và học. Trên cơ sở đó, Ban giám hiệu đã đề ra kế hoạch công tác cho tháng tiếp theo để kịp thời khắc phục những điểm tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng dạy và học (*2.11.01-Biên bản họp giao ban hàng tháng năm 2018, 2019,2020*). Từ những nội dung trong các cuộc họp của các khoa đã truyền tải thông tin của ban giám hiệu đồng thời góp ý, nhắc nhở, chấn chỉnh những giáo viên chưa làm tốt nghiệp vụ giảng dạy, quản lý học sinh sinh viên để hoạt động đào tạo của nhà trường ngày càng chuẩn chỉ..*(2.11.02-Biên bản họp của các khoa năm 2018, 2019, 2020)*.

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về công tác thanh tra (*1.7.05-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến nhà giáo năm 2018, 2019, 2020; 1.7.06-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường ban hành đầy đủ quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ trong toàn trường theo thông tư hướng dẫn 09/2017/TT/ BLĐTBXH (*2.4.02-Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế; 2.12.01-Quy chế rèn luyện của HSSV năm 2018,2019,2020; 2.12.02-Quyết định đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV*).

Hàng năm trường căn cứ vào quy chế đào tạo, kế hoạch đào tạo để lập các kế hoạch thi tốt nghiệp, thành lập hội đồng thi tốt nghiệp, hội đồng xét tốt nghiệp, các quyết định đủ điều kiện thi & công nhận tốt nghiệp (*1.8.06-Kế hoạch thi tốt nghiệp các lớp các năm 2018, 2019, 2020; 2.12.03-Các Quyết định thi tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020 gồm:*

Thành lập Hội đồng thi, các tiểu ban giúp việc cho hội đồng thi; 2.12.04–Quyết định công nhận sinh viên đủ điều kiện dự thi).

Để quản lý văn bằng, chứng chỉ nhà trường có Quy định về quy trình in, quản lý bảo quản, bảo mật, sử dụng phôi văn bằng, chứng chỉ (*1.4.03-Quyết định số 349/QĐ-CĐCNND ngày 31/05/2018 về việc ban hành Quy chế quy định về sử dụng phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định*). Việc quản lý việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ nhà trường căn cứ theo Thông tư 10/2017/TT-BLĐTBXH và thông tư số 23/2018/TT-BLĐTBXH. Mẫu phôi bằng hệ Cao đẳng, Trung cấp nhà trường đăng ký mua phôi bằng, chứng chỉ tại Sở lao động Thương binh & Xã hội (*2.12.05-Phiếu đặt mua phôi bằng chứng chỉ; 2.12.06-Hợp đồng kinh tế về việc mua phôi bằng chứng chỉ; 2.12.07-Phiếu nhập kho phôi bằng tốt nghiệp năm 2018; 2.12.08-Phiếu xuất kho phôi bằng phục vụ đào tạo*). Việc quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ sơ cấp, giấy chứng nhận nghề, chứng chỉ đào tạo cho người học nhà trường có các sổ cấp phát với từng trình độ (*2.12.09-Sổ gốc cấp phát văn bằng tốt nghiệp hệ trung cấp, cao đẳng năm 2018, 2019,2020*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay nhà trường được cấp phép đào tạo 42 ngành nghề, trong đó bậc đào tạo cao đẳng là 29 ngành, nghề; trung cấp là 21 ngành, nghề; sơ cấp là 10 ngành, nghề.

Trong quá trình tổ chức thực hiện đào tạo ở nhà trường đều có sự tham gia của các đơn vị sử dụng lao động. Để thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng thực tế yêu cầu lao động. Nhà trường đã luôn phối hợp và liên kết chặt chẽ với đơn vị sử dụng lao động là các nhà máy, công ty, xí nghiệp, cơ sở sản xuất... (*2.07.03-Hợp đồng tiếp nhận sinh viên trải nghiệm thực tập tại các Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020*). Quá trình đánh giá kết quả thực tập của HSSV bên cạnh việc đánh giá kết quả tại trường, nhà trường còn lấy ý kiến nhận xét, đánh giá

từ các doanh nghiệp, những đơn vị sử dụng lao động thông qua kết quả thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp tại cơ sở mà HSSV đến thực tập (**2.7.05- Quyết định cử HSSV đi thực tập tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020**); **2.7.07-Báo cáo thực tập của HSSV có nhận xét của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020**; **2.7.08-Báo cáo kết quả thực tập của giáo viên giảng dạy năm 2018, 2019, 2020 (bảng điểm KQ thực tập)**). Đặc biệt có ngành May nhà trường cử giảng viên đi quản lý Sinh viên thực tập tại doanh nghiệp (**2.07.06- Quyết định cử giáo viên hướng dẫn thực tập năm 2018, 2019, 2020**). Kết thúc khoá học, nhà trường tổ chức thi tốt nghiệp, việc đánh giá kết quả thi tốt nghiệp nhà trường có mời cán bộ, nhân viên kỹ thuật của doanh nghiệp tham gia đánh giá kết quả thi (**2.12.03- Các Quyết định thi tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020 gồm: Thành lập Hội đồng thi, các tiểu ban giúp việc cho hội đồng thi; 2.13.01-Biên bản chấm thi tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020**)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.14. Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng công nghiệp Nam định tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp đảm bảo nghiêm túc, khách quan, minh bạch và đúng quy chế. Cuối mỗi kỳ học nhà trường tổ chức thi kết thúc môn học (**1.8.05-Lịch thi kết thúc học kỳ I, II năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**). Sau khi tổ chức coi thi, phòng QLKH&ĐBCL nhận bài thi từ giáo viên coi thi (**2.14.01-Biên bản bàn giao bài thi kết thúc học kỳ I, II năm học 2018, 2019, 2020**). Bộ phận thư ký thi sẽ đánh phách bài thi, bàn giao bài thi cho giáo vụ của các khoa, giáo vụ khoa bàn giao bài thi cho giáo viên dạy môn học đó, sau khi chấm xong giáo viên sẽ bàn giao bài thi, biên bản chấm thi cho giáo vụ khoa. Công việc tiếp theo là giáo vụ của các khoa sẽ trả bài thi và biên bản chấm thi của tất cả các môn học về phòng QLKH&ĐBCL, phòng QLKH&ĐBCL sẽ trả đầu phách về cho giáo vụ các khoa, giáo vụ sẽ vào điểm của từng môn học (**2.14.02-Sổ giao nhận bài thi của phòng QLKH&ĐBCL với giáo vụ của các khoa học kỳ I, II năm học 2018,2019, 2020; 2.14.03-Sổ giao nhận bài thi của giáo vụ khoa với giáo viên học kỳ I,**

II năm học 2018, 2019, 2020). Kết quả cuối cùng là bảng điểm của từng môn học gửi về cho phòng Đào tạo 1 bản, phòng QLKH&ĐBCL 1 bản, giảng viên lưu 1 bản, giáo vụ lưu 1 bản, 1 bản công bố cho sinh viên, học sinh. Kết thúc kỳ thi phòng QLKH&ĐBCL báo cáo kết quả tổ chức thi cho lãnh đạo trường (*2.14.04-Báo cáo kết quả tổ chức thi kết thúc học kỳ I, II năm 2018, 2019, 2020*).

Hàng năm căn cứ vào kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo Phòng QLKH&ĐBCL lập kế hoạch và tổ chức thi tốt nghiệp hệ cao đẳng, liên thông & trung cấp gửi phòng Đào tạo và các đơn vị liên quan (*1.8.06-Kế hoạch thi tốt nghiệp các lớp các năm 2018, 2019, 2020*). Sau đó phòng Đào tạo sẽ tổng hợp kết quả học tập & nhận tổng hợp kết quả rèn luyện của HSSV từ phòng công tác HSSV rồi gửi các phòng khoa liên quan. Nhà trường sẽ họp xét điều kiện dự thi tốt nghiệp (*2.14.05-Biên bản họp xét điều kiện dự thi tốt nghiệp*). Phòng Đào tạo sẽ chuyển danh sách đủ điều kiện dự thi Tốt nghiệp cho phòng QLKH&ĐBCL, phòng QLKH&ĐBCL sẽ ra Quyết định thành lập hội đồng thi tốt nghiệp & các ban giúp việc (*2.12.03-Các Quyết định thi tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020 gồm: Thành lập Hội đồng thi, các tiểu ban giúp việc cho hội đồng thi*).

Quá trình tổ chức thi tốt nghiệp được diễn ra công khai, minh bạch, nghiêm túc. Lãnh đạo trường sẽ căn cứ vào danh sách cán bộ coi thi tốt nghiệp sẽ phân công cán bộ coi thi thứ nhất và thứ hai, cán bộ thứ nhất sẽ nhận đề thi từ phòng hội đồng (*2.14.06-Danh sách cán bộ coi thi; Danh sách phân công coi thi tốt nghiệp; 2.14.07-Biên bản bàn giao đề thi tốt nghiệp; 2.14.08-Biên bản bàn giao bài thi tốt nghiệp; 2.14.09-Báo cáo kết quả thanh, kiểm tra thi tốt nghiệp năm 2018,2019,2020*).

Bộ phận thư ký sẽ đánh phách bài thi, rọc phách, mời giáo viên ban chấm thi về phòng hội đồng chấm tập trung, rồi nhận biên bản chấm thi từ giáo viên chấm, ban thư ký hồi phách tổng hợp kết quả trình chủ tịch hội đồng phê duyệt và gửi về phòng đào tạo (*2.14.10-Tổng hợp kết quả thi tốt nghiệp*), khi có kết quả nhà trường sẽ tổ chức họp Hội đồng xét, công nhận tốt nghiệp (*2.14.11-Biên bản họp xét và công nhận tốt nghiệp; 2.14.12-Quyết định công nhận tốt nghiệp*). Khi có quyết định công nhận tốt nghiệp nhà trường sẽ cấp giáp chứng nhận tốt nghiệp tạm thời cho sinh viên, sau ba tháng sẽ được cấp bằng tốt nghiệp.

Trường Cao đẳng công nghiệp Nam định cấp phát văn bằng chứng chỉ đảm bảo đúng quy định, nghiêm túc khách quan. Căn cứ vào Quyết định công nhận tốt nghiệp,

bộ phận in sao văn bằng, chứng chỉ sẽ căn cứ vào danh sách công nhận tốt nghiệp để in văn bằng. Đúng thời gian quy định sẽ thực hiện cấp phát bằng theo đúng quy định *(2.12.09-Sổ gốc cấp phát văn bằng tốt nghiệp hệ trung cấp, cao đẳng năm 2018, 2019, 2020)*. Hàng năm nhà trường sẽ thực hiện việc kiểm tra các quy định về quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ *(1.11.12-Thông báo về việc thực hiện các quy định về quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ đào tạo; 1.11.13- Biên bản làm việc về việc kiểm tra thực hiện các quy định về quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ)*.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.15: Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam định hiện nay vẫn đang thực hiện đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp. Hàng năm tùy theo tình hình thực tế Phòng Đào tạo, phòng QLKH&ĐBCL kết hợp với các khoa thực hiện rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện sao cho phù hợp với các loại hình đào tạo và yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng của nhà trường *(2.15.01-Kế hoạch về việc rà soát quy chế đào tạo các năm; 2.4.02-Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế)*.

Sau khi kết thúc các năm học, phòng Đào tạo tiến hành rà soát việc cấp văn bằng chứng chỉ, báo cáo kết quả rà soát gửi lãnh đạo trường, nhất là các vấn đề còn tồn tại để lãnh đạo trường kịp thời chỉ đạo điều chỉnh các quy định trong việc cấp văn bằng, chứng chỉ *(2.15.02-Kế hoạch tổ chức rà soát Quy chế quy định về sử dụng phôi bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng Tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng của trường Cao đẳng Công nghiệp nam định năm 2019; 2.15.03-Báo cáo về việc tổ chức rà soát Quy chế quy định về sử dụng phôi bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng Tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng của trường Cao đẳng Công nghiệp nam định năm 2019; 1.4.04- Quyết*

định số 368a/QĐ-CĐCNNĐ ngày 07/06/2019 về việc sửa đổi bổ sung Quy chế quy định về sử dụng phôi bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng Tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2019; 2.15.04-Quy chế quy định về sử dụng phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng của trường Cao đẳng công nghiệp Nam định năm 2020; 2.15.05-Quyết định về việc ban hành Quy chế quy định về sử dụng phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng của trường Cao đẳng công nghiệp Nam định năm 2020).

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ được thể hiện qua phiếu khảo sát lấy ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý (*2.1.06-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020; 1.7.05-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến nhà giáo năm 2018, 2019, 2020; 1.7.06-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã tổ chức đào tạo liên thông theo đúng Quy chế đào tạo của nhà trường trong đó có căn cứ vào Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc “Quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong GDNN”, đồng thời tổ chức thực hiện đào tạo các ngành/ngành đã được Bộ cấp phép (*2.4.02-Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế; 1.2.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN*).

Hàng năm Trường tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định. Cụ thể như sau:

- Hàng năm, căn cứ vào quy chế tuyển sinh của Bộ và của Trường, Nhà trường xây dựng thông báo tuyển sinh các ngành/ngành đã được Bộ cấp phép và thực hiện công

tác tuyển sinh các lớp theo đúng quy chế (**2.3.04-Thông báo tuyển sinh của trường năm 2018, 2019, 2020, 2021; 2.3.09-Quyết định thành lập lớp năm 2018, 2019, 2020**)

- Để triển khai thực hiện tốt đào tạo liên thông theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, hằng năm trường đều tiến hành xây dựng, chỉnh lý và phát triển chương trình đào tạo và ban hành chương trình đào tạo những ngành/nghề mà nhà trường đã tuyển sinh được trong năm đó (như ngành/nghề May thời trang, Điện công nghiệp, Kế toán, Cắt gọt kim loại, Công nghệ KT nhiệt, Công nghệ ô tô), đồng thời xây dựng các Kế hoạch đào tạo toàn khóa, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu và phân công đến từng giảng viên tham gia giảng dạy theo chương trình đào tạo đã được ban hành (**2.16.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018, 2019, 2020; 2.5.02-Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm 2018, 2019, 2020; 2.4.03-Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021; 1.5.03-Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.6.01-Thời khoá biểu các học kỳ các năm 2018, 2019, 2020**).

- Trường cũng đã thực hiện theo trình tự khi xét tuyển đối tượng học liên thông. Thực hiện kiểm tra, đối chiếu chi tiết chương trình Trung cấp và lập danh sách sinh viên phải học chuyển đổi, bổ sung (nếu có), đồng thời thông báo tới từng HSSV các môn học/mô đun sẽ phải học trong chương trình liên thông (**2.16.02-Danh sách sinh viên phải học chuyển đổi năm 2018, 2019, 2020 (nếu có); 2.16.03-Thông báo cho học sinh các môn học/mô đun mà học sinh phải học trong chương trình liên thông năm 2018, 2019, 2020**). Kết thúc năm học thực hiện công tác báo cáo tổng kết năm học theo quy định (**1.6.10-Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020**).

- Trong công tác đảm bảo chất lượng đào tạo, Trường đã thực hiện nghiêm túc việc thanh tra, kiểm tra, củng cố tăng cường công tác tổ chức đào tạo theo đúng kế hoạch đã được Hiệu trưởng phê duyệt (**2.16.04-Kế hoạch kiểm tra, dự giờ, sinh hoạt chuyên môn hàng tháng đối với các lớp liên thông năm 2018, 2019, 2020; 2.16.05-Các biên bản kiểm tra, dự giờ của các lớp liên thông; 2.16.03-Thông báo cho học sinh các môn học/mô đun mà học sinh phải học trong chương trình liên thông năm 2018, 2019, 2020; 1.11.03-Báo cáo kết quả công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ hàng tháng năm 2018, 2019, 2020**), đồng thời tiến hành thu thập ý kiến người học, cán bộ quản lý, nhà giáo về công tác giảng dạy và tổ chức đào tạo (**2.1.06-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020; 1.7.05-Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức**

và người lao động các năm 2018, 2019, 2020; 1.7.06-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020).

Trong những năm tiếp theo Trường tiếp tục cập nhật, tìm hiểu, khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực của các doanh nghiệp, mở rộng quy mô tuyển sinh liên thông, xây dựng, chỉnh lý, phát triển chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 16, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã xây dựng và áp dụng hệ thống bảo đảm chất lượng Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định, trong đó có quy định về các hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng và chia sẻ dữ liệu phục vụ các hoạt động đào tạo, phục vụ và quản lý của Trường bao gồm: quản lý, quản trị dữ liệu; kết nối, chia sẻ dữ liệu; sử dụng, khai thác dữ liệu trong hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng và Quy trình vận hành các hoạt động tổ chức đào tạo của Nhà trường theo hệ thống đảm bảo chất lượng *(1.7.01–Quyết định ban hành, áp dụng hệ thống tài liệu ISO 9001:2015 và Quyết định về việc sử dụng hệ thống các quy trình xây dựng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của nhà trường năm 2018; 1.7.03-Quyết định ban hành hệ thống Đảm bảo chất lượng trường).*

Nhà trường có đầy đủ các văn bản quy định về quản lý, sử dụng dữ liệu về các hoạt động đào tạo và phân cho các đơn vị đầu mối phụ trách, tổ chức quản lý như Phòng Đào tạo, Phòng Công tác học sinh – sinh viên, Phòng Quản trị vật tư, Phòng Tài chính kế toán, phòng QLKH& BĐCL. Mỗi văn bản là một sơ đồ dữ liệu về các hoạt động đào tạo như: Xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo; tuyển sinh; quản lý học sinh – sinh viên; kiểm tra, thi, xét, công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học; quản lý tài sản công phục vụ đào tạo; cơ sở vật chất phục vụ đào tạo. Tất cả đều có sự liên thông dọc và liên thông ngang với nhau trong công tác tổ chức và đào tạo của Nhà trường và được quản lý chặt chẽ, an toàn *(2.4.02-Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế; 2.17.01-Quy chế quản lý HSSV; 2.2.01-Quy chế tuyển sinh của Trường CĐCNĐ)*

năm 2018, 2019, 2020, 2021; 2.17.02-Quy chế về việc sử dụng, quản lý, in ấn, cấp, phát văn bằng chứng chỉ; 2.17.03-Quy chế quản lý tài sản công; 2.9.04-Phần mềm quản lý đào tạo; 2.17.04-Bảng kê danh mục thiết bị đào tạo).

Mỗi đơn vị trong nhà trường đều có bộ phận/ cá nhân phụ trách thực hiện quản lý, lưu trữ các dữ liệu các hoạt động/quy trình do đơn vị mình phụ trách. Cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo được lưu dưới dạng số hóa hoặc lưu trên giấy được Nhà trường quản lý, khai thác như sau:

- Dữ liệu về chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo: Do phòng Đào tạo quản lý.
- Dữ liệu về tuyển sinh: Do tổ tuyển sinh (thuộc Phòng đào tạo) quản lý.
- Dữ liệu về thi, kiểm tra kết thúc mô đun/môn học (Đánh giá kết quả học tập của HSSV): Do Phòng QLKH&BĐCL quản lý.
- Dữ liệu về đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV: Do phòng Công tác Học sinh sinh viên quản lý.
- Dữ liệu về thi, xét công nhận tốt nghiệp: Do Phòng QLKH&BĐCL phối hợp Phòng Đào tạo quản lý.
- Dữ liệu về văn bằng, chứng chỉ: Do Phòng Đào tạo quản lý.
- Dữ liệu về quản lý, sử dụng CSVC, thiết bị: Do Phòng Quản trị vật tư
- Dữ liệu về tài chính: Do Phòng Tài chính kế toán quản lý.
- Dữ liệu về thư viện: Do Trung tâm Truyền thông – Thư viện quản lý.
- Dữ liệu về khảo sát (Người học; CB, VC, NLD; Doanh nghiệp; Cựu HSSV): Do Phòng QLKH&BĐCL quản lý.
- Dữ liệu về quản lý cán bộ, nhà giáo, viên chức, người lao động: Do Phòng Tổ chức hành chính quản lý.
- Dữ liệu về hoạt động NCKH: Do Phòng QLKH&BĐCL quản lý.

Nhà trường luôn triển khai khảo sát tình hình, lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về việc làm và thu nhập của HSSV khi ra trường một cách đầy đủ và hệ thống. Xây dựng kế hoạch thu thập ý kiến, khảo sát nắm bắt tình hình HSSV của trường sau khi đã tốt nghiệp ra trường và đánh giá của doanh nghiệp đối với hoạt động đào tạo của Nhà trường (*1.7.05-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến nhà giáo năm 2018, 2019, 2020; 1.7.06-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020*).

Hàng năm Nhà trường đều có các báo cáo về việc khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu đào tạo theo đúng quy định và thực hiện tổ chức quản lý, sử dụng các cơ sở dữ liệu

đó một cách hiệu quả; thực hiện các báo cáo đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng theo quy định tại Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, trong đó có các nội dung đánh giá việc quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu đào tạo (*1.6.10-Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.17.05-Báo cáo kết quả thanh tra tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020; 1.11.17-Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản năm 2018, 2019, 2020; 2.17.06-Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động năm 2018, 2019, 2020; 2.17.07-Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2019, 2020*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 17, tiêu chí 2: 1 điểm

3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Mở đầu:

Nhà trường đã thực hiện tốt các chính sách theo quy định của nhà nước, Bộ Công Thương, Bộ Lao Động Thương Binh & Xã hội đối với Nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động.

Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của luật Viên chức, luật Lao động và được cụ thể hóa trong các văn bản, nội quy quy chế dân chủ của trường theo hướng thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cá nhân, tập thể.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên Nhà trường luôn chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt các Thông tư quy định chế độ việc làm của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp của Bộ LĐTBXH và điều lệ Trường Cao đẳng cùng Quy chế tổ chức hoạt động của Trường; quy chế văn hóa công sở do Hiệu trưởng ban hành.

*** Những điểm mạnh:**

Tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học, tiến sĩ cao; có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy;

Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ.

*** Những tồn tại:**

Tỷ lệ chuyên viên, nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng còn hạn chế.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định kỳ cho đội ngũ chuyên viên, nhân viên.

Điểm đánh giá tiêu chí 3:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm cơ sở GDNN tự đánh giá
Tiêu chí 3	15
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng công nghiệp Nam Định đã ban hành các quy định về công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động như sau:

Về mặt tuyển dụng, sử dụng:

Năm 2017 nhà trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm và đã được Bộ chủ quản là Bộ Công Thương phê duyệt (***1.5.04-Đề án vị trí việc làm được Bộ Công thương duyệt năm 2017***)

Nhà trường đã vận dụng Thông tư thông 15/2012/TT-BNV của bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo đối với viên chức, Thông tư 06/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8/03/2017 của Bộ Lao động thương binh và xã hội về việc tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, và Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 về việc Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Trường đã ban hành Quy chế tuyển dụng, sử dụng quản lý viên chức và lao động hợp đồng. Quy chế đã cụ thể hóa nguyên tắc và điều kiện tuyển dụng; phương thức và hình thức cũng như quy trình tuyển dụng; các chính sách ưu tiên với người có công và đội ngũ chuyên gia có trình độ cao; hợp đồng lao động và các chính sách cũng như nghĩa vụ của người lao động được tuyển dụng (***3.1.01-Quyết định số 158/QĐ-CĐCNNĐ ngày 19/03/2018 quy định tạm thời về việc tuyển dụng viên chức và người lao động; Quyết định số 840a/QĐ-CĐCNNĐ ngày 07/10/2020 quy định về việc tuyển dụng viên chức và người lao động; 1.1.03-Quyết định số 9712/QĐ-BCT ngày 19/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CĐCNNĐ tạm thời số 1042a/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 17/11/2017; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CĐCNNĐ số 761a/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 27/09/2019***).

Về mặt quy hoạch cán bộ:

Về công tác Quy hoạch đội ngũ cán bộ, nhà trường đã căn cứ vào Quyết định số: 27/2003/QĐ-TTg ngày 19/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo; Quyết định số: 4056/QĐ-BCT ngày 26/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn và quy trình công tác cán bộ của Bộ Công Thương. Cụ thể hóa các văn bản quy định của nhà nước, trường đã ban hành Quy định về công tác quy hoạch cán bộ quản lý tại Quyết định của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định về ban hành Quy định tiêu chuẩn bổ nhiệm cán bộ, viên chức quản lý của Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định; Quy trình quy hoạch như sau: Lãnh đạo đơn vị và Trưởng phòng Tổ chức Hành chính đề xuất nhân sự → Hội đồng Lãnh đạo nhà trường xin ý kiến thông qua → Hội đồng cán bộ chủ chốt lấy phiếu tín nhiệm → Hội đồng đồng trường đề xin ý kiến thông qua → Hội đồng Đảng ủy Trường đề xin ý kiến thông qua → Hiệu Trưởng ra Quyết định danh sách quy hoạch cán bộ nguồn.

Về mặt tiêu chuẩn, cụ thể như sau:

- Trưởng phòng, Phó trưởng phòng; Giám đốc, Phó giám đốc trung tâm phải có bằng đại học trở lên; Trưởng phòng ĐT; QLKH&ĐBCL phải là giảng viên cao đẳng trở lên hoặc đã từng tham gia giảng dạy cao đẳng trở lên ít nhất 5 năm và phải có bằng thạc sĩ trở lên.

- Trưởng khoa, Phó trưởng khoa phải có bằng thạc sĩ trở lên; đối với Phó trưởng khoa Đào tạo nghề phải có bằng đại học trở lên; là giảng viên/giáo viên có uy tín, có kinh nghiệm trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và có năng lực quản lý.

- Trưởng bộ môn, Phó bộ môn phải có bằng thạc sĩ trở lên; đối với Trưởng bộ môn, Phó bộ môn khoa Đào tạo nghề phải có bằng đại học trở lên; là giảng viên/giáo viên có uy tín, có kinh nghiệm trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và có năng lực quản lý (*3.1.02- Quyết định số 975a/QĐ – CDCNNĐ ngày 15/11/2018 ban hành Quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, viên chức quản lý của Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định; Quyết định số 373 /QĐ – CDCNNĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 ban hành Quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, viên chức quản lý của Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định*).

Bồi dưỡng CCVC:

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng: Nhà trường dựa trên các văn bản như: Nghị định 101/2017/NĐ-BNV và Thông tư số 01/2018/TT-BNV hướng dẫn một số điều của nghị định 101/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức trong đó nhấn mạnh việc nhà trường khuyến khích CBVCNLD học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; tính công khai minh bạch của hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; điều kiện trách nhiệm cũng như quyền lợi người lao động được hưởng khi được cử đi đào tạo bồi dưỡng thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ (*1.3.01-Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2018,2019,2020*).

Đánh giá, phân loại CCVC:

Hằng năm, Trường căn cứ Công văn, Nghị định hướng dẫn của Bộ Công Thương, trường xây dựng kế hoạch phân loại đánh giá, công chức viên chức hướng dẫn đến từng cá nhân, từng đơn vị thực hiện. Nhà trường cũng đã ban hành Quy định về việc xếp loại lao động đối với công chức, viên chức để làm căn cứ đánh giá, phân loại (*3.1.03-Quy định về việc xếp loại lao động đối với công chức viên chức số 03a/QĐ-CDCNND ngày 03 tháng 01 năm 2018*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh gi chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trước yêu cầu về hội nhập để phát triển, dựa theo kế hoạch chung của Trường, công tác tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng CBVC, GV luôn được nhà trường xác định là khâu quan trọng, thể hiện trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ các năm học.

Trong công tác tuyển dụng:

Căn cứ vào lưu lượng học sinh sinh viên trong những năm vừa qua, dự báo về quy mô học sinh sinh viên trong những năm tới. Năm 2017 Nhà trường xây dựng Đề án vị trí việc làm đã được Bộ Công Thương phê duyệt. Hiện tại nhà trường có 130 giảng

viên. Nhà trường đã đáp ứng yêu cầu tỷ lệ giáo viên, giảng viên. Tất cả các ngành học đều có nhà giáo có trình độ chuyên môn sau đại học của ngành nghề đào tạo. 100% nhà giáo có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và trình độ ngoại ngữ đạt chuẩn yêu cầu. Tại các đơn vị phòng và trung tâm, viên chức và người lao động đảm bảo khối lượng công việc được giao theo yêu cầu. Do đó trường không có kế hoạch tuyển dụng nhà giáo, viên chức và người lao động từ năm 2017 *(3.2.01-Báo cáo tại hội nghị tổng kết cuối năm và phương hướng nhiệm vụ năm học mới, năm 2018, 2019, 2020)*.

Trong công tác sử dụng:

Nhà trường vận dụng các quy định của nhà nước như: Thông tư 06/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8/03/2017 của Bộ Lao động thương binh và xã hội về việc tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; và đã ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên *(1.12.11-Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên tại Quyết định số 695/QĐ-CĐCNNĐ ngày 25/7/2017)*.

Căn cứ vào Đề án vị trí việc làm năm 2017 đã được Bộ Công Thương phê duyệt. Việc phân công công việc cho từng cán bộ viên chức tại các phòng, khoa và trung tâm phù hợp với trình độ đào tạo về chuyên môn và nghiệp vụ. Hàng năm các phòng, khoa đều có Báo cáo tổng kết năm về các nhiệm vụ được giao, đánh giá về sự phân công công việc, khối lượng công việc với nhân sự hiện có. Qua đó giúp cho Ban giám hiệu nhà trường có sự điều chỉnh kịp thời về nhân sự cũng như công việc cụ thể như sau:

- + Năm 2018 điều động, bổ nhiệm với 17 cán bộ, viên chức
- + Năm 2019 điều động, bổ nhiệm với 04 cán bộ, viên chức
- + Năm 2020 điều động, bổ nhiệm với 19 cán bộ, viên chức

(3.2.02-Danh sách bổ nhiệm và viên chức, người lao động điều chuyển công tác trong các năm 2018, 2019, 2020; 1.5.04- Đề án vị trí việc làm được Bộ Công thương duyệt năm 2017).

Tại các cuộc học tổng kết năm: Nhà giáo, viên chức và người lao động không có ý kiến phản đối về sự điều động, phân công công việc. Tất cả đồng ý với kết quả đạt được trong năm của Phòng/Khoa và Trung tâm *(3.2.03-Biên bản họp tổng kết tại các đơn vị phòng khoa, trung tâm các năm 2018, 2019, 2020)*.

Trong công tác quy hoạch:

Về công tác quy hoạch, trường đã căn cứ vào chiến lược phát triển của trường, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Công Thương, Bộ LĐTB&XH như: Thông tư số 46/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ trường Cao đẳng; Quyết định số: 27/2003/QĐ-TTg ngày 19/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo; Quyết định số: 4056/QĐ-BCT ngày 26/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn và quy trình công tác cán bộ của Bộ Công Thương, quy mô đào tạo và các yêu cầu thực tiễn, trường tiến hành thông báo tới các đơn vị thuộc trường, rà soát cán bộ, điều chỉnh quy hoạch cán bộ cho phù hợp, lập danh sách quy hoạch và báo cáo công tác quy hoạch hàng năm (*3.2.04-Kế hoạch hàng năm về quy hoạch; Kế hoạch rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020-2021 và giai đoạn 2021-2026, Hướng dẫn công tác quy hoạch lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2018-2021*). Quy trình (*3.2.05-Hồ sơ quy hoạch: Danh sách quy hoạch cán bộ các năm; Biên bản họp, kiểm phiếu,...*), tiêu chí quy hoạch, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch, được thông báo công khai cho từng cá nhân đơn vị trong trường, được giám sát thực hiện công khai, dân chủ và báo cáo với cấp trên (*3.2.06-Các biên bản họp: Đảng ủy, Hội đồng trường, Cán bộ chủ chốt, Cán bộ chủ chốt mở rộng về công tác quy hoạch cán bộ*).

Kết quả quy hoạch chức danh các đơn vị của Trường CĐ Công nghiệp Nam Định hàng năm cụ thể như sau:

Năm 2018:

- Vị trí Trưởng phòng: 06 người; Trưởng khoa: 07 người, Tổ trưởng chuyên môn: 9 người; GD Trung tâm: 02 người.

- Vị trí Phó phòng: 04 người; Phó trưởng khoa: 03 người, PGD Trung tâm: 01 người

Năm 2019:

- Vị trí Trưởng phòng: 07 người; Trưởng khoa: 06 người, Tổ trưởng chuyên môn: 11 người; GD Trung tâm: 01 người.

- Vị trí Phó phòng: 02 người; Phó trưởng khoa: 04 người; PGD Trung tâm: 01 người

Năm 2020:

- Vị trí Trưởng phòng: 06 người; Trưởng khoa: 05 người, Tổ trưởng chuyên môn: 11 người, GD Trung tâm: 00 người.

- Vị trí Phó phòng: 03 người; Phó trưởng khoa: 04 người; PGĐ Trung tâm: 01 người

Trong công tác bồi dưỡng CCVC:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định đã tổ chức cho đội ngũ viên chức, nhà giáo & nhân viên được thường xuyên học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, số lượng cụ thể theo các năm như sau:

+ Năm 2018, Trường đã tổ chức cho 57 lượt viên chức, nhà giáo & nhân viên được học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

TT	Chuyên môn/Nghệ vụ	Người
1	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn	35
2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	04
3	Nghệ vụ kế toán	04
4	Ứng dụng tin học	06
5	Kỹ năng mềm	02
6	Tập huấn nghiệp vụ	16

- Năm 2019, Trường đã tổ chức cho 59 lượt viên chức, nhà giáo & nhân viên được học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

TT	Chuyên môn/Nghệ vụ	Người
1	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn	30
2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	03
3	Nghệ vụ kế toán	06
4	Tập huấn nghiệp vụ	20

- Năm 2020, Trường đã tổ chức cho 85 lượt viên chức, nhà giáo & nhân viên được học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

TT	Chuyên môn/Nghệ vụ	Người
1	Tập huấn chuyên môn	47
2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	02
3	Trung cấp lý luận chính trị	05
4	Ứng dụng tin học	02
5	Tập huấn nghiệp vụ	29

(3.2.07-Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2018, 2019, 2020; Báo cáo số 967 ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc báo cáo đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng năm 2018 và giai đoạn 2018 – 2020; 3.2.08-Các Quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng năm 2017, 2018, 2019, 2020; 3.2.09-Hồ sơ nhà giáo được đi bồi dưỡng các năm 2018, 2019, 2020 – Các văn bằng chứng chỉ đạt được).

Hàng năm, nhà trường đánh giá công tác đào tạo và bồi dưỡng CCVC tại Hội nghị tổng kết cuối năm, thông qua sự tổng hợp, phân tích và đánh giá của phòng Đào tạo *(1.6.10-Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).*

Về công tác đánh giá công chức viên chức:

Thực hiện theo Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH nhà trường đã thực hiện đánh giá phân loại nhà giáo *(3.2.10-Kế hoạch triển khai đánh giá phân loại nhà giáo số 986/KH-CĐCNNĐ ngày 04/12/2019).*

Hàng năm nhà trường đều tổ chức việc đánh giá, phân loại công chức viên chức và người lao động theo quy trình: Đánh giá công chức viên chức từ cấp độ Tổ bộ môn → Khoa/phòng/trung tâm → Hội đồng thi đua khen thưởng nhà trường. Việc đánh giá công chức, viên chức và người lao động đảm bảo công khai, minh bạch, đánh giá đúng công bằng và khách quan *(3.2.11-Biên bản họp đánh giá viên chức, công chức cấp Tổ bộ môn, Khoa/phòng, Trung tâm; 3.2.12-Biên bản họp Hội đồng thi đua nhà trường năm học 2018, 2019, 2020).* Kết quả các năm cụ thể như sau:

+ **Năm học 2018:** Công nhận kết quả đánh giá viên chức cho 188 cá nhân, trong đó: 28 người HTSXNV; 118 người hoàn thành tốt nhiệm vụ; 42 người hoàn thành nhiệm vụ.

+ **Năm học 2019:** Công nhận kết quả đánh giá viên chức cho 165 cá nhân, trong đó: 48 người HTSXNV; 94 người hoàn thành tốt nhiệm vụ; 23 người hoàn thành nhiệm vụ.

+ **Năm học 2020:** Công nhận kết quả đánh giá viên chức cho 159 cá nhân với kết quả đánh giá cụ thể như sau: 45 người hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 97 người hoàn thành tốt nhiệm vụ; 17 người hoàn thành nhiệm vụ *(3.2.13-Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức, người lao động năm 2018, 2019, 2020).*

Qua đó Nhà trường có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng tiêu chuẩn Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

Về việc thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định:

Các chế độ chính sách được thực hiện theo quy định của nhà nước và quy định rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ (*1.3.01-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018, 2019, 2020*), quy chế nâng bậc lương trước thời hạn (*1.12.09-Quy chế nâng bậc lương nâng bậc lương trước thời hạn*), thể hiện qua các báo cáo tài chính, danh sách nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn (*1.12.10-Danh sách nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, danh sách nhà giáo hưởng phụ cấp ưu đãi nghề năm 2018, 2019, 2020*), bảng lương hàng tháng đối với các đối tượng được hưởng các chế độ phụ cấp theo quy định của nhà nước, chế độ hỗ trợ kinh phí đối với giảng viên giảng dạy tại các cơ sở đào tạo liên kết bên ngoài (*1.4.08-Quyết định về việc ban hành quy định hỗ trợ kinh phí đối với giảng viên giảng dạy tại cơ sở liên kết bên ngoài trường*). Nhà trường có văn bản quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên như giảm định mức giờ cho giảng viên nữ nghỉ thai sản, nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi (*1.12.11-Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên tại Quyết định số 695/QĐ-CĐCNNĐ ngày 25/7/2017*).

Để không ngừng nâng cao chất lượng, nhà trường có chế độ khuyến khích cán bộ, giảng viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, hỗ trợ kinh phí thi cho cán bộ giảng viên tham gia thi kỹ năng nghề quốc gia từ bậc 3 trở lên. Đối với cán bộ giảng viên được cử đi học trong nước, tiến sĩ khối ngành xã hội và kinh tế, mức hỗ trợ 50 triệu đồng/1 văn bằng, tiến sĩ khối ngành khoa học kỹ thuật, mức hỗ trợ 80 triệu đồng/1 văn bằng (*1.3.01-Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm; 1.12.12-Quyết định hỗ trợ kinh phí cho một số đối tượng*).

Tổng kết việc thực hiện chế độ chính sách cho CBVC-NLĐ, nhà giáo được thông qua trong các báo cáo tổng kết hàng năm của nhà trường (*1.6.10-Báo cáo tổng kết hàng năm của Trường 2017-2020; 1.7.05-Hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Số liệu nhà giáo căn cứ quy định tại thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH được nhà trường phân tích trong báo cáo như sau:

Đối với nhà giáo giảng dạy các môn/môn học cơ sở, chuyên ngành đối chiếu với Thông tư 08/2017/TTBLĐTBXH Quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, số liệu cụ thể như sau: ***(3.3.01-Danh sách trích ngang nhà giáo)***.

Năm 2018: 153 giảng viên; Năm 2019: 140 giảng viên; Năm 2020: 134

Để đáp ứng yêu cầu chuẩn giảng viên theo Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH quy định về chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của Nhà giáo, nhà trường luôn chú trọng bồi dưỡng về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên, được thể hiện như sau:

Để đáp ứng yêu cầu chuẩn giảng viên theo Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH quy định về chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của Nhà giáo, nhà trường luôn bồi dưỡng nâng cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, các chứng chỉ cho các giảng viên cơ hữu Hồ sơ giảng viên được quản lý tại phòng Tổ chức - Hành chính ***(3.3.02-Hồ sơ quản lý nhà giáo)***. Số lượng bằng cấp của nhà giáo cụ thể như sau:

THỐNG KÊ TRÌNH ĐỘ, CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ

- Về trình độ chuyên môn

Năm học	2018	2019	2020
Tiến sĩ	03	02	04
Thạc sĩ	96	92	86
Đại học	54	46	44
Tổng	153	140	136

- Về trình độ ngoại ngữ:

Phân loại	2017-2018	2018-2019	2019-2020
B	57	48	41
C	30	28	28

B1	27	27	26
Cử nhân Nga	01	01	01
Cử nhân Pháp	01	01	01
Đại học ngoại ngữ	37	35	32
TỔNG CỘNG	153	140	136

- Về chứng chỉ tin học

Phân loại	2017-2018	2018-2019	2019-2020
A	05	05	04
B	128	115	112
C	03	03	03
KTV	04	04	04
Cử nhân tin học	13	13	13
TỔNG CỘNG	153	140	136

- Về chứng chỉ NVSP

Phân loại	2017-2018	2018-2019	2019-2020
CC NVSP Bậc 2	46	35	34
CC Bồi dưỡng NVSP	107	105	102
TỔNG CỘNG	153	140	136

- Chứng chỉ Kỹ năng thực hành nghề:

Phân loại	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Bậc 3/5	23	70	113
Bậc thợ 5/7	5	5	3
Nhà giáo dạy môn văn hóa	25	23	20
TỔNG CỘNG	53	98	136

Năm học 2019-2020, Nhà trường đã thực hiện đánh giá, phân loại nhà giáo theo Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTĐ quy định về chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của nhà giáo và Công văn số 1140/SLĐTĐ-DN ngày 25/6/2019 của Sở Lao động – Thương binh và xã hội (*3.3.03-Kế hoạch đánh giá chuẩn giảng viên năm 2018-2019 và năm học 2019-2020; 2.4.03-Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 3.3.04-Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ số 552/BC-*

CĐCNNĐ ngày 16/07/2019). Tất cả giáo viên dạy các môn chung và văn hóa đều đạt chuẩn chuyên môn và nghiệp vụ. *(3.3.05-Danh sách trích ngang giáo viên dạy các môn chung và văn hóa đạt chuẩn)*.

Đối với nhà giáo giảng dạy chuyên môn như sau:

+ Trong năm học 2019-2020:

Tổng số nhà giáo là: 140 Trong đó:

- Số nhà giáo đạt chuẩn Tích hợp: Loại A: 60; Loại B: 05; Loại C: 01
- Số nhà giáo đạt chuẩn Thực hành: Loại A: 0; Loại B: 0; Loại C: 0
- Số nhà giáo đạt chuẩn Lý thuyết: Loại A: 39; Loại B: 06; Loại C: 02
- Số nhà giáo chưa đạt chuẩn: Tích hợp: 27; Thực hành: 0; Lý thuyết: 0

100% nhà giáo của trường đáp ứng được các yêu cầu về: Học tập, bồi dưỡng nâng cao, Phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học, Nghiên cứu khoa học; đảm bảo bảo tiêu chí năng lực phát triển nghề nghiệp theo Thông tư 08/2017/TTBLĐTBXH Quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp *(1.7.05-Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020)*.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của luật Viên chức, luật Lao động và được cụ thể hóa trong các văn bản, nội quy quy chế dân chủ của trường theo hướng thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cá nhân, tập thể.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên Nhà trường luôn chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt các Thông tư quy định chế độ việc làm của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp

của Bộ LĐTBXH và điều lệ Trường Cao đẳng cùng Quy chế tổ chức hoạt động của Trường; quy chế văn hóa công sở do Hiệu trưởng ban hành.

Giảng viên, cán bộ quản lý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình luôn chịu sự giám sát của các cấp quản lý về chất lượng, nội dung và phương pháp. Hàng năm, công tác thi đua - khen thưởng và phân loại, đánh giá cán bộ, viên chức được quan tâm, đây là yếu tố rất quan trọng để động viên, thúc đẩy cán bộ, giảng viên thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình trong Nhà trường (**3.4.01-Đánh giá, phân loại viên chức hàng năm; 3.4.02-Kết quả bình xét lao động thi đua hàng tháng các năm 2018, 2019, 2020; 3.4.03-Báo cáo số lượng, chất lượng công chức viên chức năm 2018, 2019,2020; 3.4.04-Báo cáo kết thúc năm học của các đơn vị năm 2018, 2019, 2020; 3.4.05-Kế hoạch phân công nhiệm vụ hàng năm của các đơn vị 2018, 2019, 2020**).

Để nhận xét đánh giá, phân loại cán bộ, giảng viên, công nhân viên, nhà trường có quy trình nhận xét đánh giá như: Hàng tháng tự bản thân cán bộ, giảng viên, công nhân viên tự nhận xét đánh giá công việc của mình, tiếp đến cán bộ quản lý trực tiếp nhận xét đánh giá, sau cùng là Hội đồng thi đua khen thưởng của trường nhận xét đánh giá, bình xét xếp loại lao động của CCVC nhà trường (**3.4.02-Kết quả bình xét lao động thi đua hàng tháng năm 2018, 2019, 2020**).

Hội đồng thi đua khen thưởng của trường nhận xét đánh giá theo học kỳ, theo 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm và theo năm học (**3.4.01-Đánh giá, phân loại viên chức hàng năm, 3.4.03-Báo cáo số lượng, chất lượng công chức viên chức năm 2018, 2019, 2020**).

Hàng năm nhà trường luôn tổ chức công tác báo cáo tổng kết hàng năm để đánh giá, nhận xét những mặt đã làm được và những mặt còn hạn chế qua đó đề ra phương hướng nhiệm vụ cho năm tới (**1.6.10-Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020**).

Thống kê số liệu về đánh giá phân loại CC, VC, NLĐ hàng năm

Phân loại	HTXSNV	HTTNV	HTNV
2018	28	118	42
2019	48	94	23
2020	45	97	17

(3.2.13-Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức, người lao động năm 2018, 2019, 2020).

Trong thời gian tới nhà trường tiếp tục hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và quy chế hoạt động của Nhà trường để nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường. *(1.7.05-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi:

Số liệu quy đổi nhà giáo, người học của trường trong 3 năm học như sau:

Năm học 2018 - 2019 có 157 nhà giáo; trong đó: kiêm nhiệm: 33 người; cơ hữu dạy toàn thời gian: 124 người; 24 nhà giáo dạy văn hóa; nhà giáo thỉnh giảng: 0

Tổng số nhà giáo quy đổi là: 478.3; trong đó ngành nghề có số nhà giáo quy đổi thấp nhất là ngành công nghệ kỹ thuật cơ điện tử: 0.8; ngành nghề có số nhà giáo quy đổi cao nhất là ngành Điện Công nghiệp: 48.3

Tổng số học sinh quy đổi của năm học 2018 – 2019 là: 3261; trong đó ngành có số học sinh quy đổi thấp nhất là ngành Công nghệ thông tin & Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử; ngành có số học sinh quy đổi cao nhất là ngành Tin học văn phòng

Tỷ lệ nhà giáo/ người học quy đổi chung của toàn trường là 1/7; Trong đó ngành có tỷ lệ nhà giáo/người học quy đổi thấp nhất là ngành công nghệ thông tin; ngành có tỷ lệ nhà giáo/người học quy đổi cao nhất là ngành Tin học văn phòng (1/18.1)

Năm học 2019 - 2020 có 146 nhà giáo; trong đó: kiêm nhiệm: 33 người; cơ hữu dạy toàn thời gian: 113 người; 23 nhà giáo dạy văn hóa; nhà giáo thỉnh giảng: 0 người.

Tổng số nhà giáo quy đổi là: 385.2; trong đó ngành có số nhà giáo quy đổi thấp nhất là ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí; ngành có số nhà giáo quy đổi cao nhất là May thời trang.

Tổng số học sinh quy đổi của năm học 2019 – 2020 là 2462; trong đó ngành có số học sinh quy đổi thấp nhất là ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí; ngành có số học sinh quy đổi cao nhất là nghề May thời trang.

Tỷ lệ nhà giáo/ người học quy đổi chung của toàn trường là 1/7; Trong đó ngành có tỷ lệ nhà giáo/người học quy đổi thấp nhất là Thiết kế thời trang; ngành có tỷ lệ nhà giáo/người học quy đổi cao nhất là Tin học văn phòng.

Năm học 2020 - 2021 có 137 nhà giáo; trong đó: kiêm nhiệm: 34 người; cơ hữu dạy toàn thời gian: 103 người; 21 nhà giáo dạy văn hóa; nhà giáo thỉnh giảng: 0 người.

Tổng số nhà giáo quy đổi là: 377 trong đó ngành có số nhà giáo quy đổi thấp nhất là ngành Hàn; ngành có số nhà giáo quy đổi cao nhất là ngành điện công nghiệp.

Tổng số học sinh quy đổi của năm học 2020 – 2021 là 2175; trong đó ngành có số học sinh quy đổi thấp nhất là ngành Công nghệ thông tin; ngành có số học sinh quy đổi cao nhất là ngành May thời trang.

Tỷ lệ nhà giáo/ người học quy đổi chung của toàn trường là 1/6; Trong đó ngành có tỷ lệ nhà giáo/người học quy đổi thấp nhất là công nghệ thông tin; ngành có tỷ lệ nhà giáo/người học quy đổi cao nhất là May thời trang. Căn cứ các số liệu đã phân tích trên, đối chiếu với nghị định 140/2018/NĐ –CP quy định tỷ lệ nhà giáo/người học quy đổi < hoặc = 1/25, tỷ lệ nhà giáo/người học quy đổi của trường trong 3 năm 2018, 2019, 2020 đảm bảo quy định (*3.5.01-Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu và thỉnh giảng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 3.5.02-Bảng tính quy đổi nhà giáo các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 3.5.03-Bảng tính học sinh quy đổi các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.3.09-Quyết định thành lập lớp năm 2018, 2019, 2020*).

Số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định.

Do số lượng các nghề có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp nhiều, nên báo cáo chỉ dẫn các số liệu liên quan đến các nghề trọng điểm. Còn số liệu nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy các mô đun, môn học từng nghề, trường có minh chứng (*3.5.04-Thống kê số lượng, danh sách nhà giáo cơ hữu đảm nhận các mô đun, môn học của các nghề đào tạo các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020*).

Số liệu thống kê số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận chương trình ở các nghề trọng điểm như sau:

Nghề Điện công nghiệp: 24 người; nghề Cắt gọt kim loại: 12 người, nghề Thiết kế thời trang: 8 người, nghề May thời trang: 11 người, nghề Công nghệ ô tô: 16 người.

Căn cứ các số liệu phân tích trên và số liệu thống kê tại minh chứng 3.5.04, đối chiếu với quy định tại [Nghị định 140/2018/NĐ-CP](#) cho thấy tất cả các nghề trường được cấp giấy phép đăng ký hoạt động GDNN đảm bảo có đủ nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành nghề đào tạo theo quy định.

Trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

Tính đến tháng 12 năm 2018, nhà trường có 156 giảng viên, trong đó nhà giáo có trình độ trên đại học là 95 người, chiếm tỷ lệ 60.8%, năm 2019, có 143 nhà giáo trong đó nhà giáo có trình độ trên đại học là 103 người, chiếm tỷ lệ 66%, năm 2020, nhà trường có 136 giảng viên, trong đó nhà giáo có trình độ trên đại học là 92 người (gồm 05 tiến sĩ, 87 thạc sĩ), chiếm 67.6%, vượt xa so với quy định chung. Nhà trường đã đáp ứng yêu cầu tỷ lệ giáo viên, giảng viên có trình độ sau đại học không ít hơn 30% tổng số giáo viên, giảng viên của trường cao đẳng. Tất cả các ngành học đều có nhà giáo có trình độ chuyên môn sau đại học của ngành nghề đào tạo (*3.5.05-Danh sách viên chức có trình độ sau đại học ở các phòng, khoa, trung tâm*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn không đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 0 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, nhà trường triển khai kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo các nghề (*3.6.01-Quyết định ban hành Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng*). Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo thể hiện thời lượng, thời gian tổ chức thực hiện các Môn học/Mô đun, chi tiết cụ thể cho các giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập lao động sản xuất theo đúng yêu cầu của chương trình đào tạo. Căn cứ vào chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu đã được phê duyệt, các khoa chuyên môn triển

khai phân công nhà giáo giảng dạy từng môn học, mô đun của các nghề đào tạo. Căn cứ vào mục tiêu, nội dung, yêu cầu của từng mô đun, môn học, từng bài trong mô đun môn học, nhà giáo chuẩn bị giáo án, nguyên vật liệu, phương tiện, thiết bị giảng dạy và các điều kiện khác theo yêu cầu được quy định đối với từng bài, từng mô đun, môn học để thực hiện bài giảng và tổ chức đánh giá khi kết thúc các bài học, kết thúc các mô đun để xác định mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất nghề nghiệp mà mục tiêu đã đặt ra. Các báo cáo, biên bản thanh kiểm tra đào tạo hàng năm cho thấy các nhà giáo luôn luôn nghiêm túc thực hiện giờ lên lớp theo qui định; thực hiện đúng thời khóa biểu (do Phòng Đào tạo kết hợp với các khoa lên kế hoạch) và đảm bảo đúng tiến độ giảng dạy đã đề ra; Nhà giáo lên lớp có đầy đủ sổ tay, giáo án, giáo trình, bài giảng,... và theo các biểu mẫu qui định. Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo *(2.5.02-Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm 2018, 2019, 2020; 3.6.02-Chương trình đào tạo các ngành/ nghề; 3.6.03-Thời khóa biểu: Năm 2018, 2019, 2020; 1.5.03-Bảng tổng hợp phân công giảng viên giảng dạy các học phần, modul theo học kỳ các năm học; 2.6.02-Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy của giáo viên, Sổ tay giáo viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.4.03-Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 3.6.04-Chương trình chi tiết học phần, modul, Bài giảng; 3.6.05-Các biên bản, báo cáo công tác thanh kiểm tra đào tạo 2018, 2019, 2020).*

Nhà trường rất coi trọng đánh giá quá trình, vì vậy trong tập huấn giáo viên đầu năm học, tập huấn công tác lên lớp của giáo viên, bài mở đầu của môn học, modul giáo viên phải phổ biến cho học sinh, sinh viên về tổng số tiết, tổng số bài kiểm tra đánh giá, phương pháp kiểm tra đánh giá, điều kiện được tham dự kiểm tra hết môn. Nhà trường đã xây dựng Ngân hàng đề thi cho từng học phần, modul, các bộ đánh giá kỹ năng cho từng ngành, nghề và ngân hàng đề thi tốt nghiệp. Thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá, thi kết thúc học phần, modul, tốt nghiệp nghiêm túc, đúng quy chế. Qua đó dựa vào tỷ lệ số Học sinh sinh viên đạt kết quả trong các kỳ thi kết thúc học phần, modul, tốt nghiệp sẽ đánh giá về năng lực học sinh sinh viên và nhà giáo giảng dạy *(3.6.06-Biên bản bàn giao ngân hàng đề thi, Biên bản chấm thi, Bảng điểm; 3.6.07-Báo cáo công tác đào tạo hàng năm; 2.14.12-Quyết định công nhận tốt nghiệp).*

Hàng năm phòng QLKH& ĐBCL tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học về công tác quản lý, giảng dạy, tổ chức lên lớp của giảng viên *(2.1.06-Bộ hồ sơ khảo sát,*

thu thập ý kiến người học năm học 2018, 2019, 2020).

Đội ngũ nhà giáo của Trường Cao đẳng công nghiệp Nam Định đã thực hiện giảng dạy theo đúng nội dung, mục tiêu và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của các CTĐT nhà trường đã ban hành.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm nhà trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Các chính sách của Nhà trường được thể hiện rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ được ban hành hằng năm *(1.3.01-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018, 2019, 2020).*

Nhà trường đã tạo điều kiện về thời gian cũng như kinh phí đi lại, ăn ở cho đội ngũ giáo viên đi học tập bồi dưỡng, giúp giáo viên an tâm học tập. Tính đến 31/12/2020, tổng số cán bộ, viên chức toàn trường hiện có 167 người, trong đó: 05 Tiến sĩ, 91 Thạc sĩ, 65 Đại học, trình độ khác 06; Ngoài ra trường có 05 giảng viên đang làm nghiên cứu sinh ở nước ngoài và nhiều giảng viên và chuyên viên tham gia các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ *(3.7.01-Bảng tổng hợp số liệu CCVC&NLD tính đến tháng 12/2020).* Một số giảng viên có năng lực được nhà trường cử đi nghiên cứu sinh ở Trung Quốc và Liên Bang Nga, nhà trường đã hỗ trợ 40% lương cơ bản cho các nhà giáo *(3.7.02- Quyết định cử đi học và danh sách giảng viên được cử đi đào tạo, chuyên môn nghiệp vụ tại nước ngoài).* Đây là chính sách có tác động tích cực đến tư tưởng, động cơ phấn đấu và tinh thần của đội ngũ nhà giáo, góp phần vào việc thực hiện có hiệu quả chất lượng đào tạo của nhà trường. Tính từ năm 2018 đến năm 2020 nhà trường đã cử tổng số 151 giảng viên đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị và kỹ năng nghề với tổng số kinh phí được hỗ trợ *(3.7.03-Báo cáo Tài chính các năm 2018-2020; quyết định một số đối tượng được hưởng)* là:

- Năm 2018: 157.212.500 đồng
- Năm 2019: 45.900.000 đồng
- Năm 2020: 60.600.000 đồng

Hằng năm, đề động viên đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy tại các cơ sở liên kết đào tạo xa trường, có nơi thậm chí điều kiện ăn, ở thiếu thốn, gặp nhiều khó khăn; nhà trường đã có quy định hỗ trợ kinh phí, tạo điều kiện hỗ trợ đội ngũ giáo viên. Đây là thực sự là cố gắng rất lớn của nhà trường trong điều kiện công tác tuyển sinh còn gặp nhiều khó khăn *(1.4.08-Quyết định số 65/QĐ-CĐCNNĐ ngày 26/01/2020 Quy định hỗ trợ kinh phí đối với giảng viên giảng dạy tại các cơ sở liên kết ngoài trường).*

Bên cạnh việc hỗ trợ về mặt kinh phí cho đội ngũ giảng viên đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy thì nhà trường vẫn duy trì thực hiện chế độ nâng lương thường xuyên; đặc biệt là công tác rà soát, bổ sung, quy hoạch đội ngũ giảng viên *(trong đó có giảng viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn)* có đủ điều kiện, tiêu chuẩn nằm trong quy hoạch cán bộ từng giai đoạn của nhà trường *(3.7.04-Danh sách cán bộ nguồn giai đoạn 2018-2021).*

Nhà trường cũng đã ban hành thủ tục quy trình đăng ký cải tiến phương pháp giảng dạy, quy định về hệ số của tiết giảng khi thực hiện cải tiến phương pháp giảng dạy nhằm khuyến khích giảng viên thực hiện việc đổi mới phương pháp.

Để đánh giá việc triển khai và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo tự học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy thì hằng năm nhà trường đều thực hiện việc khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý đánh giá về hiệu quả thực hiện công tác này *(1.7.05-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến nhà giáo, viên chức, người lao động các năm 2018-2020; 1.7.06 –Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến CBQL các năm 2018, 2019, 2020).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo được xác định là nhiệm vụ thường

xuyên, có ý nghĩa quan trọng quyết định chất lượng đào tạo của nhà trường. Nhận thức được tầm quan trọng đó, trong những năm học vừa qua nhà trường luôn có chủ trương đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên đủ phẩm chất, năng lực và xứng tầm nhiệm vụ. Đầu mỗi năm học, nhà trường ban hành kế hoạch công tác năm, trong đó có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, giảng viên. Ở các phòng, khoa, trung tâm thì đội ngũ giảng viên đều được phổ biến về kế hoạch, đăng ký tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Định kỳ nhà trường tiến hành họp, xét và quyết định viên chức đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị và bồi dưỡng quốc phòng an ninh, cụ thể: Năm 2018 Trường cử 47 nhà giáo; Năm 2019 cử 54 nhà giáo; Năm 2020 cử 50 nhà giáo *(3.8.01- Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức hàng năm 2018-2020, danh sách đội ngũ nhà giáo được đào tạo và kết quả đào tạo, bồi dưỡng hàng năm; 1.6.10-Báo cáo tổng kết công tác năm học của nhà trường các năm)*. Cử đội ngũ giảng viên cơ hữu đi nghiên cứu sinh ở nước ngoài để thực hiện chiến lược phát triển nhà trường trong giai đoạn mới *(3.7.02-Quyết định cử đi học và danh sách giảng viên được cử đi đào tạo, chuyên môn nghiệp vụ tại nước ngoài)*.

Ngoài các khóa học chuyên môn, nhà trường còn thường xuyên tổ chức bồi dưỡng về ngoại ngữ, tin học, phương pháp giảng dạy và các khóa học nâng cao khác *(3.8.02-Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Cử nhân đại học hệ vừa làm, vừa học văn bằng 2 tiếng Anh; 3.8.03-Quyết định và danh sách học viên được cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản)*.

Triển khai nhiệm vụ đào tạo hàng năm, nhà trường chú trọng công tác tham gia các Hội thi giáo viên dạy giỏi do các cấp tổ chức. Đây là dịp để mỗi giảng viên tham gia Hội giảng có điều kiện học hỏi kinh nghiệm về kỹ năng, học thuật và chuyên môn nghiệp vụ của đồng nghiệp để từng bước hoàn thiện và nâng cao năng lực bản thân *(3.8.04-Kế hoạch tham gia hội giảng; 3.8.05-Quyết định công nhận kết quả Hội giảng các năm)*.

Để đáp ứng trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy để đạt chuẩn về đội ngũ nhà giáo của một trường đào tạo nghề. Nhà trường đã đánh giá và xác định được những gì giảng viên còn thiếu, từ đó có kế hoạch bồi dưỡng cũng như có những chính sách hỗ trợ cho giảng viên *(3.8.06-Một số quyết định về việc cử viên chức tham gia ôn tập và thi đánh giá kỹ năng nghề quốc gia)*.

Công tác tập huấn nghiệp vụ chuyên môn và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giảng viên hàng năm được tổ chức theo từng đợt phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Thông qua các khóa bồi dưỡng thì đội ngũ giảng viên ngoài việc được cập nhật thêm kiến thức mới, kỹ năng, kinh nghiệm nghề nghiệp còn được cấp chứng nhận, chứng chỉ phục vụ cho công tác hoàn thiện hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức *(3.8.07-Một số hệ thống văn bằng chứng chỉ của đội ngũ nhà giáo được cấp)*. Hằng năm nhà trường đều thực hiện việc khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý đánh giá về hiệu quả thực hiện công tác này *(1.7.05-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến nhà giáo, viên chức, người lao động các năm 2018-2020; 1.7.06 – Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến CBQL các năm 2018, 2019, 2020)*.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để nâng cao trình độ chuyên môn của các nhà giáo giảng dạy các học phần chuyên môn, nhà trường cử nhà giáo đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ và tin học, ngoài ra còn tạo điều kiện cho Nhà giáo tự học tập, nghiên cứu *(3.9.01-Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy các môn chuyên môn, môn học, modul cơ sở; 3.9.02-Kế hoạch giảng dạy theo học kỳ các năm)*. Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTĐBXH về quy định chế độ làm việc của Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tự học tập, bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất *(3.9.03-Danh sách nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất năm 2018, 2019, 2020)*. Trong khoảng thời gian này, các giảng viên thực tập tại các phân xưởng, phòng kỹ thuật, tổ Cơ điện của các công ty. Qua trải nghiệm thực tế từ doanh nghiệp, nhiều giảng viên đã có bước tiến vượt bậc trong chuyên môn, có một cái nhìn mới trong tư duy đào tạo, qua đó xóa bỏ lối mòn trong đào tạo kiểu cũ. Thông qua việc bồi dưỡng, thực tập tại các doanh nghiệp, giảng viên sẽ nắm bắt được nhu cầu của doanh nghiệp để đề xuất điều chỉnh chương trình đào tạo, đào tạo theo hướng mà doanh nghiệp và xã hội cần.

Trong quá trình đưa học sinh đi thực tập tại các doanh nghiệp, các giáo viên ngoài việc kiểm tra quá trình thực tập của học sinh còn có điều kiện tham quan thực tế và tiếp cận công nghệ mới, bổ sung kiến thức và kinh nghiệm nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu giảng dạy *(2.7.08-Báo cáo kết quả thực tập của giáo viên giảng dạy năm 2018, 2019, 2020 (bảng điểm KQ thực tập))*.

Kết thúc quá trình giảng viên được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sản xuất, các nhà giáo phải làm công tác báo cáo kết quả đạt được. Thông qua bản báo cáo của giảng viên, nhận xét đánh giá của các doanh nghiệp nơi các giáo viên đi bồi dưỡng, thực tập nhà trường có kết quả đánh giá mức độ hoàn thành công việc của giảng viên, điều chỉnh hoạt động dạy và học, các dịch vụ phục vụ người học ngày một tốt hơn *(3.9.04-Báo cáo về công tác bồi dưỡng, thực tập của nhà giáo)*.

Nhà trường có mối quan hệ rất tốt với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận. Nhà trường luôn có phương thức tổ chức đào tạo linh hoạt phù hợp với điều kiện vừa sản xuất vừa học tập, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, công nghệ của đơn vị doanh nghiệp.

Thông qua Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp, mối quan hệ các doanh nghiệp, hội cựu học sinh trường, các trung tâm giới thiệu việc làm, người sử dụng lao động, là điều kiện thuận lợi thực hiện đa dạng hóa các phương thức đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu người học, người sử dụng lao động.

Đội ngũ giảng viên nhà trường được cử đi bồi dưỡng, thực tập tại các doanh nghiệp rất nhiệt tình, chăm chỉ chịu khó học hỏi để cập nhật kiến thức, công nghệ và phương pháp tổ chức quản lý sản xuất.

Đội ngũ giáo viên giảng dạy các môn chuyên môn ngành/ngành của nhà trường, không tính giáo viên dạy các môn chung và giáo viên kiêm nhiệm từng năm được cử đi bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp là:

+ Năm 2018: có 122 nhà giáo cơ hữu (không tính nhà giáo dạy các Môn chung).

+ Năm 2019: có 118 nhà giáo cơ hữu (không tính nhà giáo dạy các Môn chung).

+ Năm 2020: có 36 nhà giáo cơ hữu (không tính GV dạy các Môn chung), do dịch bệnh theo đó đội ngũ nhà giáo tham gia bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp chưa đạt 100% theo quy định. Những nhà giáo không tham gia bồi dưỡng, thực tập tại doanh

nghiệp do dịch bệnh, Nhà trường đã chỉ đạo các khoa lên kế hoạch tự đào tạo bồi dưỡng. Cụ thể, khoa Cơ khí & Động lực đã tổ chức 02 lớp học đào tạo bồi dưỡng cho các nhà giáo (lớp Thực hành CNC nâng cao, lớp Sửa chữa máy may). Khoa Điện – Điện tử đã tổ chức cho nhà giáo xuống thực hành tại các xưởng của khoa. Khoa Công nghệ may và thời trang đã tổ chức cho nhà giáo xuống thực hành tại các xưởng may trong khoa. Khoa Công nghệ thông tin thực hiện các nhiệm vụ khoa học và học tập nghiên cứu chuyên đề *(3.9.05-Kế hoạch tự đào tạo bồi dưỡng năm 2020)*.

Hàng năm nhà trường tổng kết các hoạt động hợp tác với các doanh nghiệp *(1.6.10-Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020)*.

Căn cứ nội dung, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.10: Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo định kỳ thông qua các hội nghị tổng kết năm học, hội nghị tổng kết công tác đào tạo bồi dưỡng *(3.10.01-Kế hoạch năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 3.10.02-Báo cáo tổng kết công tác của các đơn vị các năm; 3.10.03-Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường các năm trong Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường các năm)*. Từ đó đánh giá các công tác đã thực hiện, các nội dung chưa hoàn thành và rút ra bài học kinh nghiệm, xây dựng phương hướng, kế hoạch công tác trong thời gian tới.

Trước khi kết thúc năm học, các khoa đều tiến hành tổ chức họp chuyên môn, các giảng viên lần lượt báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cá nhân trong năm học vừa qua, trong đó có những đề xuất phương án cải tiến, áp dụng vào thực tiễn giảng dạy. Các khoa nhận xét đánh giá đề xuất của các cá nhân, tổng hợp các ý kiến chung áp dụng vào phương pháp giảng dạy, gửi báo cáo về Phòng Đào tạo. Căn cứ báo cáo của các khoa chuyên môn, phòng đào tạo sẽ đánh giá, tổng kết và có phương án khắc phục cho năm sau *(3.10.04-Biên bản họp chuyên môn của các khoa; 3.10.05-Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường các năm)*.

Hàng năm Nhà trường thực hiện tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo (**3.10.6-Danh sách số người được đi đạo tạo bồi dưỡng năm 2018, 2019, 2020**). Đội ngũ nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị và quốc phòng an ninh, đi thực tế doanh nghiệp

Qua báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo của trường hàng năm đều cho thấy: Nhà giáo đã cập nhật các kiến thức mới, áp dụng các mô hình học cụ, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ tiên tiến vào công tác giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo của trường, cũng như nghiên cứu khoa học. Ứng dụng của các đề tài nghiên cứu khoa học, xây dựng các mô hình học cụ vào trong công tác giảng dạy cũng như cải cách phần mềm quản lý đào tạo, quản lý học sinh – sinh viên và thư viện. Ngoài những mặt đã đạt được như trên, tuy nhiên vẫn còn một điểm chưa đạt được như: Một số nhà giáo do trình độ ngoại ngữ còn hạn chế nên sự tiếp thu, cập nhật kiến thức mới không đạt được như mong muốn. Một số nhà giáo do chuyển đổi ngành nghề, nên kết quả học tập khi chuyển sang ngành, nghề mới chưa đạt được yêu cầu mong muốn của nhà trường. Ngoài ra cần đào tạo chuyên sâu một số ngành nghề trọng điểm của nhà trường, để các nhà giáo thực sự là một chuyên gia đạt trình độ quốc gia và quốc tế trong lĩnh vực đó (**3.10.07-Báo cáo tại Hội nghị tổng kết các đề tài khoa học các năm 2018, 2019, 2020**).

Để công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo có chất lượng và đạt hiệu quả cao trong công tác đào tạo, nhà trường luôn lắng nghe ý kiến phản hồi của nhà giáo, cán bộ quản lý tại các cuộc họp tổng kết khoa, cũng như tại hội nghị tổng kết năm học của nhà trường (**3.10.04-Biên bản họp chuyên môn của các khoa; 1.6.10-Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường các năm**).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc bổ nhiệm Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng nhà trường do Bộ Công Thương thực hiện trên cơ sở căn cứ vào các tiêu chuẩn quy định về quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo ban hành kèm theo

Điều lệ trường Cao đẳng và Luật Giáo dục nghề nghiệp (**3.11.01-Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng; 3.11.02-Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng**). Hiện nay, trường có Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng đều có trình độ trên đại học, có kinh nghiệm giảng dạy, quản lý giáo dục trên 20 năm, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có trình độ lý luận chính trị: Cao cấp (**3.11.03-Danh sách trích ngang Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng**).

Thầy Dương Tử Bình - Hiệu trưởng nhà trường giai đoạn từ 2009-2019, trình độ chuyên môn Tiến sĩ, trình độ lý luận chính trị: Cao cấp, chứng chỉ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ngoại ngữ (tiếng Nga): cử nhân, tin học: B

Thầy Nguyễn Duy Phần - Hiệu trưởng nhà trường giai đoạn từ 2019 đến nay, trình độ chuyên môn Tiến sĩ, trình độ lý luận chính trị: Cao cấp, chứng chỉ quản lý cơ sở GDNN, nghiệp vụ sư phạm: sư phạm dạy nghề, ngoại ngữ (tiếng Anh): cử nhân, tin học: chứng chỉ tin học cơ bản.

Thầy Bùi Tiến Dũng - Phó Hiệu trưởng giai đoạn từ 2020 đến nay, trình độ chuyên môn Thạc sĩ, trình độ lý luận chính trị: Cao cấp, chứng chỉ quản lý cơ sở GDNN, nghiệp vụ sư phạm: sư phạm dạy nghề, ngoại ngữ (tiếng Anh): C, tin học: chứng chỉ tin học cơ bản.

Ban Giám hiệu nhà trường đảm bảo các yêu cầu về trình độ được đào tạo, có thâm niên công tác và độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường Cao đẳng. Ban Giám hiệu có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống giản dị, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao thể hiện ở sự phát triển về quy mô đào tạo cũng như cơ sở vật chất của nhà trường trong những năm gần đây.

Ban Giám hiệu được đa số cán bộ, giáo viên, nhân viên của Trường tín nhiệm. Kết quả bỏ phiếu tín nhiệm đều đạt mức cao (**3.11.04-Kết quả lấy phiếu tín nhiệm giới thiệu chức vụ Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng**).

Nhà trường xây dựng và ban hành Quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ trong Ban Giám hiệu, trong đó nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đã được phân định cụ thể, rõ ràng (**3.11.05-Phân công nhiệm vụ trong Ban Giám hiệu**). Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý các hoạt động của Trường theo đúng Pháp luật. Phó Hiệu trưởng là người giúp việc cho Hiệu Trưởng, trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác theo sự phân công và chịu trách nhiệm về kết quả công việc được phân công.

Hiệu quả công tác của Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được thực hiện qua thành tích khen thưởng của các cấp đối với tập thể nhà trường (**3.11.06-Các thành tích khen thưởng của nhà trường**), khen thưởng các đồng chí Ban giám hiệu trong nhiệm kỳ công tác (**3.11.07-Các thành tích khen thưởng của cá nhân**).

Hàng năm thực hiện văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Công Thương, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều tiến hành tự đánh giá nhận xét, phân loại công chức, sau đó tổ chức lấy ý kiến đóng góp tại Hội nghị cán bộ chủ chốt. Hồ sơ đánh giá cán bộ hàng năm được gửi về Bộ Công Thương để đánh giá, kết luận theo đúng quy định.

Trong những năm qua, Giám hiệu nhà trường đã thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo quy định. Dưới sự điều hành của Giám hiệu, các hoạt động trong nhà trường luôn được thực hiện đúng kế hoạch và đạt hiệu quả cao. Trường đã thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị - tư tưởng cho CCVC và HSSV, triển khai thực hiện tốt quy chế chuyên môn, công tác NCKH; thực hiện chủ trương phát triển trường (**3.11.08-Phiếu đánh giá của Ban Giám hiệu hàng năm, 3.11.09-Các Quyết định khen thưởng hàng năm của nhà trường, 3.11.07-Các thành tích khen thưởng của cá nhân; 1.6.10- Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020**).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư 46/2016/TT-BLĐT BXH ngày 28/12/2016 và Văn bản hợp nhất số 1308/VBHN-BLĐT BXH ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về Điều lệ Trường Cao đẳng; căn cứ vào Quyết định số: 27/2003/QĐ-TTg ngày 19/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo; căn cứ các Quy chế tổ chức và hoạt động của trường; Quy định về công tác bổ nhiệm CBQL của trường. Số cán bộ quản lý từ trường phó đơn vị thuộc Trường. Hiện tại cơ cấu tổ chức trường có Hiệu trưởng, 01 Phó hiệu trưởng, và 15 phòng, khoa & trung tâm (**3.12.01-Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị trong trường**).

Trường thực hiện theo các quy định của pháp luật về cán bộ, CCVC. Quy trình bổ

nhiệm như sau *(3.12.02–Quy định bộ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định)*: Lãnh đạo đơn vị và Trưởng phòng Tổ chức Hành chính đề xuất nhân sự → Lấy ý kiến của cán bộ viên chức của đơn vị có cá nhân được bổ nhiệm → Họp Hội nghị cán bộ chủ chốt lấy phiếu tín nhiệm → Họp Đảng ủy Trường để xin ý kiến thông qua → Họp Hội đồng trường để xin ý kiến thông qua → ra quyết định bổ nhiệm. Tùy tình hình thực tiễn công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện và cập nhật theo nhiệm kỳ 5 năm.

Năm 2018 bổ nhiệm 05 vị trí trưởng phòng/ khoa, 02 vị trí phó phòng/ khoa dựa các tiêu chí lựa chọn cán bộ và có trong danh sách quy hoạch cán bộ nguồn *(3.12.03-Hồ sơ bổ nhiệm cán bộ từ 01/2018 đến 31/12/2020. Năm 2018: 5 trưởng, 2 phó đơn vị; 3.12.04-Hồ sơ quy hoạch cán bộ chủ chốt)*.

Năm 2020 Nhà trường bổ nhiệm 01 đồng chí Phụ trách trung tâm, 01 đồng chí trưởng phòng và 01 đồng chí phụ trách khoa thực hiện đúng theo Quyết định số 4056/QĐ-BCT ngày 26/10/2018 của Bộ Công Thương ban hành Quy định về tiêu chuẩn và quy trình công tác cán bộ *(3.12.05-Hồ sơ bổ nhiệm cán bộ từ 01/2018 đến 31/12/2020. Năm 2020: Bổ nhiệm 03 CB phụ trách)*.

Trong các năm từ 2018 đến nay, Trường không miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp phòng, khoa.

Trường có kế hoạch bổ nhiệm Cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường; Quy trình giới thiệu và bổ nhiệm, rõ ràng, minh bạch.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ theo Điều lệ trường Cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTĐ và Thông tư 08/2017/TT-BLĐTĐ, đội ngũ cán bộ quản lý trường, phó khoa phải có trình độ đại học trở lên, đủ tiêu chuẩn giảng viên dạy cao đẳng, có kinh nghiệm quản lý, đào tạo, giảng dạy nghiên cứu khoa học ít nhất là 2 năm. Đối với các phòng chức năng, trưởng phòng phải có trình độ đại học trở lên. Đối chiếu với các quy định trên,

tất cả cán bộ quản lý của nhà trường đều có trình độ đại học trở lên (**3.13.01-Danh sách trích ngang của cán bộ quản lý**).

Trường phòng Đào tạo, trường phòng Quản lý khoa học và Đảm bảo chất lượng của nhà trường đều có trình độ thạc sĩ theo quy định. Kế toán trưởng của trường đạt đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng (**3.13.02-Danh sách trích ngang Kế toán trưởng; 3.13.03-Quyết định về việc bổ nhiệm chức vụ kế toán trưởng**).

Tính đến 31/12/2020, trường có 19 cán bộ quản lý cấp trưởng, phó tại các phòng, khoa, trung tâm, trong đó số cán bộ quản lý có trình độ thạc sĩ là 18 người chiếm 94,7%. Hồ sơ của đội ngũ cán bộ quản lý tại trường có đầy đủ và được lưu trữ tại phòng Tổ chức Hành chính. Căn cứ vào Thông tư 08/2017/TT-BLĐTĐ quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, 17/19 cán bộ quản lý nhà trường tham gia giảng dạy đều đạt tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: có bằng đại học trở lên, có chứng chỉ ngoại ngữ A2, có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (**3.13.01-Danh sách trích ngang của cán bộ quản lý**).

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao. Hàng năm nhà trường đều tiến hành công tác đánh giá, phân loại viên chức quản lý theo quy định để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao (**3.13.04-Phiếu đánh giá xếp loại viên chức quản lý**) và lấy phiếu tín nhiệm viên chức quản lý tại các đơn vị (**3.13.05-Biên bản lấy phiếu tín nhiệm viên chức quản lý**). Kết quả đánh giá: 100% cán bộ quản lý được đánh giá hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (**3.13.06-Kết quả đánh giá xếp loại viên chức quản lý từ năm 2018-2020**).

Đội ngũ cán bộ quản lý luôn thực hiện đúng các quy định của nhà nước, của nhà trường trong điều hành công việc. Đồng thời cán bộ quản lý cũng thường xuyên tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của giảng viên, nhân viên nhằm giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc thông qua các cuộc họp ở phòng, khoa, trung tâm và hội nghị công chức, viên chức hàng năm. Nhiều cán bộ quản lý đã được tập thể nhất trí đề nghị lãnh đạo các cấp khen thưởng do năng lực quản lý và những thành tích đã đạt được sau mỗi năm học (**3.13.07-Thành tích khen thưởng của cán bộ quản lý hàng năm và của tập thể các đơn vị**).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ cán bộ nói chung, cán bộ lãnh đạo, quản lý nói riêng của nhà trường có vị trí và vai trò hết sức quan trọng, quyết định đến sự thành bại của tổ chức. Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đặc biệt quan tâm, làm tốt công tác đánh giá cán bộ, rà soát, bổ sung, quy hoạch cán bộ trong từng giai đoạn (***3.14.01-Kế hoạch rà soát, quy hoạch cán bộ và quyết định phê duyệt, quy hoạch cán bộ từng giai đoạn***). Đây là cơ sở để nhà trường thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong tương lai. Đầu mỗi năm học nhà trường xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học mới, trong đó dự kiến danh sách cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị (***3.14.02-Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; dự kiến danh sách cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng***). Việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ quản lý được quy định trong Điều 27- Qui chế chi tiêu nội bộ, theo đó phòng Tổ chức Hành chính lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm trình Hiệu trưởng ký duyệt (***3.14.03-Quyết định và danh sách cán bộ học Cao cấp lý luận chính trị, Trung cấp lý luận chính trị***). Bên cạnh đó nhà trường thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài nhằm đáp ứng yêu cầu công tác. Đội ngũ cán bộ quản lý được nhà trường cử đi học tập, bồi dưỡng, tập huấn hằng năm ở một số lĩnh vực: Nâng cao chất lượng đào tạo nghề; đào tạo nghề trọng điểm; tổng kết, đánh giá công tác đào tạo năm học; các kiến thức và kỹ năng mềm trong giảng dạy; phương pháp công nghệ trong triển khai đào tạo ngành Thiết kế thời trang theo Công nghệ của Cộng hòa Liên Bang Đức...Số cán bộ, quản lý được bồi dưỡng, học tập được thống kê hằng năm như sau: Năm 2018: 27 đồng chí; Năm 2019: 28 đồng chí; Năm 2020: 30 đồng chí (***3.14.04 -Quyết định và danh sách cán bộ quản lý học chuyên môn nghiệp vụ hằng năm***). Qua kiểm tra nội dung học tập, bồi dưỡng của đội ngũ CBQL cho thấy nhà trường đã triển khai đúng kế hoạch.

Hàng năm nhà trường thực hiện khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của đội ngũ cán bộ quản lý về việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ là khá cao (***1.7.06-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến CBQL năm 2018, 2019, 2020***).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ viên chức, người lao động tại trường có đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ theo quy định. Nhà trường có đầy đủ danh sách viên chức, người lao động về trình độ chuyên môn, thời gian công tác, vị trí công việc (*3.15.01-Danh sách viên chức, người lao động của trường năm 2018 đến 2020;1.5.04-Đề án vị trí việc làm được Bộ Công thương duyệt năm 2017*).

+ Năm 2018, đội ngũ viên chức, người lao động của nhà trường: 34 người, trong đó thạc sĩ: 06, đại học: 20, trình độ khác: 03.

+ Năm 2019, đội ngũ viên chức, người lao động của nhà trường: 26 người, trong đó thạc sĩ: 06, đại học: 17, trình độ khác: 03.

+ Năm 2020, đội ngũ viên chức, người lao động của nhà trường: 24 người, trong đó thạc sĩ: 06, đại học: 15, trình độ khác: 03.

Số lượng đội ngũ, viên chức người lao động nhà trường đáp ứng đủ theo yêu cầu đề án vị trí việc làm, được phân bổ tại các phòng chức năng, phù hợp với yêu cầu công việc được giao. Căn cứ đề án vị trí việc làm, đội ngũ người lao động được phân công tại các phòng, trung tâm hợp lý, đảm bảo đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Lãnh đạo nhà trường luôn quan tâm cử đội ngũ viên chức, người lao động tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ do các Bộ ngành, các đơn vị tổ chức.

Năm 2018, nhà trường đã cử viên chức, người lao động tham gia các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ kế toán: 02 người, bồi dưỡng cập nhật chế độ quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công, đấu thầu: 02 người, y tế: 01 người. Trường đã kết hợp với trường Đại học Công nghiệp Việt Trì mở lớp ôn thi và cấp chứng chỉ tin học cho cán bộ, giảng viên, người lao động của trường. Cũng trong năm này, 03 viên chức ở một số phòng đã tốt nghiệp lớp văn bằng hai tiếng Anh do nhà trường kết hợp với trường Đại học Ngoại ngữ mở tại trường vào cuối tuần.

Năm 2019, nhà trường đã cử viên chức, người lao động tham gia các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ kế toán: 03 người.

Năm 2020, nhà trường đã cử viên chức, người lao động tham gia các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ đấu thầu qua mạng: 02 người. Trong năm này, nhà trường đã tổ chức tập huấn về kỹ năng soạn thảo, ban hành văn bản, quản lý văn bản theo Nghị định 30/2020/NĐ-CP cho toàn thể cán bộ Trường, phó các phòng chức năng, giám đốc trung tâm, trưởng khoa và cán bộ nghiệp vụ các phòng, giáo vụ khoa

Từ năm 2018-2020, nhà trường có 35 viên chức nghiệp vụ được đi đào tạo bồi dưỡng, đạt tỷ lệ 80% viên chức nghiệp vụ được đi đào tạo, bồi dưỡng ít nhất một lần trong 3 năm. Các khóa học đều có quyết định và danh sách tham gia khóa học kèm theo. Sau mỗi khóa đào tạo, bồi dưỡng các viên chức, người lao động được cấp văn bằng, chứng chỉ hoặc chứng nhận và gửi lưu tại hồ sơ cán bộ (*3.15.02-Văn bằng chứng chỉ, chứng nhận hoặc xác nhận của cơ sở đào tạo nơi người lao động đi tập huấn*).

Kết thúc mỗi năm công tác, nhà trường tiến hành đánh giá phân loại viên chức, người lao động bảo đảm công khai, dân chủ và đúng quy trình, quy định. Một số viên chức ở các phòng nghiệp vụ được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, còn lại đều hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành nhiệm vụ (*3.2.13-Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức, người lao động năm 2018, 2019, 2020*). Ngoài việc đánh giá xếp loại viên chức cuối năm, hàng tháng phòng Tổ chức Hành chính của nhà trường đều có báo cáo tổng kết xếp loại lao động đối với nhân viên các đơn vị (*3.4.02-Kết quả xếp loại lao động hàng tháng*).

Hàng năm đội ngũ nhân viên của nhà trường đều được tham gia các lớp học tập nghị quyết chuyên đề, tập huấn tư vấn tuyển sinh (*3.15.03-Kế hoạch, hình ảnh các lớp học tập nghị quyết, tập huấn tư vấn tuyển sinh*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 3: 1 điểm

3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Mở đầu:

Chương trình đào tạo và giáo trình giảng dạy là văn bản pháp lý của các đơn vị đào tạo, đó là một nội dung cơ bản đảm bảo mục tiêu đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật, kỹ thuật viên sau khi tốt nghiệp ra trường đáp ứng được với nhu cầu thị trường lao động

mà xã hội yêu cầu. Vì vậy chương trình đào tạo luôn được lãnh đạo trường quan tâm chỉ đạo các đơn vị chức năng xây dựng ngay từ khi trường xin mở ngành đào tạo. Chương trình đào tạo được xây dựng, chuyên đổi theo đúng các quy định tại Thông tư 03/2017/TT-BLĐ-TBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Tất cả các chương trình đào tạo đều có mục tiêu rõ ràng, cụ thể đáp ứng được các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ, phù hợp với ngành, nghề đào tạo. Hằng năm trên cơ sở chương trình đào tạo đã ban hành kết hợp với việc đánh giá, khảo sát thực tế tại các doanh nghiệp, Trường tiến hành xây dựng, chỉnh sửa, phát triển nội dung chương trình đào tạo cho khóa tiếp theo nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với sự tiến bộ của khoa học, công nghệ.

*** Những điểm mạnh:**

Trường có đủ chương trình đào tạo các ngành/ngành đã được Tổng Cục GDNN cấp phép. Kế hoạch đào tạo chi tiết hằng năm xây dựng theo quy định của Bộ LĐ-TB&XH. 100% chương trình đào tạo được xây dựng theo đúng quy định hiện hành.

Chương trình đào tạo của Trường có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được xây dựng một cách hệ thống, khoa học, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ của các chuyên ngành. Tỷ lệ lý thuyết và thực hành luôn đảm bảo theo tỷ lệ từ 25 đến 30% lý thuyết và 65 đến 70% thực hành.

Chương trình đào tạo của trường được xây dựng với sự tham gia của toàn thể giảng viên, cán bộ quản lý, giám hiệu, lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm của trường, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và nâng cao chất lượng đào tạo. Trên cơ sở đó hàng năm trường có kế hoạch xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu các doanh nghiệp, đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.

Chương trình đào tạo khi xây dựng luôn đảm bảo tính liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân. Trường đã có kinh nghiệm đào tạo liên thông và đã tạo được nguồn nhân lực phần nào đáp ứng cho các ngành công nghiệp địa phương và trong khu vực. Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường thường xây dựng kế hoạch rà soát, các mô đun, tín chỉ, môn học trong chương trình Trung cấp, so sánh với chương trình Cao đẳng, đồng thời báo

cáo kết quả rà soát và thông báo cho học viên những môn học/mô đun mà học viên sẽ phải học trong chương trình liên thông giữa các bậc đào tạo, nhằm đảm bảo quyền lợi cho các học viên.

Chương trình đào tạo của trường được đánh giá theo định kỳ mỗi năm một lần. Trong chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến làm cơ sở cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng GDNN.

Trường có đủ các chủng loại sách, phong phú về số lượng đáp ứng cơ bản yêu cầu phục vụ công tác giảng dạy và học tập, NCKH của cán bộ giảng viên và sinh viên, đáp ứng mục tiêu đào tạo. 100% giáo trình đào tạo được xây dựng theo đúng quy định.

Trường có mạng Internet trang bị cho tất cả các phòng khoa, các phòng học tin học nên cán bộ giảng viên có thể truy cập tìm kiếm, khai thác các thông tin, tài liệu trên internet phục vụ cho công việc giảng dạy và học tập nâng cao trình độ.

Công tác đổi mới phương pháp dạy và học được trường hết sức quan tâm, tổ chức bồi dưỡng về phương pháp cùng với sự đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại, phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm. Phần lớn cán bộ giảng viên của trường đã áp dụng công nghệ thông tin, internet vào giảng dạy.

Theo định kỳ, Trường thực hiện lấy ý kiến của người học, cán bộ quản lý, nhà giáo, doanh nghiệp để có định hướng và chỉnh sửa trong công tác xây dựng và phát triển chương trình đào tạo cho các khóa học sau.

*** Những tồn tại**

Một số nghề mới được Tổng cục GDNN cấp phép bổ sung nên chương trình và giáo trình chưa thực hiện rà soát và điều chỉnh.

Nhà trường mới chỉ thực hiện được việc liên thông về chương trình đào tạo với một cơ sở giáo dục đại học nên số lượng ngành, nghề còn ít.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Trường triển khai lấy ý kiến của các HSSV đã tốt nghiệp và một số nhà doanh nghiệp sử dụng lao động góp ý về chương trình đào tạo để kịp thời bổ sung điều chỉnh đáp ứng các yêu cầu của nhà tuyển dụng lao động.

Trong những năm tiếp theo trường tiếp tục rà soát, cập nhật để điều chỉnh chương trình, giáo trình cho phù hợp.

Vận dụng chương trình đào tạo nghề của Nhật Bản, Áo, Đức vào đào tạo một số nghề cơ khí, điện, điện tự động hóa, thiết kế thời trang.

Nhà trường tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh và phát triển chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của sự tiến bộ khoa học kỹ thuật trên cơ sở các ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, tham khảo các chương trình đào tạo của các trường Cao đẳng, Đại học trong nước và quốc tế.

Trường có kế hoạch định kỳ tổ chức các đợt khảo sát lấy ý kiến của các giảng viên, sinh viên, các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên nhằm kịp thời điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	15
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã được Tổng cục GDNN – Bộ Lao động Thương binh & xã hội cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN với tổng số 42 ngành/ngành đào tạo (***1.2.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN***).

Trường có đầy đủ 42 chương trình đào tạo theo giấy chứng nhận đã được cấp phép: Năm 2017, căn cứ vào Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp và Thông tư số 04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 2/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng, Trường đã hoàn thiện các thủ tục chuyển đổi từ giáo dục chuyên nghiệp sang giáo dục nghề nghiệp trong đó có hoàn thiện và ban hành đầy đủ các chương trình đào tạo theo hướng dẫn của Nghị định và Thông tư nêu trên (***4.1.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN***). Hằng năm chương trình đào tạo của từng ngành/ngành đều được rà soát điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với yêu cầu phát triển nguồn nhân lực cho các ngành, nghề đang đào tạo (***2.5.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018,2019,2020***).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

100% chương trình đào tạo của trường được xây dựng trên cơ sở Luật giáo dục nghề nghiệp và các quy định do Bộ LĐTBXH ban hành với các ngành/ngành đào tạo đã được Bộ cấp phép (***2.1.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN; 4.1.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN***).

Hàng năm, trường xây dựng kế hoạch rà soát, đánh giá chương trình đào tạo, tiến hành triển khai họp đánh giá về chương trình đào tạo năm trước và đề xuất xây dựng,

chỉnh lý, phát triển chương trình đào tạo cho khóa sau, trong đó có sự góp ý của đơn vị sử dụng lao động (*4.2.01-Kế hoạch rà soát, đánh giá chương trình đào tạo các năm 2018, 2019, 2020; 4.2.02- Các Biên bản đánh giá chương trình đào tạo và đề xuất xây dựng, chỉnh lý chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020; 4.2.03-Báo cáo kết quả rà soát năm 2018, 2019, 2020*). Trên cơ sở đó Trường có kế hoạch xây dựng, chỉnh lý và phát triển chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của các doanh nghiệp và xu hướng phát triển của Xã hội (*4.2.04-Kế hoạch xây dựng, phát triển và chỉnh lý chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020*).

Chương trình đào tạo của Trường được xây dựng với sự tham gia của toàn thể giảng viên, cán bộ quản lý, giám hiệu, lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm, cán bộ kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động và cơ quan quản lý cấp trên. Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo cho từng ngành/nghề cụ thể, trường đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng chương trình chi tiết từ các tổ môn và các khoa. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đúng thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động thương binh & Xã hội (*4.2.05-Quyết định Thành lập hội đồng thẩm định 2018, 2019, 2020; 4.2.06-Quyết định thành lập tổ biên soạn năm 2018, 2019, 2020; 4.2.07-Phiếu đánh giá thẩm định chương trình đào tạo của thành viên trong Hội đồng thẩm định năm 2018, 2019, 2020; 4.2.08-Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định năm 2018, 2019, 2020; 2.5.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018, 2019, 2020*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của Trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

100% chương trình đào tạo của trường đã được cấp giấy chứng nhận và được xây dựng trên cơ sở Luật giáo dục nghề nghiệp (*1.2.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động*

GDNN; 4.1.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN).

Xây dựng chương trình đào tạo Trường căn cứ vào các Thông tư số 12/2017/TT-BLĐT BXH ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu của người học đạt được sau khi tốt nghiệp; Thông tư 42/2015/TT-BLĐT BXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ Sơ cấp; Thông tư 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/3/2017 quy định về xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình.

Do vậy chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp. Chương trình đào tạo được thực hiện đúng các khối lượng kiến thức với tỷ lệ lý thuyết chiếm 30%, tỷ lệ thực hành chiếm 70%. So với quy định của Bộ thì tỷ lệ tối thiểu lý thuyết và thực hành là 35% - 65%. Như vậy Trường xây dựng chương trình đã đảm bảo được quy định và đạt được mục tiêu về phạm vi và cấu trúc nội dung. Phạm vi và cấu trúc chương trình hợp lý, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động (*4.2.04-Kế hoạch xây dựng, phát triển và chỉnh lý chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020; 2.5.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018, 2019, 2020; 4.3.01-Chương trình đào tạo chi tiết năm 2018, 2019, 2020*).

Căn cứ vào hướng dẫn của Bộ trường đã xây dựng cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng môn học/mô đun theo từng trình độ cụ thể được quy định trong quy chế đào tạo (*2.4.02-Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế*), đồng thời quy định mẫu đánh giá kết quả học tập đối với từng môn học/mô đun (*4.3.02-Bảng kết quả học tập các môn học/mô đun*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo của Trường được xây dựng với sự tham gia của toàn thể giảng viên, cán bộ quản lý, giám hiệu, lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm, cán bộ kỹ

thuật của đơn vị sử dụng lao động và cơ quan quản lý cấp trên. Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo cho từng ngành/nghề cụ thể, trường đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng chương trình chi tiết từ các tổ môn và các khoa. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đúng thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 và Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động TB&XH (*4.2.04-Kế hoạch xây dựng, phát triển và chỉnh lý chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020; 4.2.05-Quyết định Thành lập hội đồng thẩm định 2018, 2019, 2020; 4.2.06-Quyết định thành lập tổ biên soạn năm 2018, 2019, 2020; 4.2.07-Phiếu đánh giá thẩm định chương trình đào tạo của thành viên trong Hội đồng thẩm định năm 2018, 2019, 2020; 4.2.08-Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định năm 2018, 2019, 2020; 2.5.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018, 2019, 2020; 4.3.01-Chương trình đào tạo chi tiết năm 2018, 2019, 2020; 4.4.01-Thẻ hoặc bảng lương hoặc quyết định tuyển dụng của các cán bộ sử dụng lao động có tham gia trong quá trình xây dựng, phát triển và chỉnh lý chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020*).

Việc triển khai lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý và doanh nghiệp sử dụng lao động góp ý về chương trình đào tạo đã được Trường thực hiện thường xuyên, từ đó kịp thời bổ sung điều chỉnh đáp ứng các yêu cầu của nhà tuyển dụng lao động (*1.7.05-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến nhà giáo, viên chức, người lao động các năm 2018-2020; 1.7.06-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến CBQL các năm 2018, 2019, 2020; 4.4.02-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn: chương trình đào tạo của nhà trường được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa vào phương pháp xây dựng chương trình (DACUM) trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động là thành viên trong Hội đồng thẩm định nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và của ngành (*4.2.05-*

Quyết định Thành lập hội đồng thẩm định 2018, 2019, 2020; 4.2.06-Quyết định thành lập tổ biên soạn năm 2018, 2019, 2020; 4.2.07-Phiếu đánh giá thẩm định chương trình đào tạo của thành viên trong Hội đồng thẩm định năm 2018, 2019, 2020; 4.2.08-Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định năm 2018, 2019, 2020; 2.5.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018, 2019, 2020).

Chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động: Hằng năm Trường đã xây dựng kế hoạch khảo sát, thu thập ý kiến đánh giá của doanh nghiệp, học sinh – sinh viên đã tốt nghiệp về chương trình đào tạo, đồng thời tiến hành thu thập ý kiến của doanh nghiệp và học sinh – sinh viên để dần đưa chương trình đào tạo đạt chuẩn theo hướng GDNN (*2.1.06-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020; 4.4.02-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020*).

Hằng năm trường tổ chức Hội nghị công chức viên chức để tổng kết, đánh giá về công tác tổ chức, đào tạo, đồng thời đưa ra các mục tiêu phấn đấu của Nhà trường. Từ đó yêu cầu các đơn vị chuyên môn phải có sự cập nhật, điều chỉnh mọi mặt trong đó có vấn đề tổ chức đào tạo, xây dựng chương trình, giáo trình phù hợp (*1.11.19-Báo cáo hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của trường năm 2018; 2019; 2020; 4.5.01-Nghị Quyết hội nghị Công nhân viên chức năm 2018, 2019, 2020*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ GDNN với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

100% chương trình đào tạo của Trường hiện đang đào tạo đều đảm bảo nội hàm tiêu chuẩn theo quy định về nội dung chương trình (*2.5.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018, 2019, 2020; 4.3.01-Chương trình đào tạo chi tiết năm 2018, 2019, 2020*).

Các chương trình đào tạo của trường được xây dựng theo hướng liên thông giữa các trình độ GDNN với các trình độ khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định:

- Trường đã hợp tác với trường Đại học Công nghiệp Việt Trì để tổ chức đào tạo các lớp liên thông lên Đại học các ngành/ngành mà 02 Trường có chung mã ngành/ngành *(4.6.01-Danh sách Thống kê ngành/ngành liên thông của Trường với Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì)*.

- Chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng của Trường được Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông lên trình độ Đại học của trường Đại học Việt Trì. Quá trình hợp tác đào tạo được thực hiện theo hướng dẫn của Quyết định 18/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc “Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học” *(4.6.02-Biên bản ghi nhớ về việc đào tạo liên thông giữa Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì với trường CĐCNNĐ; 4.6.03-Biên bản hợp tác đào tạo liên thông giữa Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì với trường CĐCNNĐ; 4.6.04-Chương trình/Kế hoạch đào tạo liên thông của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì (để đối chiếu so sánh); 4.6.05-Quyết định/Quy định về việc công nhận giá trị chuyển đổi và các môn học được miễn trừ đối với các nghề được liên thông của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì; 4.6.06-Các thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì)*.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 1điểm

Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh đối với chương trình đào tạo đã ban hành

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, căn cứ vào chương trình đào tạo hiện đang sử dụng, trường triển khai họp đánh giá về chương trình đào tạo năm trước và đề xuất xây dựng, chỉnh lý, phát triển chương trình đào tạo cho khóa sau, trong đó có sự góp ý của đơn vị sử dụng lao động *(4.1.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN; 4.2.02-Các Biên bản đánh giá chương trình đào tạo và đề xuất xây dựng, chỉnh lý chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020)*. Trên cơ sở đó Trường có kế hoạch xây dựng, chỉnh lý và phát triển chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của các doanh nghiệp và xu hướng phát triển của Xã hội *(4.2.04-Kế hoạch xây dựng, phát triển và chỉnh lý chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020)*

Căn cứ kế hoạch xây dựng, chỉnh lý và phát triển chương trình đào tạo, tổ biên soạn tiến hành biên soạn chương trình đào tạo theo kế hoạch. Tổ biên soạn các khoa chuyên môn căn cứ thực tế giảng dạy tiến hành rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học, mô đun. Những vấn đề bất cập, chưa phù hợp đã được các giảng viên và các đơn vị có ý kiến bổ sung, điều chỉnh kịp thời nhằm từng bước hoàn thiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra. Thông qua hội đồng nghiệm thu, các chương trình đào tạo đã được cập nhật và điều chỉnh đưa vào sử dụng (*4.2.08-Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định năm 2018, 2019, 2020; 2.5.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018, 2019, 2020*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo của nhà trường được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến theo khung tiêu chuẩn kỹ năng nghề Quốc gia (DACUM) và các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và của ngành, từ đó ban hành chương trình đào tạo đưa vào sử dụng (*4.1.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN; 2.5.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018, 2019, 2020; 4.3.01-Chương trình chi tiết năm 2018, 2019, 2020*).

Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ, bổ sung, phát triển, điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu đào tạo, theo nhu cầu của các nhà tuyển dụng lao động và cơ quan quản lý. Trong quá trình chỉnh sửa có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến từng ngành/ngành (*4.8.01-Các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến được thể hiện trong chương trình đào tạo chi tiết các ngành/ngành năm 2018, 2019, 2020*).

Tiến tới những năm tiếp theo, Trường đã có kế hoạch phát triển chương trình đào tạo để dần đưa chương trình đào tạo đạt chuẩn. Trường có đủ chương trình đào tạo cho

các bậc đào tạo, các ngành/nghề đào tạo. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được xây dựng một cách hệ thống, khoa học, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ của môn học. Trường đã và đang nghiên cứu chương trình đào tạo nghề của Nhật Bản, Áo, Đức ứng dụng vào điều kiện Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng nghề.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, Trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, căn cứ vào quy chế đào tạo và chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa chuyên môn thực hiện rà soát các môn học, mô đun mà người học không phải học theo Kế hoạch rà soát đã được Hiệu trưởng phê duyệt (*2.4.02-Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế; 2.5.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018, 2019, 2020; 4.9.01-Kế hoạch rà soát các môn học/mô đun mà người học không phải học trong chương trình Cao đẳng liên thông*).

Căn cứ vào Quyết định số 738a/QĐ-CĐCNNĐ ngày 23 tháng 09 năm 2018 quy định về “công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng, kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi thực hiện chương trình đào tạo liên thông”, các đơn vị chức năng thực hiện rà soát theo kế hoạch và tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng phê duyệt, đồng thời thông báo tới người học các môn học mà người học sẽ phải học trong chương trình liên thông (đã trừ các môn không phải học) (*4.9.02-Báo cáo kết quả rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học, khi học chương trình liên thông; 4.9.03-Quyết định/Quy định về việc công nhận giá trị chuyển đổi và các môn học được miễn trừ đối với các nghề được liên thông của Trường CĐCN Nam Định; 2.16.03-Thông báo cho học sinh các môn học/mô đun mà học sinh phải học trong chương trình liên thông năm 2018, 2019, 2020*).

Trường đã thực hiện các thủ tục tuyển sinh, thành lập lớp và tổ chức đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của các doanh

nghiệp, xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến độ giảng dạy, đào tạo liên thông kịp thời và phù hợp (**2.3.09-Quyết định thành lập lớp năm 2018, 2019, 2020; 2.5.02-Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm 2018, 2019, 2020; 2.4.03-Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.5.03-Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện tại trường đào tạo 29 ngành/ngành cao đẳng, 24 ngành/ngành trung cấp, 10 nghề sơ cấp được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (**1.2.06-Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, số 74a/2020/GCNDKBS-TCGDNN ngày 29/06/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục dạy nghề**). Trường đã ban hành 53 chương trình đào tạo của các ngành, nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, 10 chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trong đó bao gồm chương trình chi tiết của 7 môn học chung và 1234 môn học, mô đun chuyên môn (**4.1.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN; 2.5.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018, 2019, 2020; 4.3.01-Chương trình chi tiết năm 2018, 2019, 2020**).

Việc triển khai giảng dạy các môn học, mô-đun của chương trình đào tạo tại trường được sử dụng các nguồn tài liệu: Giáo trình tham khảo bên ngoài của các trường đại học danh tiếng và giáo trình do giáo viên lựa chọn biên soạn. Để đảm bảo có đủ giáo trình phục vụ cho giáo viên, HSSV trong giảng dạy và học tập, đồng thời do tính chất liên thông giữa các cấp trình độ của chương trình đào tạo, đối với những nghề đào tạo có nhiều cấp trình độ thì chương trình đào tạo có trình độ cao đã bao gồm các chương trình đào tạo có trình độ thấp hơn, nhà trường đã chỉ đạo các Khoa thực hiện biên soạn, lựa chọn giáo trình cho các môn học, mô đun của 44 ngành, nghề đào tạo. Hiện tại, nhà trường đã có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo, cụ thể đã tiến hành biên soạn, lựa chọn được 982 giáo trình, trong đó biên soạn 578 giáo

trình, lựa chọn 404 giáo trình (*4.10.01–Các Quyết định ban hành sử dụng giáo trình đào tạo năm 2017, 2018, 2020*).

Tại thư viện của nhà trường có đầy đủ bản in các giáo trình, tập bài giảng của các mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo (*2.7.01-Bản in các giáo trình đào tạo*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2017, 2018, tất cả các chương trình đào tạo, ở mỗi mô-đun, môn học đều có đủ giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức. Đồng thời, các môn học, mô-đun của 10 chương trình đào tạo trình độ sơ cấp cũng được nhà trường tổ chức lựa chọn giáo trình đào tạo theo quy định tại Thông tư 42/2015/TT-BLĐT BXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp và Thông tư số 34/2018/TT-BLĐT BXH ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 42/2015/TT-BLĐT BXH (*4.11.01–Kế hoạch biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2017, 2018; 4.11.02–Quyết định về việc giao biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2017; 4.11.03–Phân công nhiệm vụ biên soạn giáo trình của các Trường tiểu ban lựa chọn, biên soạn năm 2017; 4.11.04–Biên bản Hội thảo về nội dung chi tiết giáo trình của các ngành, nghề đào tạo năm 2017, 2018; 4.11.05–Quyết định thành lập HĐ thẩm định giáo trình đào tạo năm 2017; 4.11.06–Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2017, 2018; 4.11.07–Phiếu đánh giá nghiệm thu giáo trình năm 2017, 2018; 4.11.08–Tổng hợp xác nhận của các Trường tiểu ban đã chỉnh sửa giáo trình sau thẩm định năm 2017, 2018; 4.10.01–Các Quyết định ban hành sử dụng giáo trình đào tạo năm 2017, 2018, 2020*).

HSSV có thể tìm thêm tài liệu ở thư viện trường, ngoài ra HSSV còn có thể tìm thêm tài liệu trên Internet qua các địa chỉ giáo viên giảng dạy cung cấp. Hiện nay nhà trường có gần 19.000 quyển sách, giáo trình phục vụ cho các chương trình đào tạo của nhà trường, trong đó gần 1000 giáo trình được biên soạn, lựa chọn làm giáo trình giảng

dạy cho các môn học, mô đun và gần 18.000 quyển sách làm tài liệu tham khảo. Nhà trường có đầy đủ các Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo *(2.7.01-Bản in các giáo trình đào tạo)*.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện tại trường đào tạo 29 ngành/ngành cao đẳng, 21 ngành/ngành trung cấp được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động *(1.2.06-Giấy chứng nhận Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp)*. Trường đã ban hành chương trình đào tạo, trong đó bao gồm chương trình chi tiết kèm theo *(2.5.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018, 2019, 2020; 4.3.01-Chương trình chi tiết năm 2018, 2019, 2020)*.

Trường có 100% tài liệu giảng dạy, được in ấn và lưu tại thư viện của nhà trường, đáp ứng được nhu cầu học tập của HSSV đối với đầy đủ các mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo *(4.10.01-Các Quyết định ban hành sử dụng giáo trình đào tạo năm 2017, 2018, 2020; 2.7.01-Bản in các giáo trình đào tạo)*.

Phòng QLKH&ĐBCL là đơn vị đầu mối tham mưu trong việc triển khai thẩm định giáo trình đào tạo cho nhà trường, các tài liệu giảng dạy của các chương trình đào tạo đã được thẩm định phê duyệt và đưa vào sử dụng. Các giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo *(4.11.04-Biên bản Hội thảo về nội dung chi tiết giáo trình của các ngành, nghề đào tạo năm 2017, 2018; 4.11.06-Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2017, 2018)*.

Hàng năm, nhà trường phối hợp với khoa chủ quản trực tiếp sử dụng giáo trình lấy ý kiến giáo viên giảng dạy nhằm rà soát, điều chỉnh về giáo trình đào tạo môn học, mô đun để đảm bảo cập nhật những kiến thức mới, thành tựu của nghiên cứu khoa học để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường *(2.1.06-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020; 1.7.05-Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020; 1.7.06-Bộ hồ*

sơ khảo sát, thu thập ý kiến CBQL năm 2018, 2019, 2020; 4.4.02-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020; 4.12.01-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cựu học sinh sinh viên năm 2018, 2019, 2020).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường rất coi trọng và quan tâm đến việc biên soạn và lựa chọn giáo trình đào tạo của các môn học, mô đun trong các chương trình đào tạo. Đây là người thầy thứ hai của HSSV nên ngay khi thẩm định chương trình đào tạo thì giáo trình cũng được xem xét và có kế hoạch biên soạn, lựa chọn theo thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức. Giáo trình đào tạo phải tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, mục tiêu của giáo trình phải mang tính khoa học cao nhưng phải đảm bảo nội dung môn học và người đọc dễ hiểu (*4.11.04-Biên bản Hội thảo về nội dung chi tiết giáo trình của các ngành, nghề đào tạo năm 2017, 2018; 4.11.06-Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2017, 2018; 4.10.01-Các Quyết định ban hành sử dụng giáo trình đào tạo năm 2017, 2018, 2020).*

Tại Thư viện của trường đều có đầy đủ các bản in các tài liệu giảng dạy của các mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo (*2.7.01-Bản in các giáo trình đào tạo*).

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến giáo viên, cán bộ quản lý và HSSV nhằm rà soát, kiểm tra, đánh giá mức độ đáp ứng của giáo trình trong việc tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, để từ đó cập nhật giáo trình góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường (*2.1.06-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020; 1.7.05-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến nhà giáo năm 2018, 2019, 2020; 1.7.06-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020; 4.4.02-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020; 4.12.01-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cựu học sinh sinh viên năm 2018, 2019, 2020).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.14: Hàng năm trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, học sinh, sinh viên ở các ngành/ nghề đào tạo của nhà trường đều có chương trình thực tập kỹ năng nghề, thực tập tốt nghiệp ở các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ...(gọi chung là đơn vị sử dụng lao động). Đây là thời điểm quan trọng để học sinh, sinh viên rèn luyện kỹ năng, ứng dụng kiến thức học ở Trường vào thực tế. Cuối mỗi kỳ thực tập đều có nhận xét đánh giá của các đơn vị sử dụng lao động (***2.7.07-Báo cáo thực tập của HSSV có nhận xét của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020; 2.7.08-Báo cáo kết quả thực tập của giáo viên giảng dạy năm 2018, 2019, 2020 (bảng điểm KQ thực tập)***). Từ các thông tin nhận xét của đơn vị sử dụng lao động nhà trường xây dựng phiếu tham khảo ý kiến các đơn vị về mức độ phù hợp của chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo. Bắt đầu từ năm 2017, Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục là Bộ LĐTB&XH, Trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo bằng hình thức phiếu khảo sát. Trong quá trình lấy ý kiến, nhà trường có lưu lại danh sách của các đối tượng được khảo sát lấy ý kiến. Sau quá trình lấy ý kiến, phòng QLKH&ĐBCL đã thống kê, xử lý số liệu và viết báo cáo để có hướng rà soát cải tiến giáo trình đào tạo cho phù hợp với tình hình thực tế của trường (***2.1.06-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020; 1.7.05-Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020; 1.7.06-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến CBQL năm 2018, 2019, 2020; 4.4.02-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020; 4.12.01-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cựu học sinh sinh viên năm 2018, 2019, 2020)***).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2017, căn cứ vào Giấy chứng nhận Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp - Số 09b/2017/GCNĐKBS-TCDN ngày 08/08/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN, nhà trường đã ban hành Quyết định ban hành chương trình đào tạo (lần đầu), trong đó bao gồm chương trình chi tiết kèm theo (***1.2.06-Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, số 74a/2020/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 29/06/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục dạy nghề; 4.1.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN***).

Hàng năm, theo yêu cầu của các khoa chuyên môn và tình hình thực tế của nhà trường, Trường đã ban hành Quyết định ban hành chương trình đào tạo (***2.5.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018, 2019, 2020; 4.3.01-Chương trình chi tiết năm 2018, 2019, 2020***). Tuy nhiên trong năm 2018, 2019 chương trình đào tạo của các ngành/ngành đào tạo có sự thay đổi không nhiều nên giáo trình của trường không thay đổi. Năm 2020, chương trình đào tạo của các ngành/ngành trình độ cao đẳng khối kỹ thuật đổi thời gian đào tạo từ 2,5 năm sang 3 năm, khối ngành/ngành kinh tế đổi từ 2 năm sang 2,5 năm. Từ đó, phòng QLKH&ĐBCL tổng hợp, xác định chính xác những chương trình đào tạo nói chung và các chương trình chi tiết môn học, mô đun nói riêng có sự thay đổi và lập kế hoạch hiệu chỉnh, biên soạn/lựa chọn lại giáo trình đào tạo, tiến hành thẩm định theo đúng quy định, đảm bảo chất lượng của giáo trình (***4.15.01-Kế hoạch rà soát, hiệu chỉnh, lựa chọn và biên soạn mới giáo trình đào tạo năm 2020; 4.15.02-Quyết định thành lập các tiểu ban lựa chọn, hiệu chỉnh và biên soạn mới giáo trình đào tạo năm 2020; 4.15.03-Phân công nhiệm vụ lựa chọn, hiệu chỉnh và biên soạn mới giáo trình đào tạo của các Trưởng tiểu ban năm 2020; 4.15.04-Biên bản Hội thảo về nội dung chi tiết giáo trình của các ngành, nghề đào tạo năm 2020; 4.15.05-Quyết định thành lập HĐ thẩm định giáo trình đào tạo năm 2020; 4.15.06-Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo năm 2020; 4.15.07-Phiếu đánh giá nghiệm thu giáo trình đào tạo năm 2020; 4.15.08-Tổng hợp xác nhận của các Trưởng tiểu ban đã chỉnh sửa giáo trình sau***

thẩm định năm 2020; 4.10.01–Các Quyết định, ban hành sử dụng giáo trình đào tạo năm 2017, 2018, 2020).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 4: 1 điểm

3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định với bề dày 65 năm đào tạo và phát triển, qua từng giai đoạn Trường đã đổi tên và nâng cấp phù hợp với mục tiêu phát triển đào tạo. Nhà trường luôn đánh giá: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện là những yếu tố rất quan trọng nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường. Được sự quan tâm của Bộ Công Thương, Bộ Lao động thương binh và Xã hội và tỉnh Nam Định, trong những năm qua Trường đã được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, mua sách giáo trình, tài liệu tham khảo, biên soạn chương trình và đầu tư bồi dưỡng đội ngũ giảng viên có trình độ và tay nghề đáp ứng yêu cầu về đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

Về cơ sở vật chất: Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định được Bộ Công Thương phê duyệt quy hoạch tổng thể với tổng diện tích đất là 18,3 ha, đầy đủ các khu vực phục vụ cho hoạt động của trường. Hiện tại Trường đã xây dựng được khu giảng đường 5 tầng khang trang với tổng diện tích 7.350m² được trang bị đầy đủ hệ thống điện chiếu sáng, quạt mát và các thiết bị phục vụ giảng dạy. Hệ thống các nhà để làm phòng thí nghiệm, phòng học chuyên môn được sắp xếp theo từng Khoa đảm bảo sự tiện lợi trong quản lý và khai thác sử dụng hiệu quả của trang thiết bị đào tạo. Ngoài ra Trường còn có đầy đủ các công trình phụ trợ phục vụ đào tạo, sinh hoạt của giáo viên và học sinh sinh viên như: hệ thống thư viện phục vụ tra cứu tài liệu; nhà giáo dục thể chất; khu ký túc xá, nhà ăn sinh viên, sân thể dục thể thao...

Về trang thiết bị: hàng năm Trường luôn quan tâm đầu tư trang thiết bị, công cụ, đồ dùng dạy học để phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học bằng nhiều nguồn kinh phí: Ngân sách Nhà nước cấp từ nguồn không thường xuyên, nguồn ngân sách cấp đầu tư cho các nghề trọng điểm từ Chương trình mục tiêu Giáo dục việc làm và An toàn lao động, nguồn vốn của Trường và nguồn viện trợ. Trang thiết bị, đồ dùng dạy học được

đầu tư phù hợp với quy định về danh mục thiết bị đào tạo theo yêu cầu của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, đạt tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật và đảm bảo sức khỏe cho người vận hành. Nhà trường có đủ hệ thống kho đảm bảo yêu cầu lưu trữ vật tư, dụng cụ thực hành cho các khoa.

Thư viện nhà trường được xây dựng 1 tầng với tổng diện tích 586,8m², có đầy đủ trang thiết bị, các loại giáo trình, tài liệu tham khảo và báo chí cần thiết phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu của cán bộ, giáo viên và người học.

*** Những điểm mạnh:**

Địa điểm của Trường phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh Nam Định và mạng lưới cơ sở GDNN trong cả nước. Trường có diện tích rộng, 2 bên bờ sông Chanh yên tĩnh không khí trong lành đảm bảo cho việc giảng dạy và học tập. Trường nằm cạnh Quốc lộ 10, là tuyến đường liên tỉnh chạy dọc theo vùng Duyên hải Bắc Bộ qua 6 tỉnh và thành phố: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và Thanh Hóa, là trung tâm của đồng bằng châu thổ Nam đồng bằng Sông Hồng với dân số đông đúc trên 10 triệu dân với hàng chục khu công nghiệp lớn, các làng nghề truyền thống, đây là vị trí rất thuận lợi về giao thông cũng như trong công tác tuyển sinh và đào tạo nghề nghiệp của trường.

Trường có hệ thống đường nội bộ rộng rãi được phủ bê tông nhựa khang trang sạch đẹp, hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp thoát nước được xây dựng đồng bộ không xảy ra tình trạng ngập úng. Trường có trạm biến áp riêng và mạng lưới cấp điện của trường theo quy chuẩn, được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ. Hệ thống nước sạch phủ khắp các khu vực, có các bể chứa đảm bảo nguồn nước phục vụ sinh hoạt và công tác phòng cháy chữa cháy.

Hệ thống phòng học lý thuyết được xây dựng thoáng mát, thông gió tốt, đảm bảo ánh sáng tự nhiên. Các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đảm bảo quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, có bố trí đèn, quạt, hệ thống ánh sáng phù hợp với từng ngành/ngành. Trường có đủ các khu vực phục vụ hoạt động giảng dạy, làm việc, TĐTT, sinh hoạt của cán bộ, giáo viên và HSSV.

Thiết bị tại các xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng học chuyên môn được lắp đặt hợp lý, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật đảm bảo thuận tiện cho việc đi lại, vận

hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

Thư viện nhà trường có đầy đủ trang thiết bị, các loại giáo trình, tài liệu tham khảo và báo chí cần thiết phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu của cán bộ, giáo viên và người học.

*** Những tồn tại**

Một số khu nhà đã xây dựng lâu năm nên có hiện tượng xuống cấp; chưa có nhiều trang thiết bị hiện đại, tiên tiến.

Thư viện chưa thu hút được nhiều sinh viên đến tra cứu tham khảo tài liệu.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng giai đoạn 2020 – 2025:**

Phát huy những điểm mạnh hiện có của Nhà trường

Tìm kiếm các nguồn tài trợ, nguồn ngân sách cấp hàng năm và hoàn thành dự án: “Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng” bằng nguồn vốn ADB để đầu tư cho trang thiết bị giai đoạn 2020 đến 2025 đặc biệt chú trọng đầu tư cho các nghề trọng điểm.

Xây dựng Nhà xưởng Điện công nghiệp và thực hành Cơ khí (2021-2023) với tổng mức đầu tư **29.019 triệu đồng** để xây dựng 2.400m² nhà xưởng nhằm đảm bảo diện tích nhà xưởng đủ tiêu chuẩn lắp đặt thiết bị từ dự án ODA của ngân hàng ADB cho 2 nghề trọng điểm cấp độ quốc tế là Điện công nghiệp và Cắt gọt kim loại.

Cải tạo, nâng cấp các công trình hiện có để đảm bảo cơ sở vật chất khang trang. Duy trì phong trào: Xanh - Sạch - Đẹp. Đảm bảo có môi trường tốt cả bên ngoài lẫn bên trong phòng học, nhà xưởng,...

Liên kết đào tạo, hợp tác sản xuất với các doanh nghiệp là cơ hội để giáo viên và học sinh có điều kiện tiếp xúc với sản xuất thực tế đồng thời có thêm nguồn thu nhằm tái đầu tư trang thiết bị, bù đắp khấu hao cơ sở vật chất

Nâng cao công tác quản lý, đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị và kiểm soát việc tái sử dụng vật tư thực hành thực tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiếp tục đầu tư trang thiết bị trên cơ sở tuân thủ danh mục thiết bị tối thiểu do Bộ Lao động – Thương binh và xã hội ban hành.

Mở rộng quan hệ với doanh nghiệp nhằm khai thác công nghệ, máy móc thiết bị

nhằm cải thiện chất lượng đào tạo của nhà Trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	14
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	0
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại, thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường CDCNNĐ được thành lập theo Quyết định số 1339/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT trên cơ sở trường Trung học công nghiệp II (***1.1.01- Quyết định của Bộ trưởng, Bộ GD & ĐT về việc thành lập Trường CDCNNĐ trên cơ sở Trường Trung học Công nghiệp II; Số 1339/QĐ-BGD&ĐT-TCCB,***

ngày 30/3/2005). Trường trực thuộc Bộ Công Thương chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ LĐ TB&XH với nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn trong lĩnh vực: cơ khí chế tạo máy, kỹ thuật điện, kỹ thuật điện – điện tử, công nghệ thông tin, công nghệ may và kế toán.

Trường được xây dựng trên khu đất cao ráo tại địa chỉ Km 6, Xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định với tổng diện tích quy hoạch là 183.509m² để phục vụ đào tạo *(5.1.01-Các Quyết định số 2165/QĐ-BCT ngày 14/12/2007, số 5913/QĐ/BCT ngày 11/11/2011 của Bộ Công thương về việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định và Bản đồ quy hoạch tổng thể 3 giai đoạn tỷ lệ 1/500)*. Trên địa bàn tỉnh Nam Định hiện có 38 cơ sở GDNN, gồm 6 trường Cao đẳng, 5 trường Trung cấp, 15 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và 12 cơ sở tham gia hoạt động GDNN. Trong đó có 2 trường Cao đẳng, 2 trường Trung cấp công lập thuộc tỉnh quản lý. Mục tiêu phát triển nhân lực của tỉnh Nam Định giai đoạn 2011-2020: “ Tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh năm 2020 là 75%, trong đó lao động có trình độ trung cấp và đào tạo nghề là 66%; lao động có trình độ cao đẳng trở lên là 9%; Quy hoạch, đầu tư nâng cấp và mở rộng quy mô các cơ sở đào tạo và thành lập mới 8 trường trung học, cao đẳng và đại học, phân hiệu đại học phục vụ nhu cầu phát triển nhân lực trên địa bàn trong đó có 2-3 cơ sở có trình độ quốc gia ” *(5.1.02-QĐ phê duyệt quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Nam Định giai đoạn 2011-2020)*.

Vì vậy việc phát triển đào tạo nghề tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh Nam Định cũng như mạng lưới các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh.

Trường có 2 cổng ra vào, cổng chính phía Quốc lộ 10 cách đường 60m, khu nhà học lý thuyết cách đường QL10 200m, cổng phụ phía bờ sông Tiên Hương, cách cầu Giành 200m. Phía Bắc giáp khu dân cư và trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt may Nam Định, phía Nam giáp khu đất trồng lúa của xã Liên Bảo rất yên tĩnh cho việc dạy và học. Phía Tây giáp sông Tiên Hương, chi nhánh điện lực huyện Vụ Bản và khu dân cư. Phía Đông của Trường giáp Quốc lộ 10, có tuyến xe buýt số 06 chạy từ cầu Tân Đệ (nối 2 tỉnh Nam Định – Thái Bình) tới thị trấn Lâm huyện Ý Yên tỉnh Nam Định *(5.1.03-lộ trình tuyến xe Buýt 06)* và các tuyến xe cố định chạy qua như xe Hải Phòng, Thái Bình, Ninh Bình, Quảng Ninh, Hà Nội... rất thuận tiện trong việc lưu thông, đi lại của cán bộ, giáo viên và HSSV.

Hệ thống điện của Nhà trường được cung cấp từ mạng lưới điện huyện Vụ Bản, khoảng cách từ lưới điện Vụ Bản đến trạm biến áp 400KVA của Trường khoảng 200m nên đảm bảo nhu cầu cung cấp điện ổn định cho Trường (*5.1.04-Bản vẽ hoàn công tuyến cáp ngầm 35KV, Trạm biến áp 400KVA-35/22/0.4KV và đường trục hạ thế 0.4KV; Hợp đồng cung cấp điện*).

Hệ thống cấp nước của Nhà trường được cung cấp từ hệ thống nước sạch của Nhà máy nước Nam Định chạy dọc theo Quốc lộ 10 đầu nối qua đồng hồ nước để cung cấp cho Trường. Trường đã xây dựng bể chứa và hệ thống cấp nước nội bộ cho các khu vực đáp ứng được yêu cầu nguồn nước đảm bảo vệ sinh (*5.1.05-Bản vẽ hoàn công hệ thống cấp nước; Hợp đồng cung cấp nước*).

Địa điểm của Trường cách khu công nghiệp An Xá khoảng 3000m nên không bị ảnh hưởng tiếng ồn, bụi bặm, chất thải độc, ô nhiễm không khí, nguồn nước, đảm bảo an toàn, yên tĩnh cho hoạt động giảng dạy và học tập (*5.1.06-Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Nam Định giai đoạn 2016-2020; 5.1.07-đề án môi trường chi tiết và quyết định phê duyệt đề án môi trường chi tiết*).

Ý kiến của người học và cán bộ quản lý về địa điểm của Trường thuận tiện giao thông, yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập: Người học: Rất đồng ý 70%, đồng ý 25,3%; cơ bản đồng ý 4,7%; Nhà giáo: Rất đồng ý 82,0%, đồng ý 17%; cơ bản đồng ý 1%; Cán bộ quản lý: Rất đồng ý 76%, đồng ý 24% (*2.1.06-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020; 1.7.05-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến nhà giáo năm 2018, 2019, 2020; 1.7.06-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến CBQL năm 2018, 2019, 2020*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có mặt bằng tổng thể được quy hoạch hợp lý phù hợp với chức năng, nhiệm vụ đào tạo, đảm bảo yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc cảnh quan, khoảng cách và các giải pháp ngăn cách hợp lý các công trình xây dựng trong và ngoài khuôn viên

(5.2.01-Báo cáo tổng hợp quy hoạch chi tiết điều chỉnh mở rộng Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định). Tổng diện tích đất theo quy hoạch là 183.509 m² đã được Bộ Công thương phê duyệt (5.1.01-Các Quyết định số 2165/QĐ-BCT ngày 14/12/2007, số 5913/QĐ/BCT ngày 11/11/2011 của Bộ Công thương về việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định và Bản đồ quy hoạch tổng thể 3 giai đoạn tỷ lệ 1/500).

Nhà trường tuân thủ thực hiện đúng theo bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đã được phê duyệt: diện tích xây dựng 16,86%, tổng diện tích đường giao thông nội bộ chiếm 12,2%. Theo quy hoạch diện tích cây xanh chiếm 40-50% tổng diện tích, tuy nhiên do còn một số công trình chưa xây dựng nên hiện nay diện tích cây xanh chiếm 70,9%, đây là những lá phổi xanh, tạo bầu không khí trong lành không chỉ cho toàn thể cán bộ, giáo viên và HSSV trong quá trình làm việc và học tập tại trường mà cho cả khu vực dân cư xung quanh *(5.2.02-Bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan).*

Với tổng diện tích đất 18,3ha đã được quy hoạch cụ thể các vị trí xây dựng các phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn và các công trình phục vụ đào tạo đáp ứng các yêu cầu của một cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Các khối công trình được bố trí phù hợp với công năng sử dụng, đi lại thuận tiện trong nội bộ với hệ thống đường giao thông kết nối, tạo ra cảnh quan đẹp, môi trường sư phạm xanh.

Ý kiến của người học và cán bộ quản lý về Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định: Người học: Rất đồng ý 47,4%, đồng ý 43,4%; cơ bản đồng ý 9,1%; Nhà giáo: Rất đồng ý 75%, đồng ý 23%; cơ bản đồng ý 2%; Cán bộ quản lý: Rất đồng ý 80%, đồng ý 20% *(2.1.06-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020; 1.7.05-Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020; 1.7.06-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: Khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Với tổng diện tích đất 18,3ha đã được quy hoạch cụ thể các vị trí xây dựng các phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn và các công trình phục vụ đào tạo nên các khu nhà đều đảm bảo độ hợp lý và thuận tiện cho công tác đào tạo. Hiện tại trường có đủ các khối công trình đáp ứng tiêu chuẩn của cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo TCVN 9210:2012 - Trường dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế ***(5.3.01-Sa bàn trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định; Bản đồ quy hoạch tổng thể 3 giai đoạn tỷ lệ 1/500).***

Khu học tập và nghiên cứu khoa học gồm khối nhà 5 tầng 5 đơn nguyên hình chữ E với 50 phòng, có 5 cầu thang chính rộng hơn 2m, hành lang phía trước các dãy rộng từ 2,5m đến 2,7m; mỗi tầng bố trí phòng chờ giảng cho giáo viên rộng 45m² có công trình phụ khép kín; diện tích các phòng học từ 63m² đến 90m² có ít nhất 2 cửa ra vào bố trí ở đầu lớp và cuối lớp, một số phòng rộng 150m² ở tầng 1 còn bố trí thêm 1 cửa rộng ở giữa. Trong lớp học lý thuyết các thiết bị được bố trí khoa học phù hợp đạt tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9210:2012 ***(5.3.02-Bản vẽ hoàn công nhà học lý thuyết).***

Khu thực hành gồm các xưởng thực hành số 1 có diện tích sàn 589,7 m² được chia làm 4 phòng học thực hành cơ khí (diện tích mỗi phòng đạt 147,42m²) ***(5.3.03-Bản vẽ hoàn công nhà xưởng số 1)***; Xưởng thực hành số 2 có diện tích sàn 567,1 m² được dùng làm xưởng thực tập nghề công nghệ ô tô ***(5.3.04-Bản vẽ hoàn công nhà xưởng số 2)***; Xưởng thực hành số 3 có diện tích sàn 886,3 m² được chia làm 12 phòng thực tập các môn chuyên ngành của Khoa Điện – Điện tử (diện tích mỗi phòng đạt 73,8m²) ***(5.3.05-Bản vẽ hoàn công nhà xưởng số 3)***; nhà xưởng thực hành cơ khí 1.400 m² được xây dựng kiên cố với 8 phòng học đủ tiêu chuẩn (diện tích mỗi phòng đạt từ 90m² trở lên) ***(5.3.06-Bản vẽ hoàn công nhà xưởng thực hành cơ khí)***; Nhà xưởng thực hành may 1.400 m² được xây dựng kiên cố với 8 phòng học đủ tiêu chuẩn (diện tích mỗi phòng đạt từ 90m² trở lên) ***(5.3.07-Bản vẽ hoàn công nhà xưởng thực hành may)***, Nhà lớp học 3 tầng với diện tích sàn 1168m² làm phòng thí nghiệm, phòng thực hành máy tính ***(5.3.08-Bản vẽ hoàn công nhà D lớp học 3 tầng)***. Tất cả các khối công trình phục vụ đào tạo của Trường đã được xây

dụng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9210:2012 về trường dạy nghề. Các yêu cầu về ngăn cách giữa khu lý thuyết, thực hành, vệ sinh, kiến trúc, chiếu sáng, thông gió. Đường vào các xưởng lớn, hành lang từ 2.5m trở lên thuận tiện cho việc vận chuyển, lắp đặt và vận hành thiết bị., được trang bị đầy đủ quạt mát, điện chiếu sáng phù hợp với từng xưởng. Tại các xưởng thực hành có đầy đủ nội quy, quy định, bố trí chỗ lên lớp trước khi thực hành, chỗ đặt máy móc, thiết bị thực hành, chỗ chuẩn bị phôi liệu, chỗ để dụng cụ, đồ nghề,... được sắp xếp hợp lý, đủ chỗ đi lại và vận chuyển thì các tiêu chí về khu chức năng trường đều đạt và vượt quy định *(5.3.09-Ảnh chụp xưởng thực hành)*.

Khu rèn luyện thể chất với diện tích 1.200 m² phục vụ cho các hoạt động thể dục, thể thao trong nhà. Ngoài ra trường còn có khu thể dục thể thao ngoài trời gồm sân bóng chuyền, cầu lông, sân bóng đá, sân tập thể dục, điền kinh cách xa khu học tập để tránh gây tiếng ồn ảnh hưởng đến việc học và sự tập trung của người học *(5.3.10-Bản vẽ hoàn công Nhà giáo dục thể chất; Ảnh chụp sân vận động)*.

Khu hành chính quản trị của trường là khối nhà 6 tầng 1 tum rất khang trang và rộng rãi có diện tích sàn 5.525 m² với đầy đủ các phòng làm việc của ban giám hiệu, phòng làm việc của các phòng, khoa, đoàn thanh niên, phòng y tế, phòng tiếp dân, hội trường, tất cả đều phù hợp tiêu chuẩn quy định *(5.3.11-Bản vẽ hoàn công Nhà Hiệu bộ)*.

Trường có khu KTX cho học sinh sinh viên với tổng diện tích xây dựng 2.256m² được bố thành 2 nhà KTX A1 và KTXA2 với tổng số phòng là 58 phòng. Diện tích phòng nhỏ nhất là 29 m². Tất cả các phòng được trang bị đầy đủ từ giường, tủ, bàn ghế, quạt, đèn chiếu sáng và khu vệ sinh khép kín. Khu vực sinh hoạt chung của 2 khu ký túc xá được lắp đặt camera giám sát nhằm đảm bảo an ninh, an toàn cho người ở *(5.3.12-Bản vẽ hoàn công ký túc xá A1 và ký túc xá A2)*.

Các công trình phụ trợ: Nhà ăn 2 tầng với diện tích 594m²; nhà để xe dành cho cán bộ giáo viên và học sinh, sinh viên...

Hiện tại các xưởng thực hành, phòng học chuyên môn đã đáp ứng việc bố trí trang thiết bị hiện có phù hợp với các tiêu chuẩn đào tạo nghề theo quy định. Trường đang hoàn thiện hồ sơ xin phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Nhà xưởng thực hành Điện công nghiệp và thực hành Cơ khí để chuẩn bị mặt bằng tiếp nhận thiết bị từ dự án: “Chương trình kỹ năng cho tăng trưởng kinh tế toàn diện” vốn ODA đầu tư trang thiết bị tiên tiến cho 2 nghề trọng điểm Cắt gọt kim loại và Điện công nghiệp.

Đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định

Ý kiến của người học và cán bộ quản lý về Trường có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: Khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo: Người học: Rất đồng ý 52,4%, đồng ý 41,3%; cơ bản đồng ý 6,3%; Nhà giáo: Rất đồng ý 66,2%, đồng ý 33,1%; cơ bản đồng ý 0,7%; Cán bộ quản lý: Rất đồng ý 70%, đồng ý 30% (**2.1.06-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020; 1.7.05-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến nhà giáo năm 2018, 2019, 2020; 1.7.06-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020**).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đang được đầu tư xây dựng trên khuôn viên được quy hoạch hợp lý có đầy đủ các khối công trình thuận tiện cho hoạt động của nhà trường (**5.1.01-Các Quyết định số 2165/QĐ-BCT ngày 14/12/2007, số 5913/QĐ/BCT ngày 11/11/2011 của Bộ Công thương về việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định và Bản đồ quy hoạch tổng thể 3 giai đoạn tỷ lệ 1/500**). Hệ thống đường nội bộ với hơn 2.000m đường theo quy hoạch được đầu tư xây dựng, 100% các tuyến đường nội bộ được phủ bê tông nhựa với chiều rộng từ 6-19m đảm bảo giao thông thuận lợi phục vụ cho việc phòng cháy chữa cháy, vận chuyển thiết bị đến nhà xưởng an toàn, đường dẫn từ nhà làm việc tới phòng học lý thuyết, hội trường, thư viện, xưởng thực hành giữa các khu vực trong trường đáp ứng tiêu chuẩn trường dạy nghề (**5.4.01-Bản vẽ hoàn công dự án đầu tư xây dựng hệ thống giao thông (đường vào) trường**).

Trường có trạm biến áp 400KVA cũng như đường trục hạ thế riêng đảm bảo việc truyền tải điện đáp ứng đủ công suất phục vụ các khu chức năng (**5.1.04-Bản vẽ hoàn**

công tuyến cáp ngầm 35KV, TBA 400KVA và đường trục hạ thế). Hệ thống đường dây cấp điện nội bộ đảm an toàn, được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định *(5.4.02-Biên bản kiểm tra hệ thống điện; Hợp đồng sử dụng điện + hóa đơn tiền điện)*.

Nhà trường đã sử dụng nguồn nước sạch do Nhà máy nước Nam Định cung cấp từ năm 2010. Năm 2016, Trường đã được phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý nước thải trong khuôn viên trường. Dự án có hệ thống bể chứa nước sạch 460m³ và hệ thống mạng lưới cấp nước để cung cấp nước sạch đến các tòa nhà đáp ứng đầy đủ nhu cầu của cán bộ, giáo viên và học sinh, sinh viên trong toàn trường. Đồng thời dự án cũng được xây dựng 2 trạm xử lý nước thải sinh hoạt phục vụ cho khu hành chính và khu kí túc xá. Toàn bộ nước thải sinh hoạt được thu gom theo đường ống D90 về trạm xử lý đảm bảo yêu cầu về nước thải trước khi xả ra môi trường. Hiện dự án đã được bàn giao đưa vào sử dụng *(5.1.05-Bản vẽ hoàn công hệ thống cấp nước, Hợp đồng cung cấp nước; 5.4.03-Bản vẽ hoàn công hệ thống thu gom và xử lý nước thải; 5.4.04-Thí nghiệm chất lượng nước tại các bể chứa)*.

Việc thu gom xử lý chất thải sinh hoạt của nhà trường được thực hiện hợp đồng với nhân viên vệ sinh *(5.4.05- Hợp đồng dịch vụ vệ sinh)*. Rác thải sinh hoạt trong trường được thu gom tại các thùng rác đặt ở các khu và được nhân viên vệ sinh tập kết ra bãi rác tại địa phương để xử lý. Đối với chất thải rắn, rác thải nguy hại, rác thải công nghiệp từ các xưởng thực hành, Trường thực hiện thu gom về kho chứa riêng và sẽ hợp đồng với công ty vệ sinh môi trường để thực hiện thu gom, xử lý *(5.4.06-Hình ảnh kho chứa rác thải; Hợp đồng thu gom rác thải rắn, rác thải công nghiệp)*.

Các công trình đều thiết kế có hệ thống thông gió tự nhiên, trong các xưởng thực hành có trang bị hệ thống quạt trần, quạt thông gió đảm bảo duy trì không khí thoáng mát cho việc dạy, học của HSSV và giáo viên. Bên trong các khu nhà xưởng bố trí chỗ lên lớp trước khi thực hành, chỗ để dụng cụ, đồ nghề, chỗ đặt máy móc, thiết bị và thực hành, chỗ chuẩn bị phiê liệu,... khoa học, hợp lý *(5.3.09-Ảnh chụp xưởng thực hành...)*.

Hệ thống phòng cháy chữa cháy đảm bảo quy định, hàng năm đều được các cơ quan chức năng kiểm tra, đánh giá *(5.4.07-Bản vẽ hoàn công hạng mục phòng cháy và chữa cháy; Biên bản nghiệm thu hệ thống PCCC)*. Hàng năm Nhà trường đều tổ chức các lớp tập huấn về công tác PCCC-CNCH cho lực lượng PCCC của nhà trường *(5.4.08-Danh sách CB,GV tham gia lớp tập huấn phòng cháy)* định kỳ được kiểm tra phòng cháy *(5.4.09-Biên bản kiểm tra về PCCC, cứu nạn, cứu hộ các năm 2018,2019,2020)*.

Hàng năm Nhà trường có kế hoạch bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo quy chế quản lý tài sản và các quy định có liên quan (**5.4.10-Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị năm học 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020; 5.4.11-Hồ sơ sửa chữa năm 2018; 2019; 2020; Quy chế quản lý tài sản**).

Ý kiến của người học và cán bộ quản lý về Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Trường theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt: Người học: Rất đồng ý 51,4%, đồng ý 43,3%; cơ bản đồng ý 5,3%; Nhà giáo: Rất đồng ý 66%, đồng ý 32%; cơ bản đồng ý 2%; Cán bộ quản lý: Rất đồng ý 70%, đồng ý 20%; cơ bản đồng ý 10% (**2.1.06-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020; 1.7.05-Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020; 1.7.06-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020**)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hệ thống các phòng học lý thuyết, thực hành được bố trí riêng biệt đảm bảo ngăn cách, không bị ảnh hưởng tiếng ồn. Các công trình có kết cấu, kiến trúc và nội thất đảm bảo các yêu cầu về an toàn phòng cháy và chữa cháy, hệ thống chiếu sáng và thông gió đảm bảo đúng quy chuẩn xây dựng và phù hợp với các tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành theo quy định tại thông tư 38/TT-BLĐTBXH.

Khu giảng đường với 48 phòng học với tổng diện tích: 7.370m², 01 phòng học ngoại ngữ, diện tích mỗi phòng từ 63-150m². Các phòng học đã được trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy, quạt mát và hệ thống chiếu sáng... (**5.5.01-Ảnh phòng học lý thuyết; 5.3.02-Bản vẽ hoàn công khu Nhà học lý thuyết**).

Khu nhà 3 tầng (Nhà D) bao gồm 05 phòng học máy tính phục vụ công tác giảng dạy của các Khoa trong Trường, diện tích mỗi phòng từ 50-90m² được trang bị đầy đủ các thiết bị chiếu sáng, quạt mát, có hệ thống cửa sổ để thông gió tự nhiên (**5.3.08-Bản vẽ hoàn công nhà D lớp học 3 tầng**).

Khu thực hành gồm các xưởng thực hành số 1 có diện tích sàn 589,7 m² được chia làm 4 phòng học thực hành cơ khí (diện tích mỗi phòng đạt 147,42m²) *(5.3.03-Bản vẽ hoàn công nhà xưởng số 1)*; Xưởng thực hành số 2 có diện tích sàn 567,1 m² được dùng làm xưởng thực tập nghề công nghệ ô tô *(5.3.04-Bản vẽ hoàn công nhà xưởng số 2)*; Xưởng thực hành số 3 có diện tích sàn 886,3 m² được chia làm 12 phòng thực tập các môn chuyên ngành của Khoa Điện – Điện tử (diện tích mỗi phòng đạt 73,8m²) *(5.3.05-Bản vẽ hoàn công nhà xưởng số 3)*; nhà xưởng thực hành cơ khí 1.400 m² được xây dựng kiên cố với 8 phòng học đủ tiêu chuẩn (diện tích mỗi phòng đạt từ 90m² trở lên) *(5.3.06-Bản vẽ hoàn công nhà xưởng thực hành cơ khí)*; Nhà xưởng thực hành may 1.400 m² được xây dựng kiên cố với 8 phòng học đủ tiêu chuẩn (diện tích mỗi phòng đạt từ 90m² trở lên) *(5.3.07-Bản vẽ hoàn công nhà xưởng thực hành may)*, Nhà lớp học 3 tầng với diện tích sàn 1168m² làm phòng thí nghiệm, phòng thực hành máy tính *(5.3.08-Bản vẽ hoàn công nhà D lớp học 3 tầng)*.

Các phòng thực hành đều có diện tích từ 48m² được thiết kế theo đúng tiêu chuẩn và trang bị máy móc, thiết bị tương ứng với từng nghề và riêng biệt giữa các dãy nhà xưởng. Tại các xưởng thực hành có đầy đủ nội quy, quy định, bố trí chỗ lên lớp trước khi thực hành, chỗ đặt máy móc, thiết bị thực hành, chỗ chuẩn bị phôi liệu, chỗ để dụng cụ, đồ nghề,... được sắp xếp hợp lý, đủ chỗ đi lại và vận chuyển phù hợp tiêu chuẩn quy định. Các công trình bảo đảm quy chuẩn xây dựng và các yêu cầu về ngăn cách giữa khu lý thuyết và thực hành, vệ sinh, kiến trúc, chiếu sáng, thông gió, có đường giao thông nội bộ được thảm nhựa thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt, vận hành thiết bị. Đặc biệt Nhà trường đã đầu tư xây dựng các nhà xưởng chuyên ngành như nhà xưởng thực hành cơ khí, xưởng thực hành may để đảm bảo yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo của các loại máy móc thiết bị chuyên ngành như máy CNC; máy tiện máy mài, máy cắt vải được bố trí tại tầng 1, được thiết kế các cửa cuốn rộng để ô tô có thể vào tận xưởng thuận tiện cho việc di chuyển, vận chuyển máy móc thiết bị ... Các công trình được thực hiện đúng công năng và được bảo dưỡng thường xuyên đảm bảo hoạt động bình thường *(5.3.09-Anh chụp xưởng thực hành)*.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định đã có 65 năm xây dựng và phát triển gắn liền với đào tạo các ngành kỹ thuật, đã có rất nhiều kinh nghiệm quản lý, sử dụng và bảo trì, bảo dưỡng các loại máy móc, công cụ và thiết bị kỹ thuật, nên việc xây dựng các quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo đã có nền tảng thuận lợi.

Trường có quy định về quản lý, sử dụng thiết bị đào tạo được quy định cụ thể tại “Quy chế Quản lý tài sản công” và “Quy định quản lý, sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành” (**2.17.03–Quy chế quản lý tài sản công; 5.6.01–Quy định quản lý, sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành**). Thiết bị đào tạo sau khi được mua sắm sẽ được bàn giao cho các Khoa chuyên môn quản lý, các Khoa sẽ phân công cho từng cá nhân quản lý, sử dụng có lập sổ theo dõi tài sản, nhật ký sử dụng thiết bị và cập nhật tình trạng kịp thời dưới sự theo dõi giám sát của phòng Quản trị vật tư (**5.6.02–Biên bản họp phân công quản lý tài sản năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 5.6.03–Sổ theo dõi TSCĐ, CCDC tại các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành; Nhật ký sử dụng thiết bị**).

Để đảm bảo duy trì hoạt động và nâng cao hiệu quả sử dụng, khắc phục kịp thời những hỏng hóc của thiết bị, Nhà trường đã quy định lịch trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị và áp dụng trong toàn trường từ năm 2018 (**2.17.03–Quy chế quản lý tài sản công; 5.6.01–Quy định quản lý, sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành**); Định kỳ vào tháng 5 hàng năm các khoa chuyên môn có thiết bị phục vụ đào tạo sẽ xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị của đơn vị mình gửi phòng Quản trị vật tư tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng phê duyệt (**5.4.10–Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020**).

Nhà trường có đầy đủ quy định về việc quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo được thông qua trong toàn trường đảm bảo các thiết bị luôn vận hành ổn định đáp ứng yêu cầu đào tạo của Nhà trường.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có hệ thống phòng học lý thuyết, hội trường, phòng thí nghiệm, phòng học chuyên môn hóa, xưởng thực hành đáp ứng hoạt động đào tạo của Nhà trường. Trong các phòng học chuyên môn đều có nội quy quy định việc thực hành tại phòng, quy định về việc vận hành máy móc thiết bị.

Đối với các phòng học lý thuyết được giao cho phòng Quản trị vật tư quản lý chung, có Hợp đồng thuê người đóng và mở cửa hàng ngày (**5.7.01-Quyết định quy định chức năng nhiệm vụ của Phòng Quản trị vật tư; 5.4.05-Hợp đồng dịch vụ vệ sinh**). Các phòng học đều có nội quy quy định việc sử dụng phòng, giáo viên và HSSV khi lên lớp phải tuân thủ các quy định trên để đảm bảo nề nếp học tập (**5.7.02-Bảng nội quy phòng học lý thuyết**).

Đối với các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được giao cho từng khoa đào tạo quản lý từng phòng cụ thể. Tại từng khoa chuyên môn đào tạo sẽ phân quyền quản lý các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho từng giáo viên quản lý (**5.7.03-Quyết định bàn giao cho các đơn vị sử dụng; 5.6.02-Biên bản họp phân công quản lý tài sản năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020**). Trong các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn đều có nội quy, quy định việc thực hành tại phòng, quy trình vận hành thiết bị (**5.7.04-Bảng nội quy phòng học thực hành; Quy trình vận hành thiết bị**). Sau khi kết thúc học kỳ, giáo viên các Khoa báo cáo đánh giá tình hình quản lý, sử dụng phòng thí nghiệm xưởng thực hành theo quy định (**5.7.05-Báo cáo tình hình quản lý sử dụng phòng học chuyên môn năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020**).

Ý kiến của người học và cán bộ quản lý về Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành: Người học: Rất đồng ý 52,4%, đồng ý 41,3%; cơ bản đồng ý 6,3%; Nhà giáo: Rất đồng ý 66%, đồng ý 33%; cơ bản đồng ý 1%; Cán bộ quản lý: Rất đồng ý 80%, đồng ý 20% (**2.1.06-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020; 1.7.05-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến nhà giáo năm 2018, 2019, 2020; 1.7.06-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến CBQL năm 2018, 2019, 2020**).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các thiết bị hiện có của từng nghề đào tạo đáp ứng trên 70% danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành (**5.8.01-Bảng đối chiếu danh mục thiết bị hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu**). Đặc biệt, một số nghề trọng điểm cấp độ quốc gia và cấp độ quốc tế có tỷ lệ đáp ứng trên 90% như nghề Công nghệ ô tô, nghề may thời trang. Nghề Thiết kế thời trang do đào tạo theo chương trình chất lượng cao của Đức nên thiết bị được đầu tư đáp ứng theo quy định danh mục thiết bị của bộ chương trình đào tạo thí điểm chuyên giao từ CHLB Đức.

Đối với các nghề chưa có danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu, tỷ lệ đáp ứng trên 90% so với danh mục thiết bị theo chương trình đào tạo. Để đảm bảo công tác đào tạo đạt chất lượng, nhà trường thường xuyên ký các hợp đồng hợp tác đào tạo với các doanh nghiệp của các chuyên ngành đào tạo tại trường để phối hợp đào tạo các môn học trường đang thiếu máy móc thiết bị.

Cuối mỗi năm, Nhà trường đều thực hiện kiểm kê tài sản và có báo cáo kiểm kê tài sản cố định (**1.11.17-Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản năm 2018, 2019, 2020**)

Dựa trên kết quả việc so sánh thiết bị hiện có với danh mục thiết bị tối thiểu, hiện nay trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của các ngành nghề đào tạo. Tuy nhiên, danh mục thiết bị hiện có của Trường không đáp ứng đủ 100% so với danh mục thiết bị tối thiểu theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Do vậy, tiêu chuẩn này trường tự đánh giá không đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 0 điểm

Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo của Trường được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành nhưng vẫn đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Cụ thể:

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo về cơ bản được bố trí hợp lý, an toàn: Các máy móc thiết bị có tiếng ồn như của nghề cắt gọt kim loại, nghề gò, công nghệ ô tô, hay những máy móc, thiết bị có thể gây ô nhiễm môi trường như của nghề hàn thường được lắp đặt trong các xưởng cách xa khu phòng học lý thuyết, cách xa khu văn phòng làm việc. Khoảng cách giữa các máy lắp đặt thường là 4m đối với các máy chuyên ngành cơ khí, đối với các máy móc thiết bị nhỏ, nhẹ và không gây ra tiếng ồn đều được bố trí để trong các tủ đựng đồ hay lắp đặt thành các mô hình có bánh xe di chuyển thuận tiện cho việc di chuyển đi lại của các học sinh, sinh viên trong quá trình di chuyển thực hành, không bị va chạm vào máy móc thiết bị. Mặt khác việc lắp đặt thành các mô hình có bánh xe di chuyển còn thuận tiện cho việc vận chuyển hoặc đưa các máy chuyên dụng vào kiểm tra, theo dõi, di rời để thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa (**5.9.01–Sơ đồ bố trí phòng học theo khoa; 5.9.02-Hình ảnh bố trí xưởng thực hành**). Bên cạnh đó việc sắp xếp các thiết bị dụng cụ cũng rất quan trọng giúp quá trình vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường, an toàn lao động cũng thuận lợi theo quy định (**5.9.03-Hình ảnh việc các dụng cụ thiết bị để ở các xưởng thực hành; 5.9.04-Tiêu chí 5S; 5.9.05-Sổ tay an toàn lao động**). Định kỳ, Nhà trường có tổ chức kiểm tra 5S tất cả các đơn vị (**5.9.06-Nội quy và Biên bản kiểm tra 5S**).

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo của Trường ngoài việc được bố trí hợp lý, an toàn nhưng vẫn đảm bảo các yêu cầu về sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Khoảng cách giữa các máy đảm bảo khoảng cách để các nhóm thực hành có thể thoải mái quan sát cũng như vận hành. Đối với máy móc, thiết bị nhỏ di chuyển được sẽ được cất vào tủ hoặc các giá để đồ để tận dụng không gian cho việc thực hành nhiều loại máy khác nhau với các môn học khác nhau. Một số thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn như nồi hơi, các thiết bị hàn... Trường đã mời kiểm định về đánh giá mức độ phù hợp an toàn và dán tem kiểm định về an toàn trên từng thiết bị (**5.9.07-Hình ảnh tem kiểm định**

trên thiết bị). 100% thiết bị, dụng cụ được theo dõi tại sở quản lý TSCĐ, CCDC; sổ phân công quản lý TSCĐ, CCDC (**5.6.03–Sổ theo dõi TSCĐ, CCDC tại các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành; Nhật ký sử dụng thiết bị**).

Đối với các thiết bị có độ chính xác cao, thao tác phức tạp, người sử dụng phải được hướng dẫn sử dụng thành thạo trước khi tiến hành sử dụng (nếu không sử dụng thành thạo phải yêu cầu sự trợ giúp của người trực tiếp quản lý trang thiết bị); Trong quá trình sử dụng thiết bị phải tuân thủ Nội quy để đảm bảo vệ sinh, an toàn; không để xảy ra sự cố, làm hỏng thiết bị (**5.6.01–Quy định quản lý, sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành**); Một số thiết bị có tần suất sử dụng cao, có tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu, thường xuyên phải bảo trì, bảo dưỡng đều được lập sổ lý lịch tài sản để theo dõi tình hình sử dụng, tình hình bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa (**5.9.08–Sổ lý lịch tài sản**).

Cuối mỗi năm học, Phòng Quản trị vật tư sẽ thực hiện kiểm tra đánh giá việc sắp xếp, bố trí thiết bị của các đơn vị làm cơ sở điều chỉnh các trường hợp sắp xếp chưa hợp lý (**5.9.09–Báo cáo đánh giá việc bố trí thiết bị năm học năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020**).

Ý kiến của người học và cán bộ quản lý về Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường: Người học: Rất đồng ý 50,6%, đồng ý 44,3%; cơ bản đồng ý 5,1%; Nhà giáo: Rất đồng ý 56%, đồng ý 41%; cơ bản đồng ý 3%; Cán bộ quản lý: Rất đồng ý 50%, đồng ý 40%; cơ bản đồng ý 10% (**2.1.06- Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020; 1.7.05- Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến nhà giáo năm 2018, 2019, 2020; 1.7.06-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến CBQL năm 2018, 2019, 2020**).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị trong đào tạo nghề là nhân tố quan trọng quyết định chất lượng đào tạo. Để đảm bảo thiết bị đào tạo luôn hoạt động ổn định Trường đã ban hành các quy định về quản

lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Cụ thể tại Điều 4, Chương I trong “Quy định quản lý xưởng thực hành, phòng thí nghiệm” quy định để quản lý khai thác một cách khoa học, hiệu quả mỗi phòng thí nghiệm – thực hành phải có các tài liệu như nội quy riêng phù hợp với đặc điểm từng phòng thí nghiệm – thực hành, có sổ theo dõi thiết bị, sổ nhật ký phòng thí nghiệm – thực hành .v.v...và theo quy định tại Điều 5, Chương II trong “Quy định quản lý xưởng thực hành, phòng thí nghiệm” quy định nhiệm vụ của trưởng đơn vị căn cứ vào tình hình thực tế tình hình trang thiết bị của đơn vị xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch hàng năm đề nghị Nhà trường phê duyệt đầu tư trang bị hệ thống phòng thí nghiệm – thực hành đảm bảo đáp ứng yêu cầu hoàn thành nhiệm vụ trước mắt và có tính đến sự phát triển trong tương lai; Đề xuất kế hoạch bảo dưỡng...để kéo dài tuổi thọ và công năng hoạt động của thiết bị đào tạo; Kiểm tra đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giáo viên để từ đó làm cơ sở dữ liệu để đánh giá hiệu quả sử dụng phòng thí nghiệm – thực hành, cũng như hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo (*2.17.03–Quy chế quản lý tài sản công; 5.6.01–Quy định quản lý, sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành; 1.11.17-Biên bản kiểm kê; 5.10.01-Báo cáo đánh giá của các đơn vị và báo cáo tổng hợp toàn trường*).

Ý kiến của người học và cán bộ quản lý về Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo: Người học: Rất đồng ý 60%, đồng ý 38,2%; cơ bản đồng ý 1,8%; Nhà giáo: Rất đồng ý 68%, đồng ý 30%; cơ bản đồng ý 2%; Cán bộ quản lý: Rất đồng ý 60%, đồng ý 40% (*2.1.06-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020; 1.7.05-Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020; 1.7.06-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến CBQL năm 2018, 2019, 2020*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị đào tạo của Nhà trường có hồ sơ quản lý rõ ràng: hồ sơ mua sắm được lưu tại kho lưu trữ; Tất cả thiết bị được theo dõi tổng thể trên phần mềm; tại các xưởng có sổ theo dõi tại các đơn vị sử dụng, hàng năm được kiểm kê theo định kỳ (**5.6.03–Sổ theo dõi TSCĐ, CCDC tại các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành; Nhật ký sử dụng thiết bị; 1.11.17-Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản năm 2018, 2019, 2020; 5.11.01-Phần mềm Misa phân hệ quản lý tài sản**).

Một số thiết bị có tần suất sử dụng cao, có tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu, thường xuyên phải bảo trì, bảo dưỡng đều được lập sổ lý lịch tài sản (**5.9.08-Sổ lý lịch tài sản**) để theo dõi tình hình sử dụng, tình hình bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa.

Việc thực hiện bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo được lập kế hoạch theo năm học và thực hiện theo quy trình (**5.4.10-Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị năm học 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020; 5.11.02-Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; Hồ sơ bảo dưỡng thiết bị tại các Khoa năm 2018; 2019; 2020**)

Các thiết bị được sử dụng đúng công năng phù hợp với chương trình đào tạo, đảm bảo hiệu quả của thiết bị (**5.11.03-Biên bản đánh giá và đề xuất nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị; 5.11.04–Danh mục phòng học chuyên môn hóa của các nghề**).

Kết thúc mỗi năm học, Nhà trường tiến hành kiểm tra việc quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng theo kế hoạch của các đơn vị để đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo trong năm học đó và đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng của các trang thiết bị đào tạo. Thực hiện thu hồi hoặc điều chuyển trang thiết bị ở những đơn vị không sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả sang đơn vị khác để phát huy tối đa công năng sử dụng giúp đạt hiệu quả cao nhất. (**5.11.05-Báo cáo công tác Quản lý tài sản các năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020**).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đối với những ngành nghề đã được Bộ Lao động – Thương binh Xã hội ban hành định mức kinh tế kỹ thuật như nghề Điện công nghiệp, kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (trình độ trung cấp), nghề may thời trang..., căn cứ vào tiến độ giảng dạy các đơn vị lập dự trù vật tư vào tháng trước liền kề để chuẩn bị vật tư phục vụ giảng dạy. Đối với các ngành, nghề khác, Trường đã ban hành định mức sử dụng vật tư để áp dụng đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả (***2.4.03–Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 5.12.01-Dự trù vật tư tháng 5.12.02-QĐ phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật đào tạo từng nghề***).

Trường có quy định cụ thể về việc cấp phát, sử dụng vật tư trong đào tạo. Theo quy định này, hàng tháng các đơn vị căn cứ kế hoạch đào tạo cụ thể và căn cứ dự trù vật tư theo năm học tiến hành lập dự trù chi tiết chuyển Phòng Quản trị vật tư tổng hợp trình Hiệu trưởng xem xét và phê duyệt kế hoạch mua sắm. Phòng Quản trị vật tư tiến hành làm thủ tục mua sắm vật tư đảm bảo thời gian, đúng tiến độ và kịp thời theo quy định. Trong quá trình sử dụng vật tư phải tận dụng nhằm tiết kiệm kinh phí và nâng cao hiệu quả sử dụng, định mức này cũng sử dụng để làm định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo. Mức kinh phí trung bình để mua vật tư - dụng cụ tiêu hao cho 01 người học trong cả đợt thực hành, thực tập, thí nghiệm của mỗi ngành đào tạo khác nhau, tuy nhiên không vượt quá định mức đã xây dựng của năm học (***5.12.03-Quy định cung ứng, quản lý vật tư, hàng hóa, và dịch vụ các hoạt động của nhà trường***).

Vật tư sau khi nhập về kho sẽ được làm thủ tục nhập kho, người phụ trách kho (thủ kho) phải thực hiện phân loại, sắp xếp trong kho theo thứ tự, đảm bảo xếp dỡ phù hợp và không ảnh hưởng đến chất lượng vật tư cũng như thuận lợi cho công tác quản lý, kiểm kê đánh giá định kỳ.

Cấp phát: Trước thời điểm hướng dẫn thực hành, thực tập, thí nghiệm theo kế hoạch đào tạo giảng viên trực tiếp giảng dạy xin lĩnh vật tư, phòng Quản trị vật tư ban hành phiếu xuất kho, giảng viên giảng dạy trực tiếp nhận vật tư tại Kho. Giảng viên hướng

dẫn cấp phát vật tư- dụng cụ cho người học với số lượng theo yêu cầu của học phần thực hành, thực tập, thí nghiệm (**5.12.04-Phiếu nhập + xuất vật tư**).

Sử dụng: Các khoa chuyên môn được giao quản lý, chủ động lên kế hoạch sử dụng vật tư - dụng cụ thực hành, thực tập, thí nghiệm sao cho hiệu quả, tiết kiệm. Không được sử dụng vật tư- dụng cụ của Trường vào mục đích cá nhân hay không đúng mục đích, nội dung đào tạo của học phần. Các khoa phải theo dõi, quản lý chặt chẽ vật tư khi được cấp phát sử dụng cho đến khi hoàn thành công việc. Hàng tháng các khoa phải làm báo cáo tình hình sử dụng và thu hồi vật tư sau sử dụng, qua đó đánh giá mức độ sử dụng và tận dụng vật tư của các đơn vị (**5.12.05-Báo cáo tình hình sử dụng và thu hồi vật tư sau sử dụng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 5.12.06-Quy trình cấp phát sử dụng vật tư**).

Kho vật tư có diện tích 74,8m² nằm tại tầng 1 của khu nhà 3 tầng trong khu vực trường nên đảm bảo an ninh, xung quanh có nhiều cây xanh bao phủ, có đầy đủ quạt mát, điện chiếu sáng đảm bảo điều kiện bảo quản vật tư theo yêu cầu. Kho vật tư được trang bị các bình chữa cháy để phục vụ công tác chữa cháy tại chỗ khi có sự cố xảy ra. Vật tư tại kho được xếp trên các giá để đồ theo từng chuyên ngành thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng (**5.12.07- Hình ảnh kho vật tư**).

Định kỳ tiến hành kiểm kê vật tư thu hồi theo quy định (**5.12.08-Biên bản thu hồi vật tư sau sử dụng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020**).

Ý kiến của người học và cán bộ quản lý về Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng: Người học: Rất đồng ý 49,4%, đồng ý 47,5%; cơ bản đồng ý 3,1%; Nhà giáo: Rất đồng ý 60%, đồng ý 35%; cơ bản đồng ý 5% , cán bộ quản lý: Rất đồng ý 80%, đồng ý 20% (**2.1.06- Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020; 1.7.05- Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến nhà giáo năm 2018, 2019, 2020; 1.7.06-Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến CBQL năm 2018, 2019, 2020**).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện trường đầu tư xây dựng từ năm 2001 với diện tích 586,8m² (**5.13.01-Bản vẽ hoàn công Nhà Giảng đường – Thư viện**). Thư viện nằm trong khu vực trường nên thuận lợi cho việc mượn trả sách của giảng viên, học sinh sinh viên.

Thư viện có kho lưu trữ sách, giáo trình, tài liệu với diện tích kho là 60m² được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để bảo quản tài liệu lưu trữ tại thư viện như: Các giá để tài liệu, điện chiếu sáng, quạt mát, điều hòa và các bình chữa cháy; Phòng đọc rộng, thoáng mát, đảm bảo ánh sáng tự nhiên với diện tích 350m² được trang bị đầy đủ quạt mát, điện chiếu sáng và bàn ghế phục vụ nhu cầu đọc, mượn, trả tài liệu của HSSV.

Hiện tại, thư viện đang lưu thông 1.301 đầu sách số lượng 18.598 cuốn, trong đó có 42 bộ Chương trình đào tạo thuộc các hệ cao đẳng, trung cấp của các chuyên ngành đã được trường phê duyệt; 886 bộ Bài giảng, giáo trình nội bộ của các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo; Giáo trình và tài liệu tham khảo từ các nhà xuất bản. Mỗi loại Chương trình đào tạo, Bài giảng, giáo trình nội bộ của các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo; Giáo trình, tài liệu tham khảo từ các nhà xuất bản của các ngành, nghề đào tạo tại trường theo cấp phép của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đều lưu trữ tối thiểu từ 5 bản in (**5.13.02-Bảng thống kê số lượng các bộ chương trình, giáo trình đã được phê duyệt; 5.13.03-Báo cáo kết quả kiểm kê sách thư viện các năm 2018, 2019, 2020; 1.2.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN; 1.2.06- Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 74a/2020/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 29/06/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục dạy nghề**).

Thư viện của Trường đảm bảo điều kiện về diện tích thiết kế theo quy định, có đầy đủ các tài liệu phục vụ công tác giảng dạy và học tập của giáo viên và HSSV trong trường theo quy định hiện hành.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hoạt động của thư viện là một trong những chức năng nhiệm vụ của Trung tâm Truyền thông Thư viện, được thành lập từ tháng 6 năm 2018 (**5.14.01-Quyết định thành lập Trung tâm Truyền thông Thư viện**) với đội ngũ cán bộ đáp ứng tốt yêu cầu mới về thư viện và thư viện điện tử. Hiện tại cán bộ trung tâm có 06 người trong đó có 01 cán bộ có trình độ tiến sĩ công nghệ thông tin, 01 cán bộ có trình độ thạc sĩ công nghệ thông tin, 01 cán bộ có trình độ đại học công nghệ thông tin và 03 cán bộ có trình độ đại học về quản lý thông tin thư viện.

Trong giờ hành chính, thư viện luôn mở cửa để phục vụ nhu cầu tìm tài liệu, sách tham khảo của HSSV và giảng viên giảng dạy (**5.14.02-Bảng thời gian mở cửa**). Thư viện có nội quy, quy định để đảm bảo hoạt động của thư viện, HSSV và giảng viên khi đến mượn, trả, tra cứu tài liệu đều phải tuân thủ theo bảng nội quy thư viện (**5.14.03-Bảng nội quy thư viện**).

Điều kiện công nghệ thông tin phát triển, việc tìm kiếm tài liệu tại thư viện và Internet diễn ra thường xuyên. Để phù hợp với sự phát triển đó, Thư viện đã ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý, số hoá mục lục, giới thiệu tài liệu hiện có trong kho sách để đưa lên website thông qua phần mềm Quản lý thư viện (**5.14.04-Phần mềm Quản lý thư viện**), qua phần mềm này, sinh viên, giáo viên có thể tra cứu tài liệu cần thiết, sau đó đến thư viện để mượn và theo dõi. Hiện tại thư viện đang tiến hành phục vụ bạn đọc theo 2 hình thức: Phục vụ bạn đọc tại chỗ và phục vụ cho mượn tài liệu về nhà nên hoàn toàn phù hợp với nhu cầu tra cứu (**5.14.05-Sổ mượn sách thư viện**).

Để đánh giá sự hài lòng của đọc giả về thư viện, phần mềm quản lý thư viện có tích hợp phiếu khảo sát bạn đọc, và được triển khai hàng năm, mỗi năm thư viện đều có tổng hợp ý kiến từ đọc giả, từ đó làm căn cứ xây dựng, bảo tồn và phát triển nguồn tài liệu. Ý kiến của người học và cán bộ quản lý về Trường có *Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học*: Người học: Rất đồng ý 43,2%, đồng ý 48,5%; cơ bản đồng ý 8,3%; Nhà giáo: Rất đồng ý 58%, đồng ý 36%; cơ bản đồng ý 6%; cán bộ quản lý: Rất đồng ý 50%, đồng ý 50% (**2.1.06-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019,**

2020; **1.7.05-Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020; 1.7.06-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020).**

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện tại, Trung tâm Truyền thông-Thư viện đang sử dụng hệ thống thư viện điện tử song song cùng thư viện truyền thống (**5.15.01-Phần mềm thư viện điện tử**). Nhà trường lắp đặt và phát triển các điểm phát wifi phủ khắp các khu vực trong trường, đây là điểm thuận lợi cho việc tìm kiếm tài liệu thư viện theo mục lục điện tử (**5.15.02-Hợp đồng cung cấp dịch vụ VNN/Internet trực tiếp số: 1109/TTKD/VNPTTTH-CĐCNNĐ/HĐINTTT ngày 11/9/2020**). Trung tâm đã và đang số hóa mục lục tài liệu trong thư viện theo cấu trúc Marc21 phù hợp với tìm kiếm liên thư viện. Thường xuyên tìm kiếm tài liệu mở để đưa vào thư viện điện tử nhằm phục vụ cho các ngành đào tạo trong trường. Ngoài ra, nhà trường liên tục cập nhật chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình đào tạo phù hợp với sự phát triển của xã hội, các giáo trình được số hóa và đưa lên thư viện điện tử (**5.15.03-Danh mục tài liệu, giáo trình điện tử**), giúp học sinh, sinh viên và giáo viên có thể tải về để làm tài liệu tự học.

Hiện nay nhà trường có gần 19.000 quyển sách, giáo trình phục vụ cho các chương trình đào tạo của nhà trường, trong đó gần 1000 giáo trình được biên soạn, lựa chọn làm giáo trình giảng dạy cho các môn học, mô đun và gần 18.000 quyển sách làm tài liệu tham khảo. Đối với tài liệu là bản in, thông qua phần mềm thư viện điện tử đã giúp bạn đọc dễ dàng tìm kiếm tài liệu, đăng ký mượn và đến thư viện làm thủ tục mượn trả tài liệu (**5.15.04-Lướt truy cập thư viện điện tử**)

Trường có 12 máy tính phục vụ tra cứu tại Thư viện và một máy in (**5.15.05-Danh mục thiết bị, máy tính của thư viện**). Hệ thống mạng ổn định giúp Sinh viên có thể sử dụng máy tính cá nhân, điện thoại thông minh để truy cập tìm kiếm. Phần mềm thư viện điện tử

tích hợp với hệ thống thư viện số giúp nhân viên quản lý thư viện, bạn đọc dễ dàng quản lý và tra cứu tài liệu .

Các tài liệu điện tử được tổ chức thành các thư mục theo chuẩn phân loại tài liệu thư viện, 100% giáo trình và tài liệu tham khảo mà giáo viên yêu cầu người học được số hóa, các tài liệu được mã hóa và tích hợp trên phần mềm giúp cho người đọc dễ dàng tra cứu và truy cập thông tin *(5.15.06-Danh mục tài liệu điện tử, giáo trình, tài liệu tham khảo được số hóa)*.

Hàng năm, Nhà trường có tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo và người học về Trường có thư viện điện tử, có máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; về số lượng giáo trình và tài liệu tham khảo trong thư viện đạt: Người học: Rất đồng ý 43,2%, đồng ý 48,5%; cơ bản đồng ý 8,3%; Nhà giáo: Rất đồng ý 58%, đồng ý 35%; cơ bản đồng ý 7%, cán bộ quản lý: Rất đồng ý 55%, đồng ý 30%; cơ bản đồng ý 15% *(2.1.06-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020; 1.7.05-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến nhà giáo năm 2018, 2019, 2020; 1.7.06-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020)*.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 5: 1 điểm

3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế.

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định đã xác định mục tiêu chiến lược tiếp tục xây dựng, phát triển thành một cơ sở giáo dục nghề nghiệp có chất lượng cao về đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao KHCN và HTQT. Vì vậy, việc đẩy mạnh hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ được xem là một trong những mục tiêu hàng đầu của Trường. Trường đã xây dựng và triển khai chiến lược phát triển NCKH gắn liền với đào tạo, với các doanh nghiệp của địa phương và trong cả nước. Các kết quả NCKH của Trường có giá trị ứng dụng thực tế, đóng góp mới cho khoa học, giải quyết được các vấn đề phát triển KT-XH của địa phương và cả nước.

*** Những điểm mạnh:**

NCKH là nhiệm vụ bắt buộc đối với mỗi giảng viên. Hoạt động NCKH được Trường thực hiện đúng các quy định của Bộ Công thương, Bộ LĐ-TB&XH và các cơ quan liên quan. Công tác quản lý KHCN từng bước được hoàn thiện, chất lượng các đề tài ngày

được nâng cao. Kế hoạch NCKH được triển khai hàng năm, hướng nghiên cứu tập trung giải quyết liên quan đến các hoạt động giáo dục đào tạo nhà trường. Các hoạt động hợp tác quốc tế của trường có chuyển biến và dần đi vào chiều sâu.

Trong ba năm 2018, 2019, 2020, cán bộ, viên chức nhà trường đã thực hiện và hoàn thành 06 đề tài NCKH. Ngoài ra, trường còn có 04 bài báo khoa học chuyên ngành được đăng trên tạp chí khoa học quốc tế. Phong trào khóa luận tốt nghiệp sinh viên tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực nghiên cứu của sinh viên, giúp sinh viên rèn luyện khả năng tư duy sáng tạo.

*** Những tồn tại:**

Điều kiện tài chính, cơ sở vật chất phục vụ công tác NCKH còn hạn chế.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Xây dựng cơ chế giám sát chặt chẽ, cụ thể để đảm bảo các đề tài NCKH thực hiện đúng tiến độ và nghiêm túc. Động viên giảng viên, giáo viên dành thời gian thích đáng cho hoạt động NCKH. Tăng cường hỗ trợ kinh phí cho công tác NCKH, tăng cường việc triển khai ứng dụng kết quả NCKH vào thực tiễn.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	6
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1

Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia NCKH, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định coi công tác NCKH là bước đột phá quan trọng để thực hiện sứ mạng của Trường. Nhà trường có phòng QLKH&ĐBCL, là bộ phận tham mưu cho Hiệu trưởng về các hoạt động KH-CN, lưu trữ các VB PQ, các sản phẩm KH-CN của CB-GV, triển khai, ban hành các biểu mẫu hướng dẫn đăng ký,

thực hiện và xét duyệt đề cương, nghiệm thu đề tài (**1.8.01-Quyết định về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng QLKH&ĐBCL**).

Năm 2018, Nhà trường ban hành quy định nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, trong đó quy định rõ cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến được tính vào giờ giảng dạy. Đến năm 2019, nhằm khuyến khích, động viên cán bộ, nhà giáo tham gia NCKH, sáng kiến cải tiến, nhà trường đã tăng số giờ giảng viên được hưởng khi tham gia NCKH, sáng kiến cải tiến, cụ thể:

TT	Nhiệm vụ		Giờ chuẩn		ĐV tính
			Năm 2018	Năm 2019	
1	Đề tài cấp Trường	xếp loại Xuất sắc	120	300	Đề tài
		xếp loại Khá	107	270	Đề tài
		xếp loại Đạt	90	240	Đề tài
2	Đề tài cấp Khoa	xếp loại Xuất sắc	90	180	Đề tài
		xếp loại Khá	80	150	Đề tài
		xếp loại Đạt	70	120	Đề tài
3	Bài đăng tạp chí chuyên ngành có chỉ số ISSN	Quốc tế	30	150	Bài báo
		Trong nước	50	30	Bài báo
4	Thiết kế, chế tạo thiết bị dạy học tự làm			30÷60	Thiết bị

(**6.1.01-Quy định nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp cơ sở của Trường CĐ CN Nam Định; 6.1.02-Quyết định của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung quy định nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp cơ sở**). Ngoài ra, hàng năm nhà trường đều có chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia học tập nâng cao trình độ sau đại học và nghiên cứu sinh trong quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường (**1.3.01-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018, 2019, 2020**).

Từ năm 2018 đến năm 2020, nhà trường cử 01 giảng viên đi học tập sau đại học và có 04 giảng viên hoàn thành nghiên cứu sinh tại trung Quốc và Cộng hoà liên bang Nga (**3.3.02-Hồ sơ quản lý nhà giáo**). Đồng thời, trong 3 năm, tổng số đề tài NCKH được các nhà giáo đăng ký thực hiện là 11 đề tài, trong đó khoa Khoa học Cơ bản đăng ký 01 đề tài, khoa Công nghệ thông tin đăng ký 03 đề tài, khoa Cơ khí và Động lực đăng ký 4 đề tài, khoa Điện – Điện tử đăng ký 02 đề tài, khoa May đăng ký 01 đề tài. Sau khi họp Hội đồng xét duyệt đề tài NCKH, nhà trường đồng ý cho thực hiện 6 đề tài, chiếm 55% (**6.1.03-Bảng tổng hợp đăng ký nhiệm vụ NCKH năm 2018, 2019, 2020; 6.1.04-Quyết định giao nhiệm vụ NCKH của Hiệu trưởng cho cán bộ, giảng viên năm 2018, 2019, 2020**). Các cán bộ, nhà

giáo tham gia công tác NCKH đều được nhà trường ưu tiên trong việc đánh giá thành tích thi đua, khen thưởng và tùy vào kết quả nghiệm thu đề tài NCKH, cán bộ, nhà giáo được tính giờ NCKH (*6.1.05-Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cơ sở của một số giảng viên tham gia NCKH năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020; 6.1.06-Bảng tổng hợp giờ giảng dạy năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020*).

Ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên Trường về chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo được thể hiện qua Nghị quyết đại hội CBCCVC năm 2018, 2019, 2020 và phiếu lấy ý kiến CBQL, NG, VC hàng năm tại trường (*4.5.01-Nghị quyết đại hội CBCCVC năm 2018, 2019, 2020; 1.7.05-Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020; 1.7.06-Hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: Hàng năm, trường có đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng)

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Phòng QLKH&ĐBCL xây dựng kế hoạch triển khai công tác khoa học công nghệ của năm và triển khai tới từng đơn vị trong trường (*6.2.01-Kế hoạch triển khai công tác khoa học công nghệ các năm 2018, 2019, 2020*). Trong đó, Hội đồng khoa học và đào tạo có định hướng cụ thể những nội dung cần tập trung nghiên cứu trong công tác nghiên cứu khoa học nhằm giải quyết các vấn đề cấp bách của nhà trường theo từng năm. Các đề tài nghiên cứu khoa học đều được Hội đồng khoa học và đào tạo thực hiện một cách nghiêm túc, đúng quy định từ bước xét chọn và nghiệm thu. Cụ thể, từ năm 2018 đến 2020, trường có 06 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở được nhà trường xét duyệt và nghiệm thu thành công (*6.2.02-Biên bản xét duyệt đề tài NCKH năm 2018, 2019, 2020; 6.1.04-Quyết định giao nhiệm vụ NCKH của Hiệu trưởng cho cán bộ, giảng viên năm 2018, 2019, 2020; 6.2.03-Hợp đồng NCKH năm 2018, 2019, 2020; 6.2.04-Thuyết minh đề tài NCKH năm 2018, 2019, 2020; 6.2.05-Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm*

thu KHCN năm 2018, 2019, 2020; 6.2.06–Biên bản nghiệm thu đề tài NCKH năm 2018, 2019, 2020; 6.2.07–Biên bản bàn giao sản phẩm, thanh lý hợp đồng NCKH năm 2018, 2019, 2020).

Kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH đều góp phần nâng cao, cải tiến, đổi mới quá trình dạy học, công tác quản lý, phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (4.5.01-Nghị quyết đại hội CBCCVC năm 2018, 2019, 2020; 6.2.08–Bác cáo của Hiệu trưởng Trường CĐCN Nam Định về tình hình thực hiện kế hoạch, dự toán ngân sách khoa học và công nghệ giai đoạn năm 2017 - 2019 và xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2021, định hướng kế hoạch khoa học và công nghệ trung hạn giai đoạn 2021 – 2025; 6.2.09-Bác cáo của Hiệu trưởng Trường CĐCN Nam Định về tình hình thực hiện công tác nghiên cứu khoa học giai đoạn 2015 – 2020).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hoạt động nghiên cứu khoa học là hoạt động thường xuyên của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Từ năm 2018 đến 2020, toàn trường có 17 bài báo nghiên cứu khoa học của các nhà giáo đăng trên các tạp chí khoa học ở trong nước và nước ngoài, có chỉ số ISSN và ISBN:

TT	Tên bài báo	Tác giả	Tên tạp chí	Năm xuất bản
1	Maximal regular subsemiband of semigroup $Q(k)$	Nguyễn Hải Đăng	Journal of Jilin University Science Edition	2018
2	Maximal regular subsemibands of $Q(F, k)$	Nguyễn Hải Đăng	Journal of Northeast Normal University	2018
3	средняя длина очереди в системе массового обслуживания с ограниченным средним временем пребывания заявки в очереди	Nguyễn Thanh Bằng	Вестник технологического университета	2018

4	суммарное число требований, находящихся в системе массового обслуживания с ограниченным средним временем пребывания заявки в очереди	Nguyễn Thanh Bằng	<i>Вестник технологического университета</i>	2018
5	Evaluation of intermolecular interactions of triphenyl derivatives of elements of the fifth group of the Periodic system by gas-liquid chromatography	Vũ Ngọc Dân	Sorption and chromatography processes	2019
6	Релаксометр протонного магнитного резонанса	Trần Văn Tùng	Приборы и техника эксперимента	2019
7	Apparatus for Rapid Measurement of Oil Density and Molecular Mass Using Proton Magnetic Resonance	Trần Văn Tùng	Journal of Applied Spectroscopy	2019
8	Fast Proton Magnetic Resonance Relaxometry Methods for Determining Viscosity and Concentration of Asphaltenes in Crude Oils	Trần Văn Tùng	Journal of Applied Spectroscopy	2019
9	Correlation of Physicochemical Properties of Bach Ho Oils with Proton NMR Relaxation Parameters and Their Temperature Dependence	Trần Văn Tùng	Petroleum Chemistry	2019
10	Изучение сорбционных свойств органических растворителей в условиях тонкослойной и колоночной хроматографии	Vũ Ngọc Dân	Известия высших учебных заведений. Проблемы энергетики	2020
11	Хроматографические методы исследования органических экстрагентов трансформаторного масла	Vũ Ngọc Dân	Известия высших учебных заведений. Проблемы энергетики	2020
12	Wire Torsion Measurement for the Tasks of Monitoring of the Mechanical State of Overhead Power Transmission Line	Nguyễn Văn Vụ	International Conference on Industrial Engineering, Applications and Manufacturing	2020
13	Studying the Model of Free Harmonic Oscillations of Overhead Power Lines	Nguyễn Văn Vụ	International Journal of Emerging Trends in Engineering Research	2020

14	Determination the conductor sag according to the period of own harmonic oscillations	Nguyễn Văn Vụ	E3S Web of Conferences	2020
15	Модель собственных гармонических колебаний провода для задач мониторинга состояния воздушных линий электропередачи	Nguyễn Văn Vụ	Известия высших учебных заведений. Проблемы энергетики	2020
16	Радиочастотный генератор и программатор импульсных последовательностей для релаксометра ПМР	Trần Văn Tùng	Известия высших учебных заведений. ПРОБЛЕМЫ ЭНЕРГЕТИКИ	2020
17	патентобладатель Федеральное государственное бюджетное образовательное учреждение высшего образования «казанский государственный энергетический университет» (<i>Bằng sáng chế</i>)	Trần Văn Tùng	Устройство для обезвоживания водонефтяных эмульсий	2020

(6.3.01-Các bài báo khoa học năm 2018, 2019, 2020).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, dưới sự chỉ đạo, định hướng cụ thể của lãnh đạo trường, các đề tài NCKH được đăng ký đều tập trung nghiên cứu giải quyết các vấn đề cấp bách của nhà trường. Từ năm 2018 đến năm 2020, trường có 06 đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng thực tiễn trong trường và trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (*6.1.04–Quyết định giao nhiệm vụ NCKH của Hiệu trưởng cho cán bộ, giảng viên năm 2018, 2019, 2020; 6.2.04–Thuyết minh đề tài NCKH năm 2018, 2019, 2020; 6.2.06–Biên bản nghiệm thu đề tài NCKH năm 2018, 2019, 2020; 6.2.07–Biên bản bàn giao sản phẩm, thanh lý hợp đồng NCKH năm 2018, 2019, 2020; 4.5.01-Nghị quyết đại hội CBCCVC năm 2018, 2019, 2020; 6.4.01–Báo cáo kết quả công tác NCKH của Phòng QLKH&ĐBCL năm 2018, 2019, 2020).*

Đồng thời, thông qua việc đánh giá kết quả của công tác ứng dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy và quản lý trong toàn trường, từ đó đánh giá được chất lượng của đề

tài NCKH tại trường, là cơ sở để định hướng công tác NCKH của trường đạt hiệu quả và thực tế hơn trong ứng dụng sản xuất (*6.2.08-Báo cáo của Hiệu trưởng Trường CĐCN Nam Định về tình hình thực hiện kế hoạch, dự toán ngân sách khoa học và công nghệ giai đoạn năm 2017 - 2019 và xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2021, định hướng kế hoạch khoa học và công nghệ trung hạn giai đoạn 2021 – 2025; 6.2.09-Báo cáo của Hiệu trưởng Trường CĐCN Nam Định về tình hình thực hiện công tác nghiên cứu khoa học giai đoạn 2015 – 2020*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế: các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế được Ban Giám hiệu Nhà trường quan tâm và tạo điều kiện để cán bộ giáo viên của Trường thực hiện. Năm 2018, Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định đã ký kết hợp tác đào tạo với trường Đại học Khoa học và Công nghệ Thụ Đức (Shu-te university) – Đài loan (*6.5.01-Biên bản ghi nhớ giữa Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định với trường Đại học Khoa học và Công nghệ Thụ Đức*). Năm 2019, nhà trường cử cán bộ đi tham gia khoá đào tạo “Đảm bảo chất lượng và Phát triển chất lượng trong tổ chức giáo dục nghề nghiệp” được tổ chức tại Bangkok, Thái Lan (*6.5.02-Quyết định của Hiệu trưởng về việc cử viên chức đi đào tạo tại nước ngoài*). Cùng năm 2019, thực hiện dự án Đào tạo thí điểm 22 nghề theo chương trình chuyển giao từ Cộng hoà Liên bang Đức, nhà trường đã được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp giao nhiệm vụ tuyển sinh và đào tạo nghề Thiết kế thời trang theo chuẩn quốc tế và bắt đầu tuyển sinh vào năm 2020. Sinh viên học tập theo khoá học này, được cấp 2 bằng: một bằng do Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định cấp, một bằng do Cộng hoà liên bang Đức cấp (*6.5.03-Thông báo tuyển sinh và tổ chức đào tạo thí điểm 22 nghề chất lượng cao cấp độ quốc tế theo các bộ chương trình chuyển giao từ Cộng hoà Liên bang Đức*). Đồng thời để đáp ứng yêu cầu về chất lượng đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy nghề này, nhà trường đã cử cán bộ, giảng viên đi đào tạo bồi dưỡng chuyên ngành thiết kế thời trang tại Cộng hoà Liên

bang Đức (*6.5.04-Quyết định của Hiệu trưởng về việc cử viên chức đi đào tạo bồi dưỡng tại CHLB Đức*).

Hoạt động hợp tác quốc tế của nhà trường có vai trò quan trọng trong việc định hướng sự phát triển của nhà trường theo hướng hiện đại, tiếp cận nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Hệ thống giáo trình giảng dạy, đặc biệt là hệ thống thiết bị đào tạo đã được hỗ trợ kinh nghiệm và tài chính để hiện đại hóa. Nâng cao vị thế của nhà trường trên trường quốc tế (*4.5.01-Nghị quyết đại hội CBCCVN năm 2018, 2019, 2020; 6.2.08-Báo cáo của Hiệu trưởng Trường CĐCN Nam Định về tình hình thực hiện kế hoạch, dự toán ngân sách khoa học và công nghệ giai đoạn năm 2017 - 2019 và xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2021, định hướng kế hoạch khoa học và công nghệ trung hạn giai đoạn 2021 – 2025; 6.2.09-Báo cáo của Hiệu trưởng Trường CĐCN Nam Định về tình hình thực hiện công tác nghiên cứu khoa học giai đoạn 2015 – 2020*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 6: 1 điểm

3.2.7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Mở đầu

Tài chính là một yếu tố không thể thiếu cho sự tồn tại và phát triển của toàn xã hội nói chung và của từng cơ quan đoàn thể nói riêng trong đó có trường Cao đẳng Công Nghiệp nam Định. Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định trực thuộc Bộ Công Thương quản lý là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động. Trong những năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Giám hiệu nhà trường, công tác quản lý tài chính được thực hiện theo đúng quy định của nhà nước, từ khâu lập dự toán cho tới công tác thu - chi và thanh quyết toán, đảm bảo kinh phí cho các hoạt động chung của trường diễn ra một cách ổn định.

Hàng năm, kế hoạch tài chính được xây dựng một cách khoa học, có hệ thống, phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, có một phần tích lũy để tái đầu tư phát triển cơ sở vật chất và góp phần ổn định thu nhập đối với CCVC. Công tác quản lý tài chính công khai, minh bạch, thực hành tiết kiệm chống lãng phí và khai thác có hiệu quả các nguồn thu tại trường.

Trường có nguồn tài chính ổn định đáp ứng các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động hợp pháp khác. Các nguồn kinh phí được nhà nước cấp và thu tại đơn vị được phản ánh một cách đầy đủ, rõ ràng, minh bạch theo đúng quy định của Nhà nước.

Hoạt động tài chính của trường thực hiện theo quy định của Nhà nước về chế độ kế toán (Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ tài chính) và Quy chế chi tiêu nội bộ được ban hành hàng năm. Quy chế chi tiêu nội bộ được rà soát, điều chỉnh phù hợp với chế độ Nhà nước khi chính sách có sự thay đổi và tình hình thực tiễn của nhà trường nhằm mục đích đảm bảo mọi hoạt động của trường ổn định và phát triển. Qua kết luận các lần thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý cấp trên và Kiểm toán Nhà nước, trường không vi phạm các quy định về tài chính và đảm bảo sử dụng kinh phí có hiệu quả đúng mục đích. Hàng năm trường thực hiện công khai tài chính theo quy định của Nhà nước thành lập tổ tự kiểm tra tài chính để kiểm tra hoạt động thu chi một cách độc lập.

*** Những điểm mạnh:**

Trường đã ban hành quy định về công tác quản lý tài chính, tài sản thực hiện đầy đủ đúng quy định về chế độ công tác tài chính.

Không ngừng khai thác các hoạt động dịch vụ tạo nguồn thu để đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động chung của trường. Có biện pháp tổ chức, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán tài chính đúng quy định hiện hành của nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ, đồng thời theo dõi và thực hiện một cách khoa học, có hiệu quả.

Thực hiện tốt công tác tự kiểm tra tài chính và công khai tài chính minh bạch theo quy định của nhà nước. Công tác tham mưu kế hoạch tài chính được thực hiện năng động sáng tạo phù hợp với tình hình thực tế của Trường. Chấp hành tốt công tác lập, nộp báo cáo thanh quyết toán theo đúng quy định.

Nhà trường chủ động đảm bảo các nguồn tài chính để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ được giao, công tác tài chính được chuẩn hóa theo hai nội dung lập và tổ chức thực hiện có hiệu quả góp phần thúc đẩy hoạt động đào tạo phát triển.

*** Những tồn tại:** Không có

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Tích cực tuyên truyền yêu cầu CCVC áp dụng triệt để các quy định trong hệ thống quản lý 9001: 2015 trong công tác hoạt động tài chính được khoa học.

Thường xuyên cân đối nguồn tài chính nhằm đảm bảo kinh phí kịp thời, đầy đủ cho các hoạt động đào tạo của trường.

Nâng cao việc thực hiện công tác quản lý tài chính ngày càng được chuẩn hóa và đồng bộ, nhằm đem lại hiệu quả cao hơn trong sử dụng các nguồn tài chính. Bám sát chế độ chính sách để xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ nhằm mục đích tiết kiệm và sử dụng các nguồn tài chính một cách hiệu quả, đảm bảo công tác kiểm tra, kiểm soát chi tiêu đúng quy định của pháp luật.

Thường xuyên cập nhật các chế độ chính sách, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho nhân lực thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản.

Tiếp tục duy trì và phát huy những điểm mạnh trên.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	6
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, ngày 25/04/2006 của Chính phủ và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 9/8/2006 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, căn cứ vào Thông tư hướng dẫn Trường đã xây dựng và quy chế quản lý tài chính (**7.1.01-Quy chế Quản lý tài chính năm 2018; 7.1.02-Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công năm 2018 1.3.01-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018, 2019, 2020**) là hành lang pháp lý để thực thực hiện công tác quản lý tài chính theo quy định về chế độ đối với các đơn vị sự nghiệp có thu và áp dụng

chế độ kế toán theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; Công tác thu học phí, lệ phí, chế độ chính sách miễn giảm được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT- Bộ GDĐT- BTC - BLĐTĐ & XH hướng dẫn thực hiện Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 12/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý và chế độ chính sách miễn, giảm học phí đối HSSV, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021. Thực hiện công khai tài chính theo quy định, hình thức công khai, biểu mẫu theo Thông tư số 90/2018TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT/BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách

Nhà trường áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015 vào tất cả các hoạt động của nhà trường trong đó có hoạt động tài chính (*1.7.01-Quyết định ban hành, áp dụng hệ thống tài liệu ISO 9001:2015 và Quyết định về việc sử dụng hệ thống các quy trình xây dựng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của nhà trường năm 2018; 7.1.03-Các Quy trình sử dụng, thanh toán, quyết toán tài chính áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015*).

Về quy định quản lý tài chính

Nhà trường thực hiện quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, ngày 25/04/2006 của Chính phủ và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 9/8/2006 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006. Thực hiện về công tác quản lý tài chính hàng năm, nhà trường đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ tạo quy định cụ thể đối với các hoạt động tài chính của trường được thống nhất và khoa học: Quy định các nội dung chi thường xuyên trong phạm vi chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định hiện hành của Nhà nước và có những nội dung chi có tính chất đặc thù riêng của Nhà trường, đồng thời quy chế chi tiêu nội bộ cũng quy định cụ thể về nội dung quản lý tài chính nội bộ. Quy chế chi tiêu nội bộ được rà soát và bổ sung kịp thời đảm bảo đáp ứng những thay đổi trong việc thực thi chế độ chính sách của nhà nước đối với CCVC, HSSV và ngày càng được hoàn thiện, sát với tình hình thực tế nhằm đảm bảo công tác tự chủ về tài chính của nhà trường (*1.3.01-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018, năm 2019, năm 2020*).

Công tác quản lý tài chính đã ứng dụng thực hiện công nghệ thông tin. Hiện nay, Trường đang sử dụng phần mềm Kế toán hành chính sự nghiệp do công ty Cổ phần Misa cung cấp và được cập nhật các mẫu biểu phù hợp với chế độ quy định. Trường sử dụng hóa đơn điện tử do Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam cung cấp. Thực hiện kê khai các khoản Thuế phải nộp ngân sách nhà nước trên hệ thống hỗ trợ kê khai (HTKK) và nộp thuế điện tử (thuedientu.gdt.gov.vn). Đồng thời nhà trường thực hiện giao dịch với Kho bạc nhà nước thông qua trang dịch vụ công để thực hiện thanh toán các chứng từ phát sinh (dvc.vst.mof.gov.vn) và tổng hợp số liệu tài chính báo cáo cơ quan chủ quản trên trang web (bctc.tpg.vn) *(7.1.04-Hóa đơn điện tử, tờ khai thuế, Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, giấy nộp tiền thuế).*

Về quy định sử dụng tài chính

Các khoản thu - chi tài chính của Trường được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng, lấy ý kiến của toàn thể công chức viên chức nhà trường để thực hiện, trước khi thực hiện nhà trường gửi Kho bạc nhà nước tỉnh Nam Định và Vụ tài chính và Đối mới doanh nghiệp để giám sát, các nội dung thu- chi được quy định rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ *(1.3.01-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018, 2019, 2020)* cụ thể: Các nguồn tài chính của trường đều được quản lý, sử dụng chi tiêu đúng mục đích, đúng quy định, đúng chế độ và có hiệu quả, các quy trình thực hiện thanh toán rõ ràng minh bạch thuận tiện cho quá trình kiểm tra theo dõi thanh toán. Nguồn kinh phí được thực hiện theo đúng tính chất của từng nguồn được giao như, nguồn chi thường xuyên và nguồn thu tại đơn vị được để lại sử dụng dùng để chi các khoản thanh toán cá nhân, chi về hàng hóa dịch vụ và các khoản chi khác, nguồn chi không thường xuyên dùng để mua sắm tài sản, sửa chữa phục vụ công tác đào tạo của trường .

Công tác quản lý, sử dụng tài chính ngày càng chuẩn hóa và đồng bộ từ khâu Kế hoạch - Dự toán - Thực hiện - Báo cáo theo đúng quy định nhằm, rõ ràng và phù hợp với nhu cầu phát triển của từng ngành nghề đào tạo. Tận dụng và sử dụng các nguồn tài chính theo mục tiêu đào tạo và nhiệm vụ được giao, có sự giám sát chặt chẽ về thu - chi tài chính của toàn thể CCVC tại đơn vị mang lại hiệu quả trong công tác sử dụng các nguồn tài chính *(7.1.05-Báo cáo đánh giá thực hiện nhiệm vụ và xây dựng dự toán các năm 2017 đến năm 2020)*, căn cứ vào Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu của trường, trường xây dựng dự toán trên cơ sở ước thực hiện *(7.1.06-Dự*

toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018, 2019, 2020; 2.17.06-Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động năm 2018, 2019, 2020).

Về quy định thanh quyết toán tài chính

Công tác thu - chi tài chính được thực hiện theo quy định, báo cáo quyết toán được lập đầy đủ, kịp thời đúng số liệu theo hệ thống biểu mẫu quy định; sổ sách kế toán mở đầy đủ, rõ ràng. Báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hành chính sự nghiệp theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, có tổng hợp và thuyết minh các chỉ tiêu về tình hình hoạt động thu, chi ngân sách tài chính của đơn vị rõ ràng, minh bạch.

Nhà trường áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 vào tất cả các hoạt động của nhà trường trong đó có hoạt động tài chính đã được cụ thể hóa trong các quy trình đó là: Quy trình xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước; Quy trình quản lý thu học phí và thực hiện chế độ đối với đối tượng hưởng chế độ chính; Quy trình tạm ứng, thanh toán và thanh toán tạm ứng; Quy trình đăng ký, kê khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân (*1.7.01-Quyết định ban hành, áp dụng hệ thống tài liệu ISO 9001:2015 và Quyết định về việc sử dụng hệ thống các quy trình xây dựng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của nhà trường năm 2018; 7.1.03-Các Quy trình sử dụng, thanh toán, quyết toán tài chính áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015*).

Trường lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán hàng năm, báo cáo tài chính được lập đúng nội dung, phương pháp và trình bày nhất quán giữa các kỳ kế toán có thuyết minh cụ thể được thể hiện qua báo cáo thanh quyết toán hàng năm và số liệu đối chiếu dự toán kinh phí và tiền gửi tại Kho bạc nhà nước tỉnh Nam Định theo quy định hiện hành (*2.17.06- Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động năm 2018, 2019, 2020; 7.1.07-Biên bản tự kiểm tra số liệu quyết toán hoạt động tài chính năm 2018, 2019, 2020*) và được nộp báo cáo đúng thời hạn quy định

Sau khi gửi báo cáo quyết toán Vụ Tài chính và đổi mới doanh nghiệp - Bộ Công Thương tiến hành thẩm tra số liệu quyết toán ngân sách hàng năm (*7.1.08-Biên bản xét duyệt/ thẩm tra số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2018, 2019; 7.1.09-Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách 2018, 2019*).

Công khai việc quản lý và sử dụng tài chính

Công tác công khai tài chính được Nhà trường áp dụng theo Thông tư số 90/2018TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT/BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách. Hàng năm, nhà trường thực hiện công khai từ xây dựng kế hoạch ngân sách, dự toán và quyết toán tài chính theo đúng quy định của nhà nước (*7.1.10- Báo cáo công khai dự toán NSNN năm 2018, 2019, 2020*) và được thể hiện qua báo thực hiện dự toán thu - chi (*7.1.11-Báo cáo công khai thực hiện dự toán NSNN năm 2018, 2019, 2020*) đồng thời thực hiện kế hoạch tự kiểm tra tài chính (*7.1.07-Biên bản tự kiểm tra số liệu quyết toán ngân sách năm 2018, 2019, 2020*). Hình thức công khai bằng báo cáo tại Hội nghị CBVC và được niêm yết trước phòng làm việc nhà hiệu bộ của phòng Tài chính kế toán.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, tham gia sản xuất kinh doanh dịch vụ đúng theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định là đơn vị sự nghiệp có thu, ngoài nguồn kinh phí được ngân sách nhà nước cấp, nhà trường luôn nghiên cứu mở rộng quy mô, loại hình đào tạo một cách hợp lý đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương, đồng thời tạo ra nguồn thu hợp pháp của nhà trường các nguồn thu hợp pháp gồm: Nguồn thu học phí, đào tạo ngắn hạn, nguồn thu hợp pháp được phép để lại theo quy định hiện hành.

Nguồn thu từ tham gia sản xuất kinh doanh dịch vụ của đơn vị chưa thực hiện, do nhà trường chưa làm đề án sử dụng tài sản trang thiết bị hiện có tham gia sản xuất kinh doanh dịch vụ trình Bộ Công thương.

Về công tác quản lý các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo:

Hệ thống quản lý tài chính của Nhà trường được theo dõi chặt chẽ và đảm bảo số liệu chính xác theo quy định hiện hành. Việc quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, tham gia sản xuất kinh doanh dịch vụ theo đúng quy định của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường và chế độ kế toán (Thông tư số

107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp); Luật Thuế TNDN, Luật Quản lý thuế (*7.1.01-Quy chế Quản lý tài chính năm 2018; 1.3.01-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018, năm 2019, năm 2020*).

Nhà trường thực hiện thu – chi ngân sách nhà nước và học phí do Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định kiểm soát chi và các nguồn tài chính từ hoạt động dịch vụ qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Nam Định theo nguyên tắc sử dụng đúng quy định, đúng mục đích, có hiệu quả.

Nhà trường đã liên kết đào tạo với Doanh nghiệp để mở các lớp ngắn hạn, bồi dưỡng kỹ năng cho người lao động, tổ chức thi nâng bậc thợ để đáp ứng nhu cầu của người học và tăng nguồn thu hợp pháp cho nhà trường (*7.2.01-Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo năm 2018, 2019, 2020*). Nguồn thu của các từ hoạt động dịch vụ kết hợp với đào tạo như sau:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Nguồn thu từ hoạt động đào tạo	4.093.189.000	3.570.316.667	3.629.440.000
1.1	Nguồn thu từ học phí	3.419.619.500	2.889.230.000	2.975.077.000
1.2	Nguồn thu từ dịch vụ đào tạo	518.600.000	536.530.000	571.970.000
1.3	Tài trợ giáo dục và khác	154.970.300	144.556.667	82.400.000
2	Nộp thuế GTGT	3.050.000	8.950.000	5.500.000
3	Nộp thuế TNDN	31.812.990	19.787.341	14.103.755

Nguồn thu này nhà trường đã thực hiện trích nộp thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Phần còn lại được sử dụng cho các hoạt động chi thường xuyên của nhà trường một cách hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả phục vụ tốt cho công tác giảng dạy, học tập và các hoạt động chung trong nhà trường (*7.2.02-Sổ chi tiết các tài khoản kế toán năm 2018, 2019, 2020; 2.17.06-Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động năm 2018, 2019, 2020*).

Về công tác sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào:

Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ được cập nhật, theo dõi và sử dụng đúng mục đích, rõ ràng, công khai và minh bạch trên các sổ chi tiết và báo cáo quyết toán kinh phí. Phòng Tài chính kế toán lập báo cáo tài chính theo năm và được phản ánh đầy đủ vào

chứng từ, sổ sách kế toán, đảm bảo tính chính xác, kịp thời nhằm đáp ứng tốt cho công tác quản lý tài chính của trường. Thông qua kế hoạch tự kiểm tra tài chính, báo cáo kết quả thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính của trường các năm (*7.1.07-Biên bản tự kiểm tra số liệu quyết toán ngân sách năm 2018, 2019, 2020; 7.2.02-Sổ chi tiết các tài khoản kế toán năm 2018, 2019, 2020; 2.17.06-Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động năm 2018, 2019, 2020*).

Hàng năm các nguồn thu hợp pháp của Trường đã được Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp Bộ Công Thương thẩm tra và phê duyệt số liệu quyết toán (*7.1.08-Biên bản xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2018, 2019; 7.1.09-Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách 2018, 2019*). Kết quả công tác thẩm tra cho thấy Nhà trường chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về công tác quản lý và sử dụng tài chính

Đối với các hoạt động dịch vụ, nhà trường đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế môn bài, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo quy định hiện hành (*7.1.04-Hóa đơn điện tử, tờ khai thuế, Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, giấy nộp tiền thuế*).

Phòng tài chính kế toán đã thường xuyên cân đối nguồn tài chính nhằm đảm bảo việc sử dụng phù hợp với nguồn kinh phí và phù hợp với tình hình thực tế của trường của trường ưu tiên kinh phí phục vụ cho công tác học tập, giảng dạy, chế độ đối với CCVC và đầu tư tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo của trường.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thực hiện theo Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 9/8/2006 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Nguồn kinh phí của trường được hình thành từ 2 nguồn chủ yếu: Ngân sách nhà nước giao và nguồn thu từ học phí (thực hiện theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 12/10/2015 của Chính

phủ quy định về cơ chế thu, quản lý và chế độ chính sách miễn, giảm học phí đối HSSV, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021). Ngoài ra trường còn có các nguồn thu từ các hoạt động đào tạo khác, nguồn kinh phí chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp và nguồn thu từ hoạt động dịch vụ. Chi tiết như sau:

Nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước cấp *(7.3.01-Quyết định về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và đối chiếu nguồn kinh phí năm 2018, 2019, 2020)*.

Nguồn kinh phí thu từ các nhiệm vụ khác mà trường được giao *(7.3.01-Quyết định về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và đối chiếu nguồn kinh phí năm 2018, 2019, 2020)*.

Kinh phí thu sự nghiệp (học phí, lệ phí, sự nghiệp khác) *(2.17.06-Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động các năm 2018, 2019, 2020; 7.3.02-Chứng từ theo dõi thu học phí năm 2018, 2019, 2020)*.

Nguồn thu từ hoạt động các hoạt động dịch vụ *(2.17.06-Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động các năm 2018, 2019, 2020; 7.3.02-Chứng từ theo dõi thu học phí năm 2018, 2019, 2020)*.

Các nguồn thu hợp pháp khác *(2.17.06-Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động các năm 2018, 2019, 2020; 7.3.03-Biên bản tài trợ giáo dục)*.

Nguồn kinh phí được thực hiện qua các năm:

(1) Năm 2018

Ngân sách nhà nước năm 2018:	35.939.526.000 đồng
<i>Trong đó:</i> Nguồn KP thường xuyên:	13.600.000.000 đồng
Nguồn KP chi không thường xuyên:	5.777.416.000 đồng
Nguồn KP cấp bù tiền miễn giảm học phí:	12.462.110.000 đồng
Nguồn KP thuộc CTMT GD nghề nghiệp:	3.000.000.000 đồng
Nguồn KP đào tạo các chương trình khác:	1.100.000.000 đồng
Các khoản thu tại đơn vị:	4.417.053.800 đồng
Tổng thu:	40.875.179.800 đồng
Tổng chi:	39.918.734.490 đồng
Chênh lệch thu chi trích lập các quỹ:	956.445.310 đồng

(2) Năm 2019

Ngân sách nhà nước năm 2019:	27.119.642.000 đồng
Trong đó: Nguồn KP thường xuyên :	12.200.000.000 đồng
Nguồn KP không thường xuyên:	969.642.000 đồng
Nguồn KP cấp bù tiền miễn giảm học phí:	7.520.000.000 đồng
Nguồn KP thuộc CTMT giáo dục nghề nghiệp:	5.000.000.000 đồng
Nguồn KP đào tạo các chương trình khác:	1.430.000.000 đồng
Các khoản thu tại đơn vị:	4.173.711.177 đồng
Tổng thu:	31.293.353.177 đồng
Tổng chi:	31.054.589.441 đồng
Chênh lệch thu chi trích lập các quỹ:	238.763.736 đồng

(3) Năm 2020

Ngân sách nhà nước năm 2020:	32.135.880.000 đồng
Trong đó: Nguồn KP thường xuyên :	12.000.000.000 đồng
Nguồn KP không thường xuyên:	1.346.747.000 đồng
Nguồn KP cấp bù tiền miễn giảm học phí:	11.077.000.000 đồng
Nguồn KP thuộc CTMT giáo dục nghề nghiệp:	6.462.133.000 đồng
Nguồn KP đào tạo các chương trình khác:	1.250.000.000 đồng
Các khoản thu tại đơn vị:	3.851.536.400 đồng
Tổng thu:	35.987.416.400 đồng
Tổng chi:	32.815.136.109 đồng
Chênh lệch thu chi trích lập các quỹ:	3.172.280.291 đồng

Qua các năm, nhà trường có nguồn lực tài chính đảm bảo chủ động được phân bổ chi tiết theo từng nội dung chi một cách hợp lý, tiết kiệm và thực hiện theo đúng chế độ kế toán tài chính hiện hành đáp ứng kinh phí phục vụ cho các hoạt động của trường *(7.1.06-Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018, 2019, 2020)*.

Nhằm nâng cao công tác đào tạo, trường đã xây dựng kế hoạch hợp lý bố trí thời gian để học sinh sinh viên thực tập tại các Doanh nghiệp tạo điều kiện cho HSSV nâng cao trình độ tay nghề ứng dụng thực tế. Kết thúc thời gian thực tập, các doanh nghiệp

đã tài trợ kinh phí hỗ trợ giáo dục cho trường. Với nguồn tài trợ giáo dục góp phần bổ sung kinh phí cho các hoạt động đào tạo, một phần tích lũy để trích lập các quỹ trong đó ưu tiên trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của nhà trường (**7.3.03-Biên bản tài trợ giáo dục; 7.3.04-Quyết định trích lập các quỹ**).

Nguồn thu ngân sách nhà nước giao và nguồn thu hợp pháp được để lại đơn vị chứng tỏ trường có nguồn thu hợp pháp, đảm bảo có kinh phí phục vụ cho hoạt động của trường, đã được Trường sử dụng hiệu quả và được giám sát thông qua kết quả thẩm tra của Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp Bộ Công Thương và kiểm toán công tác tài chính của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hàng năm (**7.3.01-Quyết định về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và đối chiếu nguồn kinh phí năm 2018, 2019, 2020; 7.3.02-Chứng từ theo dõi thu học phí năm 2018, 2019, 2020, 7.2.02-Sổ chi tiết các tài khoản kế toán năm 2018, 2019, 2020; 2.17.06-Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động năm 2018, 2019, 2020; 7.1.08-Biên bản xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2018, 2019; 7.1.09-Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách 2018, 2019**).

Nhà trường đã thực hiện khảo sát đánh giá tình hình tài chính thì theo cảm quan của Cán bộ viên chức trong trường thì kết quả 100% phiếu được hỏi đánh giá Nhà trường có đủ nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động của Nhà trường (**7.3.05-Phiếu khảo sát**).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, ngày 25/04/2006 của Chính phủ và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 9/8/2006 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, công tác quản lý tài chính theo quy định về chế độ đối với các đơn vị sự nghiệp có thu và sử dụng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp. Căn cứ vào Thông tư hướng dẫn Trường đã xây dựng

và ban hành quy chế quản lý tài chính (*7.1.01-Quy chế Quản lý tài chính năm 2018; 7.1.02-Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công năm 2018*) và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ (*1.3.01-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018, 2019, 2020*) là hành lang pháp lý để thực thực hiện công tác thu, chi, thanh toán, tạm ứng và trích lập các quỹ.

Thực hiện việc quản lý tài chính.

Hàng năm, căn cứ vào dự toán NSNN giao và nguồn thu được để lại, Nhà trường thực hiện phân bổ hợp lý dự toán cho các nội dung chi, nâng cao công tác quản lý, sử dụng và thanh quyết toán theo quy định. Thông qua quy chế quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ (*7.1.01-Quy chế quản lý tài chính năm 2018; 1.3.01-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018, năm 2019, năm 2020*) đã ban hành để làm căn cứ kiểm soát các khoản thu - chi phục vụ cho công tác quản lý các nguồn tài chính tại đơn vị và giám sát của Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định.

Ngoài ra, để quản lý tài chính được hiệu quả nhà Trường đã xây dựng 4 quy trình từ khâu lập dự toán ngân sách nhà nước, quản lý thu học phí, tạm ứng, thanh toán và thanh toán tạm ứng, đăng ký thuế và quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 để đem lại hiệu quả thiết thực và thuận tiện trong quá trình quản lý (*7.1.03-Các Quy trình sử dụng, thanh toán, quyết toán tài chính áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015*).

+ Quản lý nguồn thu học phí và cấp bù miễn giảm học phí: Nhà trường căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 12/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý và chế độ chính sách miễn, giảm học phí đối HSSV, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 để quy định mức thu học phí.

+ Công tác thực hiện chế độ cho người lao động: Căn cứ vào thông báo duyệt số người lao động của Bộ Công Thương và bảng chấm công hàng tháng, nhà trường sẽ thực hiện chi trả lương, các khoản trích theo lương, thu nhập tăng thêm cho CBVC đảm bảo theo đúng quy định của Nhà nước, quy chế chi tiêu nội bộ và phương án lương xây dựng hàng năm của nhà trường.

+ Công tác mua sắm vật tư phục vụ chuyên môn và hoạt động chung của trường: Sau khi các khoa lập kế hoạch mua sắm vật tư phục vụ đào tạo dựa trên kế hoạch giảng dạy của đơn vị và được các phòng ban chức năng xác nhận. Nhà trường sẽ tập hợp nhu cầu mua sắm vật tư hàng tháng đáp ứng kịp thời cho công tác đào tạo.

Các hoạt động thu - chi tài chính đều có sổ sách theo dõi phản ánh kịp thời trong chứng từ, sổ sách kế toán (*7.4.01-Sổ theo dõi tiền mặt năm 2018, 2018,2020; 7.4.02-Sổ theo dõi tiền gửi Kho bạc và Ngân hàng năm 2018, 2019, 2020; 7.4.03-Sổ theo dõi dự toán kinh phí năm 2018, 2019, 2020; 7.4.04-Sổ theo dõi tài khoản công nợ năm 2018, 2019, 2020; 7.4.05-Sổ theo dõi chi phí năm 2018, 2019, 2020; 7.4.06-Sổ theo dõi chi tiết mục lục ngân sách năm 2018, 2019, 2020; 7.2.02-Sổ chi tiết các tài khoản kế toán năm 2018, 2019, 2020*). Việc quản lý tài chính của nhà trường được Vụ Tài chính và đối mới doanh nghiệp Bộ Công Thương, Kiểm toán nhà nước kết luận đơn vị đã chấp hành các chính sách chế độ, tiêu chuẩn định mức chi tiêu theo quy định (*7.1.09-Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách 2018, 2019*).

Thực hiện sử dụng tài chính đúng quy định:

+ Đối với Nguồn kinh phí thường xuyên nhà nước cấp và các nguồn thu khác của nhà trường:

Các nguồn kinh phí của nhà trường thực hiện chi tiêu tiết kiệm, đúng mục đích, đúng quy định theo chế độ chính sách của Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ của trường. Nhà trường thực hiện theo đúng dự toán được phân bổ, thực hiện chi đúng nội dung, đối tượng và nhiệm vụ chi. Căn cứ vào các Quyết định giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội, nhiệm vụ được giao nhà trường phân bổ dự toán theo từng nhiệm vụ chi: Chi lương và các khoản đóng góp; các chế độ chính sách cho học sinh, sinh viên; chi thanh toán dịch vụ công cộng; mua sắm tài sản trang thiết bị, vật tư phục vụ công tác chuyên môn. Trong quá trình thực hiện có sự kiểm soát chi của kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định.

Khai thác và sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp, chấp hành nghiêm túc kế hoạch tài chính đáp ứng yêu cầu đào tạo đặc biệt chú trọng đảm bảo nguồn kinh phí đáp ứng nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, ưu tiên đầu tư những trang thiết bị cần thiết, đó là yếu tố then chốt nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của trường, đồng thời sử dụng nguồn kinh phí hợp lý, hiệu quả và có tích lũy để có nguồn kinh phí bổ sung vào các quỹ trong đó chú trọng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp nhằm phát triển nguồn lực con người và tái đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo nhu cầu phát triển lâu dài của trường (*7.3.04-Quyết định trích lập quỹ; 1.3.01-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018, 2019, 2020; 2.17.06-Báo cáo tài chính và quyết toán kinh phí hoạt động năm 2018, 2019, 2020*).

+ Đối với nguồn kinh phí đầu tư các dự án, CTMT Quốc gia đầu tư cho các nghề trọng điểm:

Hàng năm căn cứ vào Quyết định Giao dự toán ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương cấp kinh phí nguồn CTMT về Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động mã 0709: GDNN-Việc làm và ATLĐ.DA đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN. Nhà trường sẽ thông báo đấu thầu công khai trên báo chí về việc mua sắm trang thiết bị của chương trình mục tiêu phục vụ đào tạo. Đơn vị trúng thầu sẽ cùng nhà trường làm hợp đồng và các thủ tục liên quan đến việc mua sắm và thanh toán gói thầu.

Ngoài ra, hàng năm căn cứ vào Quyết định Giao dự toán ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương cấp kinh phí nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 cụ thể mã 0394: Các nội dung về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, bồi dưỡng cán bộ hợp tác xã phục vụ phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập người dân nhà trường thực hiện trực tiếp giảng dạy tại các doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh Nam Định, Hà Nam, Thái Bình (*7.3.01-Quyết định về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và đối chiếu nguồn kinh phí năm 2018, 2019, 2020; 7.1.08-Biên bản xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2018, 2019; 7.1.09-Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách 2018, 2019*).

Thực hiện thanh quyết toán tài chính

Công tác thanh quyết toán nội bộ.

Căn cứ vào các định mức thu - chi đã thực hiện, quy chế chi tiêu nội bộ kế toán lập các chứng từ kế toán trình lãnh đạo phê duyệt, thực hiện quy trình thanh quyết toán theo quy định.

Thực hiện báo cáo quyết toán tài chính hàng năm.

Công tác thanh quyết toán tài chính của trường được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, chính xác trong báo cáo tài chính và được thể hiện trong các lần kiểm toán, thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý tài chính cấp trên. Kết thúc năm tài chính, kế toán tổng hợp, lập báo cáo quyết toán các khoản thu, chi và báo cáo tình hình thực hiện kinh phí của Nhà trường. Thời gian hoàn thành báo cáo quyết toán trình cơ quan quản lý cấp trên hoàn thành trước ngày 31/3 năm kế tiếp. Đồng thời nộp báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán đến Vụ Tài chính và đổi mới doanh nghiệp; cập nhật số liệu trên trang báo cáo tài chính của Bộ Công Thương (*2.17.06-Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động các năm 2018, 2019, 2020*).

Ngoài thanh tra, Hàng năm, Vụ Tài chính và đổi mới doanh nghiệp đều tiến hành kiểm tra công tác tài chính và duyệt quyết toán kinh phí hoạt động của Trường. Cụ thể tại Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách của Vụ Tài chính và Đổi mới Doanh nghiệp - Bộ

Công Thương đã nhận xét: “Trường thực hiện theo hệ thống tài khoản và chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính. Sổ sách kế toán và chứng từ thu - chi được sắp xếp, đóng tập và lưu trữ đầy đủ, thuận tiện cho việc tra cứu và kiểm tra”, “Công tác tổ chức mua sắm, sửa chữa tài sản cố định hàng năm đơn vị thực hiện đúng theo quy định hiện hành” (7.1.08-Biên bản xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước năm 2018, 2019; 7.1.09-Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách 2018, 2019). Đối với công tác tự kiểm tra số liệu quyết toán tài chính hàng của Trường có sự tham gia của Ban thanh tra nhân dân và đại diện của giảng viên có chuyên môn nghiệp vụ về kế toán tài chính.

Tóm lại: Các nguồn tài chính được nhà trường quản lý và phân bổ chi tiêu đúng mục đích, đúng quy định, đúng chế độ tiêu chuẩn quy định của Nhà nước và trong quy chế chi tiêu nội bộ của trường. Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán các nguồn tài chính của nhà trường đảm bảo đúng quy định tiết kiệm và hiệu quả. Nguồn kinh phí tiết kiệm được hàng năm thực hiện trích quỹ và chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, viên chức. Công tác quản lý tài chính, sử dụng và thanh quyết toán các nguồn kinh phí đúng mục đích, đúng quy định, đúng chế độ tiêu chuẩn quy định của Nhà nước và quy định của trường có hiệu quả và tiết kiệm. Hoạt động thu - chi tài chính của trường đều được phản ánh đầy đủ trong chứng từ, sổ sách kế toán, hàng tháng được theo dõi kiểm kê quỹ tiền mặt, đối chiếu với Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định và Ngân hàng đầu tư, đồng thời thực hiện công tác lưu trữ theo đúng quy định của Nhà nước

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.5. Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán, thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/08/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành “Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước”. Công tác tự kiểm tra tài chính được thực hiện khi kết thúc năm tài chính và khắc phục kịp thời các vấn đề về tài chính khi có kết luận của các cơ quan chức năng luôn được nhà trường tiếp thu và kịp thời giải quyết.

Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán

+ Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch tự kiểm tra công tác tài chính kế toán và thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán đúng quy định; Trong kế hoạch tự kiểm tra tài chính ghi rõ mục đích kiểm tra, nội dung kiểm tra, thành phần tổ kiểm tra. đồng thời thành lập tổ tự kiểm tra tài chính để kiểm tra hoạt động thu - chi ngân sách một cách độc lập (*7.5.01-Kế hoạch tự kiểm tra công tác tài chính và kế hoạch công khai tài chính của trường năm 2018, 2019, 2020*).

+ Nhà trường thành lập Tổ tự kiểm tra tài chính hàng năm bao gồm các cá nhân: Chủ tịch Hội đồng trường; Đại diện của thanh tra nhân dân; Giảng viên khoa Kinh tế có chuyên môn về nghiệp vụ kế toán tài chính để tiến hành thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính hàng năm (*7.5.02-Quyết định thành lập tổ kiểm tra tài chính 2018, 2019, 2020*).

+ Nội dung tự kiểm tra tài chính hàng năm: Tổ tự kiểm tra tài chính thực hiện đầy đủ theo nội dung tự kiểm tra tài chính theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/08/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành “Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước” với phạm vi kiểm tra quyết toán ngân sách năm không bao gồm quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản cụ thể các nội dung: Kiểm tra số liệu quyết toán nguồn kinh phí ngân sách cấp; kiểm tra đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ; Kiểm tra đối chiếu số liệu kết quả hoạt động khác (*7.1.07-Biên bản tự kiểm tra số liệu quyết toán ngân sách năm 2018, 2019, 2020*).

Ngoài ra, các cá nhân thường xuyên tự kiểm tra công việc mình được giao liên quan đến công tác quản lý, sử dụng tài chính để kịp thời trao đổi, xử lý những vấn đề phát sinh hay những vướng mắc, tồn tại trong việc thực hiện.

Thực hiện công tác kiểm toán theo quy định.

Năm 2019 nhà trường thực hiện Quyết định số 1059/QĐ-KTNN ngày 27/5/2019 của Tổng KTNN về Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công nhà nước năm 2018 và đã có kết luận của kiểm toán (*7.5.03-Thông báo số 934/TB-KTNN ngày 13/11/2019 của kiểm toán nhà nước về việc kết quả kiểm toán tại trường CDCNNĐ*). Trường đã nghiêm túc chấp hành và đã thực hiện những kiến nghị của kiểm toán theo giấy nộp tiền vào NSNN (*7.5.04-Giấy nộp tiền vào NSNN; 7.5.05-Báo cáo gửi Cơ quan chủ quản về việc thực hiện kiến nghị của Kiểm toán*).

Nhà trường đã xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

Thực hiện công khai tài chính

Hàng năm, trường đã thực hiện công khai tài chính theo quy định, hình thức công khai, biểu mẫu theo Thông tư số 90/2018TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT/BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ (*7.1.10-Báo cáo công khai dự toán NSNN năm 2018, 2019, 2020*) và được thể hiện qua báo thực hiện dự toán thu - chi (*7.1.11-Báo cáo công khai thực hiện dự toán NSNN năm 2018, 2019, 2020*). Nguyên tắc công khai, minh bạch tất cả khoản thu - chi luôn được trường coi trọng và thực hiện thường xuyên, nghiêm túc. Hình thức thực hiện công khai tài chính tại bảng thông tin trước cửa phòng tài chính kế toán để tất cả CCVC biết và kiểm tra và được báo cáo công khai công tác thu chi tài chính trong hội nghị công chức viên chức (*7.5.06-Ảnh chụp báo cáo công khai tài chính*).

Năm 2020, Phòng tài chính kế toán có thực hiện khảo sát Cán bộ viên chức trong trường để đánh giá mức độ quan tâm của các đối tượng đến tình hình tài chính của trường căn cứ theo kết quả tổng hợp của phòng Quản lý khoa học và Đảm bảo chất lượng trên lượng phiếu phát ra thì 90% Cán bộ công chức viên chức nắm bắt thông tin tài chính của trường qua Bảng thông tin tài chính với những nội dung được công khai là: dự toán ngân sách giao hàng năm, tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm, thông báo số liệu quyết toán hàng năm và 95% số cán bộ viên chức nhận thấy thông tin tài chính cung cấp trên Bảng là đầy đủ, chi tiết phản ánh tổng quan tình hình tài chính của nhà Trường (*7.3.05-Phiếu khảo sát*).

Phát huy công tác tin học vào quản lý tài chính một cách hiệu quả, đồng bộ. Ngoài việc thực hiện công khai tài chính trên bảng tin của phòng tài chính kế toán sẽ thực hiện công khai trên trang website. Khuyến khích HSSV nộp học phí qua tài khoản ngân hàng (*7.5.07-Giấy báo có của ngân hàng*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính là nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính. Vì vậy, Nhà trường đã tiến hành đánh giá thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước và hiệu quả sử dụng các nguồn kinh phí nhằm mục đích nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính từ đó có các điều chỉnh cho các năm tiếp theo. Quá trình đánh giá sử dụng các nguồn tài chính của Trường cụ thể, chi tiết như: Các trang thiết bị máy móc được đầu tư từ chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo chất lượng; định mức kinh phí chi cho đào tạo đảm bảo; chi phí duy tu bảo dưỡng sửa chữa cơ sở vật chất, máy móc thiết bị và chi thanh toán cá nhân, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường (***7.1.05-Báo cáo đánh giá thực hiện nhiệm vụ và xây dựng dự toán các năm 2017 đến năm 2020***). Thông qua công tác quản lý và sử dụng tài chính của năm, nhà trường lập bản phân tích đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính trong năm qua để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính cho năm tới (***7.6.01-Báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính năm 2018, 2019, 2020***).

Thông qua Tổ chức Hội nghị Cán bộ viên chức hàng năm để đánh giá công tác sử dụng cán bộ, chế độ lao động tiền lương, công tác quản lý, sử dụng thu - chi tài chính, công tác hoạt động đào tạo, các hoạt động khác của trường nhằm tìm ra những hạn chế, những nội dung chưa đạt được và đưa ra những biện pháp tốt hơn trong quản lý các nguồn tài chính. Tất cả những ý kiến đóng góp thảo luận của viên chức trong trường đều được công khai tại Hội nghị và được đưa vào báo cáo phương hướng nhiệm vụ và Nghị quyết của Hội nghị nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường (***1.11.19-Báo cáo hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của trường năm 2018; 2019; 2020; 7.6.02-Kế hoạch tổ chức hội nghị cán bộ, viên chức năm 2018, 2019, 2020; 7.6.03-Biên bản hội nghị công chức viên chức năm 2017, 2018, 2019, 2020; 4.5.01-Nghị quyết đại hội CBCVC năm 2018, 2019, 2020***).

Các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

Thông qua Hội nghị Công chức viên chức hàng năm có những đề xuất, biện pháp

tiết kiệm chi hoạt động thường xuyên, mua sắm vật tư, sửa chữa nhỏ, sử dụng điện nước tiết kiệm đúng mục đích, bố trí người đi công tác hợp lý, để tiết kiệm xăng xe, công tác phí và các chi phí phục vụ hành chính (*1.3.01-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018, 2019, 2020*) cụ thể:

** Thực hiện công tác quản lý tài chính:*

Hàng năm nhà trường thực hiện báo cáo lãnh đạo nhà trường về hiệu quả sử dụng nguồn tài chính (*7.6.01-Báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính năm 2018, 2019, 2020*) cụ thể:

- Rà soát các văn bản quy định về công tác quản lý tài chính. Thường xuyên cập nhật chế độ chính sách và có những tham mưu về chính sách phù hợp với thực tế của trường, đồng thời bổ sung các quy định liên quan đến các chế tài trong công tác quản lý tài chính để xác định trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị, động viên khuyến khích các đơn vị thực hiện tốt và chấn chỉnh những mặt chưa tốt để nâng cao hiệu quả của công tác quản lý tài chính của đơn vị.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ viên chức làm công tác quản lý tài chính của đơn vị.

- Đối với các đơn vị cá nhân được giao nhiệm vụ thực hiện thu chi tài chính cần nâng cao hơn nữa trong công tác xây dựng kế hoạch và đóng góp phương thức tổ chức cho các hoạt động dịch vụ tăng nguồn thu

- Đối với CBVC và HSSV nêu cao tinh thần trách nhiệm tính tự giác trong mọi nhiệm vụ, tăng cường khả năng tự chủ, ý thức tiết kiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn tài chính được giao. Đồng thời, nhắc nhở đôn đốc việc sử dụng tiết kiệm điện nước, tăng cường công tác tự bảo dưỡng các thiết bị, dụng cụ phục vụ làm việc và giảng dạy đúng quy định.

- Tăng cường công tác tự kiểm tra giám sát công tác tài chính. Nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác kế toán, tài chính.

** Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính:*

Triệt để thực hành tiết kiệm chống lãng phí: Nâng cao ý thức trách nhiệm của từng cá nhân về việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện nghiêm các quy định của luật phòng chống tham nhũng. Trường đã tiết kiệm chi phí để bổ sung vào các quỹ, thực hiện các khoản chi động viên CCVC từ quỹ khen thưởng, phúc lợi và bổ sung thu nhập, đồng thời tăng cơ sở vật chất từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (*7.6.04-Báo cáo kết quả*

thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2018, 2019, 2020). Việc quản lý, sử dụng ngân sách tiền và tài sản công trường đảm bảo theo dự toán được duyệt, đảm bảo tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật về giáo dục - đào tạo, dạy nghề, Bộ LĐ TBXH, Tổng cục GDNN quy định. Chấp hành chế độ báo cáo theo đúng quy định.

Phân bổ, sử dụng nguồn tài chính phù hợp với khối lượng công việc và khả năng tài chính của trường.

Thực hiện mức khoán chi đối với một số nội dung như: khoán điện thoại cho Cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm; khoán công tác phí với một số đối tượng, xây dựng định mức xăng dầu rửa xe cho các phương tiện vận chuyển

Thực hiện tốt công tác hạch toán và công khai minh bạch kết quả tài chính.

Tăng cường cơ chế giám sát, tự giám sát trong việc sử dụng nguồn tài chính được phân bổ cho các đơn vị.

Công tác tài chính của trường ngày càng được nâng cao về tính kế hoạch, tham mưu và năng lực quản lý góp phần nâng cao công tác quản lý và sử dụng tài chính cũng như các hoạt động chung của trường.

Tóm lại: Nhà trường đã có văn bản quy định về việc đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính hàng năm, thực hiện công tác đánh giá để có cơ sở đề ra các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 1 điểm

3.2.8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 8:

Mở đầu:

Nhà trường luôn quan tâm đảm bảo tốt nhất các điều kiện phục vụ học tập, hoạt động phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao nhằm tạo sân chơi lành mạnh để HSSV học tập và rèn luyện, đồng thời xây dựng môi trường thân thiện, tích cực nhưng kỷ cương nền nếp.

Công tác quản lý, giáo dục HSSV được nhà trường hết sức coi trọng và được thực hiện đồng bộ từ các bộ phận chức năng; thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở và xử lý kịp thời các vi phạm nếu có.

Ngay từ đầu khóa và đầu mỗi năm học, nhà trường đã tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV”. Phòng Đào tạo phổ biến về chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, mục tiêu đào tạo, các yêu cầu về chuyên môn của từng ngành nghề; phổ biến quy chế thi, kiểm tra đánh giá, điều kiện xét tốt nghiệp; Phòng Công tác học sinh sinh viên (CTHSSV) truyền đạt nội dung các nội quy, quy chế của nhà trường; Phòng Tổ chức - Hành chính (TCHC) hướng dẫn thực hiện nội quy ra vào cơ quan, một số quy định của nhà trường,... Tất cả những nội quy, quy chế đều được phổ biến tới người học.

Việc cung cấp cho người học các thông tin cần thiết về nghề nghiệp, nhu cầu của thị trường lao động; tư vấn học nghề, giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp được Bộ phận tuyển sinh, trực thuộc Phòng Đào tạo và Trung tâm Đào tạo & Quan hệ doanh nghiệp thực hiện thường xuyên và có hiệu quả.

Tại buổi sinh hoạt lớp thứ sáu hàng tuần, người học còn được cung cấp thêm những thông tin về các hoạt động của nhà trường thông qua giáo viên chủ nhiệm lớp. Ngoài ra HSSV còn được tư vấn đầy đủ tại Phòng CTHSSV, Phòng Đào tạo nếu có nhu cầu.

*** Những điểm mạnh:**

Mọi hoạt động của nhà trường luôn lấy người học làm trung tâm, tạo môi trường học tập và rèn luyện hiện đại, văn minh, thân thiện và an toàn.

Các chế độ chính sách cho người học được đảm bảo giải quyết đúng đối tượng, minh bạch, kịp thời.

Dịch vụ chăm sóc y tế được đảm bảo trong điều kiện thực tế của nhà trường.

Tổ chức thường xuyên các hoạt động đoàn và các hoạt động ngoại khóa nhằm tạo thêm các sân chơi bổ ích cho HSSV.

Nhà trường xây dựng được mối quan hệ rộng rãi, liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp để gửi HSSV đi thực tập, thực tế tại doanh nghiệp; HSSV được cung cấp đầy đủ thông tin về thị trường lao động, việc làm và cơ hội tiếp xúc với nhà tuyển dụng.

*** Những tồn tại:**

Một số hoạt động phong trào chưa thu hút đông đảo HSSV tham gia.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Đa dạng hóa các hình thức thông tin tuyển sinh, giới thiệu việc làm.

Tạo dựng môi trường giáo dục xanh, lành mạnh, thân thiện & uy tín.

Phát huy vai trò của các tổ chức Đoàn, thường xuyên phát động phong trào thi đua trong học tập và rèn luyện; tổ chức các các hoạt động ngoại khóa thiết thực, hiệu quả.

Thành lập, tổ chức mô hình các câu lạc bộ để hỗ trợ HSSV trong quá trình học tập và rèn luyện.

Huy động các nguồn hỗ trợ để xây dựng quỹ phúc lợi cho HSSV, đặc biệt quan tâm và có chế độ ưu đãi đối với những HSSV nghèo vượt khó.

Đẩy mạnh việc rèn luyện kỹ năng mềm cho HSSV.

Tăng cường và mở rộng quan hệ với doanh nghiệp để tạo cơ hội việc làm phù hợp cho HSSV trong quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 8

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 8	9
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1

Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ngay khi người học có nhu cầu tìm hiểu ngành nghề đào tạo, bộ phận tư vấn tuyển sinh của nhà trường đã cung cấp chi tiết những thông tin cần thiết cho người học, cụ thể như: chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, học phí, thủ tục nhập học, vị trí công việc và giới thiệu việc làm sau khi tốt nghiệp (***8.1.01–Thư ngỏ tuyển sinh của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định; 8.1.02-Tờ quảng cáo thông tin tuyển sinh***).

Vào đầu mỗi năm học, phòng CTHSSV phối hợp với phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” đầu khóa và đầu năm học (*8.1.03-Kế hoạch đón tiếp HSSV năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 8.1.04-Kế hoạch về việc học tập chính trị đầu khóa năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*), yêu cầu các đơn vị có liên quan giới thiệu đến người học những nội dung cần thiết: Phòng Đào tạo triển khai thông tin về quy chế đào tạo, cách tính điểm học phần, quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp, ... Phòng Công tác HSSV sẽ cung cấp những thông tin về các chế độ, chính sách, vay vốn ưu đãi học tập, hoãn nghĩa vụ quân sự, nội quy của trường, quy trình đánh giá rèn luyện HSSV, ... Các khoa sẽ cung cấp và chia sẻ thông tin liên quan đến ngành, nghề đào tạo, vị trí việc làm sau tốt nghiệp, ... Đoàn Thanh niên sẽ phổ biến kế hoạch hoạt động, kế hoạch công tác Đoàn và phong trào thanh niên theo học kỳ và năm học (*2.4.02-Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế; 8.1.05-Nội dung các khoa chuyên môn gặp gỡ tân HSSV; 8.1.06-Tài liệu học tập tuần công dân đầu khóa học*).

Bên cạnh đó, nhà trường còn hướng dẫn, giúp đỡ người học nắm bắt các thông tin liên quan thông qua giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, hệ thống website của trường phổ biến các quy định liên quan đến người học như Luật Giáo dục, Luật giáo dục nghề nghiệp, quy chế đào tạo,...

Phòng Công tác HSSV cung cấp cho người học đầy đủ các nội dung về các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học, các nội quy, quy chế của Nhà trường như: Quy chế học sinh, sinh viên; Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện học sinh, sinh viên; Quy định đối với Đoàn viên, thanh niên (*8.1.07-Quyết định ban hành chức năng nhiệm vụ phòng Công tác HSSV; 8.1.08-Quy chế công tác học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2017,2020; 2.12.02-Quyết định đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV trường CĐCNND*). Phòng Công tác HSSV đã soạn thảo các Thông báo hướng dẫn về việc hoàn thiện hồ sơ miễn, giảm học phí (*8.1.09-Thông báo v/v hoàn thiện hồ sơ miễn, giảm học phí; 8.1.10-Quyết định và danh sách HSSV hưởng miễn, giảm học phí*). Ngoài ra Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp còn được đăng trên website của trường. Những Nội quy, quy định còn được công khai tại bảng tin, cửa phòng trực Ký túc xá, tại các phòng học lý thuyết, xưởng thực hành... (*8.1.11-Hình ảnh nội quy tại các phòng học*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, ngay từ “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” vào đầu mỗi năm học, nhà trường đều tổ chức triển khai cho HSSV về các chế độ chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Thông tư số 17/2017/TT-LĐTBXH ngày 30/6/2017 ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng; Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định 86/2015/NĐ-CP; Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp; Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16/06/2016 hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp. Ngoài ra, nhà trường triển khai chế độ vay vốn hỗ trợ chi phí học tập dành cho HSSV; tạm hoãn nghĩa vụ quân sự; học bổng khuyến khích học tập; trợ cấp dành cho Ban cán sự, Ban chấp hành chi đoàn các lớp.

Trường luôn cập nhật những văn bản mới nhất về miễn giảm học phí cho HSSV của Bộ LĐ-TB&XH đồng thời triển khai và hướng dẫn người học hoàn tất các thủ tục để được chi trả đúng theo quy định, đảm bảo chính xác, kịp thời và đúng đối tượng. Thực hiện công bằng, công khai và dân chủ trong việc giải quyết chế độ, chính sách đối với HSSV (*1.12.01-Thông báo về việc thực hiện chế độ miễn giảm học phí cho HSSV trong các năm 2018, 2019, 2020*).

Bên cạnh đó, để các đơn vị trong trường thông báo tới từng HSSV thực hiện đúng quy định (*8.2.01-Quy trình miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập HSSV; 8.2.02-Mẫu hồ sơ về chính sách miễn giảm học phí*). Ngoài ra mỗi học kỳ Phòng Công tác HSSV nhắc nhở các đơn vị thực hiện bằng thư điện tử và được đăng tải đầy đủ trên website: www.cnd.edu.vn thông báo/84-Thông báo về thực hiện chế độ miễn giảm học phí cho HSSV.

Hằng năm, sau khi có kết quả quyết định danh sách HSSV được trao học bổng tài trợ từ các Doanh nghiệp và cấp bù tiền học phí miễn, giảm học phí, phòng Công tác

HSSV thông báo đến các đơn vị và HSSV *(1.12.06-Quyết định miễn giảm học phí cho học sinh, sinh viên của từng học kỳ, năm 2018, 2019, 2020; 8.2.03-Các quyết định và danh sách HSSV được trao học bổng tài trợ từ các doanh nghiệp năm 2018)*.

Mỗi học kỳ, phòng công tác HSSV giúp Hiệu trưởng cấp giấy xác nhận, giấy vay vốn tín dụng cho HSSV theo đúng quy trình xác nhận *(8.2.04-Quy trình cấp giấy xác nhận cho HSSV; 8.2.05-Sổ theo dõi cấp giấy xác nhận, giấy vay vốn của HSSV từ năm 2018 - 2021)*.

Cuối mỗi năm học, Phòng Công tác HSSV báo cáo cụ thể kết quả các mảng công việc về đảm bảo chế độ chính sách cho người học trong báo cáo tổng kết hoạt động của phòng, đánh giá những mặt mạnh, mặt hạn chế trong công tác đảm bảo các chế độ chính sách cho HSSV *(1.11.19-Báo cáo hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của trường năm 2018, 2019, 2020; 8.2.06-Báo cáo hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của Phòng Công tác HSSV năm 2018-2020)*.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường căn cứ vào Thông tư liên tịch số 14/2016/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 05/05/2016 sửa đổi, bổ sung mục III của Thông tư liên tịch số 23/2008/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 28/4/2008 của liên bộ Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân để thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập *(8.3.01- Quyết định và danh sách học bổng khuyến khích học tập cho HSSV năm 2018,2019,2020)*.

Ngay trong “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” đầu khóa và đầu năm học, nhà trường đã triển khai những quy định về khen thưởng, các chế độ khuyến khích dành cho

HSSV (*8.1.04-Kế hoạch về việc học tập chính trị đầu khóa năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Bên cạnh đó, người học cũng có thể nắm bắt những thông tin trên qua trang website của trường <http://cnd.edu.vn>, thông qua giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập hoặc các cuộc đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường, các phòng, khoa có liên quan với HSSV (*8.3.02-Kế hoạch đối thoại giữa học sinh sinh viên với Hiệu trưởng nhà trường năm 2018,2019,2020; 8.3.03-Bảng câu hỏi đối thoại giữa học sinh sinh viên với Hiệu trưởng nhà trường năm 2018,2019,2020; 8.3.04-Biên bản đối thoại giữa HSSV với lãnh đạo nhà trường năm 2018,2019,2020; 8.3.05-Hình ảnh buổi đối thoại*).

Cuối mỗi học kỳ, nhà trường đều tổng hợp danh sách HSSV có thành tích tốt trong học tập và rèn luyện được đề nghị khen thưởng để gửi về các lớp nhằm công khai đến người học (*8.3.06-Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện học kỳ I, Học kỳ II, Cả năm học từ năm 2018-2020*). Sau thời gian công khai, Hội đồng Khen thưởng - Kỷ luật HSSV nhà trường tiến hành họp xét và công bố danh sách HSSV được tặng học bổng khuyến khích học tập. Sau đó, danh sách người học đạt kết quả cao trong học tập sẽ được gửi cho lãnh đạo nhà trường, các bộ phận có liên quan: Phòng TCHC, Phòng Đào tạo, Phòng TCKT, Phòng CTHSSV, Đoàn Thanh niên (*8.3.01-Quyết định và danh sách học bổng khuyến khích học tập cho HSSV năm 2018,2019,2020*).

Bên cạnh chế độ chính miễn giảm học phí theo quy định của Nhà nước, Nhà trường kêu gọi các mạnh thường quân, doanh nghiệp tài trợ cho HSSV có hoàn toàn cảnh khó khăn cố gắng vươn lên trong học tập và rèn luyện. Trong 3 năm gần đây có 11 HSSV được trao học bổng tài trợ từ các doanh nghiệp cho học sinh nghèo vượt khó với mỗi suất là 1.000.000đ (*Một triệu đồng chẵn*) (*8.2.03-Các quyết định và danh sách HSSV được trao học bổng tài trợ từ các doanh nghiệp năm 2018*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường là một môi trường học tập nơi người học được đối xử một cách tôn trọng, mọi hoạt động của nhà trường đều hướng về người học, không có bất kỳ người học nào bị phân biệt đối xử trong bất kỳ hoạt động nào của nhà trường dựa trên giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân (*2.3.04-Thông báo tuyển sinh 2018, 2019, 2020; 8.4.01-Thông báo*

triển khai làm thẻ HSSV 2018,2019,2020; 8.4.02–Thông báo đăng ký nội ngoại trú cho HSSV năm 2018,2019,2020; 8.4.03-Quy định sinh viên ở KTX).

Tất cả các dịch vụ người học được thực hiện nhằm đáp ứng tốt quyền lợi của người học dựa trên quyền con người, cho nên những văn bản nhà trường ban hành đều thể hiện rõ sự tôn trọng người học và được đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân (*8.4.04-Quyết định phân công Ban cán sự lớp 2018, 2019, 2020 & Thông báo họp lớp định kỳ theo tháng*).

Mỗi năm học, nhà trường đều tổ chức các hoạt động, các buổi tọa đàm, là diễn đàn cho HSSV bày tỏ quan điểm xoay quanh nguyên tắc tất cả mọi người đều có quyền bình đẳng và được đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính. Người học được nhà trường tạo mọi điều kiện để bày tỏ quan điểm thông qua các buổi đối thoại giữa HSSV với lãnh đạo nhà trường và các đơn vị có liên quan. Trong các cuộc đối thoại này, HSSV được phép đưa ra ý kiến thắc mắc và góp ý của mình về các vấn đề liên quan đến công tác đào tạo, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, công tác HSSV,... Các ý kiến thắc mắc và góp ý của HSSV đều được lãnh đạo nhà trường và các đơn vị tiếp nhận xem xét từ đó có giải pháp, phương án điều chỉnh để công tác quản lý và giảng dạy của nhà trường ngày càng tốt hơn (*8.3.02-Kế hoạch đối thoại giữa học sinh sinh viên với Hiệu trưởng nhà trường năm 2018,2019,2020; 8.3.03–Bảng câu hỏi đối thoại giữa học sinh sinh viên với Hiệu trưởng nhà trường năm 2018,2019,2020; 8.3.04–Biên bản đối thoại giữa HSSV với lãnh đạo nhà trường năm 2018,2019,2020; 8.3.05–Hình ảnh buổi đối thoại*).

Chế độ báo cáo được nhà trường thực hiện thường xuyên và nghiêm túc, qua đó, nhà trường tự nhìn nhận, đánh giá những mặt mạnh đã làm được trong việc tôn trọng và đối xử bình đẳng với người học. Đồng thời, nhìn nhận khách quan những tồn tại của nhà trường để đưa ra những biện pháp điều chỉnh, khắc phục để các dịch vụ dành cho người học tại trường càng được nâng cao, đáp ứng nhu cầu của người học và sự phát triển của xã hội (*1.11.19-Báo cáo hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của trường năm 2018, 2019, 2020; 8.2.06–Báo cáo hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của Phòng Công tác HSSV năm 2018-2020*). Nhà trường sẽ tiếp tục bổ sung hệ thống văn bản liên quan đến người học, đồng thời tăng cường triển khai các văn bản thông qua website, bản tin phát thanh học đường, thông qua các buổi sinh hoạt lớp, các cuộc họp định kỳ với nhà trường và các đơn vị chức năng.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có khu ký túc xá sinh viên với 02 tòa nhà ký túc xá 2 tầng với tổng diện tích 2.256m² trong đó có tổng cộng 58 phòng ở khép kín với diện tích mỗi phòng gần 30m², đầy đủ tiện nghi như điện, nước và các tiện nghi khác; đáp ứng nhu cầu sinh hoạt với sức chứa gần 300 người đảm bảo nhu cầu chỗ ở cho người học, có Hệ thống xử lý và cung cấp nước sạch đã được chứng nhận đủ điều kiện đưa vào sử dụng (**8.5.01-Hình ảnh toàn cảnh KTX và bản vẽ thiết kế KTX; 8.5.02-Biên bản bàn giao tài sản tại KTX; 8.5.03- Biên bản kiểm kê tài sản KTX năm 2019,2020**). Với nhu cầu đăng ký nội trú của người học như hiện nay; với diện tích sử dụng của ký túc xá nhà trường đáp ứng đủ nhu cầu về phòng ở cho người học (**8.5.04-Danh sách HSSV ở nội trú Ký túc xá năm 2019; 8.2.06-Báo cáo tổng kết của phòng Công tác HSSV năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**).

Tổ quản lý ký túc xá thuộc phòng Công tác HSSV, hiện nay bao gồm 03 cán bộ viên chức làm việc tại ký túc xá và các viên chức của phòng Công tác HSSV thay nhau trực 24/24h để làm công tác quản lý HSSV ở ký túc xá, công tác ANTT tại ký túc xá được bảo đảm, điện nước được cung cấp đầy đủ. Khu vực ký túc xá đã thuê một nhân công chuyên làm công tác vệ sinh môi trường do đó vệ sinh môi trường luôn được đảm bảo sạch đẹp (**8.5.05-Lịch trực KTX; 8.5.06-Nội quy KTX; 8.5.07-Thông báo tiếp nhận HSSV ở KTX; 8.5.08-Mẫu đơn đăng ký ở KTX & Bản cam kết; 8.5.09-Mẫu hợp đồng ở KTX; 8.5.10-Hình ảnh phòng ở KTX; 8.5.11-DS HSSV nộp tiền điện nước hàng tháng; 8.5.12-Hợp đồng dọn vệ sinh KTX; 8.2.6-Báo cáo hoạt động của phòng Công tác HSSV hàng năm**).

Phòng Công tác HSSV tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV ở ký túc xá về sự hài lòng của người ở nhằm biết được tâm tư, nguyện vọng của HSSV để phục vụ ngày càng tốt hơn (**8.5.13-Mẫu phiếu khảo sát mức độ hài lòng của HSSV về chất lượng phục vụ và dịch vụ tại KTX**).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn thực phẩm.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có phòng Y tế đặt tại tầng 1 nhà Hiệu bộ của trường để tiện cho việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cán bộ, giáo viên, công nhân viên và người học với 01 buồng bệnh, tổng diện tích 35m², có thiết bị y tế cơ bản để cung cấp dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người học: Trong phòng có 01 giường bệnh, tủ thuốc sơ cấp cứu tại chỗ và các trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho việc khám chữa bệnh. ***(8.6.01-Hình ảnh phòng Y tế và biên bản kiểm kê tài sản phòng Y tế năm 2018,2019,2020; 8.6.02-Bảng tốt nghiệp của cán bộ y tế; 8.6.03-Mẫu sổ quản lý thuốc năm 2020).***

Trường có bộ phận cung cấp dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người học. Trường có 01 cán bộ y tế thường trực trong giờ hành chính, có trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp tốt đáp ứng các yêu cầu dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người học.

Hàng năm nhà trường có báo cáo về công tác phục vụ Y tế để kịp thời điều chỉnh dịch vụ cho phù hợp với điều kiện thực tế của hàng năm ***(8.6.04-Kế hoạch khám sức khỏe đầu khóa học các năm 2018,2019,2020; 8.6.05-Mẫu phiếu khám sức khỏe của HSSV các năm, các ngành học; 8.6.06-Kế hoạch phun thuốc muỗi định kỳ & Hình ảnh phun thuốc muỗi năm 2020; 8.6.07-Thông báo v/v thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm 2020 số 983/TB-CĐCNNĐ ngày 03/12/2019).***

Chăm sóc sức khỏe cho HSSV được nhà trường thực hiện thường xuyên như khám chữa bệnh ban đầu và cấp phát thuốc. Trường cũng đã trang bị một số loại thuốc thiết yếu theo Quyết định số 1220/QĐ-BYT ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục trang thiết bị, thuốc thiết yếu dùng trong trạm y tế của các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, cơ sở dạy nghề. Hiện tại, nhà trường đã trang bị 01 phòng y tế để sơ cấp cứu ban đầu và chữa những bệnh thông thường, có trang bị giường để bệnh nhân nghỉ dưỡng tạm thời, có tủ thuốc sơ cứu tại chỗ và các thiết bị dụng cụ y tế cần thiết. Trường hiện có 01 nhân viên y tế làm việc theo giờ hành chính và phục vụ tại các kỳ thi tốt nghiệp nhằm đảm bảo sơ cấp cứu ban đầu cho HSSV khi có biểu hiện xấu về sức khỏe.

Ngoài ra, nhà trường trang bị tủ thuốc cho các khu nhà học nhằm bảo đảm sơ cấp cứu ban đầu cho giáo viên và HSSV theo nhu cầu.

Nhà trường lồng ghép tuyên truyền các biện pháp phòng, chống bệnh sốt xuất huyết đến HSSV trong các buổi sinh hoạt lớp, họp Ban cán sự hàng tháng. Hướng dẫn HSSV cách nhận biết những dấu hiệu của bệnh sốt xuất huyết trên hệ thống phát thanh học đường.

Định kỳ nhà trường tiến hành rà soát rút kinh nghiệm và có những điều chỉnh kịp thời về công tác chăm sóc sức khỏe cho HSSV. Thường xuyên báo cáo định kỳ và báo cáo theo chuyên đề về công tác tuyên truyền phòng chống các dịch bệnh và công tác chăm sóc sức khỏe cho người học.

Bên cạnh các hoạt động chăm lo khám chữa bệnh cho người học, nhà trường cũng hết sức quan tâm đến nhu cầu ăn, uống của người học. Nhà trường đã xây dựng nhà ăn sinh viên trong trường với diện tích 600m² để đáp ứng nhu cầu ăn, uống của người học nhưng do nhu cầu người học nên đến nay nhà ăn đang tạm dừng hoạt động (*8.6.08-Hình ảnh nhà ăn và khuôn viên nhà ăn tập thể*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn không đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 8: 0 điểm

Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ TDTT, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để giúp cho người học nâng cao thể chất và rèn luyện sức khỏe sau giờ học, nhà trường có sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân cầu lông, có Hội trường lớn với 350 chỗ ngồi; có sân khấu phục vụ các kỳ Hội diễn văn nghệ đảm bảo an toàn (*8.7.01-Hình ảnh hội trường, Sân khấu; 8.7.02-Hình ảnh các hoạt động văn hóa, thể thao của người học*).

Hàng năm, Đoàn Thanh niên duy trì các hoạt động tình nguyện tại chỗ, tình nguyện tại các địa phương với sự tham gia đông đảo và tích cực của học sinh, sinh nhà trường (*8.7.03-Các hình ảnh hoạt động của đội Thanh niên tình nguyện nhà trường năm học 2019-2020, 2020-2021*). Công Đoàn, Đoàn Thanh niên, Ban nữ công phát động các phong trào dành cho người học của Trường như kéo co, đá bóng, cắm hoa, nấu ăn; HSSV nhà trường tham gia các hoạt động của Tỉnh đoàn tổ chức như văn nghệ, cắm trại, thi đấu thể dục thể thao và đạt nhiều thành tích cao (*8.7.04-Kế hoạch tổ chức các hoạt động của Công Đoàn, Đoàn thanh niên nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-*

2021; 8.7.05-Các hình ảnh hoạt động của các phong trào năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 8.7.06-Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên).

Nhà trường tăng cường phối hợp chặt chẽ với chính quyền, công an địa phương đảm bảo an ninh, trật tự trường học, phòng chống âm mưu kích động, lôi kéo HSSV tham gia vào các hoạt động vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, tuyên truyền giáo dục và phối hợp ngăn chặn tình trạng đánh nhau ở trong và ngoài trường học. Chủ động đề xuất và thực hiện các giải pháp xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực.

Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch phối hợp với công an địa phương trong công tác đảm bảo an ninh trật tự, trường học theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT/BCA-BGDĐT ngày 28/8/2015; phối hợp với chính quyền địa phương, chủ các nhà trọ nơi trường đóng xây dựng mô hình quản lý HSSV ngoại trú thông qua sổ liên hệ nhằm đảm bảo giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhất là trong quan hệ giữa HSSV của trường với nhân dân địa phương. Vào đầu mỗi năm học, nhà trường tổ chức đối thoại với chính quyền địa phương và chủ nhà trọ khu vực trường đóng để tiếp tục triển khai và thực hiện tốt công tác quản lý HSSV ngoại trú (*8.7.07-Sổ nội ngoại trú; 8.7.08-Kế hoạch về đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường và phòng chống cháy nổ năm 2018; 8.7.09-Kế hoạch bảo vệ an ninh trật tự trường học năm 2018,2019,2020; 8.7.10-Chương trình ký kết liên tịch giữa công an xã với trường học trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông năm 2018; 8.7.11-Bản cam kết phối hợp thực hiện công tác đảm bảo an toàn giao thông, an ninh trật tự trong nhà trường năm 2018, 2019,2020; 8.7.12-Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện quy chế phối hợp giữa Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định với công an xã Liên Bảo trong việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học trong 3 năm thực hiện).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp được thành lập từ tháng 8 năm 2017 với chức năng tổ chức triển khai thực hiện và quản lý các hoạt động

quan hệ với doanh nghiệp, công tác thông tin tư vấn hướng nghiệp, các hoạt động nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, giúp học sinh, sinh viên tiếp cận và hội nhập nhanh với doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu xã hội (*8.8.01-Quyết định số 763 ngày 17 tháng 8 năm 2017 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp*).

Hợp tác đào tạo giữa Nhà trường và doanh nghiệp là xu hướng tất yếu, mang lại lợi ích lâu dài cho các bên tham gia. Thông qua hợp tác với Nhà trường, ngoài việc giúp doanh nghiệp quảng bá tên tuổi, thương hiệu, cơ hội tuyển chọn được nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh. Thông qua việc tổ chức đào tạo cho người lao động tại các doanh nghiệp, thông qua các chương trình thực tập tại doanh nghiệp, Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp thực sự là cầu nối giữa nhà trường và doanh nghiệp.

Hàng năm, có rất nhiều các doanh nghiệp uy tín trong và ngoài tỉnh đến liên hệ và tham gia tư vấn tuyển dụng việc làm cho sinh viên của Nhà trường ngay khi sinh viên còn đang học. Trung tâm kết hợp với các doanh nghiệp tổ chức các buổi gặp gỡ, tư vấn định hướng lựa chọn nghề nghiệp cho sinh viên phù hợp với ngành nghề các em đang theo học tại trường (*8.8.02-Kế hoạch tư vấn việc làm cho người học năm 2018, 2019, 2020; 8.8.03-Hình ảnh các buổi tư vấn việc làm cho HSSV*). Nhà trường cũng giữ mối liên hệ thường xuyên với các Doanh nghiệp, đơn vị có nhu cầu tuyển dụng nhân sự để thông báo về tiến độ tốt nghiệp của học sinh, sinh viên, cũng như nhận các thông báo tuyển dụng hàng năm từ công ty, niêm yết các thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp tại bảng tin của nhà trường, đưa thông tin tuyển dụng của doanh nghiệp tới các khoa chuyên ngành để thông báo tới các HSSV (*1.1.06-Thông báo tuyển dụng của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020*).

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo của Nhà trường, Trung tâm đã chủ động liên hệ và lựa chọn những doanh nghiệp có điều kiện tốt nhất cho các cán bộ giảng viên, học sinh, sinh viên của Nhà trường tham quan thực tế, trao đổi kinh nghiệm nhằm tạo cơ hội cho các em tiếp cận thực tế môi trường làm việc tại doanh nghiệp, giúp các em hiểu được mô hình tổ chức hoạt động của công ty, định hướng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên mới và sinh viên sau khi tốt nghiệp (*8.8.04-Kế hoạch tham quan Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020; 8.8.05-Hình ảnh HSSV của Trường tham quan tại Doanh nghiệp*).

Bên cạnh đó các em sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp ra trường cũng được tham gia trải nghiệm thực tế (thực tập nghề nghiệp) tại các doanh nghiệp đó. Hầu hết các Doanh nghiệp tiếp nhận sinh viên của Nhà trường đến thực tập là những doanh nghiệp đã có mối quan hệ hợp tác lâu dài với Nhà trường như Công ty CP May Nam Hà, Công ty CP May Sông Hồng, Công ty TNHH Sam Sung....*(2.7.03-Thỏa thuận/Hợp đồng thực tập, thực hành với các đơn vị sử dụng lao động năm 2018, 2019, 2020)*. Các doanh nghiệp đánh giá rất cao về ý thức thực tập của các em và hiệu quả công việc. Riêng đối với các học sinh, sinh viên của Nhà trường được thực tập nghề được học các kỹ năng làm việc hiệu quả, thậm chí nhiều doanh nghiệp đã trả lương cho sinh viên ngay trong quá trình thực tập. Về phía doanh nghiệp đã lựa chọn, tuyển dụng được nguồn lao động có trình độ tay nghề cao cùng kỹ năng làm việc và khả năng thích ứng nhanh với các vị trí làm việc. Từ đó cho thấy, chất lượng đào tạo của Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định ngày càng được nâng cao và đáp ứng được nhu cầu của xã hội *(8.8.06-Báo cáo kết quả hoạt động tư vấn việc làm cho HSSV của Trường năm 2018, 2019, 2020)*.

Trong những năm qua, Nhà trường cũng hợp tác, liên kết với các trường đại học: Trường Đại học Gyeongju (Hàn Quốc) và trường Đại học Shu-Te, Trường Đại học Khoa học và công nghệ Long Hoa (Đài Loan) để hợp tác trao đổi học giả, chuyên gia, sinh viên, thực tập sinh và chương trình đào tạo giữa 2 trường, tạo điều kiện cho các em sinh viên của Nhà trường có cơ hội đi du học tại Hàn Quốc và Đài Loan. Bên cạnh đó có rất nhiều đơn vị, tổ chức có đủ tư cách pháp nhân về làm công tác tuyển sinh, tư vấn du học và xuất khẩu lao động cho học sinh, sinh viên đang học tại Trường như Công ty Cổ phần Naruko, Công ty Cổ phần quốc tế Đông A... Điều kiện và vị trí tuyển dụng của các đơn hàng được lựa chọn sao cho phù hợp với ngành nghề các em học sinh sinh viên đang theo học, tạo ra nhiều cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp *(8.8.07-Thông báo tuyển dụng của các đơn vị tư vấn du học xuất khẩu lao động năm 2018, 2019, 2020)*

Trong năm học 2021–2022 và những năm tiếp theo, Nhà trường tiếp tục tăng cường tổ chức các hoạt động giao lưu, kết nối giữa Doanh nghiệp, cựu học sinh với HSSV để mở ra nhiều cơ hội lựa chọn nghề nghiệp cho HSSV của nhà trường.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.9: Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, để tạo điều kiện cho các học sinh, sinh viên cuối khóa có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với các nhà tuyển dụng, có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp, Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp phối hợp với các đơn vị tuyển dụng tổ chức ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp **(8.9.01-Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm năm 2018, 2019, 2020)**. Trung tâm đã lựa chọn những doanh nghiệp uy tín, có nhu cầu tuyển dụng các vị trí việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo của nhà trường tham gia vào ngày hội việc làm **(8.9.02-Danh sách các nhà tuyển dụng tham gia ngày hội việc làm năm 2018, 2019, 2020; 8.9.03-Hình ảnh tổ chức Ngày hội việc làm)**. Thời gian tổ chức thường vào đợt sau khi sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp trở về. Thông qua ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp, sinh viên của Nhà trường có nhiều cơ hội lựa chọn vị trí việc làm phù hợp với ngành nghề được học, các doanh nghiệp cũng tuyển dụng được những ứng viên có năng lực, phù hợp với yêu cầu công việc.

Bên cạnh đó việc đánh giá thường xuyên kết quả ngày hội việc làm, kết nối người học với các đơn vị tuyển dụng thông qua việc lấy ý kiến người học đã tốt nghiệp đi làm giúp cho Nhà trường thu thập được những thông tin giá trị làm cơ sở để đánh giá hiệu quả của công tác tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp **(8.9.04-Báo cáo kết quả tổ chức ngày hội việc làm năm 2018, 2019, 2020; 8.9.05-Phiếu khảo sát ý kiến của người học, người tốt nghiệp đã đi làm năm 2018, 2019, 2020)**.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 8: 1 điểm

3.2.9. Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng.

Đánh giá tổng quát tiêu chí 9

Mở đầu

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định luôn coi trọng việc đánh giá và giám sát chất lượng giáo dục nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng tốt nguồn nhân lực cho xã hội. Hàng năm nhà trường tổ chức lấy ý kiến đánh giá từ các doanh nghiệp trong và

ngoài tỉnh đang sử dụng lao động tốt nghiệp từ nhà trường qua việc thực hiện khảo sát doanh nghiệp.

Nhà trường cũng tiến hành thu thập ý kiến đánh giá cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng thực hiện việc thu thập ý kiến đánh giá người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường. Nhà trường lập kế hoạch lần vết đối với HSSV đã tốt nghiệp để tìm hiểu thêm các thông tin về việc làm sau tốt nghiệp.

*** Những điểm mạnh:**

Nhà trường có mối liên kết chặt chẽ với nhiều doanh nghiệp là điều kiện thuận lợi để thực hiện công tác khảo sát, thu thập thông tin về thị trường lao động làm cơ sở cho việc đánh giá, dự báo nhu cầu của thị trường lao động, nhu cầu đào tạo và người sử dụng lao động từ đó phục vụ tốt cho công tác giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp tại Nhà trường.

*** Những tồn tại:**

Số lượng doanh nghiệp tham gia đóng góp, xây dựng chương trình, giáo trình chỉ mới giới hạn trong một số doanh nghiệp có quan hệ mật thiết với trường.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, kiểm định chất lượng hằng năm, Ban giám hiệu nhà trường sẽ có những chiến lược phát triển mới nhằm phát huy tính tích cực, khắc phục những hạn chế để cải thiện nâng cao chất lượng đào tạo.

Ngoài ra, Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đồng thời mở rộng thêm các mối quan hệ với nhiều doanh nghiệp khác có sử dụng lao động là nguồn nhân lực nhà trường đào tạo nhằm tạo điều kiện tốt cho công tác dự báo nhu cầu sử dụng lao động đối với từng ngành nghề, giúp HSSV ra trường có việc làm theo đúng ngành nghề được đào tạo ngay trên mảnh đất quê hương.

Điểm đánh giá tiêu chí 9

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 9	6
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chuẩn 9.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường đã tiến hành khảo sát, lấy ý kiến đánh giá nhận xét của các doanh nghiệp có liên kết đào tạo và tiếp nhận sử dụng lao động là HSSV của trường thông qua hình thức phát phiếu khảo sát nhằm đánh giá chất lượng về mức độ đáp ứng trong công việc của HSSV nhà trường sau khi tốt nghiệp (***9.1.01-Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động) năm 2018, 2019, 2020; 9.1.02-Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến năm 2018, 2019, 2020; 9.1.03-Phiếu khảo sát ý kiến của đơn vị sử dụng lao động năm 2018, 2019, 2020).***

Qua kết quả lấy ý kiến đánh giá của các đơn vị sử dụng lao động, hầu hết các Doanh nghiệp đều hài lòng về chất lượng đào tạo của HSSV nhà trường. Số lượng doanh nghiệp được khảo sát là 17 doanh nghiệp (năm 2018), 19 doanh nghiệp (năm 2019), 19 doanh nghiệp (năm 2020) với tổng số lượng cựu HSSV đang làm việc tại các doanh nghiệp đó là 105 HSSV. Các doanh nghiệp này đóng trên địa bàn các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Hà Nam, Ninh Bình. Các doanh nghiệp đánh giá rất cao về ý thức thực tập, làm việc của các em và hiệu quả công việc. Qua đó các Doanh nghiệp cũng đã lựa chọn, tuyển dụng được nguồn lao động có trình độ tay nghề cao cùng kỹ năng làm việc và khả năng thích ứng nhanh với các vị trí làm việc (***9.1.04 - Báo cáo kết quả thu thập ý kiến năm 2018, 2019, 2020).***

Trên cơ sở đó nhà trường có những kế hoạch điều chỉnh phương pháp đào tạo trong nhà trường. Tăng cường các hoạt động thực hành theo nhóm. Đưa các em học sinh, sinh viên tham gia thực tập, trải nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nhiều hơn để các em tiếp cận, hiểu được môi trường làm việc thực tế liên quan đến ngành nghề được đào tạo trong nhà trường.

Việc hợp tác đào tạo giữa Nhà trường và doanh nghiệp là xu hướng tất yếu, mang lại lợi ích lâu dài cho các bên tham gia. Thông qua hợp tác với Nhà trường, ngoài việc giúp doanh nghiệp quảng bá tên tuổi, thương hiệu, cơ hội tuyển chọn được nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh, chất lượng đào tạo của Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định cũng ngày càng được nâng cao và đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Sau khi xây dựng xong bộ phiếu thu thập ý kiến từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động, Nhà trường đã lập kế hoạch thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động (**9.2.01-Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý các năm 2018, 2019, 2020; 9.2.02-Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020; 9.2.03-Phiếu khảo sát ý kiến của cán bộ quản lý các năm 2018, 2019, 2020; 9.2.04-Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020**).

Phòng QLKH & ĐBCL tiến hành phát phiếu đến 6 khoa, 7 phòng và 2 trung tâm để lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ

quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Trong đợt khảo sát các năm, phòng đều lấy ý kiến của 20/20 cán bộ quản lý. Đối với nhà giáo, viên chức và người lao động thì số lượng người được khảo sát mỗi năm là 100/174 năm 2018, 100/158 năm 2019 và 100/148 năm 2020 (**9.2.05-Danh sách cán bộ quản lý tham gia khảo sát các năm 2018, 2019, 2020; 9.2.06-Danh sách nhà giáo, viên chức và người lao động tham gia khảo sát các năm 2018, 2019, 2020**).

Qua khảo sát, thu thập ý kiến đánh giá cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động, phòng QLKH&ĐBCL tổng hợp kết quả khảo sát và báo cáo kết quả cho Ban giám hiệu để kịp thời điều chỉnh những mặt hạn chế từ đó xây dựng phương hướng phát triển nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo tại trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định (**9.2.07-Báo cáo kết quả khảo sát cán bộ quản lý các năm 2018, 2019, 2020; 9.2.08-Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020**).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 9: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 9.3: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng phục vụ người học trong nhà, hàng năm, nhà trường luôn triển khai hoạt động lấy ý kiến người học nhằm đánh giá chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học (**9.3.01- Kế hoạch thu thập ý kiến người học, danh sách người học được thu thập ý kiến qua các năm 2018, 2019, 2020**).

Việc khảo sát được thực hiện dưới hình thức phát phiếu trực tiếp tại các lớp học đối với từng ngành học. Trong năm 2018, nhà trường đã thu thập được 871 ý kiến của HSSV trên tổng số 2492 HSSV, chiếm tỉ lệ 34,96%. Năm 2019, số lượng HSSV được lấy ý kiến là 656/1588 chiếm tỉ lệ 41,3%. Trong năm 2020, nhà trường tiếp tục lấy ý kiến của 586/1596 chiếm tỉ lệ 35,5% (**9.3.02-Bộ phiếu thu thập ý kiến người học; 9.3.03-Danh sách người học được lấy ý kiến các năm 2018, 2019, 2020**).

Ngoài ra việc thu thập ý kiến còn được thực hiện bởi nhiều kênh khác nhau: các buổi sinh hoạt lớp theo tháng, theo kỳ hoặc đầu năm học. Đặc biệt, trong quá trình học, sẽ có buổi đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với HSSV, khoa chuyên môn với HSSV để lãnh đạo trường, khoa có thể nhận được các phản hồi từ HSSV về Nhà trường. Hoặc HSSV cũng có thể đóng góp ý kiến trực tiếp tại phòng Công tác HSSV,... *(8.3.02-Kế hoạch đối thoại giữa học sinh sinh viên với Hiệu trưởng nhà trường năm 2018,2019,2020; 8.3.03-Bảng câu hỏi đối thoại giữa học sinh sinh viên với Hiệu trưởng nhà trường năm 2018,2019,2020; 8.3.04-Biên bản buổi đối thoại giữa HSSV với lãnh đạo nhà trường năm 2018,2019,2020; 8.3.05-Hình ảnh buổi đối thoại).*

Dựa trên kết quả khảo sát lấy ý kiến của người học qua phát phiếu, phòng QLKH&ĐBCL sẽ tổng hợp báo cáo Ban giám hiệu Nhà trường. Với nhiều kênh thông tin khác nhau, nhà trường sẽ có những điều chỉnh phù hợp, kịp thời các hoạt động liên quan đến người học, đảm bảo quyền lợi của người học *(9.3.04-Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến người học qua các năm 2018, 2019, 2020).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 9: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và đánh giá chất lượng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TĐ&XH về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường trung cấp, trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 08/06/2017 của Bộ LĐ-TĐ&XH. Hàng năm, Trường cao đẳng Công nghiệp Nam Định xây dựng kế hoạch tự đánh giá cơ sở GDNN theo đúng tinh thần thông tư 15, thông tư 28 của Bộ LĐTB-XH đã quy định *(9.4.01-Kế hoạch tự đánh giá chất lượng trường năm 2018, 2019, 2020; 9.4.02-Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá năm 2018, 2019, 2020).*

Và để giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá của Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, Chủ tịch Hội Đồng tự đánh giá đã ban hành quyết định thành lập ban thư ký, các nhóm chuyên trách giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá *(9.4.03-Quyết định về việc thành lập ban thư ký, các nhóm chuyên trách phục vụ Hội đồng tự đánh giá năm 2020).*

Sau khi được duyệt, nhà trường công bố công khai nội dung báo cáo trên website <http://cnd.edu.vn/V%C4%83nB%E1%BA%A3nBi%E1%BB%83uM%E1%BA%ABu>

mục văn bản công khai của nhà trường để cán bộ, viên chức, người học đều biết (**9.4.04–Quyết định ban hành báo cáo tự đánh giá trường các năm 2018, 2019, 2020; 9.4.05–Báo cáo tự đánh giá trường các năm 2018, 2019, 2020; 9.4.06–Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo nghề may thời trang trình độ cao đẳng năm 2020**).

Từ năm 2018 đến 2020, nhà trường đều thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo đối với các nghề trọng điểm. Cả 5 nghề trọng điểm hiện tại của nhà trường đều được đánh giá đạt (**9.4.06–Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo nghề may thời trang trình độ cao đẳng năm 2020**). Năm 2021, nhà trường đã triển khai tự đánh giá các nghề trọng điểm và dự kiến đánh giá ngoài 01 nghề May thời trang trình độ Cao đẳng.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 9: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 9.5: Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Dựa trên kết quả báo cáo tự đánh giá hàng năm, lãnh đạo trường sẽ có những biện pháp, chính sách cải tiến nhằm nâng cao chất lượng Nhà trường nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại còn mắc phải để đảm bảo giải quyết được những hạn chế đó trong năm học tiếp theo (**9.4.05–Báo cáo tự đánh giá trường các năm 2018, 2019, 2020**).

Trên cơ sở báo cáo tự kiểm định chất lượng cơ sở GDNN hàng năm của trường, phòng QLKH&ĐBCL xây dựng kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo hàng năm (**9.5.01–Kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng năm 2018, 2019, 2020**). Từ đó khắc phục những mặt còn hạn chế, chưa đạt và tiếp tục phát huy hơn nữa các mặt đã đạt, có thành tích. Cuối mỗi năm, phòng sẽ báo cáo kết quả đạt được với lãnh đạo trường về việc thực hiện kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng trong năm vừa qua (**9.5.02–Báo cáo kết quả đạt được của kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng năm 2018, 2019, 2020**).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 9: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỉ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong những năm gần đây việc khảo sát đối với học sinh, sinh viên tốt nghiệp đã được Nhà trường chú trọng. Quá trình khảo sát nhằm cung cấp các thông tin có giá trị về khả năng tham gia thị trường lao động của học sinh sinh viên sau khi tốt nghiệp; Đánh giá mức độ phù hợp giữa chương trình đào tạo, các kiến thức, kỹ năng cũng như các tiêu chuẩn về hành vi, thái độ, các phẩm chất khác được trang bị cho học sinh sinh viên với yêu cầu của người sử dụng lao động; Cung cấp thông tin để Nhà trường điều chỉnh phương thức, kế hoạch, chương trình đào tạo: Hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo chuẩn đầu ra; hoàn thiện tài liệu, phương tiện giảng dạy; cung cấp thông tin phục vụ việc hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho HSSV; thực hiện các chương trình hợp tác giữa Nhà trường với các đơn vị sử dụng HSSV tốt nghiệp...

Hàng năm, căn cứ vào danh sách người học đã tốt nghiệp ***(9.6.01-Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020, 6 tháng đầu năm 2021)***, nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến của học sinh, sinh viên tốt nghiệp đã đi làm để điều tra về khả năng tìm việc làm phù hợp với chuyên ngành được đào tạo tại trường. Đợt khảo sát thường được tiến hành trong khoảng thời gian từ 3 đến 6 tháng sau khi HSSV tốt nghiệp. Việc điều tra khảo sát được tiến hành bằng nhiều hình thức khác nhau như phát phiếu khảo sát, gọi điện thoại, zalo, facebook, qua giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập ***(9.6.02-Kế hoạch điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm năm 2018, 2019, 2020, 6 tháng đầu năm 2021; 9.6.03-Phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến và danh sách điện thoại liên hệ năm 2018, 2019, 2020, 2021; 9.6.04-Báo cáo kết quả điều tra lần vết về năm 2018, 2019, 2020, 6 tháng đầu năm 2021)***.

Năm 2018, nhà trường thực hiện điều tra khảo sát 939/939 HSSV tốt nghiệp. Số HSSV trả lời khảo sát là 548 (đạt tỷ lệ 58,4%), trong đó số HSSV có việc làm là 517/548 (chiếm tỷ lệ 94.3%), tỷ lệ HSSV có việc làm phù hợp với nghề/chuyên ngành được đào tạo trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp là 471/517 (đạt tỷ lệ 91,1%).

Bảng 1: Kết quả khảo sát tình hình việc làm của HSSV tốt nghiệp năm 2018

Bậc đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Có phù hợp		Không phù hợp	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Cao đẳng	Kế toán	10	90,9%	1	9,1%
	CNKT điện, điện tử	23	88,5%	3	11,5%
	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	8	88,9%	1	11,1%
	Công nghệ kỹ thuật ô tô	8	100%	-	-
	CNKT cơ điện tử	5	100%	-	-
	CNKT điều khiển và TĐH	2	100%	-	-
	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7	100%	-	-
	Công nghệ may	78	100%	-	-
	Thiết kế thời trang	6	100%	-	-
	Công nghệ thông tin	1	100%	-	-
Trung cấp	Công nghệ may và thời trang	79	87,8%	11	12,2%
	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	17	89,5%	2	10,5%
	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	5	100%	-	-
	CNKT điện, điện tử	6	100%	-	-
	Điện công nghiệp và dân dụng	61	87,1%	9	12,9%
	Hệ thống thông tin văn phòng	75	88,2%	10	11,8%
	Kế toán doanh nghiệp	45	88,2%	6	11,8%
	Hàn	15	88,2%	2	11,8%
Sửa chữa TBM	20	95,2%	1	4,8%	
	Tổng cộng	471	91,1%	46	8,9%

Năm 2019, nhà trường thực hiện điều tra khảo sát 1203/1203 HSSV tốt nghiệp. Số HSSV trả lời khảo sát là 665 (đạt tỷ lệ 55,3%), trong đó số HSSV có việc làm là

621/665 (chiếm tỷ lệ 93,4%), tỷ lệ HSSV có việc làm phù hợp với nghề/chuyên ngành được đào tạo trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp là 570/621 (đạt tỷ lệ 91,8%)

Bảng 2: Kết quả khảo sát tình hình việc làm của HSSV tốt nghiệp năm 2019

Bậc đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Có phù hợp		Không phù hợp	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Cao đẳng	Kế toán	8	100%	-	-
	CNKT điện, điện tử	18	100%	-	-
	CNKT điện tử truyền thông	1	100%	-	-
	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	9	100%	-	-
	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7	100%	-	-
	CNKT điều khiển và TĐH	2	100%	-	-
	Điện công nghiệp	7	100%	-	-
	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7	100%	-	-
	Công nghệ may	55	100%	-	-
	Thiết kế thời trang	10	100%	-	-
	Công nghệ thông tin	1	100%	-	-
Trung cấp	Công nghệ may và thời trang	72	100%	-	-
	May thời trang	72	83,7%	14	16,3%
	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	8	80%	2	20,0%
	Điện công nghiệp và dân dụng	34	85%	6	15,0%
	Điện tử CN và dân dụng	37	86%	6	14,0%
	Điện công nghiệp	31	91,2%	3	8,8%
	Hệ thống thông tin văn phòng	60	88,2%	8	11,8%
	Tin văn phòng	33	89,4%	4	10,8%
	Hàn	33	91,7%	3	8,3%
	Kinh doanh TM và DV	40	88,9%	5	11,1%
	Sửa chữa TBM	13	100%	-	-
	Kế toán doanh nghiệp	12	100%	-	-
	Tổng cộng		570	91,8%	51

Năm 2020, nhà trường thực hiện điều tra khảo sát 662/662 HSSV tốt nghiệp. Số HSSV trả lời khảo sát là 412 (đạt tỷ lệ 62,2%), trong đó số HSSV có việc làm là 375/412 (chiếm tỷ lệ 91%), tỷ lệ HSSV có việc làm phù hợp với nghề/chuyên ngành được đào tạo trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp là 338/375 (đạt tỷ lệ 95,5%)

Bảng 3: Kết quả khảo sát tình hình việc làm của HSSV tốt nghiệp năm 2020

Bậc đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Có phù hợp		Không phù hợp	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Cao đẳng	Kế toán	9	100%	-	-
	CNKT điện, điện tử	2	100%	-	-
	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	12	100%	-	-
	Công nghệ ô tô	10	100%	-	-
	Điện công nghiệp	17	81%	4	19%
	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7	100%	-	-
	Công nghệ may	2	100%	-	-
	Thiết kế thời trang	1	100%	-	-
	May thời trang	45	90%	5	10%
	Công nghệ thông tin	1	100%	-	-
	Cắt gọt kim loại	1	100%	-	-
	Trung cấp	Công nghệ may và thời trang	18	100%	-
May thời trang		55	100%	-	-
Công nghệ kỹ thuật nhiệt		24	88,9%	3	11,1%
Cắt gọt kim loại		5	100%	-	-
Điện công nghiệp và dân dụng		15	100%	-	-
Điện công nghiệp		29	96,7%	1	3,3%
Tin văn phòng		31	91,2%	3	8,8%
Hàn		13	92,9%	1	7,1%
Sửa chữa TBM		50	100%	-	-
Kế toán doanh nghiệp		11	100%	-	-
	Tổng cộng	338	95,5%	17	4,5%

Năm 2021, nhà trường thực hiện điều tra khảo sát đợt 1 với 491/491 HSSV tốt nghiệp trong khoảng 6 tháng đầu năm 2021. Số HSSV trả lời khảo sát là 332 (đạt tỷ lệ 67,6%), trong đó số HSSV có việc làm là 312/332 (chiếm tỷ lệ 94%), tỷ lệ HSSV có việc làm phù hợp với nghề/chuyên ngành được đào tạo trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp là 280/312 (đạt tỷ lệ 89,8%).

Bảng 4: Kết quả khảo sát tình hình việc làm HSSV tốt nghiệp 6 tháng đầu năm 2021

Bậc đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Có phù hợp		Không phù hợp	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Cao đẳng	Kế toán	9	100%	-	-
	Công nghệ kỹ thuật ô tô	10	100%	-	-
	Điện công nghiệp	12	100%	-	-
	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	10	90,9%	1	9,1%
	May thời trang	60	87%	9	13,0%
	Thiết kế thời trang	5	83,3%	1	16,7%
	Cắt gọt kim loại	12	92,3%	1	7,7%
Trung cấp	Điện công nghiệp	20	86,4%	3	13,6%
	Cắt gọt kim loại	5	100%	-	-
	May thời trang	30	83,3%	6	16,7%
	Công nghệ may và TT	22	88%	3	12,0%
	CNKT điện, điện tử	1	100%	-	-
	CNKT nhiệt	37	90,2%	4	9,8%
	Hàn	17	89,5%	2	10,5%
	Tin văn phòng	23	92%	2	8,0%
	Kế toán doanh nghiệp	7	100%	-	-
	Tổng cộng	280	89,7%	32	10,3%

Như vậy, nhà trường đáp ứng được yêu cầu có trên 80% tổng số HSSV tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành, nghề được đào tạo trong vòng 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 9: 1 điểm

PHẦN III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CỦA TRƯỜNG THEO ĐỊNH HƯỚNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CHẤT LƯỢNG CAO

Tập trung mọi nguồn lực để trở thành trường chất lượng cao trong hệ thống GDNN.

Phát triển quy mô đào tạo một cách hợp lý phù hợp với yêu cầu đòi hỏi nguồn nhân lực của xã hội. Phân đầu tuyển sinh hằng năm từ 2.000 - 2.500 HS-SV. Xây dựng, phát triển nội dung chương trình đào tạo tiên tiến đáp ứng với nhu cầu phát triển của nền kinh tế và xã hội.

Thực hiện triệt để phương pháp giảng dạy tích cực với phương châm “học đi đôi với hành, lí luận gắn với thực tiễn, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất”. Từng bước hiện đại hóa trang thiết bị giảng dạy, chương trình đào tạo tiên tiến; Ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng các công cụ dạy học hiện đại trong quá trình dạy và học. Sinh viên tốt nghiệp ra trường đảm bảo đúng theo chuẩn đầu ra được cam kết với người học và các tổ chức xã hội, có trình độ chuyên môn kỹ thuật giỏi, có đạo đức trong sáng, có lòng tự tôn tự hào dân tộc, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.

Đẩy mạnh công tác NCKH, gắn kết NCKH với đào tạo và phục vụ xã hội. Phân đầu hằng năm có 05 đề tài NCKH từ cấp cơ sở đến cấp bộ và bài báo về lĩnh vực đào tạo được đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước. Tạo điều kiện cho HSSV được tham gia NCKH.

Tăng cường công tác hợp tác quốc tế để hỗ trợ hoạt động đào tạo, chuyển giao khoa học - công nghệ, khai thác tối đa các lợi ích từ hợp tác quốc tế để phục vụ cho quá trình phát triển của nhà trường. Chủ động mở rộng hợp tác với các trường, các tổ chức trong và ngoài nước; đa dạng hóa loại hình và đa phương hóa đối tác, với tinh thần hỗ trợ công tác đào tạo và NCKH.

Xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy và quản lý tiên tiến. Đến năm 2021, đội ngũ giảng viên có trình độ thạc sỹ đạt 80%, 5% tiến sỹ, giáo viên kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 đạt 100%. Thực hiện bồi dưỡng kỹ năng thực hành nghề; bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học cho tất cả các giáo viên đặc biệt là giáo

viên giảng dạy các nghề trọng điểm đạt chuẩn theo chuẩn quy định của trường chất lượng cao.

Chú trọng việc bổ sung thêm kho sách, tài liệu tham khảo cho thư viện. Đầu tư xây dựng hệ thống thư viện điện tử và ứng dụng CNTT vào công tác quản lý điều hành hoạt động thư viện. Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư xây dựng để đảm bảo cơ sở vật chất, tăng cường trang thiết bị hiện đại phục vụ đào tạo.

Duy trì thường xuyên việc thực hiện và tổ chức đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động quản lý chất lượng, từ đó đề ra những giải pháp điều chỉnh, cải tiến hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của thực tế sản xuất.

Duy trì và mở rộng mối quan hệ hợp tác giữa nhà trường với doanh nghiệp trong tất cả các hoạt động đào tạo của trường.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định đề xuất Tổng cục giáo dục nghề nghiệp Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cho trường tham gia dự án giáo dục nghề nghiệp vốn chương trình mục tiêu quốc gia năm hỗ trợ kinh phí kiểm định chất lượng cơ sở GDNN và kiểm định chương trình đào tạo ngành, nghề trọng điểm quốc gia, khu vực đã được phê duyệt

Nhà nước đầu tư kinh phí để trang bị thêm máy móc, trang thiết bị cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo, để đáp ứng các tiêu chí trường chất lượng cao với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Nhà nước cần đưa ra các chính sách phân luồng phù hợp để thu hút học sinh tốt nghiệp phổ thông vào các trường đào tạo nghề học tập. Đặc biệt là công tác hướng nghiệp cho những học sinh có học lực trung bình sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở.

Nhà nước cần ban hành sớm chính sách ưu đãi, hỗ trợ cụ thể để khuyến khích các cơ sở GDNN đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN.

Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng về công tác tự đánh giá chất lượng và đánh giá ngoài cho cán bộ, giáo viên.

2. Kiến nghị

Về cơ bản nhà trường nhất trí với bản hướng dẫn đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN. Tuy nhiên cần làm rõ hơn một số vấn đề sau để các cơ sở dễ dàng thực hiện:

Đối với nhà giáo thỉnh giảng đến từ doanh nghiệp yêu cầu chứng chỉ Tin học, ngoại ngữ (tiếng Anh), đặc biệt là chứng chỉ sư phạm nghề là rất khó.

HSSV tốt nghiệp có trình độ ngoại ngữ tiếng Anh đạt A1(trung cấp) A2(cao đẳng) từ 70% trở lên là rất khó với mặt bằng chung của HSSV học nghề hiện nay.

Nam Định, ngày tháng năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Duy Phấn

PHỤ LỤC

1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng GDNN trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2021

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP
NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 121A/QĐ-CĐCNNĐ-QLKH&ĐBCL Nam Định, ngày 04 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2021

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng được quy định tại Điều lệ trường Cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/06/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học và Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định gồm các ông (bà) *(có danh sách kèm theo)*.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2021 theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Phòng QLKH&ĐBCL, Trưởng các đơn vị và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, phòng QLKH&ĐBCL

(Đã ký)

TS. Nguyễn Duy Phấn

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GDNN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH
(Kèm Quyết định số 121A/QĐ-CDCNNĐ-QLKH&ĐBCL ngày 04 tháng 3 năm 2021)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ trong Hội đồng
1	Nguyễn Duy Phần	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Bùi Tiến Dũng	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3	Hoàng Văn Chính	Trưởng phòng Quản lý khoa học và Đảm bảo chất lượng	Thư ký
4	Doãn Minh Toàn	Trưởng phòng TCHC	Ủy viên
5	Nguyễn Khả Toàn	Chủ tịch Công đoàn; P. Trưởng phòng TCHC	Ủy viên
6	Nguyễn T. Hồng Minh	Trưởng phòng CT HSSV - Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Ủy viên
7	Nguyễn Thị Lan	P. Trưởng phòng phụ trách phòng Đào tạo	Ủy viên
8	Nguyễn T. Thuý Nga	Kế toán trưởng - Trưởng phòng tài chính kế toán	Ủy viên
9	Trần Thị Thắm	P. Trưởng phòng phụ trách phòng Quản lý dự án	Ủy viên
10	Lê Sơn Hải	Trưởng phòng Quản trị vật tư	Ủy viên
11	Bùi Huy Tường	P. Trưởng khoa phụ trách khoa Cơ khí	Ủy viên
12	Phạm Hồng Phong	NGUT - Trưởng khoa Điện - Điện tử	Ủy viên
13	Nguyễn T. Hồng Châm	Trưởng khoa CN may & TKTT	Ủy viên
14	Trần Thị Thuý	Trưởng khoa CNTT	Ủy viên
15	Vũ Cao Hán	P. Trưởng khoa phụ trách khoa Khoa học cơ bản	Ủy viên
16	Nguyễn T. Thu Hiền	Trưởng khoa Kinh tế	Ủy viên
17	Phạm Khắc Chiến	P. Giám đốc phụ trách Trung tâm HTĐT&QHĐN	Ủy viên
18	Vũ Văn Minh	Giám đốc Trung tâm truyền thông – thư viện	Ủy viên
19	Bùi Thị Tiến	Chuyên viên phòng QLKH&ĐBCL	Ủy viên
20	Đoàn Tiến Dũng	Giám đốc Công ty CP may Nam Hà	Ủy viên
21	Trần Văn Duyên	P. Giám đốc Công ty Đóng tàu Sông Đào – Nam Định	Ủy viên

(Danh sách gồm có 21 thành viên)

2. Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2021

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP
NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143A/KH-CĐCNNĐ

Nam Định, ngày 16 tháng 03 năm 2021

KẾ HOẠCH

Tự kiểm định chất lượng Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2021

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của nhà trường và các điều kiện học tập của học sinh, giảng dạy của giáo viên so với bộ tiêu chí tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Phát hiện các điểm không còn phù hợp cần chỉnh sửa, bổ sung báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2020 qua đó giúp trường hoạch định Chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn và làm cơ sở báo cáo hàng năm với Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Nam Định.

Là điều kiện cần thiết cho việc kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp bắt buộc của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội để tiến tới đánh giá ngoài cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong năm 2021.

Giúp nhà trường tự rà soát, xem xét đánh giá thực trạng của mình, lập và triển khai các kế hoạch hành động cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp phù hợp với sứ mạng, chính sách và mục tiêu của nhà trường

2. Yêu cầu.

- Đảm bảo tính khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong trường.
- Đảm bảo đúng thời gian, nội dung theo kế hoạch.

II. NỘI DUNG

1. Tiến độ thực hiện.

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Dự kiến sản phẩm
Từ 08/3/2021 đến 19/3/2021	- Ra quyết định thành lập Hội đồng tự kiểm định chất lượng giáo dục	- Hiệu trưởng - Phòng	Kế hoạch tự đánh giá chất lượng năm

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Dự kiến sản phẩm
	ngành nghiệp Trường CĐCN Nam Định. - Lập kế hoạch tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.	QLKH&ĐBCL	học 2020-2021 và các Quyết định liên quan
Từ 22/3/2021 đến 30/6/2021	Thu thập minh chứng, kiểm tra, tổng hợp thông tin minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	Thành viên các phòng, khoa, trung tâm được giao nhiệm vụ	Các minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn
Từ 01/7/2021 đến 14/7/2021	Đánh giá mức độ đạt được từng tiêu chí, tiêu chuẩn; xác định điểm mạnh, tồn tại, nguyên nhân, kế hoạch nâng cao chất lượng	Các thành viên trong hội đồng phụ trách	Các tiêu chí, tiêu chuẩn đã được đánh giá
Từ 15/7/2021 đến 30/7/2021	Tổng hợp, chỉnh sửa nội dung dự thảo Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm học 2020-2021 của trường	Phòng QLKH&ĐBCL	Dự thảo báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng năm học 2020-2021
Từ 02/8/2021 đến 13/8/2021	Gửi Dự thảo báo cáo cho Hội đồng tự đánh giá, các đơn vị trong trường và tiếp nhận ý kiến phản hồi	Phòng QLKH&ĐBCL	Ý kiến phản hồi từ Hội đồng tự đánh giá và các đơn vị
Từ 16/8/2021 đến 23/8/2021	Chỉnh sửa báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản hồi (nếu cần)	Phòng QLKH&ĐBCL	Dự thảo báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng năm học 2020-2021
Từ 24/8/2021 đến 31/8/2021	Họp hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường để thông qua nội dung báo cáo và trình Hiệu trưởng phê duyệt báo cáo.	- Phòng QKH&ĐBCL - Hội đồng Tự đánh giá trường	Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng.
Từ 01/9/2021 đến 14/9/2021	Công bố báo cáo.	Phòng QLKH&ĐBCL	Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng.
Từ 15/9/2021 đến 30/9/2021	- In ấn và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN năm 2021 về Tổng cục GDNN, Sở LĐTĐXH Nam Định, Tổ chức kiểm định chất lượng GDNN.	Phòng QLKH&ĐBCL	Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng.
Từ 01/10/2021 đến 29/10/2021	Chuẩn bị và thực hiện đánh giá ngoài	Toàn trường	
Từ 01/11/2021 đến 30/11/2021	Công bố trên các phương tiện thông tin kết quả đánh giá ngoài	Toàn trường	

(Lưu ý: Minh chứng thu thập nhằm phục vụ tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN, trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2021 là những minh chứng tính đến thời điểm kết thúc học kỳ II năm học 2020-2021, ngày 30/6/2021)

2. Phân công thực hiện

TT	Đơn vị thực hiện	Tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách	Thành viên Hội đồng phụ trách viết nội dung báo cáo
1	Phòng Tổ chức hành chính (21 tiêu chuẩn)	1.1, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6, 1.12; 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, 3.5, 3.6, 3.7, 3.8, 3.9, 3.10, 3.11, 3.12, 3.13, 3.14, 3.15.	Doãn Minh Toàn
2	Phòng Đào tạo & các khoa chuyên môn (21 tiêu chuẩn)	1.2; 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5, 2.6, 2.7, 2.8, 2.9, 2.16, 2.17; 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5, 4.6, 4.7, 4.8,4.9.	Nguyễn Thị Lan
3	Phòng QLKH&ĐBCL & các khoa chuyên môn (24 tiêu chuẩn)	1.7, 1.8, 1.11; 2.10, 2.11, 2.12, 2.13, 2.14, 2.15; 4.10, 4.11, 4.12, 4.13, 4.14, 4.15; 6.1, 6.2, 6.3, 6.4, 6.5; 9.2, 9.3, 9.4, 9.5.	Hoàng Văn Chính
4	Phòng Công tác HSSV (7 tiêu chuẩn)	8.1, 8.2, 8.3, 8.4, 8.5, 8.6, 8.7.	Nguyễn T. Hồng Minh
5	Phòng Tài chính kế toán (6 tiêu chuẩn)	7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5, 7.6.	Nguyễn T. Thuý Nga
6	Phòng Xây dựng cơ bản (4 tiêu chuẩn)	5.1, 5.2, 5.3, 5.4.	Trần Thị Thắm
7	Phòng Quản trị vật tư (8 tiêu chuẩn)	5.5, 5.6, 5.7, 5.8, 5.9, 5.10, 5.11, 5.12.	Lê Sơn Hải
8	Trung tâm TT-TV (3 tiêu chuẩn)	5.13, 5.14, 5.15.	Vũ Văn Minh
9	Trung tâm HTĐT&QHĐN (4 tiêu chuẩn)	8.8, 8.9; 9.1, 9.6.	Phạm Khắc Chiến
10	Đảng ủy (1 tiêu chuẩn)	1.9	Nguyễn Khả Toàn
11	Công đoàn, Đoàn Thanh Niên (1 tiêu chuẩn)	1.10	Nguyễn Khả Toàn; Nguyễn T. Hồng Minh

Ghi chú: Các biểu mẫu báo cáo trong Phụ lục 03 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Dự trù kinh phí

- Chi họp Hội đồng tự đánh giá:

$21 \times 100.000\text{đ}/\text{người} \times 3 \text{ phiên} = 6.300.000 \text{ đồng}$

- Thu thập số liệu, mô tả, phân tích thông tin minh chứng, mã hóa các minh chứng, viết báo cáo các tiêu chuẩn của 09 tiêu chí:

$50.000\text{đ}/\text{tiêu chuẩn} \times 100 \text{ tiêu chuẩn} = 5.000.000 \text{ đồng}$

- Chi cho các cá nhân đi điều tra khảo sát thông tin (khảo sát nếu có):

$100.000\text{đ}/\text{loại} \times 20 \text{ phiếu} = 2.000.000 \text{ đồng}$

- Tổ thư ký (Phòng QLKH&ĐBCL) tổng hợp chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo

$100.000 \text{ đ} \times 05 \text{ người} = 500.000 \text{ đồng}$

TỔNG CỘNG: 13.800.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm ngàn đồng)

Riêng mục các cá nhân đi điều tra khảo sát thông tin chi theo thực tế theo phiếu có xác nhận của cơ quan đơn vị cung cấp thông tin.

4. Công cụ và quy trình tự đánh giá

4.1. Công cụ tự đánh giá

- Sử dụng bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Công văn 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, cao đẳng.

4.2. Quy trình tự đánh giá

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng được quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã Hội, cụ thể như sau:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
3. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
4. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng;
- Phân công các thành viên trong hội đồng chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thực hiện các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. Tổng hợp phân loại thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng. Thu thập bổ sung thông tin, minh chứng (nếu cần thiết).
- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng;
- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

5.2. Đối với Phòng QLKH&ĐBCL

- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng trình Hiệu trưởng phê duyệt;
- Hướng dẫn các đơn vị thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng; xác định các điểm mạnh, điểm tồn tại và nguyên nhân, kế hoạch nâng cao chất lượng trong từng tiêu chí, đồng thời mô tả, phân tích, nhận định các tiêu chuẩn, xác định thực trạng cho điểm tự đánh giá tiêu chuẩn.
- Tổng hợp và viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng của Trường theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03, Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 28/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng nhà trường gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng họp thông qua đồng thời đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
- Gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở LĐTBXH Nam Định, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đúng thời gian quy định và công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng lên các phương tiện thông tin đại chúng.

5.3. Đối với các đơn vị trực thuộc trường

- Tiến hành thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mỗi đơn vị theo phân công.
 - Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp có liên quan. Bên cạnh đó phân tích, chỉ rõ những điểm mạnh, những tồn tại và đề xuất kế hoạch nâng cao chất lượng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn của đơn vị mình phụ trách.
 - Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng cho các tiêu chí, tiêu chuẩn mà đơn vị phụ trách.- Triển khai các nhiệm vụ theo đúng tiến độ của Kế hoạch đã được Hiệu trưởng phê duyệt.
 - Mã hóa các thông tin minh chứng thu được.
- Sau khi hoàn thành các nội dung đã được phân công các thành viên hội đồng được phân công phụ trách nhiệm vụ viết nội dung báo cáo, nộp sản phẩm về phòng Quản lý khoa học và Đảm bảo chất lượng gồm: 01 bản cứng và 01 bản mềm./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Các đơn vị;
- Lưu: VT, QLKH&ĐBCL.

(Đã ký)

TS. Nguyễn Duy Phần

3. Bảng mã minh chứng

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		Quyết định của Bộ trưởng, Bộ GD & ĐT về việc thành lập Trường CĐCNND trên cơ sở Trường Trung học Công nghiệp II; Số 1339/QĐ-BGD&ĐT-TCCB, ngày 30/3/2005
2			1.1.02		Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định giai đoạn 2016 – 2020 và tầm nhìn 2025
3			1.1.03		Quyết định số 9712/QĐ-BCT ngày 19/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CĐCNND tạm thời số 1042a/QĐ-CĐCNND, ngày 17/11/2017; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CĐCNND số 761a/QĐ-CĐCNND, ngày 27/09/2019
4			1.1.04		Quyết định số 1769/QĐ-LĐTĐ ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt ngành, nghề trọng điểm
5			1.1.05		Báo cáo Tổng hợp thông tin nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn tỉnh Nam Định các năm 2018, 2019, 2020; Báo cáo Số 125/BC-TTĐVVL - Sở LĐTB&XH, Tổng hợp thông tin nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp, tổ chức Quý I năm 2021
6			1.1.06		Thông báo tuyển dụng của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020
7			1.1.07		Báo cáo kết quả điều tra việc làm của học sinh viên sau khi tốt nghiệp; Danh sách HSSV tốt nghiệp 2018, 2019, 2020
8			1.1.08		Địa chỉ trang web của nhà trường: www.cnd.edu.vn
9	1	2	1.2.01		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN
10				1.1.03	Quyết định số 9712/QĐ-BCT ngày 19/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CĐCNND tạm thời số 1042a/QĐ-CĐCNND, ngày 17/11/2017; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CĐCNND số 761a/QĐ-CĐCNND, ngày 27/09/2019.
11			1.2.02		Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
12				1.1.05	Báo cáo Tổng hợp thông tin nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn tỉnh Nam Định các năm 2018, 2019, 2020; Báo cáo Số 125/BC-TTĐVVL - Sở LĐTB&XH, Tổng hợp thông tin nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp, tổ chức Quý I năm 2021
13			1.2.03		Bảng tổng hợp tuyển sinh đối với từng ngành nghề so với nhu cầu thị trường lao động
14				1.1.06	Thông báo tuyển dụng của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020
15			1.2.04		Bảng tổng hợp chỉ tiêu tuyển sinh và số HS-SV thực tuyển
16			1.2.05		Công văn đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp
17			1.2.06		Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN
18	1	3		1.1.01	Quyết định của Bộ trưởng, Bộ GD & ĐT về việc thành lập Trường CĐCNND trên cơ sở Trường Trung học Công nghiệp II; Số 1339/QĐ-BGD&ĐT-TCCB, ngày 30/3/2005
19				1.1.03	Quyết định số 9712/QĐ-BCT ngày 19/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CĐCNND tạm thời số 1042a/QĐ-CĐCNND, ngày 17/11/2017; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CĐCNND số 761a/QĐ-CĐCNND, ngày 27/09/2019.
20			1.3.01		Qui chế chi tiêu nội bộ 2018, 2019, 2020
21			1.3.02		Hồ sơ: Quyết định chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị thành lập từ 2017 đến nay
22	1	4	1.4.01		Quyết định số 716/QĐ-CĐCNND ngày 11/09/2018, ban hành chức năng, nhiệm vụ phòng Quản trị Vật tư
23			1.4.02		Quyết định số 719/QĐ-CĐCNND ngày 12/09/2018, ban hành phân công nhiệm vụ Ban Giám hiệu; Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Nguyễn Duy Phấn
24			1.4.03		Quyết định số 349/QĐ-CĐCNND ngày 31/05/2018 về ban hành "Quy chế quy định về sử dụng phôi bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng của Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định"
25			1.4.04		Quyết định số 368a/QĐ-CĐCNND ngày 07/06/2019 điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 349/QĐ-CĐCNND ngày 31/05/2018 về ban hành "Quy chế quy định về sử dụng phôi bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng của Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định"

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
26			1.4.05		Biên bản Hội nghị giao ban tháng 9/2020
27			1.4.06		Quy định chức năng, nhiệm vụ phòng Xây dựng cơ bản;
28			1.4.07		Quyết định số 808/QĐ-CĐCNNĐ ngày 30/9/2020 quy định chức năng, nhiệm vụ phòng Quản lý dự án
29			1.4.08		Quyết định số 65/QĐ-CĐNNDĐ ngày 26/01/2020 ban hành quy định hỗ trợ kinh phí đối với giảng viên giảng dạy tại các cơ sở đào tạo liên kết ngoài trường
30			1.4.09		Thông báo số 879a ngày 30/10/2020 quy đổi giờ giảng dạy tại các cơ sở đào tạo liên kết ngoài trường
31				1.3.01	Qui chế chi tiêu nội bộ 2018, 2019, 2020
32			1.4.10		Quyết định số 238/QĐ-CĐCNNĐ ngày 01/06/2020 ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Tuyển sinh- Truyền thông - Thư viện; Quyết định số 1060/QĐ-CĐCNNĐ ngày 18/09/2016 ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Thông tin - Thư viện
33	1	5		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN
34				1.2.06	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN
35				1.3.02	Bộ QĐ chức năng nhiệm vụ các đơn vị từ 2017 đến nay
36				1.1.03	Quyết định số 9712/QĐ-BCT ngày 19/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CĐCNNĐ tạm thời số 1042a/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 17/11/2017; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CĐCNNĐ số 761a/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 27/09/2019.
37			1.5.01		Quyết định thành lập các lớp đào tạo theo năm học
38			1.5.02		Bảng tổng hợp phụ trách các ngành nghề, chức năng nhiệm vụ, quy mô đào tạo của các khoa
39	1	6	1.5.03		Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
40			1.5.04		Đề án vị trí việc làm được Bộ Công thương duyệt năm 2017
41			1.6.01		Hồ sơ thành lập Hội đồng trường
42			1.6.02		Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường
43			1.6.03		Quyết nghị của Hội đồng trường năm 2020, 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
44			1.6.04		Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn (Hội đồng khoa học và đào tạo, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng tuyển sinh, hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp, hội đồng nâng lương, hội đồng thi tốt nghiệp, hội đồng kiểm định)
45			1.6.05		Biên bản họp của các Hội đồng tư vấn hàng năm (Hội đồng khoa học và đào tạo, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng tuyển sinh, hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp, hội đồng nâng lương, hội đồng thi tốt nghiệp, hội đồng kiểm định)
46				1.1.03	Quyết định số 9712/QĐ-BCT ngày 19/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CĐCNND tạm thời số 1042a/QĐ-CĐCNND, ngày 17/11/2017; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CĐCNND số 761a/QĐ-CĐCNND, ngày 27/09/2019.
47			1.6.06		Kế hoạch tổ chức các hoạt động trong nhà trường (Kế hoạch tổ chức hướng dẫn lái xe an toàn năm 2019, Kế hoạch đón tiếp học sinh nhập học năm 2019, 2020, kế hoạch tổ chức hội nghị cán bộ, viên chức năm 2018, 2019, 2020, kế hoạch kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam năm học 2020 – 2021, kế hoạch giáo dục sức khỏe giới tính nữ HSSV năm học 2018-2019)
48			1.6.07		Quyết định sáp nhập, thành lập khoa, trung tâm, phòng
49			1.6.08		Quyết định và danh sách khen thưởng của tập thể và cá nhân năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
50			1.6.09		Kết quả xếp loại thi đua các đơn vị năm 2018, 2019, 2020
51			1.6.10		Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
52				1.6.08	Quyết định và danh sách khen thưởng của tập thể và cá nhân năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
53	1	7	1.7.01		Quyết định ban hành, áp dụng hệ thống tài liệu ISO 9001:2015 và Quyết định về việc sử dụng hệ thống các quy trình xây dựng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của nhà trường năm 2018
54			1.7.02		Kế hoạch xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng giai đoạn 2018-2020
55			1.7.03		Quyết định ban hành hệ thống Đảm bảo chất lượng trường
56			1.7.04		Bộ 30 quy trình vận hành theo hệ thống ĐBCL cơ sở GDNN.
57			1.7.05		Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
58			1.7.06		Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
59			1.7.07		Biểu mẫu các quy trình đang vận hành và văn bản lưu khi thực hiện các nhiệm vụ đã xây dựng quy trình.
60	1	8	1.8.01		Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ Phòng QLKH&ĐBCL
61			1.8.02		Danh sách các đồng chí thuộc phòng QLKH&ĐBCL qua các năm 2018, 2019, 2020
62			1.8.03		Phân công nhiệm vụ các thành viên trong phòng QLKH&ĐBCL các năm 2018, 2019, 2020;
63			1.8.04		Báo cáo kết quả công việc hàng tháng các thành viên trong phòng QLKH&ĐBCL;
64			1.8.05		Lịch thi kết thúc học kỳ I, II năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
65			1.8.06		Kế hoạch thi tốt nghiệp các lớp các năm 2018, 2019, 2020
66			1.8.07		Thông báo dự giờ giảng viên qua các năm 2018, 2019, 2020;
67			1.8.08		Thống kê kết quả nghiên cứu đề tài khoa học các cấp 3 năm 2018, 2019, 2020
68			1.8.09		Báo cáo hoạt động của phòng QLKH&ĐBCL các năm 2018, 2019,2020;
69			1.8.10		Danh hiệu đạt được qua các năm 2018, 2019, 2020 của phòng QLKH&ĐBCL và các thành viên trong phòng QLKH&ĐBCL các năm 2018, 2019, 2020
70	1	9	1.9.01		Quy chế tổ chức hoạt động của Đảng ủy nhiệm kỳ 2015-2020, 2020-2025; Quyết định về việc chuẩn y Ban chấp hành Đảng bộ trường CĐCNNĐ; Quyết định về việc chuẩn y chức danh cấp uỷ các Chi bộ
71			1.9.02		Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2015-2020
72			1.9.03		Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025
73			1.9.04		Các Nghị quyết chuyên đề của Đảng ủy
74			1.9.05		Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng các năm từ 2018 đến 2020
75			1.9.06		Kết quả đánh giá, xếp loại Chi bộ, đảng viên các năm 2018-2020
76			1.9.07		Kết quả đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở Đảng các năm 2018-2020 của Đảng bộ cấp trên
77	1	10	1.10.01		Quyết định chuẩn y Ban chấp hành Công đoàn trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định nhiệm kỳ 2017-2022
78			1.10.02		Quy chế hoạt động và phân công Ban chấp hành Công đoàn nhiệm kỳ 2017-2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
79			1.10.03		Biên nhận của các đơn vị được nhận quà từ thiện của Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định
80			1.10.04		Một số Kế hoạch hoạt động của Công đoàn trường trong các năm 2018-2020
81			1.10.05		Báo cáo tổng kết công tác Công đoàn các năm 2018-2020
82			1.10.06		Xếp loại, đánh giá đoàn viên công đoàn năm 2018-2020
83			1.10.07		Xếp loại Công đoàn cơ sở trong 3 năm 2018-2020 của Công đoàn cấp trên; Các Quyết định khen thưởng của tập thể, cá nhân các năm 2018-2020
84			1.10.08		Danh sách đoàn viên năm 2018, 2019, 2020
85			1.10.09		Các quyết định về việc chuẩn y kết quả đại hội Chi đoàn
86			1.10.10		Hướng dẫn thực hiện điều lệ Đoàn
87			1.10.11		Quy chế cán bộ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
88			1.10.12		Chức năng, nhiệm vụ của Đoàn TNCSHCM trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định
89			1.10.13		Kế hoạch hoạt động năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh nhà trường
90			1.10.14		Các thông báo, kế hoạch Đoàn TNCS Hồ Chí Minh nhà trường trong các năm 2018, 2019, 2020
91			1.10.15		Những hình ảnh của Đoàn thanh niên nhà trường
92			1.10.16		Các Quyết định khen thưởng của TNCS Hồ Chí Minh trường năm 2018 đến 2020.
93	1	11	1.11.01		Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân năm 2018,2019, 2020
94			1.11.02		Kế hoạch thanh tra, kiểm tra học kỳ I, II năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
95			1.11.03		Báo cáo kết quả công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ hàng tháng năm 2018, 2019, 2020
96			1.11.04		Biên bản kiểm tra thi kết thúc môn học, mô đun năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
97			1.11.05		Báo cáo kết quả tổ chức thi kết thúc học kỳ I, II năm học 2018- 2019; 2019- 2020; 2020-2021
98			1.11.06		Biên bản thanh tra tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019- 2020, 2020- 2021
99			1.11.07		Thông báo của Hiệu trưởng về việc củng cố và tăng cường công tác đào tạo tại trường năm học 2018- 2019, 2019- 2020, 2020- 2021
100			1.11.08		Thông báo về việc thanh tra thực hiện các quy định trong giảng dạy

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
101			1.11.09		Phiếu đánh giá giờ dạy của giảng viên
102			1.11.10		Biên bản làm việc của buổi dự giờ giảng viên
103			1.11.11		Báo cáo về việc kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển hệ Cao đẳng, trung cấp trong & ngoài trường năm 2018,2019,2020
104			1.11.12		Thông báo về việc thực hiện các quy định về quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ đào tạo
105			1.11.13		Biên bản làm việc về việc kiểm tra thực hiện các quy định về quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ
106			1.11.14		Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo kiểm kê năm 2018, 2019, 2020
107			1.11.15		Quyết định về việc thành lập tổ kiểm kê năm 2018, 2019, 2020
108			1.11.16		Kế hoạch kiểm kê năm 2018, 2019, 2020
109			1.11.17		Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản năm 2018, 2019, 2020
110			1.11.18		Biên bản giao ban các năm 2018, 2019, 2020
111			1.11.19		Báo cáo hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của trường năm 2018, 2019, 2020
112			1.11.20		Dự án Camera giám sát an ninh và quá trình hoạt động dạy và học của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam định
113				1.11.19	Báo cáo hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của trường năm 2018, 2019, 2020
114	1	12		1.3.01	Qui chế chi tiêu nội bộ 2018, 2019, 2020
115			1.12.01		Thông báo về việc thực hiện chế độ miễn giảm học phí cho HSSV trong các năm 2018, 2019, 2020; số 113/TB-CTHSSV, ngày 26/02/2019; Thông báo số 888/TB-CTHSSV, ngày 31/10/2019; Thông báo số 994/TB-CTHSSV, ngày 03/12/2020
116			1.12.02		Kế hoạch học tập đầu khóa của tân học sinh, sinh viên năm 2018, 2019, 2020
117			1.12.03		Quyết định công nhận sinh viên được hưởng học bổng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
118				1.3.01	Qui chế chi tiêu nội bộ 2018, 2019, 2020
119			1.12.04		Biên bản họp xét của Hội đồng xét học bổng
120			1.12.05		Sổ quỹ tiền mặt chi tiền học bổng năm 2018, 2019, 2020 & Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2018, 2019

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
121			1.12.06		Quyết định miễn giảm học phí cho học sinh, sinh viên năm 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
122			1.12.07		Quyết định thực hiện chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên năm 2020
123			1.12.08		Quyết định thành lập Hội đồng và biên bản xét của Hội đồng xét miễn giảm học phí năm 2018, 2019, 2020
124				1.12.05	Sổ quỹ tiền mặt chi tiền học bổng năm 2018, 2019, 2020 & Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2018, 2019
125				1.3.01	Qui chế chi tiêu nội bộ 2018, 2019, 2020
126			1.12.09		Quyết định v/v ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn số 561a/QĐ-CĐCNNĐ ngày 09/07/2018
127			1.12.10		Danh sách nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, danh sách nhà giáo hưởng phụ cấp ưu đãi nghề năm 2018, 2019, 2020
128				1.4.08	Quyết định số 65/QĐ-CĐNNĐ ngày 26/01/2020 ban hành quy định hỗ trợ kinh phí đối với giảng viên giảng dạy tại các cơ sở đào tạo liên kết ngoài trường
129			1.12.11		Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên tại Quyết định số 695/QĐ-CĐCNNĐ ngày 25/7/2017
130				1.3.01	Qui chế chi tiêu nội bộ 2018, 2019, 2020
131				1.12.05	Sổ quỹ tiền mặt chi tiền học bổng năm 2018, 2019, 2020 & Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2018, 2019
132			1.12.12		Các quyết định hỗ trợ kinh phí cho một số đối tượng năm 2018
133			1.12.13		Danh sách cán bộ nữ lãnh đạo năm 2018, 2019, 2020
134			1.12.14		Quyết định 379-QĐ/ĐUK chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ trường nhiệm kỳ 2015-2020
135				1.10.01	Quyết định chuẩn y Ban chấp hành Công đoàn trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định nhiệm kỳ 2017-2022
136			1.12.15		Kế hoạch giáo dục sức khỏe giới tính nữ học sinh, sinh viên; Kế hoạch tổ chức buổi nói chuyện chuyên đề
137			1.12.16		Báo cáo về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình năm 2018, 2019
138			1.12.17		Quyết định tham dự lớp tập huấn công tác cán bộ nữ năm 2020
139				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
140				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
141				1.5.04	Đề án vị trí việc làm được Bộ Công thương duyệt năm 2017
142	2	1		1.2.06	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN
143			2.1.01		Kế hoạch xây dựng và công bố chuẩn đầu ra năm 2018, 2019, 2020
144			2.1.02		Hội đồng thẩm định chương trình chuẩn đầu ra năm 2018, 2019, 2020
145			2.1.03		Biên bản thẩm định chương trình chuẩn đầu ra năm 2018, 2019, 2020
146			2.1.04		Quyết định ban hành chương trình đào tạo chuẩn đầu ra năm 2018, 2019, 2020
147				1.1.08	Địa chỉ trang web của nhà trường: www.cnd.edu.vn
148			2.1.05		Địa chỉ trang web chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
149			2.1.06		Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020;
150				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
151				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
152	2	2		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN
153			2.2.01		Quy chế tuyển sinh của Trường CĐCNĐ năm 2018, 2019, 2020, 2021
154	2	3	2.3.01		Biên bản họp hội đồng tổng kết tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020, 2021
155				1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN
156			2.3.02		Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020, 2021
157			2.3.03		Quyết định thành lập các tiểu ban tuyển sinh (Ban thư ký, Ban cơ sở vật chất, ban phúc tra) năm 2018, 2019, 2020, 2021
158				2.2.01	Quy chế tuyển sinh của Trường CĐCNĐ năm 2018, 2019, 2020, 2021
159			2.3.04		Thông báo tuyển sinh của trường năm 2018, 2019, 2020, 2021
160			2.3.05		Kế hoạch tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020, 2021 (phương án TS)
161			2.3.06		Hồ sơ đăng ký học nghề năm 2018, 2019, 2020, 2021
162			2.3.07		Biên bản họp hội đồng tuyển sinh xét trúng tuyển năm 2018, 2019, 2020, 2021 (Biên bản có kết luận những ngành/ngành Trường tiếp tục tuyển sinh năm tiếp theo)

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
163			2.3.08		Quyết định trúng tuyển năm 2018, 2019, 2020, 2021
164			2.3.09		Quyết định thành lập lớp năm 2018, 2019, 2020, 2021
165			2.3.10		Biên bản thanh kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020
166				1.2.02	Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020
167				2.1.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020;
168				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
169				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
170	2	4	2.4.01		Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng theo tín chỉ
171			2.4.02		Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế
172			2.4.03		Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
173				2.3.08	Quyết định trúng tuyển năm 2018, 2019, 2020, 2021
174				2.3.09	Quyết định thành lập lớp năm 2018, 2019, 2020, 2021
175				1.5.03	Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
176				2.1.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020;
177				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
178				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
179	2	5	2.5.01		Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018, 2019, 2020
180				2.3.09	Quyết định thành lập lớp năm 2018, 2019, 2020, 2021
181			2.5.02		Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm 2018, 2019, 2020;
182				2.4.03	Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
183				1.5.03	Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
184	2	6		2.5.02	Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm 2018, 2019, 2020;

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
185				2.4.03	Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
186				1.5.03	Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
187			2.6.01		Thời khoá biểu các học kỳ các năm 2018, 2019, 2020
188			2.6.02		Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy của giáo viên, Sổ tay giáo viên năm 2018, 2019, 2020;
189			2.6.03		Hồ sơ nhà giáo
190				1.11.07	Thông báo của Hiệu trưởng về việc củng cố và tăng cường công tác đào tạo tại trường năm học 2018- 2019, 2019- 2020, 2020- 2021
191				1.11.02	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra học kỳ I, II năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2022
192				1.11.03	Báo cáo kết quả công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ hàng tháng năm 2018, 2019, 2020
193			2.6.04		Thông báo thay đổi lịch học do tình hình dịch bệnh Covid 19
194			2.6.05		TKB dạy online
195				1.6.10	Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
196	2	7		2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018,2019,2020
197				2.4.03	Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
198				1.5.03	Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
199				2.6.01	Thời khoá biểu các học kỳ các năm 2018, 2019, 2020
200				2.6.02	Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy của giáo viên, Sổ tay giáo viên năm 2018, 2019, 2020;
201			2.7.01		Bản in các giáo trình đào tạo
202			2.7.02		Phương tiện/mô hình dạy học
203				2.4.03	Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
204			2.7.03		Thỏa thuận/hợp đồng thực tập, thực hành với các đơn vị sử dụng lao động năm 2018, 2019, 2020
205			2.7.04		Bảng thống kê danh mục các thỏa thuận/hợp đồng thực tập của tất cả các nghề đã bố trí cho HSSV đi thực tập các năm 2018, 2019, 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
206			2.7.05		Quyết định cử HSSV đi thực tập tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020;
207			2.7.06		Quyết định cử giáo viên hướng dẫn thực tập năm 2018, 2019, 2020;
208			2.7.07		Báo cáo thực tập của HSSV có nhận xét của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020;
209			2.7.08		Báo cáo kết quả thực tập của giáo viên giảng dạy năm 2018, 2019, 2020 (bảng điểm KQ thực tập)
210			2.7.09		Danh sách HSSV hoàn thành khóa thực tập năm 2018, 2019, 2020
211	2	8		2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018,2019,2020
212				2.6.02	Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy của giáo viên, Sổ tay giáo viên năm 2018, 2019, 2020;
213				2.7.02	Phương tiện/mô hình dạy học
214			2.8.01		Kết quả bài tập nhóm
215			2.8.02		Hệ thống các bài tập nhóm của giảng viên
216			2.8.03		Biên bản sinh hoạt chuyên môn các đơn vị năm 2018, 2019, 2020
217			2.8.04		Biên bản làm việc (về việc kiểm tra, dự giờ) năm 2018, 2019, 2020.
218			2.8.05		Phiếu đánh giá giờ dạy của giảng viên năm 2018, 2019, 2020
219				2.1.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020;
220				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
221	2	9	2.9.01		Bài giảng điện tử của giáo viên năm 2018, 2019, 2020; (power point)
222			2.9.02		Danh mục các phần mềm mô phỏng năm 2018, 2019, 2020;
223			2.9.03		Danh mục thiết bị, phương tiện dạy và học tại các phòng học chuyên môn năm 2018, 2019, 2020
224			2.9.04		Phần mềm quản lý đào tạo
225			2.9.05		Bảng thống kê các ngành/nghề, các mô đun môn học có sử dụng phần mềm
226			2.9.06		Danh sách hòm thư điện tử của cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Nhà trường
227				1.1.08	Địa chỉ trang web của nhà trường: www.cnd.edu.vn

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
228				2.1.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020;
229				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
230	2	10		1.11.02	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra học kỳ I, II năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
231			2.10.01		Nhật ký thanh tra
232				1.11.04	Biên bản kiểm tra thi kết thúc môn học, mô đun năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
233				1.11.08	Thông báo về việc thanh tra thực hiện các quy định trong giảng dạy
234				1.11.10	Biên bản làm việc của buổi dự giờ giảng viên
235			2.10.02		Thông báo thực hiện nghiệp vụ giảng dạy của phòng đào tạo;
236			2.10.03		Báo cáo kết quả thực hiện nghiệp vụ giảng dạy
237				1.11.03	Báo cáo kết quả công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ hàng tháng năm 2018, 2019, 2020
238			2.10.04		Báo cáo thi đua của đơn vị phòng Đào tạo năm 2018; 2019; 2020
239	2	11		1.11.02	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra học kỳ I, II năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
240				1.11.03	Báo cáo kết quả công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ hàng tháng năm 2018, 2019, 2020
241				1.11.07	Thông báo của Hiệu trưởng về việc củng cố và tăng cường công tác đào tạo tại trường năm học 2018- 2019, 2019- 2020, 2020- 2021
242				1.11.08	Thông báo về việc thanh tra thực hiện các quy định trong giảng dạy
243				1.11.09	Phiếu đánh giá giờ dạy của giảng viên
244				1.11.10	Biên bản làm việc
245			2.11.01		Biên bản họp giao ban hàng tháng năm 2018, 2019,2020
246			2.11.02		Biên bản họp của các khoa năm 2018, 2019, 2020
247				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
248				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
249	2	12		2.4.02	Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
250			2.12.01		Quy chế rèn luyện của HSSV năm 2018,2019,2020
251			2.12.02		Quyết định đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV
252				1.8.06	Kế hoạch thi tốt nghiệp các lớp các năm 2018, 2019, 2020
253			2.12.03		Các Quyết định thi tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020 gồm: Thành lập Hội đồng thi, các tiểu ban giúp việc cho hội đồng thi
254			2.12.04		Quyết định công nhận sinh viên đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp,
255				1.4.03	Quyết định số 349/QĐ-CĐCNDĐ ngày 31/05/2018 về ban hành "Quy chế quy định về sử dụng phôi bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng của Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định"
256			2.12.05		Phiếu đặt mua phôi bằng chứng chỉ
257			2.12.06		Hợp đồng kinh tế về việc mua phôi bằng chứng chỉ
258			2.12.07		Phiếu nhập kho phôi bằng tốt nghiệp năm 2018
259			2.12.08		Phiếu xuất kho phôi bằng phục vụ đào tạo
260			2.12.09		Sổ gốc cấp phát văn bằng tốt nghiệp hệ trung cấp, cao đẳng năm 2018, 2019,2020
261	2	13		2.7.03	Thỏa thuận/hợp đồng thực tập, thực hành với các đơn vị sử dụng lao động năm 2018, 2019, 2020
262				2.7.05	Quyết định cử HSSV đi thực tập tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020
263				2.7.07	Báo cáo thực tập của HSSV có nhận xét của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020
264				2.7.08	Báo cáo kết quả thực tập của giáo viên giảng dạy năm 2018, 2019, 2020 (bảng điểm KQ thực tập)
265				2.7.06	Quyết định cử giáo viên hướng dẫn thực tập năm 2018, 2019, 2020
266				2.12.03	Các Quyết định thi tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020 gồm: Thành lập Hội đồng thi, các tiểu ban giúp việc cho hội đồng thi
267			2.13.01		Biên bản chấm thi tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020
268	2	14		1.8.05	Lịch thi kết thúc học kỳ I, II năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
269			2.14.01		Biên bản bàn giao bài thi kết thúc học kỳ I, II năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
270			2.14.02		Sổ giao nhận bài thi của phòng QLKH&ĐBCL với giáo vụ các khoa học kỳ I, II năm học 2018-2019,2019-2020, 2020-2021
271			2.14.03		Sổ giao nhận bài thi của giáo vụ khoa với giáo viên học kỳ I, II năm học 2018, 2019, 2020
272			2.14.04		Báo cáo kết quả tổ chức thi kết thúc học kỳ I, II năm 2018, 2019, 2020
273				1.8.06	Kế hoạch thi tốt nghiệp các lớp các năm 2018, 2019, 2020
274			2.14.05		Biên bản họp xét điều kiện dự thi tốt nghiệp
275				2.12.03	Các Quyết định thi tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020 gồm: Thành lập Hội đồng thi, các tiểu ban giúp việc cho hội đồng thi
276			2.14.06		Danh sách cán bộ coi thi; Danh sách phân công coi thi tốt nghiệp
277			2.14.07		Biên bản bàn giao đề thi tốt nghiệp
278			2.14.08		Biên bản bàn giao bài thi tốt nghiệp
279			2.14.09		Báo cáo kết quả thanh, kiểm tra thi tốt nghiệp năm 2018,2019,2020
280			2.14.10		Tổng hợp kết quả thi tốt nghiệp
281			2.14.11		Biên bản họp xét và công nhận tốt nghiệp
282			2.14.12		Quyết định công nhận tốt nghiệp
283				2.12.09	Sổ gốc cấp phát văn bằng tốt nghiệp hệ trung cấp, cao đẳng năm 2018, 2019,2020
284				1.11.12	Thông báo về việc thực hiện các quy định về quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ đào tạo
285				1.11.13	Biên bản làm việc về việc kiểm tra thực hiện các quy định về quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ
286	2	15	2.15.01		Kế hoạch về việc rà soát quy chế đào tạo các năm
287				2.4.02	Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế
288			2.15.02		Kế hoạch tổ chức rà soát Quy chế quy định về sử dụng phôi bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng Tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng của trường Cao đẳng Công nghiệp nam định năm 2019

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
289			2.15.03		Báo cáo về việc tổ chức rà soát Quy chế quy định về sử dụng phôi bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng Tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2019
290				1.4.04	Quyết định số 368a/QĐ-CĐCNNĐ ngày 07/06/2019 điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 349/QĐ-CĐCNNĐ ngày 31/05/2018 về ban hành "Quy chế quy định về sử dụng phôi bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng của Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định"
291			2.15.04		Quy chế quy định về sử dụng phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng của trường Cao đẳng công nghiệp Nam Định năm 2020
292			2.15.05		Quyết định về việc ban hành Quy chế quy định về sử dụng phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng của trường Cao đẳng công nghiệp Nam Định năm 2020
293				2.1.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020;
294				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
295				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
296	2	16		2.4.02	Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế
297				1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN
298				2.3.04	Thông báo tuyển sinh của trường năm 2018, 2019, 2020, 2021
299				2.3.09	Quyết định thành lập lớp lớp năm 2018, 2019, 2020, 2021
300			2.16.01		Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018, 2019, 2020
301				2.5.02	Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm 2018, 2019, 2020;
302				2.4.03	Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
303				1.5.03	Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
304				2.6.01	Thời khoá biểu các học kỳ các năm 2018, 2019, 2020
305			2.16.02		Danh sách sinh viên phải học chuyển đổi năm 2018, 2019, 2020 (nếu có)

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
306			2.16.03		Thông báo cho học sinh các môn học/mô đun mà học sinh phải học trong chương trình liên thông năm 2018, 2019, 2020
307				1.6.10	Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
308			2.16.04		Kế hoạch kiểm tra, dự giờ, sinh hoạt chuyên môn hàng tháng đối với các lớp liên thông năm 2018, 2019, 2020
309			2.16.05		Các biên bản kiểm tra, dự giờ của các lớp liên thông
310				2.16.03	Thông báo cho học sinh các môn học/mô đun mà học sinh phải học trong chương trình liên thông năm 2018, 2019, 2020
311				1.11.03	Báo cáo kết quả công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ hàng tháng năm 2018, 2019, 2020
312				2.1.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020;
313				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
314				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
315	2	17		1.7.01	Quyết định ban hành, áp dụng hệ thống tài liệu ISO 9001:2015 và Quyết định về việc sử dụng hệ thống các quy trình xây dựng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của nhà trường năm 2018
316				1.7.03	Quyết định ban hành hệ thống Đảm bảo chất lượng trường
317				2.4.02	Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế
318			2.17.01		Quy chế quản lý học sinh - sinh viên
319				2.2.01	Quy chế tuyển sinh của Trường CĐCNND năm 2018, 2019, 2020, 2021
320			2.17.02		Quy chế về việc sử dụng, quản lý, in ấn, cấp, phát văn bằng chứng chỉ
321			2.17.03		Quy chế quản lý tài sản công
322				2.9.04	Phần mềm quản lý đào tạo
323			2.17.04		Bảng kê danh mục thiết bị đào tạo
324				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
325				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
326				1.6.10	Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
327			2.17.05		Báo cáo kết quả thanh tra tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020
328				1.11.17	Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản năm 2018, 2019, 2020
329			2.17.06		Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động năm 2018, 2019, 2020
330			2.17.07		Báo cáo hệ thống đảm bảo chất lượng năm 2019, 2020
331	3	1		1.5.04	Đề án vị trí việc làm được Bộ Công thương duyệt năm 2017
332			3.1.01		Quyết định số 158/QĐ-CĐCNNĐ ngày 19/03/2018 quy định tạm thời về việc tuyển dụng viên chức và người lao động; Quyết định số 840a/QĐ-CĐCNNĐ ngày 07/10/2020 quy định về việc tuyển dụng viên chức và người lao động
333				1.1.03	Quyết định số 9712/QĐ-BCT ngày 19/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CĐCNNĐ tạm thời số 1042a/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 17/11/2017; Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Trường CĐCNNĐ số 761a/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 27/09/2019.
334			3.1.02		Quyết định số 975a/QĐ – CĐCNNĐ ngày 15/11/2018 ban hành Quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, viên chức quản lý của Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định; Quyết định số 373 /QĐ – CĐCNNĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 ban hành Quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, viên chức quản lý của Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định
335				1.3.01	Qui chế chi tiêu nội bộ 2018, 2019, 2020
336			3.1.03		Quy định về việc xếp loại lao động đối với công chức viên chức số 03a/QĐ-CĐCNNĐ ngày 03/01/2018
337	3	2	3.2.01		Báo cáo tại hội nghị tổng kết cuối năm và phương hướng nhiệm vụ năm học mới, năm 2018, 2019, 2020
338				1.12.11	Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên tại Quyết định số 695/QĐ-CĐCNNĐ ngày 25/7/2017
339			3.2.02		Danh sách bổ nhiệm và viên chức, người lao động điều chuyển công tác trong các năm 2018, 2019, 2020
340				1.5.04	Đề án vị trí việc làm được Bộ Công thương duyệt năm 2017
341			3.2.03		Biên bản họp tổng kết tại các đơn vị phòng khoa, trung tâm các năm 2018, 2019, 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
342			3.2.04		Kế hoạch hàng năm về quy hoạch; Kế hoạch rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020-2021 và giai đoạn 2021-2026, Hướng dẫn công tác quy hoạch lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2018-2021
343			3.2.05		Hồ sơ quy hoạch: Danh sách quy hoạch cán bộ các năm; Biên bản họp, kiểm phiếu,..
344			3.2.06		Các biên bản họp: Đảng ủy, Hội đồng trường, Cán bộ chủ chốt, Cán bộ chủ chốt mở rộng về công tác quy hoạch cán bộ
345			3.2.07		Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2018, 2019, 2020; Báo cáo số 967 ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc báo cáo đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng năm 2018 và giai đoạn 2018 – 2020
346			3.2.08		Các Quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng năm 2017, 2018, 2019, 2020
347			3.2.09		Hồ sơ nhà giáo được đi bồi dưỡng các năm 2018, 2019, 2020 và các văn bằng chứng chỉ đạt được
348				1.6.10	Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
349			3.2.10		Kế hoạch triển khai đánh giá phân loại nhà giáo số 986/KH-CĐCNNĐ ngày 04/12/2019
350			3.2.11		Biên bản họp đánh giá viên chức, công chức cấp Tổ bộ môn, Khoa/phòng, Trung tâm
351			3.2.12		Biên bản họp Hội đồng thi đua nhà trường năm học 2018, 2019, 2020
352			3.2.13		Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức, người lao động năm 2018, 2019, 2020
353				1.3.01	Quy chế chi tiêu nội bộ 2018, 2019, 2020
354				1.12.09	Quyết định v/v ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn số 561a/QĐ-CĐCNNĐ ngày 09/07/2018
355				1.12.10	Danh sách nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, danh sách nhà giáo hưởng phụ cấp ưu đãi nghề năm 2018, 2019, 2020
356				1.4.08	Quyết định số 65/QĐ-CĐNNĐ ngày 26/01/2020 ban hành quy định hỗ trợ kinh phí đối với giảng viên giảng dạy tại các cơ sở đào tạo liên kết ngoài trường
357				1.12.11	Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên tại Quyết định số 695/QĐ-CĐCNNĐ ngày 25/7/2017
358				1.3.01	Quy chế chi tiêu nội bộ 2018, 2019, 2020
359				1.12.12	Các quyết định hỗ trợ kinh phí cho một số đối tượng năm 2018
360				1.6.10	Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
361				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
362	3	3	3.3.01		Danh sách trích ngang nhà giáo
363			3.3.02		Hồ sơ quản lý nhà giáo
364			3.3.03		Kế hoạch đánh giá chuẩn giảng viên năm 2018-2019 và năm học 2019-2020, năm 2020-2021
365				2.4.03	Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
366			3.3.04		Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ số 552/BC-CĐCNNĐ ngày 16/07/2019
367			3.3.05		Danh sách trích ngang giáo viên dạy các môn chung và văn hóa đạt chuẩn
368				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
369	3	4	3.4.01		Đánh giá, phân loại viên chức năm 2018, 2019, 2020
370			3.4.02		Kết quả bình xét lao động thi đua hàng tháng các năm 2018, 2019, 2020
371			3.4.03		Báo cáo số lượng, chất lượng công chức viên chức năm 2018, 2019, 2020
372			3.4.04		Báo cáo kết thúc năm học của các đơn vị năm 2018, 2019, 2020
373			3.4.05		Kế hoạch phân công nhiệm vụ hàng năm của các đơn vị 2018, 2019, 2020
374				3.4.02	Kết quả xếp loại lao động hàng tháng trong năm 2018, 2019, 2020
375				3.4.01	Đánh giá, phân loại viên chức năm 2018, 2019, 2020
376				3.4.03	Báo cáo số lượng, chất lượng công chức viên chức năm 2018, 2019, 2020
377				1.6.10	Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
378				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
379	3	5	3.5.01		Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu và thỉnh giảng năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020
380			3.5.02		Bảng tính quy đổi nhà giáo các năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020
381			3.5.03		Bảng tính học sinh quy đổi các năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020
382				2.3.09	Quyết định thành lập lớp năm 2018, 2019, 2020, 2021
383			3.5.04		Thống kê số lượng, danh sách nhà giáo cơ hữu đảm nhận các mô đun, môn học của các nghề đào tạo các năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
384			3.5.05		Danh sách viên chức có trình độ sau đại học ở các phòng, khoa, trung tâm năm 2018 đến 2020.
385	3	6	3.6.01		Quyết định ban hành Chương trình đào tạo: trình độ trung cấp – Quyết định số 830 ngày 09/10/2018; trình độ cao đẳng – Quyết định số 828 ngày 09/10/2018.
386				2.5.02	Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm 2018, 2019, 2020;
387			3.6.02		Chương trình chi tiết đào tạo các ngành/ nghề (4.3.01)
388			3.6.03		Thời khóa biểu: Năm 2018, 2019, 2020
389				1.5.03	Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
390				2.6.02	Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy của giáo viên, Sổ tay giáo viên năm 2018, 2019, 2020;
391				2.4.03	Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
392			3.6.04		Chương trình chi tiết học phần, modul, Bài giảng
393			3.6.05		Các biên bản, báo cáo công tác thanh kiểm tra đào tạo 2018, 2019, 2020
394			3.6.06		Biên bản bàn giao ngân hàng đề thi, Biên bản chấm thi, Bảng điểm
395			3.6.07		Báo cáo công tác đào tạo bồi dưỡng năm 2018, 2019, 2020
396				2.14.12	Quyết định công nhận tốt nghiệp
397				2.1.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020;
398	3	7		1.3.01	Qui chế chi tiêu nội bộ 2018, 2019, 2020
399			3.7.01		Bảng tổng hợp số liệu CCVC&NLĐ tính đến tháng 12/2020
400			3.7.02		Quyết định số 798, 799, ngày 04/8/2014; số 828, 829 ngày 29/9/2015; số 1185, 1186 ngày 11/10/2016... cử đi học và danh sách giảng viên được cử đi đào tạo, chuyên môn nghiệp vụ tại nước ngoài.
401			3.7.03		Báo cáo Tài chính các năm 2018-2020; quyết định một số đối tượng được hưởng kinh phí hỗ trợ đào tạo về công tác đào tạo, bồi dưỡng hằng năm (tại QĐ số 34 ngày 15/01/2018; QĐ số ngày 28/12/2018; QĐ số 124 ngày 06/03/2018; QĐ số 123/QĐ ngày 01/03/2018)
402				1.4.08	Quyết định số 65/QĐ-CĐNNND ngày 26/01/2020 ban hành quy định hỗ trợ kinh phí đối với giảng viên giảng dạy tại các cơ sở đào tạo liên kết ngoài trường
403			3.7.04		Danh sách cán bộ nguồn giai đoạn 2018-2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
404				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
405				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
406	3	8	3.8.01		Kế hoạch (Số 793 ngày 27/9/2017; KH số 693 ngày 03/9/2018; KH số 701 ngày 05/10/2019) thực hiện nhiệm vụ năm học và Danh sách đội ngũ nhà giáo đi đào tạo, bồi dưỡng năm 2018 đến 2020.
407				1.6.10	Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
408				3.7.02	Quyết định số 798, 799, ngày 04/8/2014; số 828, 829 ngày 29/9/2015; số 1185, 1186 ngày 11/10/2016... cử đi học và danh sách giảng viên được cử đi đào tạo, chuyên môn nghiệp vụ tại nước ngoài.
409			3.8.02		Quyết định (Số 1484/QĐ-ĐHNN ngày 30/7/2018) công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Cử nhân đại học hệ vừa làm, vừa học văn bằng 2 tiếng Anh
410			3.8.03		Quyết định Số26/QĐ-ĐHCNVTV ngày 18/01/2018 và danh sách học viên được cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản
411			3.8.04		Kế hoạch(Số138 a/KH-CĐCNNĐ-ĐT ngày 09/3/2018 về việc tham gia hội giảng cấp khoa
412			3.8.05		Quyết định số 07-QĐ-BTCHG ngày 22/10/2020 công nhận kết quả Hội giảng các năm
413			3.8.06		Quyết định về việc cử viên chức tham gia ôn tập và thi đánh giá kỹ năng nghề quốc gia (QĐ số 326/QĐ-CĐCNNĐ ngày 20/5/2019; số 334/QĐ-CĐCNNĐ ngày 23/5/2019; số 782/QĐ-CĐCNNĐ ngày 22/9/2020)
414			3.8.07		Một số hệ thống văn bằng chứng chỉ của đội ngũ nhà giáo được cấp
415				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
416				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
417	3	9	3.9.01		Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy các môn chuyên môn, môn học, modul cơ sở
418			3.9.02		Kế hoạch giảng dạy theo học kỳ các năm 2017-2018, năm 2018-2019, năm 2019-2020
419			3.9.03		Danh sách nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất năm 2018, 2019, 2020
420				2.7.08	Báo cáo kết quả thực tập của giáo viên giảng dạy năm 2018, 2019, 2020 (bảng điểm KQ thực tập)
421			3.9.04		Báo cáo về công tác bồi dưỡng, thực tập của nhà giáo tại doanh nghiệp năm 2018 đến năm 2020
422			3.9.05		Kế hoạch tự đào tạo bồi dưỡng năm 2020 của các đơn vị

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
423				1.6.10	Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
424	3	10	3.10.01		Kế hoạch năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
425			3.10.02		Báo cáo tổng kết công tác của các đơn vị năm 2018, 2019, 2020
426			3.10.03		Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường các năm trong Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường các năm 2018, 2019, 2020
427			3.10.04		Biên bản họp chuyên môn của các khoa năm 2018, 2019, 2020 (sử dụng mã 2.8.03)
428			3.10.05		Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường năm 2018, 2019, 2020
429			3.10.06		Danh sách số người được đi đào tạo bồi dưỡng năm 2018, 2019, 2020
430			3.10.07		Báo cáo tại Hội nghị tổng kết các đề tài khoa học các năm 2018, 2019, 2020
431				3.10.04	Biên bản họp chuyên môn của các khoa năm 2018, 2019, 2020 (sử dụng mã 2.8.03)
432				1.6.10	Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
433	3	11	3.11.01		Quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Duy Phấn giữ chức Hiệu trưởng; Số 3599/QĐ-BCT, ngày 05/12/2019; Bộ Công Thương
434			3.11.02		Quyết định bổ nhiệm ông Bùi Tiến Dũng giữ chức Phó Hiệu trưởng; Số 3116/QĐ-BCT, ngày 27/11/2020; Bộ Công Thương
435			3.11.03		Danh sách trích ngang Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng
436			3.11.04		Kết quả lấy phiếu tín nhiệm giới thiệu chức vụ Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng
437			3.11.05		Phân công nhiệm vụ trong Ban Giám hiệu
438			3.11.06		Các thành tích khen thưởng của nhà trường năm học 2017-2018, 2019, 2020
439			3.11.07		Các thành tích khen thưởng của cá nhân năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
440			3.11.08		Phiếu đánh giá của Ban Giám hiệu năm 2018,2019,2020
441			3.11.09		Các Quyết định khen thưởng năm 2018, 2019, 2020 của nhà trường
442				3.11.07	Các thành tích khen thưởng của cá nhân năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
443				1.6.10	Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
444	3	12	3.12.01		Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị trong trường
445			3.12.02		Quyết định số 975a/QĐ – CDCNNĐ ngày 15/11/2018 ban hành Quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, viên chức quản lý của Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định
446			3.12.03		Hồ sơ bổ nhiệm cán bộ từ 01/2018 đến 31/12/2020. Năm 2018: 5 trưởng, 2 phó đơn vị
447			3.12.04		Hồ sơ quy hoạch cán bộ chủ chốt
448			3.12.05		Hồ sơ bổ nhiệm cán bộ từ 01/2018 đến 31/12/2020. Năm 2020: Bổ nhiệm 03 CB phụ trách
449	3	13	3.13.01		Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý: Báo cáo thống kê số liệu cán bộ quản lý; Số 193/BC-CDCNNĐ; ngày 27/03/2019
450			3.13.02		Danh sách trích ngang Kế toán trưởng (họ và tên, ngày tháng năm sinh, trình độ chuyên môn)
451			3.13.03		Quyết định về việc bổ nhiệm chức kế toán trưởng số 468/QĐ-BCT ngày 02/02/2018
452				3.13.01	Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý: Báo cáo thống kê số liệu cán bộ quản lý; Số 193/BC-CDCNNĐ; ngày 27/03/2019
453			3.13.04		Phiếu đánh giá xếp loại viên chức quản lý năm 2020
454			3.13.05		Biên bản lấy phiếu tín nhiệm cán bộ quản lý năm 2018
455			3.13.06		Kết quả đánh giá xếp loại viên chức quản lý năm 2018,2019,2020
456			3.13.07		Thành tích khen thưởng của cán bộ quản lý năm 2017,2018,2019 và của tập thể các đơn vị
457	3	14	3.14.01		Kế hoạch rà soát, quy hoạch cán bộ từng giai đoạn
458			3.14.02		Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; dự kiến danh sách cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng
459			3.14.03		Quyết định và danh sách cán bộ học Cao cấp lý luận chính trị, Trung cấp lý luận chính trị
460			3.14.04		Quyết định và danh sách cán bộ học chuyên môn nghiệp vụ
461				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
462	3	15	3.15.01		Danh sách viên chức, người lao động của trường năm 2018 đến 2020
463				1.5.04	Đề án vị trí việc làm được Bộ Công thương duyệt năm 2017

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
464			3.15.02		Văn bằng chứng chỉ, chứng nhận hoặc xác nhận của cơ sở đào tạo nơi người lao động đi tập huấn
465				3.2.13	Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức, người lao động năm 2018, 2019, 2020
466				3.4.02	Kết quả xếp loại lao động hàng tháng trong năm 2018, 2019, 2020
467			3.15.03		Kế hoạch, hình ảnh các lớp học tập nghị quyết, tập huấn tuyển sinh
468	4	1		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN
469			4.1.01		Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN
470				2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018, 2019, 2020
471	4	2		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN
472				4.1.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN
473			4.2.01		Kế hoạch rà soát, đánh giá chương trình đào tạo các năm 2018, 2019, 2020
474			4.2.02		Các Biên bản đánh giá chương trình đào tạo và đề xuất xây dựng, chỉnh lý chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020
475			4.2.03		Báo cáo kết quả rà soát năm 2018, 2019, 2020
476			4.2.04		Kế hoạch xây dựng, phát triển và chỉnh lý chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020
477			4.2.05		Quyết định Thành lập hội đồng thẩm định 2018, 2019, 2020
478			4.2.06		Quyết định thành lập tổ biên soạn năm 2018, 2019, 2020
479			4.2.07		Phiếu đánh giá thẩm định chương trình đào tạo của thành viên trong Hội đồng thẩm định năm 2018, 2019, 2020
480			4.2.08		Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định năm 2018, 2019, 2020
481				2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018,2019,2020
482	4	3		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN
483				4.1.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
484				4.2.04	Kế hoạch xây dựng, phát triển và chỉnh lý chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020
485				2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018,2019,2020
486			4.3.01		Chương trình đào tạo chi tiết năm 2018, 2019, 2020
487				2.4.02	Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế
488			4.3.02		Bảng kết quả học tập các môn học/môđun
489	4	4		4.2.04	Kế hoạch xây dựng, phát triển và chỉnh lý chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020
490				4.2.05	Quyết định Thành lập hội đồng thẩm định 2018, 2019, 2020
491				4.2.06	Quyết định thành lập tổ biên soạn năm 2018, 2019, 2020
492				4.2.07	Phiếu đánh giá thẩm định chương trình đào tạo của thành viên trong Hội đồng thẩm định năm 2018, 2019, 2020
493				4.2.08	Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định năm 2018, 2019, 2020
494				2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018,2019,2020
495				4.3.01	Chương trình đào tạo chi tiết năm 2018, 2019, 2020
496			4.4.01		Thẻ hoặc bảng lương hoặc quyết định tuyển dụng của các cán bộ sử dụng lao động có tham gia trong quá trình xây dựng, phát triển và chỉnh lý chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020
497				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
498				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
499			4.4.02		Bộ hồ sơ thu thập ý kiến từ các doanh nghiệp các năm 2018, 2019, 2020
500	4	5		4.2.05	Quyết định Thành lập hội đồng thẩm định 2018, 2019, 2020
501				4.2.06	Quyết định thành lập tổ biên soạn năm 2018, 2019, 2020
502				4.2.07	Phiếu đánh giá thẩm định chương trình đào tạo của thành viên trong Hội đồng thẩm định năm 2018, 2019, 2020
503				4.2.08	Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định năm 2018, 2019, 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
504				2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018,2019,2020
505				2.1.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020;
506				4.4.02	Bộ hồ sơ thu thập ý kiến từ các doanh nghiệp các năm 2018, 2019, 2020
507				1.11.19	Báo cáo hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của trường năm 2018, 2019, 2020
508			4.5.01		Nghị Quyết hội nghị Công nhân viên chức năm 2018, 2019, 2020
509	4	6		2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018,2019,2020
510				4.3.01	Chương trình đào tạo chi tiết năm 2018, 2019, 2020
511			4.6.01		Danh sách Thống kê ngành/nghề liên thông của Trường với Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì
512			4.6.02		Biên bản ghi nhớ về việc đào tạo liên thông giữa Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì với trường CĐCNNĐ
513			4.6.03		Biên bản hợp tác đào tạo liên thông giữa Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì với trường CĐCNNĐ
514			4.6.04		Chương trình/Kế hoạch đào tạo liên thông của Trường đại học (để đối chiếu so sánh)
515			4.6.05		Quyết định/Quy định về việc công nhận giá trị chuyển đổi và các môn học được miễn trừ đối với các nghề được liên thông của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì
516			4.6.06		Các thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì
517	4	7		4.1.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN
518				4.2.01	Biên bản đánh giá chương trình đào tạo năm 2017 và đề xuất xây dựng, chỉnh lý chương trình đào tạo năm 2018
519				4.2.02	Biên bản đánh giá chương trình đào tạo năm 2018 và đề xuất xây dựng, chỉnh lý chương trình đào tạo năm 2019
520				4.2.03	Biên bản đánh giá chương trình đào tạo năm 2019 và đề xuất xây dựng, chỉnh lý chương trình đào tạo năm 2020
521				4.2.04	Kế hoạch xây dựng, phát triển và chỉnh lý chương trình đào tạo năm 2018, 2019, 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
522				4.2.08	Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định năm 2018, 2019, 2020
523				2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018,2019,2020
524	4	8		4.1.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN
525				2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018,2019,2020
526				4.3.01	Chương trình đào tạo chi tiết năm 2018, 2019, 2020
527			4.8.01		Các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến được thể hiện trong chương trình đào tạo chi tiết các ngành/nghề năm 2018, 2019, 2020
528	4	9		2.4.02	Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế
529				2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018,2019,2020
530			4.9.01		Kế hoạch rà soát các môn học/mô đun mà người học không phải học trong chương trình Cao đẳng liên thông
531			4.9.02		Báo cáo kết quả rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học, khi học chương trình liên thông.
532			4.9.03		Quyết định/Quy định về việc công nhận giá trị chuyển đổi và các môn học được miễn trừ đối với các nghề được liên thông của Trường CĐCN Nam Định
533				2.16.06	Thông báo cho học sinh các môn học/mô đun mà học sinh phải học trong chương trình liên thông năm 2018, 2019, 2020
534				2.3.09	Quyết định thành lập lớp năm 2018, 2019, 2020, 2021
535				2.5.02	Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm 2018, 2019, 2020;
536				2.4.03	Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
537				1.5.03	Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
538	4	10		1.2.06	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN
539				4.1.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
540				2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018,2019,2020
541				4.3.01	Chương trình đào tạo chi tiết năm 2018, 2019, 2020
542			4.10.01		Các Quyết định ban hành sử dụng giáo trình đào tạo năm 2017, 2018, 2020
543				2.7.01	Bản in các giáo trình đào tạo
544	4	11	4.11.01		Kế hoạch biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2017, 2018
545			4.11.02		Quyết định về việc giao biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2017
546			4.11.03		Phân công nhiệm vụ biên soạn giáo trình của các Trưởng tiểu ban lựa chọn, biên soạn năm 2017
547			4.11.04		Biên bản Hội thảo về nội dung chi tiết giáo trình của các ngành, nghề đào tạo năm 2017, 2018
548			4.11.05		Quyết định thành lập HĐ thẩm định giáo trình đào tạo năm 2017
549			4.11.06		Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2017, 2018
550			4.11.07		Phiếu đánh giá nghiệm thu giáo trình năm 2017, 2018
551			4.11.08		Tổng hợp xác nhận của các Trưởng tiểu ban đã chỉnh sửa giáo trình sau thẩm định năm 2017, 2018
552				4.10.01	Các Quyết định ban hành sử dụng giáo trình đào tạo năm 2017, 2018, 2020
553				2.7.01	Bản in các giáo trình đào tạo
554	4	12		1.2.06	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN
555				2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018,2019,2020
556				4.3.01	Chương trình đào tạo chi tiết năm 2018, 2019, 2020
557				4.10.01	Các Quyết định ban hành sử dụng giáo trình đào tạo năm 2017, 2018, 2020
558				2.7.01	Bản in các giáo trình đào tạo
559				4.11.04	Biên bản Hội thảo về nội dung chi tiết giáo trình của các ngành, nghề đào tạo năm 2017, 2018
560				4.11.06	Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2017, 2018
561				2.1.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020;

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
562				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
563				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
564				4.4.02	Bộ hồ sơ thu thập ý kiến từ các doanh nghiệp các năm 2018, 2019, 2020
565			4.12.01		Bộ hồ sơ thu thập ý kiến của cựu HSSV các năm 2018, 2019, 2020;
566	4	13		4.11.04	Biên bản Hội thảo về nội dung chi tiết giáo trình của các ngành, nghề đào tạo năm 2017, 2018
567				4.11.06	Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2017, 2018
568				4.10.01	Các Quyết định ban hành sử dụng giáo trình đào tạo năm 2017, 2018, 2020
569				2.7.01	Bản in các giáo trình đào tạo
570				2.1.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020;
571				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
572				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
573				4.4.02	Bộ hồ sơ thu thập ý kiến từ các doanh nghiệp các năm 2018, 2019, 2020
574				4.12.01	Bộ hồ sơ thu thập ý kiến của cựu HSSV các năm 2018, 2019, 2020;
575	4	14		2.7.07	Báo cáo thực tập của HSSV có nhận xét của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020
576				2.7.08	Báo cáo kết quả thực tập của giáo viên giảng dạy năm 2018, 2019, 2020 (bảng điểm KQ thực tập)
577				2.1.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020;
578				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
579				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
580				4.4.02	Bộ hồ sơ thu thập ý kiến từ các doanh nghiệp các năm 2018, 2019, 2020
581				4.12.01	Bộ hồ sơ thu thập ý kiến của cựu HSSV các năm 2018, 2019, 2020;
582	4	15		1.2.06	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN
583				4.1.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
584				2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2018,2019,2020
585				4.3.01	Chương trình đào tạo chi tiết năm 2018, 2019, 2020
586			4.15.01		Kế hoạch rà soát, hiệu chỉnh, lựa chọn và biên soạn mới giáo trình đào tạo năm 2020
587			4.15.02		Quyết định thành lập các tiểu ban lựa chọn, hiệu chỉnh và biên soạn mới giáo trình đào tạo năm 2020
588			4.15.03		Phân công nhiệm vụ lựa chọn, hiệu chỉnh và biên soạn mới giáo trình đào tạo của các Trưởng tiểu ban năm 2020
589			4.15.04		Biên bản Hội thảo về nội dung chi tiết giáo trình của các ngành, nghề đào tạo năm 2020
590			4.15.05		Quyết định thành lập HĐ thẩm định giáo trình đào tạo năm 2020
591			4.15.06		Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo năm 2020
592			4.15.07		Phiếu đánh giá nghiệm thu giáo trình đào tạo năm 2020
593			4.15.08		Tổng hợp xác nhận của các Trưởng tiểu ban đã chỉnh sửa giáo trình sau thẩm định năm 2020
594				4.10.01	Các Quyết định ban hành sử dụng giáo trình đào tạo năm 2017, 2018, 2020
595	5	1		1.1.01	Quyết định của Bộ trưởng, Bộ GD & ĐT về việc thành lập Trường CĐCNNĐ trên cơ sở Trường Trung học Công nghiệp II; Số 1339/QĐ-BGD&ĐT-TCCB, ngày 30/3/2005
596			5.1.01		Các Quyết định số 2165/QĐ-BCT ngày 14/12/2007, số 5913/QĐ/BCT ngày 11/11/2011 của Bộ Công thương về việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định và Bản đồ quy hoạch tổng thể 3 giai đoạn tỷ lệ 1/500
597			5.1.02		Quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Nam Định giai đoạn 2011-2020
598			5.1.03		Lộ trình tuyến xe Buýt 06
599			5.1.04		Bản vẽ hoàn công tuyến cáp ngầm 35KV, Trạm biến áp 400KVA-35/22/0.4KV và đường trục hạ thế 0.4KV; Hợp đồng cung cấp điện
600			5.1.05		Bản vẽ hoàn công hệ thống cấp nước; Hợp đồng cung cấp nước
601			5.1.06		Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Nam Định giai đoạn 2016-2020
602			5.1.07		Đề án môi trường chi tiết và quyết định phê duyệt đề án môi trường chi tiết

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
603				2.1.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020;
604				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
605				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
606	5	2	5.2.01		Báo cáo tổng hợp quy hoạch chi tiết điều chỉnh mở rộng Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định
607				5.1.01	Các Quyết định số 2165/QĐ-BCT ngày 14/12/2007, số 5913/QĐ/BCT ngày 11/11/2011 của Bộ Công thương về việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định và Bản đồ quy hoạch tổng thể 3 giai đoạn tỷ lệ 1/500
608			5.2.02		Bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan
609				2.1.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020;
610				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
611				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
612	5	3	5.3.01		Sa bàn trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định
613			5.3.02		Bản vẽ hoàn công khu nhà học lý thuyết
614			5.3.03		Bản vẽ hoàn công nhà xưởng số 1
615			5.3.04		Bản vẽ hoàn công nhà xưởng số 2
616			5.3.05		Bản vẽ hoàn công nhà xưởng số 3
617			5.3.06		Bản vẽ hoàn công nhà xưởng thực hành cơ khí
618			5.3.07		Bản vẽ hoàn công nhà xưởng thực hành may
619			5.3.08		Bản vẽ hoàn công nhà lớp học 3 tầng - nhà D
620			5.3.09		Ảnh chụp xưởng thực hành
621			5.3.10		Bản vẽ hoàn công Nhà giáo dục thể chất; Ảnh chụp sân vận động
622			5.3.11		Bản vẽ hoàn công Nhà Hiệu bộ 6 tầng
623			5.3.12		Bản vẽ hoàn công ký túc xá A1 và ký túc xá A2

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
624				2.1.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020;
625				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
626				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
627	5	4		5.1.01	Các Quyết định số 2165/QĐ-BCT ngày 14/12/2007, số 5913/QĐ/BCT ngày 11/11/2011 của Bộ Công thương về việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định và Bản đồ quy hoạch tổng thể 3 giai đoạn tỷ lệ 1/500
628			5.4.01		Bản vẽ hoàn công dự án đầu tư xây dựng hệ thống giao thông (đường vào) trường
629				5.1.04	Bản vẽ hoàn công tuyến cáp ngầm 35KV, Trạm biến áp 400KVA-35/22/0.4KV và đường trục hạ thế 0.4KV; Hợp đồng cung cấp điện
630			5.4.02		Biên bản kiểm tra, bảo dưỡng và thí nghiệm định kỳ thiết bị đường dây và trạm biến áp chuyên dùng; Hợp đồng sử dụng điện + hóa đơn tiền điện
631				5.1.05	Bản vẽ hoàn công hệ thống cấp nước; Hợp đồng cung cấp nước
632			5.4.03		Bản vẽ hoàn công hệ thống thu gom và xử lý nước thải
633			5.4.04		Thí nghiệm chất lượng nước tại các bể chứa
634			5.4.05		Hợp đồng dịch vụ vệ sinh
635			5.4.06		Hình ảnh kho chứa rác thải; Hợp đồng thu gom rác thải rắn, rác thải công nghiệp
636				5.3.09	Ảnh chụp xường thực hành
637			5.4.07		Bản vẽ hoàn công hạng mục phòng cháy và chữa cháy; Biên bản nghiệm thu hệ thống PCCC
638			5.4.08		Danh sách CB,GV tham gia lớp tập huấn phòng cháy
639			5.4.09		Biên bản kiểm tra về PCCC, cứu nạn, cứu hộ các năm 2018,2019,2020
640			5.4.10		Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị năm học 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020
641			5.4.11		Hồ sơ sửa chữa năm 2018, 2019, 2020 và quy chế quản lý tài sản
642				2.1.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020.
643				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
644				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
645	5	5	5.5.01		Ảnh phòng học lý thuyết
646				5.3.02	Bản vẽ hoàn công khu nhà học lý thuyết
647				5.3.08	Bản vẽ hoàn công nhà lớp học 3 tầng - nhà D
648				5.3.03	Bản vẽ hoàn công nhà xưởng số 1
649				5.3.04	Bản vẽ hoàn công nhà xưởng số 2
650				5.3.05	Bản vẽ hoàn công nhà xưởng số 3
651				5.3.06	Bản vẽ hoàn công nhà xưởng thực hành cơ khí
652				5.3.07	Bản vẽ hoàn công nhà xưởng thực hành may
653				5.3.08	Bản vẽ hoàn công nhà lớp học 3 tầng - nhà D
654				5.3.09	Ảnh chụp xưởng thực hành
655	5	6		2.17.03	Quy chế quản lý tài sản công
656			5.6.01		Quy định quản lý, sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành
657			5.6.02		Biên bản họp phân công quản lý tài sản năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
658			5.6.03		Sổ theo dõi TSCĐ, CCDC tại các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành; Nhật ký sử dụng thiết bị
659				2.17.03	Quy chế quản lý tài sản công
660				5.6.01	Quy định quản lý, sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành
661				5.4.10	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị năm học 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020
662	5	7	5.7.01		Quyết định quy định chức năng nhiệm vụ của Phòng Quản trị vật tư;
663				5.4.05	Hợp đồng dịch vụ vệ sinh
664			5.7.02		Bảng nội quy phòng học lý thuyết
665			5.7.03		Biên bản bàn giao cho các đơn vị sử dụng
666				5.6.02	Biên bản họp phân công quản lý tài sản năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
667			5.7.04		Bảng nội quy phòng học thực hành; Quy trình vận hành thiết bị
668			5.7.05		Báo cáo tình hình quản lý sử dụng phòng học chuyên môn năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
669				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
670				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
671				2.1.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020;
672	5	8	5.8.01		Bảng đối chiếu danh mục thiết bị hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu
673				1.11.17	Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản năm 2018, 2019, 2020
674	5	9	5.9.01		Sơ đồ bố trí phòng học theo khoa
675			5.9.02		Hình ảnh bố trí xưởng thực hành
676			5.9.03		Hình ảnh việc các dụng cụ thiết bị để ở các xưởng thực hành
677			5.9.04		Tiêu chí 5S
678			5.9.05		Sổ tay an toàn lao động
679			5.9.06		Nội quy và Biên bản kiểm tra 5S
680			5.9.07		Hình ảnh tem kiểm định trên thiết bị
681				5.6.03	Sổ theo dõi TSCĐ, CCDC tại các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành; Nhật ký sử dụng thiết bị
682				5.6.01	Quy định quản lý, sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành
683			5.9.08		Sổ lý lịch tài sản
684			5.9.09		Báo cáo đánh giá việc bố trí thiết bị năm học năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
685				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
686				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
687				2.1.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020;
688	5	10		2.17.03	Quy chế quản lý tài sản công
689				5.6.01	Quy định quản lý, sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
690				1.11.17	Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản năm 2018, 2019, 2020
691			5.10.01		Báo cáo đánh giá của các đơn vị và báo cáo tổng hợp toàn trường
692				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
693				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
694				2.1.06	Địa chỉ trang web chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
695	5	11		5.6.03	Sổ theo dõi TSCĐ, CCDC tại các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành; Nhật ký sử dụng thiết bị
696				1.11.17	Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản năm 2018, 2019, 2020
697			5.11.01		Phần mềm Misa phân hệ quản lý tài sản
698				5.9.08	Sổ lý lịch tài sản
699				5.4.10	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị năm học 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020
700			5.11.02		Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; Hồ sơ bảo dưỡng thiết bị tại các Khoa năm 2018; 2019; 2020
701			5.11.03		Biên bản đánh giá và đề xuất nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị
702			5.11.04		Danh mục phòng học chuyên môn hóa của các nghề
703			5.11.05		Báo cáo công tác Quản lý tài sản các năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020 Xem lại xem có sử dụng được minh chứng 5.9.09 không
704	5	12		2.4.03	Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
705			5.12.01		Dự trữ vật tư tháng
706			5.12.02		QĐ phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật đào tạo từng nghề
707			5.12.03		Quy định cung ứng, quản lý vật tư, hàng hóa, và dịch vụ các hoạt động của nhà trường
708			5.12.04		Phiếu nhập + xuất vật tư
709			5.12.05		Báo cáo tình hình sử dụng và thu hồi vật tư sau sử dụng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
710			5.12.06		Quy trình cấp phát sử dụng vật tư
711			5.12.07		Hình ảnh kho vật tư

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
712			5.12.08		Biên bản thu hồi vật tư sau sử dụng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
713				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
714				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
715				2.1.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020;
716	5	13	5.13.01		Bản vẽ hoàn công Nhà Giảng đường – Thư viện
717			5.13.02		Bảng thống kê số lượng các bộ chương trình, giáo trình đã được phê duyệt
718			5.13.03		Báo cáo kết quả kiểm kê sách thư viện các năm 2018; 2019; 2020
719				1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN
720				1.2.06	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN
721	5	14	5.14.01		Quyết định thành lập Trung tâm Truyền thông Thư viện
722			5.14.02		Bảng thời gian mở cửa
723			5.14.03		Bảng nội quy thư viện
724			5.14.04		Phần mềm Quản lý thư viện
725			5.14.05		Sổ mượn sách thư viện
726				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
727				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
728				2.1.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020;
729	5	15	5.15.01		Phần mềm thư viện điện tử
730			5.15.02		Hợp đồng cung cấp dịch vụ VNN/Internet trực tiếp số: 1109/TTKD/VNPTTTH-CĐCNNĐ/HĐINTTT ngày 11/9/2020
731			5.15.03		Danh mục tài liệu, giáo trình điện tử
732			5.15.04		Lướt truy cập thư viện điện tử
733			5.15.05		Danh mục thiết bị, máy tính của thư viện

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
734			5.15.06		Danh mục tài liệu điện tử, giáo trình, tài liệu tham khảo được số hóa
735				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
736				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
737				2.1.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến người học năm 2018, 2019, 2020;
738	6	1		1.8.01	Quyết định về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng QLKH&ĐBCL
739			6.1.01		Quy định nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp cơ sở của Trường CĐ CN Nam Định
740			6.1.02		Quyết định của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung quy định nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp cơ sở
741				1.3.01	Qui chế chi tiêu nội bộ 2018, 2019, 2020
742				3.3.02	Hồ sơ quản lý nhà giáo
743			6.1.03		Bảng tổng hợp đăng kí nhiệm vụ NCKH năm 2018, 2019, 2020
744			6.1.04		Quyết định giao nhiệm vụ NCKH của Hiệu trưởng cho cán bộ, giảng viên năm 2018, 2019, 2020.
745			6.1.05		Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cơ sở của một số giảng viên tham gia NCKH năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020
746			6.1.06		Bảng tổng hợp giờ giảng dạy năm học 2018 – 2019, 2019 - 2020
747				4.5.01	Nghị Quyết hội nghị Công nhân viên chức năm 2018, 2019, 2020
748				1.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020
749				1.7.06	Bộ hồ sơ khảo sát, thu thập ý kiến cán bộ quản lý năm 2018, 2019, 2020
750	6	2	6.2.01		Kế hoạch triển khai công tác khoa học công nghệ các năm 2018, 2019, 2020
751			6.2.02		Biên bản xét duyệt đề tài NCKH năm 2018, 2019, 2020
752				6.1.04	Quyết định giao nhiệm vụ NCKH của Hiệu trưởng cho cán bộ, giảng viên năm 2018, 2019, 2020.
753			6.2.03		Hợp đồng NCKH năm 2018, 2019, 2020;
754			6.2.04		Thuyết minh đề tài NCKH năm 2018, 2019, 2020
755			6.2.05		Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu KHCN năm 2018, 2019, 2020;

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
756			6.2.06		Biên bản nghiệm thu đề tài NCKH năm 2018, 2019, 2020;
757			6.2.07		Biên bản bàn giao sản phẩm, thanh lý hợp đồng NCKH năm 2018, 2019, 2020
758				4.5.01	Nghị Quyết hội nghị Công nhân viên chức năm 2018, 2019, 2020
759			6.2.08		Báo cáo của Hiệu trưởng Trường CĐCN Nam Định về tình hình thực hiện kế hoạch, dự toán ngân sách khoa học và công nghệ giai đoạn năm 2017 - 2019 và xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2021, định hướng kế hoạch khoa học và công nghệ trung hạn giai đoạn 2021 – 2025;
760			6.2.09		Báo cáo của Hiệu trưởng Trường CĐCN Nam Định về tình hình thực hiện công tác nghiên cứu khoa học giai đoạn 2015 – 2020.
761	6	3	6.3.01		Các bài báo khoa học năm 2018, 2019, 2020.
762	6	4		6.1.04	Quyết định giao nhiệm vụ NCKH của Hiệu trưởng cho cán bộ, giảng viên năm 2018, 2019, 2020.
763				6.2.04	Thuyết minh đề tài NCKH năm 2018, 2019, 2020
764				6.2.06	Biên bản nghiệm thu đề tài NCKH năm 2018, 2019, 2020;
765				6.2.07	Biên bản bàn giao sản phẩm, thanh lý hợp đồng NCKH năm 2018, 2019, 2020
766				4.5.01	Nghị Quyết hội nghị Công nhân viên chức năm 2018, 2019, 2020
767			6.4.01		Báo cáo kết quả công tác NCKH của Phòng QLKH&ĐBCL năm 2018, 2019, 2020
768				6.2.08	Báo cáo của Hiệu trưởng Trường CĐCN Nam Định về tình hình thực hiện kế hoạch, dự toán ngân sách khoa học và công nghệ giai đoạn năm 2017 - 2019 và xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2021, định hướng kế hoạch khoa học và công nghệ trung hạn giai đoạn 2021 – 2025;
769				6.2.09	Báo cáo của Hiệu trưởng Trường CĐCN Nam Định về tình hình thực hiện công tác nghiên cứu khoa học giai đoạn 2015 – 2020.
770	6	5	6.5.01		Biên bản ghi nhớ giữa Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định với trường Đại học Khoa học và Công nghệ Thụ Đức
771			6.5.02		Quyết định của Hiệu trưởng về việc cử viên chức đi đào tạo tại nước ngoài
772			6.5.03		Thông báo tuyển sinh và tổ chức đào tạo thí điểm 22 nghề chất lượng cao cấp độ quốc tế theo các bộ chương trình chuyển giao từ Cộng hoà Liên bang Đức
773			6.5.04		Quyết định của Hiệu trưởng về việc cử viên chức đi đào tạo bồi dưỡng tại CHLB Đức.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
774				4.5.01	Nghị Quyết hội nghị Công nhân viên chức năm 2018, 2019, 2020
775				6.2.08	Báo cáo của Hiệu trưởng Trường CĐCN Nam Định về tình hình thực hiện kế hoạch, dự toán ngân sách khoa học và công nghệ giai đoạn năm 2017 - 2019 và xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2021, định hướng kế hoạch khoa học và công nghệ trung hạn giai đoạn 2021 – 2025;
776				6.2.09	Báo cáo của Hiệu trưởng Trường CĐCN Nam Định về tình hình thực hiện công tác nghiên cứu khoa học giai đoạn 2015 – 2020.
777	7	1	7.1.01		Quy chế Quản lý tài chính năm 2018 Trường CĐ công nghiệp Nam Định
778			7.1.02		Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công năm 2018
779				1.3.01	Qui chế chi tiêu nội bộ 2018, 2019, 2020
780				1.7.01	Quyết định ban hành, áp dụng hệ thống tài liệu ISO 9001:2015 và Quyết định về việc sử dụng hệ thống các quy trình xây dựng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của nhà trường năm 2018
781			7.1.03		Các Quy trình sử dụng, thanh toán, quyết toán tài chính áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015
782				1.3.01	Qui chế chi tiêu nội bộ 2018, 2019, 2020
783			7.1.04		Hóa đơn điện tử, tờ khai thuế, Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, giấy nộp tiền thuế
784				1.3.01	Qui chế chi tiêu nội bộ 2018, 2019, 2020
785			7.1.05		Báo cáo đánh giá thực hiện nhiệm vụ và xây dựng dự toán các năm 2017 đến năm 2020
786			7.1.06		Dự toán thu - chi tài chính năm 2018, 2019, 2020
787				2.17.06	Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động năm 2018, 2019, 2020
788				1.7.01	Quyết định ban hành, áp dụng hệ thống tài liệu ISO 9001:2015 và Quyết định về việc sử dụng hệ thống các quy trình xây dựng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của nhà trường năm 2018
789				7.1.03	Các Quy trình sử dụng, thanh toán, quyết toán tài chính áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015
790				2.17.06	Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động năm 2018, 2019, 2020
791			7.1.07		Biên bản tự kiểm tra số liệu quyết toán năm 2018, 2019, 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
792			7.1.08		Biên bản xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2018, 2019
793			7.1.09		Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách 2018, 2019
794			7.1.10		Báo cáo công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, 2019, 2020
795			7.1.11		Báo cáo công khai dự toán NSNN năm 2018, 2019, 2020
796				7.1.07	Biên bản tự kiểm tra số liệu quyết toán năm 2018, 2019, 2020
797	7	2		7.1.01	Quy chế Quản lý tài chính năm 2018 Trường CĐ công nghiệp Nam Định
798				1.3.01	Qui chế chi tiêu nội bộ 2018, 2019, 2020
799			7.2.01		Các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo năm 2018, 2019, 2020
800			7.2.02		Sổ chi tiết các tài khoản kế toán năm 2018, 2019, 2020
801				2.17.06	Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động năm 2018, 2019, 2020
802				7.1.07	Biên bản tự kiểm tra số liệu quyết toán năm 2018, 2019, 2020
803				7.2.02	Sổ chi tiết các tài khoản kế toán năm 2018, 2019, 2020
804				2.17.06	Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động năm 2018, 2019, 2020
805				7.1.08	Biên bản xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2018, 2019
806				7.1.09	Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách 2018, 2019
807				7.1.04	Hóa đơn điện tử, tờ khai thuế, Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, giấy nộp tiền thuế
808	7	3	7.3.01		Quyết định về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và đối chiếu nguồn kinh phí năm 2018, 2019, 2020
809				2.17.06	Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động năm 2018, 2019, 2020
810			7.3.02		Chứng từ theo dõi thu học phí năm 2018, 2019, 2020
811				2.17.06	Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động năm 2018, 2019, 2020
812			7.3.03		Biên bản tài trợ giáo dục
813				7.1.06	Dự toán thu - chi tài chính năm 2018, 2019, 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
814				7.3.03	Biên bản tài trợ giáo dục
815			7.3.04		Quyết định trích lập quỹ
816				7.3.01	Quyết định về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và đối chiếu nguồn kinh phí năm 2018, 2019, 2020
817				7.3.02	Chứng từ theo dõi thu học phí năm 2018, 2019, 2020
818				7.2.02	Sổ chi tiết các tài khoản kế toán năm 2018, 2019, 2020
819				2.17.06	Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động năm 2018, 2019, 2020
820				7.1.08	Biên bản xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2018, 2019
821				7.1.09	Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách 2018, 2019
822			7.3.05		Phiếu khảo sát
823	7	4		7.1.01	Quy chế Quản lý tài chính năm 2018 Trường CĐ công nghiệp Nam Định
824				7.1.02	Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công năm 2018
825				1.3.01	Qui chế chi tiêu nội bộ 2018, 2019, 2020
826				7.1.03	Các Quy trình sử dụng, thanh toán, quyết toán tài chính áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015
827			7.4.01		Sổ theo dõi tiền mặt năm 2018, 2019, 2020
828			7.4.02		Sổ theo dõi tiền gửi Kho bạc, ngân hàng năm 2018, 2019, 2020
829			7.4.03		Sổ theo dõi dự toán kinh phí năm 2018, 2019, 2020 từ NSNN
830			7.4.04		Sổ theo dõi tài khoản công nợ năm 2018, 2019, 2020
831			7.4.05		Sổ theo dõi chi phí năm 2018, 2019, 2020
832			7.4.06		Sổ cái mục lục NSNN năm 2018, 2019, 2020
833				7.2.02	Sổ chi tiết các tài khoản kế toán năm 2018, 2019, 2020
834				7.1.09	Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách 2018, 2019
835				7.3.04	Quyết định trích lập quỹ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
836				1.3.01	Qui chế chi tiêu nội bộ 2018, 2019, 2020
837				2.17.06	Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động năm 2018, 2019, 2020
838				7.3.01	Quyết định về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và đối chiếu nguồn kinh phí năm 2018, 2019, 2020
839				7.1.08	Biên bản xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2018, 2019
840				7.1.09	Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách 2018, 2019
841	7	5	7.5.01		Kế hoạch tự kiểm tra công tác tài chính và kế hoạch công khai tài chính của trường năm 2018, 2019, 2020
842			7.5.02		Quyết định thành lập tổ tự kiểm tra tài chính 2018, 2019, 2020
843				7.1.07	Biên bản tự kiểm tra số liệu quyết toán năm 2018, 2019, 2020
844			7.5.03		Thông báo số 934/TB-KTNN ngày 13/11/2019 của kiểm toán nhà nước về việc kết quả kiểm toán tại trường CĐCNNĐ
845			7.5.04		Giấy nộp tiền vào NSNN
846			7.5.05		Báo cáo gửi cơ quan chủ quan về việc thực hiện kiến nghị của kiểm toán
847				7.1.10	Báo cáo công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, 2019, 2020
848				7.1.11	Báo cáo công khai dự toán NSNN năm 2018, 2019, 2020
849			7.5.06		Ảnh chụp báo cáo công khai tài chính
850				7.3.05	Phiếu khảo sát
851			7.5.07		Giấy báo có của ngân hàng
852	7	6		7.1.05	Báo cáo đánh giá thực hiện nhiệm vụ và xây dựng dự toán các năm 2017 đến năm 2020
853			7.6.01		Báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính năm 2018, 2019, 2020
854				1.11.19	Báo cáo hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của trường năm 2018, 2019, 2020
855			7.6.02		Kế hoạch tổ chức hội nghị cán bộ, viên chức năm 2018, 2019, 2020
856			7.6.03		Biên bản hội nghị CCVC năm 2017, 2018, 2019, 2020
857				4.5.01	Nghị Quyết hội nghị Công nhân viên chức năm 2018, 2019, 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
858				1.3.01	Quy chế chi tiêu nội bộ 2018, 2019, 2020
859				7.6.01	Báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính năm 2018, 2019, 2020
860			7.6.04		Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2018, 2019, 2020
861	8	1	8.1.01		Thư ngỏ tuyển sinh
862			8.1.02		Tờ quảng cáo thông tin tuyển sinh
863			8.1.03		Kế hoạch đón tiếp HSSV năm học 2018-2019, 2019-2020; 2020-2021
864			8.1.04		Kế hoạch về việc học tập chính trị đầu khóa số 405,603,754/KH-CĐCNNĐ năm học 2018-2019, 2019-2020;2020-2021
865				2.4.02	Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế
866			8.1.05		Nội dung các khoa chuyên môn gặp gỡ Tân HSSV
867			8.1.06		Tài liệu học tập tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2018-2019, 2019-2020,2020-2021.
868			8.1.07		Quyết định ban hành chức năng nhiệm vụ phòng Công tác HSSV
869			8.1.08		Quy chế công tác học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định 2017, 2020;
870				2.12.02	Quyết định đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV
871			8.1.09		Thông báo v/v hoàn thiện hồ sơ miễn, giảm học phí 2018-2020;
872			8.1.10		Quyết định và danh sách HSSV hưởng miễn, giảm học phí 2018-2020
873			8.1.11		Hình ảnh nội quy tại các phòng học
874	8	2		1.12.01	Thông báo về việc thực hiện chế độ miễn giảm học phí cho HSSV trong các năm 2018, 2019, 2020; số 113/TB-CTHSSV, ngày 26/02/2019; Thông báo số 888/TB-CTHSSV, ngày 31/10/2019; Thông báo số 994/TB-CTHSSV, ngày 03/12/2020
875			8.2.01		ISO QT.06/CTHSSV năm 2017, Quy trình miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập HSSV
876			8.2.02		Mẫu hồ sơ về chính sách miễn giảm học phí
877				1.12.06	Quyết định miễn giảm học phí cho học sinh, sinh viên năm 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
878			8.2.03		Các quyết định và danh sách HSSV được trao học bổng tài trợ từ các doanh nghiệp năm 2018.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
879			8.2.04		ISO 2017 – QT.04/CTHSSV, quy trình cấp giấy xác nhận cho HSSV.
880			8.2.05		Sổ theo dõi cấp giấy xác nhận, giấy vay vốn của HSSV 2018-2021
881				1.11.19	Báo cáo hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của trường năm 2018, 2019, 2020
882			8.2.06		Báo cáo hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của phòng Công tác HSSV năm 2018, 2019, 2020.
883	8	3	8.3.01		Quyết định và danh sách học bổng khuyến khích học tập cho HSSV năm 2018,2019,2020
884				8.1.04	Kế hoạch về việc học tập chính trị đầu khóa số 405,603,754/KH-CĐCNNĐ năm học 2018-2019, 2019-2020;2020-2021
885			8.3.02		Kế hoạch đối thoại giữa học sinh sinh viên với Hiệu trưởng nhà trường năm 2018,2019,2020
886			8.3.03		Bảng câu hỏi đối thoại giữa học sinh sinh viên với Hiệu trưởng nhà trường năm 2018,2019,2020
887			8.3.04		Biên bản buổi đối thoại giữa HSSV với lãnh đạo nhà trường năm 2018,2019,2020
888			8.3.05		Hình ảnh buổi đối thoại
889			8.3.06		Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện học kỳ I, Học kỳ II, Cả năm học từ 2018-2020
890				8.3.01	Quyết định và danh sách học bổng khuyến khích học tập cho HSSV năm 2018,2019,2020
891				8.2.03	Các quyết định và danh sách HSSV được trao học bổng tài trợ từ các doanh nghiệp năm 2018.
892	8	4		2.3.04	Thông báo tuyển sinh của trường năm 2018, 2019, 2020, 2021
893			8.4.01		Thông báo triển khai làm thẻ HSSV 2018,2019,2020
894			8.4.02		Thông báo đăng ký nội ngoại trú cho HSSV năm 2018,2019,2020
895			8.4.03		Quy định sinh viên ở KTX
896			8.4.04		Quyết định phân công ban cán sự lớp 2018, 2019, 2020 & mẫu thông báo họp lớp định kỳ theo tháng.
897				8.3.02	Kế hoạch đối thoại giữa học sinh sinh viên với Hiệu trưởng nhà trường năm 2018,2019,2020
898				8.3.03	Bảng câu hỏi đối thoại giữa học sinh sinh viên với Hiệu trưởng nhà trường năm 2018,2019,2020
899				8.3.04	Biên bản buổi đối thoại giữa HSSV với lãnh đạo nhà trường năm 2018,2019,2020
900				8.3.05	Hình ảnh buổi đối thoại

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
901				1.11.19	Báo cáo hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của trường năm 2018, 2019, 2020
902				8.2.06	Báo cáo hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của phòng Công tác HSSV năm 2018, 2019, 2020.
903	8	5	8.5.01		Hình ảnh toàn cảnh ký túc xá & Bản vẽ thiết kế KTX
904			8.5.02		Biên bản bàn giao tài sản tại KTX
905			8.5.03		Biên bản kiểm kê tài sản KTX các năm 2019,2020
906			8.5.04		Danh sách HSSV ở nội trú Ký túc xá năm 2019.
907				8.2.06	Báo cáo hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của phòng Công tác HSSV năm 2018, 2019, 2020.
908			8.5.05		Lịch trực KTX
909			8.5.06		Nội quy KTX
910			8.5.07		Thông báo tiếp nhận HSSV ở KTX năm 2020
911			8.5.08		Mẫu đơn đăng ký ở KTX & Bản cam kết
912			8.5.09		Mẫu hợp đồng ở KTX
913			8.5.10		Hình ảnh phòng ở KTX
914			8.5.11		DS HSSV nộp tiền điện nước hàng tháng năm 2020
915			8.5.12		Hợp đồng dọn vệ sinh KTX năm 2021
916				8.2.06	Báo cáo hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của phòng Công tác HSSV năm 2018, 2019, 2020.
917			8.5.13		Mẫu phiếu khảo sát mức độ hài lòng của HSSV về chất lượng phục vụ và dịch vụ tại KTX
918	8	6	8.6.01		Hình ảnh phòng Y tế & Biên bản kiểm kê tài sản phòng y tế năm 2018,2019,2020
919			8.6.02		Bảng tốt nghiệp của cán bộ y tế
920			8.6.03		Mẫu sổ quản lý thuốc năm 2020
921			8.6.04		Kế hoạch khám sức khỏe đầu khóa học năm 2018,2019,2020.
922			8.6.05		Mẫu phiếu khám sức khỏe của HSSV các năm, các ngành
923			8.6.06		Kế hoạch phun thuốc muỗi định kỳ và hình ảnh phun thuốc muỗi năm 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
924			8.6.07		Thông báo v/v thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm 2020 số 983/TB-CĐCNNĐ ngày 3/12/2019.
925			8.6.08		Hình ảnh nhà ăn và khuôn viên nhà ăn tập thể
926	8	7	8.7.01		Hình ảnh hội trường, sân khấu
927			8.7.02		Hình ảnh các hoạt động văn hóa, thể thao của người học
928			8.7.03		Các hình ảnh hoạt động của đội Thanh niên tình nguyện nhà trường năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
929			8.7.04		Kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11/2018. Số 121/KH-ĐTN, ngày 10/10/2018; Kế hoạch kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 và tổ chức lễ khai giảng năm học 2018-2019 số 937/KH-CĐCNNĐ ngày 02/11/2019; Kế hoạch kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 và tổ chức lễ khai giảng năm học 2020-2021 số 885/KH-CĐCNNĐ ngày 05/11/2020
930			8.7.05		Các hình ảnh hoạt động của các phong trào năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020;
931			8.7.06		Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên
932			8.7.07		Mẫu sổ nội ngoại trú.
933			8.7.08		Kế hoạch về đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường và phòng chống cháy nổ năm 2018;
934			8.7.09		Kế hoạch bảo vệ an ninh trật tự trường học năm 2018,2019,2020
935			8.7.10		Chương trình ký kết liên tịch giữa công an xã với trường học trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông năm 2018
936			8.7.11		Bản cam kết phối hợp thực hiện công tác đảm bảo an toàn giao thông, an ninh trật tự trong nhà trường năm 2018, 2019,2020
937			8.7.12		Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện quy chế phối hợp giữa Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định với công an xã Liên Bảo trong việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học trong 3 năm thực hiện.
938	8	8	8.8.01		Quyết định số 763 ngày 17 tháng 8 năm 2017 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp
939			8.8.02		Kế hoạch tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020
940			8.8.03		Hình ảnh các buổi tư vấn việc làm cho HSSV
941				1.1.06	Thông báo tuyển dụng của Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
942			8.8.04		Kế hoạch tham quan Doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020
943			8.8.05		Hình ảnh HSSV của Trường tham quan tại Doanh nghiệp
944				2.7.03	Thỏa thuận/hợp đồng thực tập, thực hành với các đơn vị sử dụng lao động năm 2018, 2019, 2020
945			8.8.06		Báo cáo kết quả hoạt động tư vấn việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020
946			8.8.07		Thông báo tuyển dụng của các đơn vị tư vấn du học xuất khẩu lao động năm 2018, 2019, 2020.
947	8	9	8.9.01		Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm năm 2018, 2019, 2020
948			8.9.02		Danh sách các nhà tuyển dụng tham gia ngày hội việc làm năm 2018, 2019, 2020
949			8.9.03		Hình ảnh tổ chức Ngày hội việc làm
950			8.9.04		Báo cáo kết quả tổ chức ngày hội việc làm năm 2018, 2019, 2020
951			8.9.05		Phiếu khảo sát ý kiến của người học, người tốt nghiệp đã đi làm năm 2018, 2019, 2020
952	9	1	9.1.01		Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động) năm 2018, 2019, 2020
953			9.1.02		Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến năm 2018, 2019, 2020
954			9.1.03		Phiếu khảo sát ý kiến của đơn vị sử dụng lao động năm 2018, 2019, 2020
955			9.1.04		Báo cáo kết quả thu thập ý kiến năm 2018, 2019, 2020
956	9	2	9.2.01		Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý các năm 2018, 2019, 2020;
957			9.2.02		Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020;
958			9.2.03		Phiếu khảo sát ý kiến của cán bộ quản lý
959			9.2.04		Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, viên chức và người lao động
960			9.2.05		Danh sách cán bộ quản lý tham gia khảo sát các năm 2018, 2019, 2020;
961			9.2.06		Danh sách nhà giáo, viên chức và người lao động tham gia khảo sát các năm 2018, 2019, 2020
962			9.2.07		Báo cáo kết quả khảo sát cán bộ quản lý các năm 2018, 2019, 2020;
963			9.2.08		Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, viên chức và người lao động các năm 2018, 2019, 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
964	9	3	9.3.01		Kế hoạch thu thập ý kiến người học, danh sách người học được thu thập ý kiến qua các năm 2018, 2019, 2020
965			9.3.02		Bộ phiếu thu thập ý kiến người học các năm 2018, 2019, 2020
966			9.3.03		Danh sách người học được lấy ý kiến các năm 2018, 2019, 2020.
967			9.3.04		Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến người học qua các năm 2018, 2019, 2020
968	9	4	9.4.01		Kế hoạch tự đánh giá chất lượng trường năm 2018, 2019, 2020;
969			9.4.02		Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá năm 2018, 2019, 2020
970			9.4.03		Quyết định về việc thành lập ban thư ký, các nhóm chuyên trách phục vụ Hội đồng tự đánh giá năm 2020
971			9.4.04		Quyết định ban hành báo cáo tự đánh giá trường các năm 2018, 2019, 2020; 9.4.05 – Báo cáo tự đánh giá trường các năm 2018, 2019, 2020
972			9.4.05		Báo cáo tự đánh giá trường các năm 2018, 2019, 2020
973			9.4.06		Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo nghề may thời trang trình độ cao đẳng năm 2020
974	9	5		9.4.05	Báo cáo tự đánh giá trường các năm 2018, 2019, 2020
975			9.5.01		Kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng năm 2018, 2019, 2020
976			9.5.02		Báo cáo kết quả đạt được của kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng năm 2018, 2019, 2020.
977	9	6	9.6.01		Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020
978			9.6.02		Kế hoạch điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm năm 2018, 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021
979			9.6.03		Phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến và danh sách điện thoại liên hệ năm 2018, 2019, 2020